

Tự Do

Asia
AMX
AP
95
V6
T877
+
1962



X
U
Â
N
N
H
Â
M

D
Ã
N
1
9
6
2

PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

Biểu Nhất Lãm Văn Học Cận Đại

Biên khảo của THANH-LĂNG — 40đ.

Mưa Đêm Cuối Năm

Truyện ngắn thời đại của VÕ-PHIẾN
giải thưởng văn chương 1960 — 22đ.

Quan điểm về mấy vấn đề văn hóa

Tiểu luận của PHẠM-VIỆT-TUYỀN — 30đ.

Hoàng Lê nhất thống chí

Nguyên tác của Ngô-thời-Chí
bản dịch của NGÔ-TẮT-TỐ — 55đ.

Dì Mơ

Truyện dài của ĐỖ-THÚC-VỊNH — 40đ.

Trước vành móng ngựa

Phóng sự của HOÀNG-ĐẠO — 40đ

Liêu Trai chí di

Nguyên tác của Bồ-tùng-linh
bản dịch của NGUYỄN-HOẠT — 40đ.

Luân Lý Chức nghiệp

Biên khảo của cụ NGUYỄN-GIA-TƯỜNG — 20đ.

Dòng sông Định Mệnh

Truyện dài của DOÃN-QUỐC-SỸ — 22đ.

Người Xưa

Của TRẦN-ĐÌNH-KHẢI giải thưởng văn chương V.N. 57 — 40đ.

Mười điều tâm niệm

Tiểu luận của HOÀNG-ĐẠO — 12đ.

Kim Tiền

Kịch của VI-HUYỀN-ĐẮC giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn — 20đ.

Anh Hoa

Tập thơ đầu tay của PHẠM-MẠNH-VIỆN
giải thưởng thi ca V. N. 57 — 20đ.

Nhập Đô thành

Kịch thơ lịch sử của HOÀNG-LY — 20đ.

Giai Nhân và Chân Lý

Tiểu thuyết của LA-VĂN-THU
tựa của Phan-vô-Kỵ — 40đ.

Từ Tinh vân đến Con người

Biên khảo về khoa học của NGUYỄN-TUẤN — 40đ.

Bùn Lầy nước đọng

của HOÀNG-ĐẠO
cuốn sách đã bị tịch thu khi xuất bản lần thứ nhất — 20đ.

Nhạc sỹ danh tiếng hiện đại

của LÊ-HOÀNG-LONG
cuốn sách phê bình âm nhạc đầu tiên tại V.N. — 40đ.

Phương đình dư địa chí

của NGÔ-MẠNH-NHÌNH — 40đ.

Ác Mộng

Truyện dài của NGÔ-XUÂN-PHỤNG — 25đ.

Nhật Bản Sử lược

của Châm Vũ NGUYỄN-VĂN-TÀN — 60đ.

Những lỗi thông thường trong Thuật viết văn

của NGUYỄN-VĂN-HẦU — 40đ.

Saigon năm xưa

của VƯƠNG-HỒNG-SẴN — 50đ.

Liêu Trai chí di (tập 2)

Nguyên tác của Bồ-tùng-linh
bản dịch của NGUYỄN-HOẠT — 50đ.

Mấy người con trai Vương Long

Nguyên tác của Pearl S. Buck
bản dịch của NGUYỄN-THẾ-VINH — 60đ.

Thú chơi sách

của VƯƠNG-HỒNG-SẴN — 40đ.

CƠ SỞ BÁO CHÍ và XUẤT BẢN TỰ DO

Giám-đốc : PHẠM-VIỆT-TUYỀN

NHỮNG LỜI CẦU CHÚC

TRONG buổi bình minh năm 1962, cũng là buổi hoàng hôn năm Tân Sửu, rừng núi Trường Sơn trùng điệp và sóng gió Thái Bình Dương mệnh mông đường như đang vang dội những lời cầu chúc.

Các thế hệ tiền bối ở trong lịch sử đang cầu nguyện cho Việt Nam những gì? Và các dân tộc bạn hữu ở trên khắp thế giới đang chúc tụng những gì cho Việt Nam?

Đối với dân tộc Việt Nam lúc này, một dân tộc đang phải hao mòn vì cuộc chiến tranh giành độc lập đã kéo dài từ năm 1945 cho đến nay và chưa biết tới bao giờ mới chấm dứt trong vinh quang, thiết tưởng những điều ước vọng không lấy gì làm lớn lao, phức tạp, cao xa, mà rút lại chỉ là những khao khát nhỏ bé nhất, đơn sơ nhất, thiết thực nhất.

✱

Điều nguyện ước đầu tiên của dân chúng Việt Nam hiện nay, từ Cà Mau tới Ải Bắc, là sự an ninh, một nền an ninh dù chỉ có tính cách tương đối!

Đồng bào miền Bắc không muốn biến thành những tên nô lệ trong đoàn hùng quân xâm lược, phục dịch dưới ngọn cờ đỏ vô thần, sống khổ nhục với mỗi hờn vọng quốc, chết oan uổng trong cánh nôi da xáo thịt! Trong cuộc chiến tranh do Trung cộng đang cầm đầu nhằm mục đích, đó hệ toàn cõi Việt Nam, đồng bào tại miền Nam này ai lại không lòng từ chối những sự hy sinh cần thiết vì nền độc lập của Tổ quốc, vì sự tự do của Dân tộc?

Ước gì hết thảy những người đang xử dụng vũ khí — dù là gậy gộc, gươm đao, hay súng đạn, dù đứng trong hàng ngũ chống cộng để cứu vãn nền độc lập cho quốc gia, hoặc bị cộng sản áp bức xô đẩy vào con đường phản bội dân tộc — ước gì hết thảy mọi người đang xử dụng vũ khí trên toàn cõi Việt Nam, hiện thời có dịp được ngừng tay tạm nghỉ trong đêm giao thừa sắp tới, để có thể suy nghĩ trong giây lát về công dụng của vũ khí đối với chính nghĩa của dân tộc và đối với lương tâm của con người. Lại ước gì, sang năm Nhâm Dần, không khi nào còn thấy xảy ra những vụ ông già bà cả bị chặt đầu trong lúc nằm ngủ, những vụ trẻ em thơ dại phải chết yểu vì bom rơi đạn lạc vô tình!

✱

Dân chúng Việt Nam, từ năm 1945 cho đến nay, đã phải bao phen thất vọng vì những danh từ tốt đẹp, như: độc lập, tự do, hạnh phúc, dân chủ, hòa bình! Chín năm trời kháng chiến đã đem lại cho đồng bào miền Bắc một chế độ cộng sản độc tài và tàn bạo, ở trong đó linh hồn con người phải thác loạn vì những kẻ mệnh danh là « công an », còn thế xác thì bị tề liệt kiệt quệ dưới áp lực muốn hình vạn trạng của « bộ đội nhân dân »! Tám năm trời xây dựng chính thể Cộng Hòa há chưa tập nổi cho đồng bào miền Nam có đủ tinh thần và khả năng để gánh vác lấy nhiệm vụ lịch sử của mình?

Những kẻ cầm quyền ở miền Bắc, dù thực tế đã phản bội dân tộc, dù thực tình không muốn có chế độ dân chủ, mà đã bao lần phải công khai nhìn nhận các sai lầm, công khai thực hiện sự sửa đổi, nhất là sau mấy cuộc khởi nghĩa vô trang như cuộc Quỳnh Lưu, hoặc sau mấy vụ chống đối ôn hòa như vụ Nhân văn — Giai phẩm. Còn ở miền Nam này, những người hoạt động chính trị từ trước tới nay vẫn tâm niệm đường lối dân chủ, vẫn thiết tha mong muốn phụng sự dân tộc, tại sao chúng ta lại chưa có thể quyết khởi hứng cường đề mưu toan công cuộc tái thống nhất đất nước? Ước gì sang năm Nhâm Dần hết thảy mọi người tại miền Nam chúng ta đều may mắn gặp cơ hội và có điều kiện làm được một việc nhỏ mọn nào đó để góp phần vào công cuộc chiến thắng cộng sản, để thúc đẩy dân tộc tiến bước trên con đường dân chủ, để xây dựng nền hòa bình cho nhân loại ở trên bán đảo chữ S này.

✱

Trong cộng đồng nhân loại, Việt Nam là một trong những nước chậm tiến về đường khoa học, kỹ thuật và kinh tế. Guồng máy kinh tế ở miền Bắc, mặc dù điều khiển chặt chẽ, vẫn trực trặc hoài vì thiếu dầu mỡ của tinh thần tự do kinh doanh. Nền kinh tế ở miền Nam, dù có sự giúp đỡ khá dồi dào của các cường quốc thân hữu, chỉ có thể tiến phát nếu chúng ta cương quyết từ bỏ những thói quen « gá què ăn quần cỡi xay », « bóc lột ngán má cán lợi dôi ».

Riêng ở miền Nam, ước gì sang năm Nhâm Dần không còn một ai tin ở thuyết làm giàu trong chốc lát, không còn một ai nghĩ rằng cá nhân họ, gia đình họ, bè phái của họ có thể sung sướng lẻ loi giữa những nỗi thống khổ, giữa cái cảnh điêu đứng của thiên hạ. Ước gì tới khi bàn về ngân sách năm 1962, Quốc Hội không còn phải than phiền về những chuyện đại khái như có tới 2.000 tấn ki-náp ứ đọng, có tới 300 sở chuyển ngân mà làm hụt mất 180 triệu quan v.v...

✱

Gần hai chục năm trời chiến tranh giành độc lập, ngoài những thiệt hại cụ thể về sinh mạng và tài sản, đã tạo ra một bầu không khí đầy bất trắc lo âu và gây nên chẳng biết là bao nhiêu đảo lộn, xáo trộn trong đời sống xã hội. Ở miền Bắc, bao nhiêu thuần phong mỹ tục đã bị thay thế bằng những

lề lối dị kỳ nhập cảng từ Nga Xô hoặc Trung Cộng. Ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cái, cháu chắt, bạn bè, thân thích không còn thể tin ở nhau, đối xử với nhau nhiều khi đã man như thù địch, như súc vật. Tại một số thôn xóm hẻo lánh ở miền Nam hiện thời, cộng sản đã bắt đầu thi hành những cuộc đấu tố! Còn tại những nơi mà ảnh hưởng cộng sản chưa trực tiếp lan tràn tới, nhất là nơi các đô thị đông đúc, nhiều người như đang xô đẩy nhau vào một cuộc sống vật lộn, hỗn độn, đảo điên vì những dục vọng bỉ ổi. Báo chí hàng ngày, dù muốn dù không, đều không thể không phản ánh một đôi phần những thảm trạng xã hội ấy.

Sang năm Nhâm Dần, ước gì các thứ « chợ đen » không còn làm mệt đến lao lực các tầng lớp nhân viên cảnh sát, không còn làm bận quá đáng các cơ quan tư pháp. Ước gì chiến sĩ, thương binh giải ngũ, hoặc thanh niên cường tráng, thiếu nữ thông minh mà làm cảnh thất nghiệp, cũng sẽ được phân nào an ủi vì nếp sinh hoạt khác khổ của các viện chức nhà nước. Ước gì những người trẻ tuổi tuồng như sắp dần thân vào nề du đảng sẽ tìm ra chỗ đứng cái sức phượng cương của họ. Ước gì 3.000 vũ nữ sắp có thể bị giải nghệ sẽ tìm thấy một đường sống, dù con đường ấy chẳng phải là thiếu chồng gai trắc trở... Đề lãnh mệnh hóa xã hội và, trong một phần nào đó, cũng là đề cải thiện đời sống chúng về các mặt chính trị và kinh tế, lúc này toàn dân Việt Nam cần phải sống theo một nếp sống mới: nếp sống giản dị.

✱

An ninh là điều kiện sống chết của mỗi một cá nhân chúng ta, trước khi là điều kiện tồn vong của chính thể, điều kiện hưng suy của quốc gia, điều kiện tiến thoái của dân tộc. Kinh tế là căn bản của cuộc chiến tranh toàn diện giành độc lập, cũng là căn bản của hai cuộc cách mạng chính trị cùng xã hội mà chúng ta đang theo đuổi. Nhưng, dù thiếu thốn khổ cực đến đâu, chúng ta cũng còn có thể chịu đựng được, dù gian nguy hiểm nghèo đến đâu, chúng ta cũng vẫn còn có cơ hội vượt thắng; miễn là chúng ta còn giữ vững được tinh thần cầu tiến, tinh thần chủ thắng. Mà cái gì có thể nuôi dưỡng được tâm hồn chủ thắng và đầu óc cầu tiến, nếu không phải là văn hóa?

Người ngoại quốc tới quan sát miền Bắc trong mấy năm sau này đã từng có cảm tưởng rằng đất Bắc thân yêu của chúng ta sắp biến thành một tỉnh của Trung cộng. Trung cộng quyết nhuộm đỏ từ vật chất tới tinh thần một nửa dân tộc ta. Nhưng, người Việt Nam chúng ta vẫn vững tin rằng: dân tộc chúng ta, mặc dù cái vẻ ngoan ngoãn bất buộc, không để gì đã để tiêu ma mất cái tinh thần bất khuất đã từng hàm dưỡng trong hàng ngàn năm Bắc thuộc, đã từng tu luyện trong hàng trăm năm Pháp thuộc.

Còn ở miền Nam, chuyển từ giai đoạn Pháp thuộc sang giai đoạn độc lập và dân chủ, ngọn đuốc văn hóa dân tộc đã được đốt lên như thế nào? Đã được nuôi dưỡng như thế nào? Trong thế giới ngày mai, một nền chính trị liên lập, một nền quân sự liên minh, một nền kinh tế liên kết, rất có thể sẽ dần dần thay thế cho nền chính trị độc lập, nền quân sự tự chủ, nền kinh tế tự túc hiểu theo nghĩa cũ. Nhưng, trong vườn văn hóa nhân loại có ít nhiều tính cách quốc tế, sắc địa phương và hương cá biệt mà mất đi thì văn hóa nhân loại sẽ nghèo nàn và tẻ nhạt biết chừng nào? Điều kiện tiên quyết cho sự phát triển văn hóa dân tộc hay, nói gọn hơn, cho sự phát triển văn hóa: đó là tinh thần tự do, đó là chế độ dân chủ. Ước gì, sang năm Nhâm Dần, các nhân vật chính trị của nước ta sẽ không còn phải lên tiếng thanh minh về chế độ tự do tư tưởng, tự do ngôn luận ở nước nhà nữa. Ước gì, trong những cuộc thảo luận nơi Quốc Hội sau này, các dân biểu sẽ không còn phải thắc mắc đặt ra câu hỏi: « Hiện nay báo chí có bị kiểm duyệt hay không? » Ước gì những tổ chức quốc tế như Hội Báo Chí Quốc Tế sẽ mở rộng cửa để đón mời các cơ quan thông tấn và báo chí Việt Nam. Ước gì khi báo chí Việt Nam lên tiếng công kích một nhân vật quốc tế, một chính phủ ngoại quốc, một sự kiện ở trên thế giới, không còn một ai có thể nghi ngờ rằng đó không phải là ý kiến thực của một ký giả hay của một tờ báo. Ước gì dư luận công nhiên sẽ phá tan mọi tín vật của « đòi phát thanh Catinat » và mọi luồng điện xuyên tạc của « đòi bá âm Mặt trận giải phóng miền Nam » hay của các đòi bá âm Hanội, Bắc kinh v.v...

✱

Tình trạng khẩn cấp đã được ban bỏ, từ mấy tháng nay. Sau cuộc trao đổi điệp văn giữa Tổng thống Ngô-dinh-Diệm và Tổng thống J. F. Kennedy, lại mới có bản thông cáo chung của hai chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ về các biện pháp kinh tế-xã hội. Vào dịp cuối năm 1961, mười sắc luật về thuế đã được công bố để thi hành ngay từ ngày 1-1-1962.

Chúng ta đang sống trong một tình trạng hiểm nguy đòi hỏi nhiều nỗ lực của hết thảy mọi người ở trong và ở ngoài Chính Quyền.

Một tình trạng hiểm nguy chỉ có thể gỡ bỏ nhờ những biện pháp hữu hiệu. Mà những biện pháp tự nó đủ có tính cách hữu hiệu cũng chỉ thực sự trở thành hữu hiệu ở trong xã hội loài người, khi các biện pháp ấy được thi hành và hưởng ứng với một lòng tin mãnh liệt.

Cho nên, sau mấy năm trời luôn luôn nhắc nhở bạn đọc thân mến rằng chúng ta đương phải đối phó với một cuộc chiến tranh toàn diện, hôm nay, nhân dịp năm cũ sắp qua bước sang năm mới, nhật báo Tự Do thành kính cầu chúc BAN ĐỌC BỐN PHƯƠNG một năm **tin tưởng mãnh liệt và hành động hữu hiệu.**

PHẠM-VIỆT-TUYỀN

BÀI DIỄN VĂN ỨNG KHẨU CỦA ÔNG ĐẠI BIỂU

(Một câu chuyện tưởng tượng, không có ý ám chỉ ai.
Danh từ « Đại biểu » dùng chung cho tất cả các giới).

TRỰC NGÔN

SÁNG hôm ấy cả thành phố rộn rịp. Người ta đã thu dọn rất sạch sẽ khu đất ở chợ vì trong thành phố chỉ có nơi này là rộng rãi, bằng phẳng có thể chứa đựng được nhiều người đến dự thính. Ngoài ra khu ấy còn là trung tâm phố, tiện cho sự đi đến dự của nhân dân.

Quanh công trường, muốn cho có vẻ oai nghiêm, người ta trồng bốn hàng cột cờ, và treo những lá cờ dài, cuốn theo chiều gió... Giữa công trường kẻ một bức trên đất 2 cái máy vi âm mà đèn sáng loáng.

Người dân bán hàng phải nghỉ một buổi chợ. Người phụ trách tổ chức lần sẵn chạy đi chạy lại, thử máy vi âm, kê một vài hàng ghế cho các thính giả đặc biệt vào hàng quan chức cao cấp.

Người dân công tư chức thính giả, tuy gặp ngày chủ nhật nghỉ, nhưng cũng không được thành thời, phải « do » thì giờ buổi sáng cũng không kém gì các buổi đi làm, để đến nghe diễn thuyết cho đúng giờ.

Người dân buôn bán hay công kỹ nghệ cũng được ăn cần khuyến cáo đến nghe vì là một buổi quan trọng cho đời sống của họ. Theo lời những người đi cổ động thì đây là một dịp may có một không hai, đời với giới thương mại kỹ nghệ, nó sẽ làm sáng tỏ một vấn đề sinh tử của nhân dân mà không ai có thể bỏ qua được. Nước giàu dân mạnh trong cả vào đây kia mà!

— Việc gì mà quan trọng dữ vậy?

— Thưa: Buổi diễn thuyết của ông Đại biểu.

Sương thu buổi sáng còn lơ mờ bao phủ núi rừng Cao Nguyên, mặt đất tia sáng mặt trời lúc tam giờ sáng chiếu xuống đã khá mạnh. Sương với nắng giao hòa khiến mọi người còn thấy ẩm áp trong các bộ quần áo đậm màu của trang cuối Thu.

Mọi người đều lo làm việc bồn phận. Trước khi lữ-g thìng đến công trường, người ta không ai bao ai, đã nghĩ đến việc làm cho ẩm bụng đã. Các hàng quà sáng tập nập tiếp đón khách vào ra không ngừng.

Người thính giả chú ý làm tròn phận sự thì ông Đại biểu, buổi sáng hôm ấy, cũng lo lắng. Bận rộn ghé góm, ông lo lắng không phải chỉ có ở buổi sáng ấy, mà ông lo từ hàng tuần lễ trước.

Đề tài bài diễn văn là cả một vấn đề học búa, ông chưa từng nghiên cứu, chưa hề học hỏi, vậy thì ăn làm sao, nói làm sao cho lọt tai thính hạ, chứ đừng nói là làm cho thính giả say mê!

Công việc phải làm, ông vẫn cứ thần nhiên làm

Việc làm của ông cũng dễ dàng hơn người khác. Ông không giải đáp được đề tài thì đã có người khác giải đáp hộ. Dưới tay ông có nhiều kẻ tài ba lỗi lạc, vậy thì ông chỉ có việc nhờ khéo họ thảo hộ bài diễn văn, vì ông bận quá không có đủ thì giờ viết. Cái



gánh nặng ông đã trút được cho một nhà chuyên môn, như vậy ông chỉ còn đợi ngày giờ ra mắt công chúng để giải thích đề « dạy bảo » cho quần chúng biết và nghe theo về một vấn đề sống còn của đất nước. Trong một tuần lễ, nhà chuyên môn tra cứu sách

vở, sưu tầm tài liệu Đông, Tây, thảo xong một bài diễn văn khá đầy đủ về các nguyên tắc, định luật của vấn đề kinh tế. Các phương pháp kinh tế chỉ huy, hay Tự do mậu dịch v.v. được nhà chuyên môn kẻ cứu rất rõ ràng.

Bài diễn văn hoàn tất, đầy 10 trang giấy đánh máy đã được đưa trình ông Đại biểu. Nhưng ông bận quá, công vụ cũng lắm mà tư vụ cũng nhiều, và lại một vấn đề học búa, khó khăn như vấn đề kinh tế, ông đâu có thể chịu khó ngồi đọc lâu như vậy.

Cầm tập giấy đánh máy hỏi nhà chuyên môn:

— Nhiều dữ a! Nói những gì vậy! Thì giờ đâu đọc hết được. Nói qua lại cho tôi nghe.

Trong 15 phút, nhà chuyên môn nói sơ lược lại cho ông nghe thế nào là kinh tế chỉ huy, thế nào là Tự do mậu dịch và một vài phương pháp mà các nước tiên tiến đã thi hành để làm cho nước giàu dân mạnh, ngời dân được no ấm, sung túc, gây cảnh vui vẻ trong gia đình và ngoài xã hội.

Nghe xong ông Đại biểu gật gù nói:

— Được lắm! Được rồi.

Xong ông đề tập diễn văn vào cặp da, về mặt môn-nguyên lăm.

Đến ngày diễn thuyết, trong cảnh nhộn nhịp và tập nập của dân chúng đi nghe ông Đại biểu diễn thuyết thì ông lại không được thanh thản để đợi giờ lên diễn đàn. Ông bận chủ tọa một phiên hội đồng khẩn cấp vào hồi 8 giờ trưa sáng.

Ra đi trong lúc sương thu buổi sáng còn bàng bạc trên thành phố, hơi sương lạnh, ông bận cái quần màu sẫm với cái áo ni màu xanh sẫm.

Biết rằng không đủ thì giờ trở về bàn giấy, nên ông đã cần thận dờ tập hồ sơ, lấy bài diễn văn gấp làm tư bỏ vào túi áo ni.

Trong hội đồng có nhiều vấn đề gay go ông phải thảo luận kỹ càng, nên suốt trong hơn 1 giờ đồng hồ, ông làm việc mê mải. Kịp đến lúc hội đồng bế mạc, bước chân ra ngoài thì mặt trời đã lên cao, ánh nắng, chiếu xuống chói lọi. Thấy có vẻ bức bối và sợ rằng

đứng ngoài trời diễn thuyết dưới ánh nắng, với chiếc áo ni dày thì có thể dễ mồ hôi và nóng nực khó chịu, nên ông cần thận về qua nhà thay áo.

Thì giờ rất gấp, lúc ấy còn có 10 phút thì đứng 10 giờ, giờ lên diễn đàn. Xe của ông chạy rất nhanh, về tới nhà ông chỉ kịp thay chiếc áo rồi lại ra xe đi ngay.

Đến công trường thì đã đông nghẹt người đủ các cấp dân quân chính.

Ông lấy làm mãn nguyện lắm. Xuống xe, đưa mắt nhìn bao quát một lượt, ông bắt tay chào hỏi các người ra đón ông.

Ngồi ở hàng ghế danh dự nói vài câu chuyện với người các giới thì nhân viên tổ chức đã tới mời ông đại biểu lên diễn đàn.

Ông Đại biểu mỉm cười đứng dậy tiến lên diễn đàn, đi bên cạnh có một nhân viên sẽ giữ nhiệm vụ giới thiệu diễn giả.

Yên chí như một ông tướng ra trận cầm chắc sự đắc thắng trong tay, ông bước lên chiếc bục của diễn đàn, giữa tiếng vỗ tay vang dội của quần chúng theo với tiếng hô trong mấy phòng thanh: Hoan hô diễn giả!

Ông đại biểu gật gù cái đầu, dơ thẳng tay lên trời vẫy vẫy vài cái chào lại quần chúng!

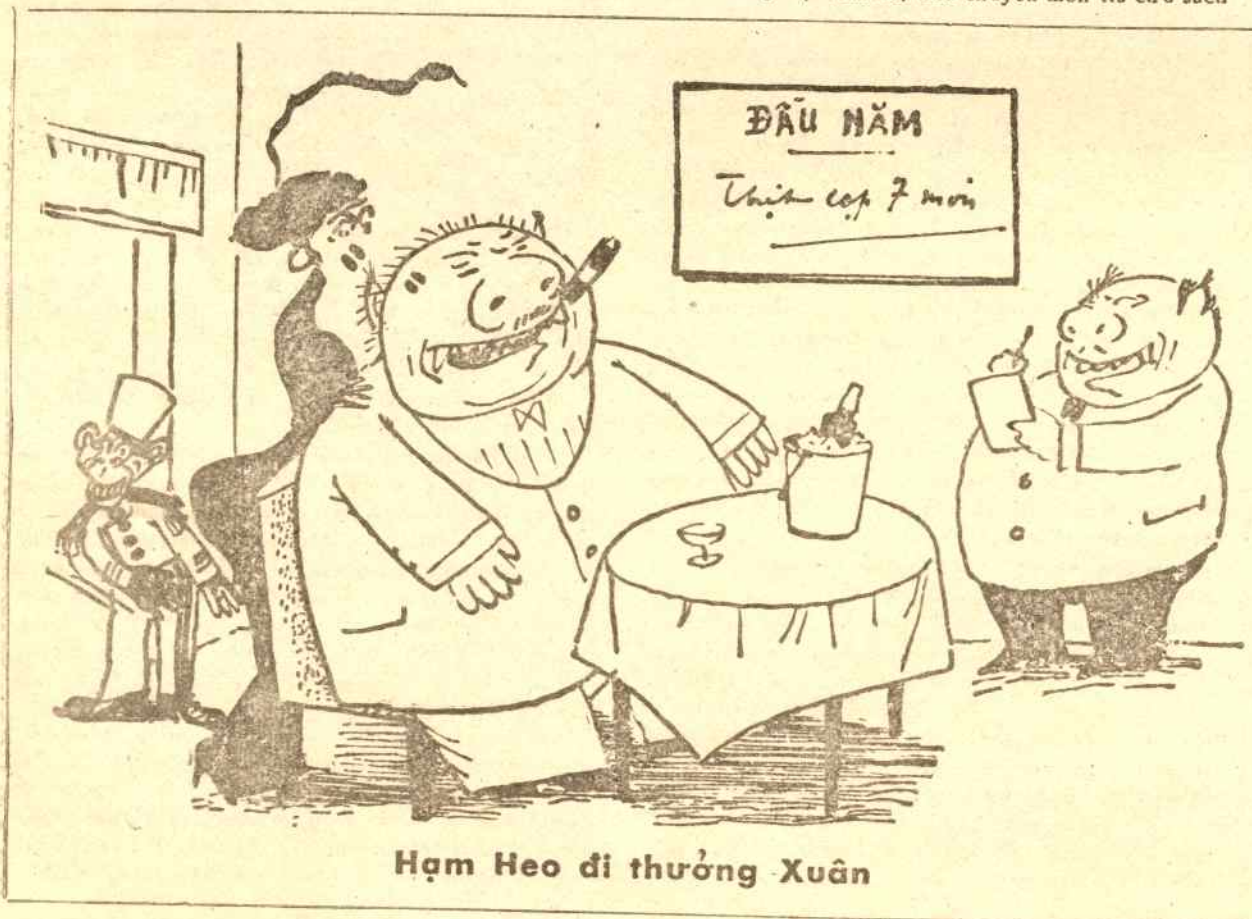
Sau lời giới thiệu rất cung kính và nồng nhiệt của nhân viên giới thiệu, ông Đại biểu nghiêm chỉnh đứng trước mấy vi âm, dặt dặt vài tiếng rồi bắt đầu nói mấy câu chào đầu:

Thưa anh em đồng bào,

• Tôi rất cảm ơn đồng bào các giới đã đến đông đủ hôm nay để nghe tôi nói chuyện, tôi rất lấy làm cảm động...

Qua các lời giới thiệu giản dị và nói rất trơn tru, ông nhò tay vào túi để rút bài diễn văn thì... ông hơi giật mình... Túi áo bên tay phải không thấy gì.

(Xem tiếp trang 6)



Hạm Hèo đi thưởng Xuân

TÂN NIÊN TẬP CẨM

HIẾU CHÂN

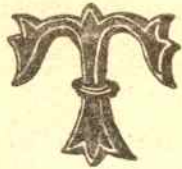


Một ngày nào rộn rịp sửa soạn cho số Tết cho năm Tân Sửu sau những ngày biến cố kinh hoàng, thắm thoát bảy giờ đã lại hết một năm. Việc ra báo đặc biệt số Xuân hầu như đã thành một cái lệ cho báo giới, nhất là báo hàng ngày: đối với báo hàng ngày, người ta phải làm thế có lẽ là để cố giữ sự liên lạc một thiết với độc giả! Bởi lẽ trong suốt một năm trời hàng ngày tờ báo đến tay độc giả với một sắc diện luôn luôn mới lạ, thế mà đột nhiên nghỉ bằng đi hàng tuần lễ — mà trong tuần lễ đó, cuộc sống xã hội đột nhiên vui tươi hẳn lên, tâm trạng cá nhân cũng đột nhiên biến cải, lại thêm bao nhiêu của ngon vật lạ, tiếng chúc câu cười và nhất là bánh chưng thết mỗ, mứt ngọt rượu thơm thì khỏi sao con người không quên cái món ăn tinh thần hàng ngày trong năm là tờ báo? Chính vì muốn giữ lại trong óc mỗi độc giả một ấn tượng lâu dài về tờ báo của mình nên các nhật báo, báo nào cũng muốn cống hiến độc giả một số Xuân thật đầy đủ, thật đặc sắc để hy vọng tranh giành ảnh hưởng với thớt mỗ, dưa hành, bánh chưng và rượu mứt ngày Tết. Nhưng lắm lúc riêng tôi tự hỏi không biết việc đó có nên chăng? Vì, quanh năm ngày tháng con người đã phải nhọc xác bận tâm đời bao nhiêu vấn đề chính trị (chính trị quốc tế, chính trị quốc nội) và kinh tế (kinh tế xã hội, kinh tế gia đình) cùng bao nhiêu chuyện phức tạp khác, chỉ còn có mấy ngày Tết để sống thờ thối trong hy vọng, trong khoái lạc thì hà cớ lại còn nhồi thêm vào đầu óc người ta những món nặng chình chịch, khô khan hơn cả bánh chưng thết mỗ, như những chuyện về văn chương triết lý, khoa học và những vấn đề thời cuộc? Bởi nghĩ thế nên năm nay, Hiếu Chân tôi đã định bụng không viết Nói Hay Đừng nữa: giữa buổi đầu năm, trong khi mọi người ai nấy đều tìm lời lẽ văn hoa mỹ lệ để chúc tụng nhau những điều hạnh phúc mà mình lại ấp úng thờ ra cái điệu "nói hay đừng" nửa nạc nửa mỡ thì khỏi sao làm văn đức cái cảnh sắc "phồn hoa mĩ mãn" cái không khí hừng hực, đầm say của tiết xuân quang? Khốn nỗi mấy ông bạn chủ nhiệm và chủ bút của tôi tuy tuổi còn trẻ mà bản tính lại thủ cựu hơn cả các cụ trong hội Không Học, cho rằng một số báo Xuân cũng phải như một mâm cỗ ngày Tết, thiếu một món là không được và mục "Nói hay Đừng" này cũng vì như món dưa hành, cần phải có cái chất hăng hăng, chua chua của nó để làm tăng giá trị cho cái chén béo ngậy thơm ngon của thớt cá chẳng? Dù sao thì đã cầm bút rồi tại phải viết vì những năm trước đã viết mà năm nay không viết thì thiên hạ sẽ hiểu lầm mà gán cho sự bất lực của mình một ý nghĩa nào khác chẳng? Nhưng tuy viết kể hèn này vẫn bị ám ảnh bởi một cảm giác ngại ngùng. Còn nhớ hồi nhỏ, cứ đến Tết, từ sau lễ giao thừa trở đi là tôi lại ngait ngait: tuy bị hấp dẫn bởi không khí tưng bừng của ngày Tết nhưng không lúc nào là tôi không sợ bị đánh mắng. Chà là ngay xưa các cụ có tục kiêng rất ngặt từ dịp này trong ba ngày Tết, không được quét nhà, không được xin lửa hoặc cho lửa và nhất là không được nói ra những lời xui điều gì, đến cả những tiếng tục tằn, gậy gông cũng không được phát ra mà trong những tiếng đó thì hai tiếng "con khỉ" bị cấm ngặt. Tuy về ra lệ kiêng kỵ như thế nhưng các cụ không định rõ những câu nào cần phải kiêng cho nên, là một đứa trẻ trên dưới mười tuổi đầu hồi ấy tôi đâu có thể nhận biết mà kiêng huỷ cho hết được? Do đó không năm nào là tôi không khỏi bị cha mẹ nuôi tôi đánh mắng hoặc vì đã nói ra những câu mà các cụ cho là càn, là gở. Bây giờ đã già nửa đời người rồi mà năm nay khi cầm bút viết số Xuân tôi lại có cảm giác rộn rịp như sắp bị ăn một cái tát vì nói ra điều... phạm húy. Ấy là tôi hãy tìm một câu chuyện nào xé ra vô hại để hầu các bạn trong năm mới! Năm nay là năm Nhâm Dần, tức là năm con hổ, vậy tôi xin nói về chuyện hổ. Hổ không phải là khỉ, cũng không phải là chuột, vậy chắc là không phải kiêng: nói được!

(Xem tiếp trang 41)

BÓNG VỚI HÌNH

Truyện ngắn LÝ THẮNG



Ở lúc ba thằng thanh niên đầu bóm còn nghênh ngang dưới ánh điện sáng rực ở đầu đường, hẳn đã mong cho chúng nó vào đây.

Hắn thật hả khi thấy chúng nó dạng chân bước tới những cái ghế đầu và buông người rơi xuống. Có kẻ nọ người kia, không ai buồn chú ý đến hắn. Nhưng rồi cứ phải ngồi mãi một chỗ để nghe chúng nó đầu hót không biết chán với con bé bán hàng, hẳn lại thấy tức. Cười tít với cả ba đứa nhưng đôi lúc còn bé vẫn không quên liếc cặp mắt gian xảo về phía ba cốc nước mía ép mà bọn kia chưa động tới. Nước đá đập nhỏ để làm lạnh nước mía đã tan gần hết khiến cho khối nước trong mỗi cốc phân hẳn làm hai tầng. Chất nước hoe vàng và đục lờ đờ đọng lại ở từng dưới vớt chừng gần một phần ba cốc đã tổ cáo thói bán hàng điêu toa của con bé.

Phấn hân, ngồi đây với những cảm xúc mừng giân trợn lộn, hẳn cũng như con bé, không quên nghe ngóng những tiếng động đưa sang từ phía trong cổng lớn bên kia đường. Hẳn đợi một tiếng xập cửa của xe ô-tô. Chiếc xe ô-tô sơn đen mang số hiệu B.E. của Nhà Nước năm bên đường đi vào của khu nhà ở tập thể dành cho nhân viên cấp bậc chủ nhiệm. Giờ tay phải một con thiêu thân mà hẳn trông tượng ra, nanh ngoảnh mặt nhìn về sau lưng. Chiếc xe ô-tô của hắn, cũng mang số hiệu B.E. vẫn nằm im lìm trong ngõ tối, cửa bị khóa, con tinh nghịch khám phá thây. Đồng hồ ở cổ tay hắn chỉ 8 giờ 15.

Các lá thắng của cơm nước đã xong và sắp sửa lại xe đi, cũng như hôm qua, cũng như hôm kia. Hẳn nâng cốc nước mía của hắn, uống thêm một hợp và lại đặt xuống. Đã hết hẳn lạnh và chỉ còn lại đúng một phần ba cốc mà nước mía vẫn nhạt thớt. Đựng là nước mía pha nước lá như các báo đã nhiều lần tố cáo tịch liệ. Hẳn móc túi ngực rút ra một viên thuốc là sợi vàng và cầm tay mân mê. Hẳn cố nhin để khỏi dặt viên thuốc lên môi. Nếu đầu điều thuốc bị ướt, thế nào hẳn cũng phải đốt. Hẳn chỉ đưa ngang lên môi để hít mùi của hương ngọt ngọt của chất ướp. Trong túi chỉ còn có đúng ba viên mà mỗi đến trưa mai hẳn mới được lĩnh lương. Mỗi viên thuốc của hắn đã được phân công rành mạch. Điều tươm nhất giữ công tác bề mặt của di chơi mắt cùng với thắng của kia, điều thứ hai trông miêng sau bữa quà sang mai và viên cuối cùng yểm hộ cho việc viết báo cáo nộp lên thượng cấp và đón tiền lương một tuần.

Hắn rút bao diêm ra và xóc xóc để khêu gợi sự chú ý của ba chàng bóm. Nhưng hẳn bỗng dừng tay. Hẳn vừa nghe có tiếng xập cửa xe ô-tô. Chợt nổi bao diêm sang tay trái, nanh làm lộ rõ răng, cầm lấy cốc nước. Đến ngậm chổi cũng này nanh mới thấy có vị ngọt ngào ở đầu lưỡi. Hắn tin vào đó điều thuốc vào bao trong túi ngực và xoay người móc túi sau quần để lấy tiền ra trả.

Thật ra việc chính của hắn là nhìn chiếc xe ô-tô. Đèn đỏ phía sau đã bật. Hẳn không vui. Thắng của con phải cho xe chạy vòng theo đường đi ra. Trong lúc ấy hẳn còn thừa thời giờ để tra tiền, đập cho xe nổ to nổ máy và lên yên. Hẳn xin tiền cho con bé kèm thêm một cái nhìn tràn đầy ghen tức. Tương đã hiểu ý nghĩa cái nhìn ấy nên con bé cũng đáp lại bằng một cái nguyền rủa là thế. Ba thằng bóm cũng nhăm nhăm nhau một cách rất khoái trá. Thế là việc nguy trang của hắn hoàn toàn thắng lợi. Với chiến thuật trông cậy si, hẳn còn có thể ngồi hàng giờ bên cái xe nước mía này và trước cổng khu nhà tập thể kia hết ngày này sang ngày khác mà không sợ bị lộ hình tích.

Hai ống khói xe máy của hắn vừa thổi phì phà với một nhịp rất đều thì hai bóng sáng trưng của đèn ô-tô mờ nấp rồi, đã chĩa ra từ cổng bên kia. Hẳn bật đèn xe mình, mở nắp nhỏ nhất và khẽ ăn gọt cần xuống cần sang số. Cô tay phải hắn xoay nhẹ, bàn tay trái nắm lái, chiếc xe máy bò xuống mặt đường, tiếng máy nổ êm naur nhưng tiếng thì thào của đôi trai gái. Hẳn cho xe chạy sát lề đường bên phải, sau xe ô-tô chừng trăm thước. Phía trước, thắng của vẫn lái xe theo chiều bộ cần như mọi ngày.

Nó cho tốc độ tăng lên chậm chạp và chỉ sang số khi đã mấy chàng đã thật sự thừa sức kéo. Kề ra thắng của cũng biết điều. Thắng của đã trên dưới năm mươi rồi, hơi sức đâu để đua naur với những tay lái mới ba chục tuổi như hắn. Nếu trong mọi hình động khác, thắng của cũng bỏ câu naur việc lái xe thì nó thông dong biết bao! Vừa nghĩ thế, hẳn tự cười mình ngay. Nếu không có những kẻ mua đây bụng mình naur thắng của xin trả ơn hẳn làm gì được

giao công tác này, làm gì hẳn có được một nghiệp vụ mới, có bảo đảm hơn, có đường tiến thân rộng hơn, xa hơn cái nghiệp ngồi đầu đường đợi các anh đi qua các chị đi lại ghé vào khi xe đạp bị nổ lốp, đứt xích hoặc tuột con cá trong ổ lóp.

Chiếc xe ô-tô chạy chậm lại khi sắp ra tới đường lớn khiến hẳn cũng phải dừng mô tô. Bóng máy ô-tô rú lên và bốn bánh nghiêng ken két trên mặt đường nhựa để rẽ nhanh sang bên trái. Hẳn xuống số mạnh cho xe mình vọt lên. Lao ra đến đường lớn, hẳn đã bị xe trước bỏ xa tới hơn hai trăm thước. Hẳn bối rối tự hỏi vì sao mà tới nay thắng của bỗng đổi tính? Có thể vì thắng của biết có hẳn bám theo chăng? Lại có thể vì thắng của coi việc quan trọng chăng? Gió đêm thổi vù vù bên tai hắn. Kim đồng hồ đo tốc độ chỉ năm mươi, rồi lên ngay sáu mươi cây số một giờ.

Hắn không được phép suy nghĩ gì nữa. Chạy xe đêm trong thành phố với tốc độ ấy mà lại không được bật đèn lớn, hẳn để hết tinh thần vào khúc đường phía trước mắt. Ngay từ phút đầu này, hẳn đã thấy trước rằng bản báo cáo của hắn lần này sẽ có những khám phá rất quan trọng.

Kim đồng hồ tốc độ nhích ở số 70. Hẳn bắt đầu thấy lạnh ở xương sống. Nhưng cảm giác ấy chỉ theo kịp hắn trong mấy phút rồi bị bỏ lại. Đã vào đến khu trung tâm thành phố, thắng của bắt buộc phải cho xe chạy với tốc độ bình thường. Thắng của rẽ bên phải rồi rẽ trái rồi đổ xe ở một góc hai đường nhỏ. Lên kính và khóa cửa xe cẩn thận, thắng của đi bộ ngược trở lại để bước vào một cửa hàng giải khát. Vừa đi tìm chỗ giấu xe mô-tô, hẳn vừa nhăm lại một đoạn bài học trong khóa huấn - luyện nghiệp vụ. Nhưng nơi công cộng tập hợp đông người như rạp hát hiệu ăn quan giải khát, bên tàu xe... thường là trạm liên lạc bất thường của bọn gian phai. Khi thì chúng đón nhau ở những chỗ ấy rồi đưa nhau đi chỗ khác hội họp. Khi thì chúng trao đổi âm mưu hoặc tin tức từ từ cho nhau ở những chỗ ấy. Một đứa đứng quay, một đứa khác ngồi lia, vào, kẻ này châm lửa ở điều thuốc của người kia, coi dần oa naur của kẻ kia lay về hộ hoặc hỏi giờ những chuyện xe chạy, đó là những cử chỉ rất thường của những người lương thiện nhưng rất không thường của những quan gian phai mà người quan sát đã biết rõ từng người.

Như một người đi dạo mát, hẳn chấp hai tay, sau lưng lững thững đi tới ngang gò knat. Mặt hắn ghéch lên như muốn đọc net những hàng chữ nhỏ của những tấm biển năng, mà đều dường như đủ sức soi tỏ. Tới trước cửa hàng giải khát, hẳn cũng lại thật lâu. Hẳn hẳn nhìn đưa mắt từ cửa xuống thấp, thọc sâu trong gian hàng và quét khắp các bàn. Thắng của ngồi một mình một bàn quay lưng vào tường. Một cái lóc cạ piê đặt trên chén bày ngay trước mặt, thắng của hút thuốc lá với một dáng điệu rất thư thái. Thất vọng, hẳn đành bước đi. Nhưng hẳn lại dừng chân để ngó mắt đọc tấm biển hàng và nhìn xuống một lần nữa. Về ung dung nhàn nhai của thắng của khiến hẳn bối rối. Hẳn đành cất bước. Rồi hẳn nhận ra rằng nấp được của hắn quá mau đối với một người đi dạo mát. So sánh trái đồ của thắng của với thái độ của chính mình, hẳn bỗng tìm thấy ngay chân tướng của đối phương. Sự bình tĩnh bề ngoài của quan gian phai bao giờ cũng là cái màn che giấu những thủ đoạn cực kỳ đen tối sắp thi hành. Đúng như thế! Thắng của uống cà phê để trấn tĩnh tinh thần đang bị dao động. Hẳn nhăm đi nhăm lại điều đó cho khỏi quên. Báo cáo của hắn lần này nhất định sẽ làm cho thượng cấp phải thấy là quan trọng và giá trị ngay từ câu mở đầu. Hẳn trở về chỗ dựng xe mô-tô và ngồi xôm trong vùng bóng tối của một góc cây lớn ở góc đường.

Miệng làm nhậm hát một bài học lẩm được của bọn học trò ở nhà trước cửa, nhưng trong óc hẳn nghĩ đến chuyện khác. Thắng của kia đã tốt số đến thế mà không biết hưởng thì thật là ngu. Nếu coi được xem phiếu ghi thành tích công vụ của thắng của mà không được biết đến hồ sơ mặt thì ai mà dám không kính nể thắng của. Công khai mà xét thì thắng của vẫn chẳng ăn lương chủ nhiệm tổng cục đấy ư, mặc dầu chẳng có công tác nào rõ rệt cả. Bằng cấp to bằng cái nong, địa vị xã hội đồ sộ như cái đình, lại tham gia đoàn thể từ khi còn trong bóng tối, được cất nhắc tới hàng ghế trên chóp đỉnh của bộ máy nhà nước ngay khi đoàn thể giành được chính quyền, thế mà bỗng dừng lại muốn giờ què. Hẳn gần bật cười thành tiếng khi nhớ lại lời đe dọa của anh tổ trưởng: (Xem tiếp trang 41)

良民塗炭感泣秋
 嗚呼金辛創國難
 邊安誰能為李阮
 富家安得學伊周
 靜觀天下年窮易
 動作山河百戰夫
 志齊人同一雨
 嗚呼書自老嶠峴
 何人

DỊCH AM

Ngẫu cảm

Lương dân đồ thán kỳ kinh thu,
 Nhựt khổ hàm tân tiểu quốc thù.
 Biên xứ thủy năng vi lý Nguyên (1) ?
 Song tiền an đắc học Y Chu (2) !
 Tĩnh quan thiên hạ vô cùng sự
 Động, tác sơn hà bách trưởng phụ (3)
 Nghiêu Thuấn dữ nhân đồng nhất nhĩ !
 Khâm tạ thư nội lão kỳ khu !

HÀ-THƯỢNG-NHÂN

DỊCH NGHĨA

Lương dân mấy độ lâm than,
 Nuốt cay ngậm đắng liễu gan đau thù.
 Ngoài biên Lý, Nguyễn ai chờ ?
 Trước song sao để Y Chu học đòi ?
 Khi buồn thế sự xem chơi,
 Loạn ly súng đạn kịp rồi đi xa.
 Thuần Nghiêu thì cũng người ta,
 Làm con một sách đến già ưỡn công ?

Tác giả phỏng dịch

BÀI DIỄN VĂN ỨNG KHẨU CỦA ÔNG ĐẠI BIỂU

(Tiếp theo trang 4)

Ông móc sang túi tay trái... cũng không thấy gì, rồi đến túi trong áo và hai túi quần cũng vậy.

Ông ngo ngoảnh lại phía sau, trong lúc thính giả hàng ngàn người đang nghe chờ đợi...

Ông nhìn lại phía sau gọi khẽ người thư ký hầu cận :

— Năm... mầy...

Ông định hỏi bài diễn văn, thì trông lại chiếc áo, ông chợt nhớ ra : trong lúc vội vã thay áo nỉ, ông quên không móc bài diễn văn để ở túi áo.

Việc đến nước này thì đã lỡ trốn quá rồi, không thể bắt hàng ngàn thính giả đứng đợi để ông sai thư ký về nhà lấy diễn văn được, ông đành... nói tiếp :

— « Diễn văn bỏ quên mất ở nhà rồi ! ». Thính giả ồ... một tiếng, nhưng không ai dám cười !

— Diễn văn bỏ quên ở nhà, ông nói tiếp, nhưng thôi không sao cả ! Hôm nay nói chuyện về vấn đề kinh tế đây mà. Thôi được, tôi nói cũng được, nó cũng chẳng có gì là khó. Vấn đề kinh tế, thì khắp các nước trên thế giới, dù to dù nhỏ đều phải có kinh tế cả. Kinh tế là buôn bán mà, là xuất nhập cảng, là bán hàng cho dân tiêu thụ.

Người làm ruộng thì bán gạo lúa ngô khoai, người thợ thì bán đồ hàng mình sản xuất...

Sau khi nói lại rồi về việc mua bán hàng hóa giá cao giá hạ, tích trữ đầu cơ, câu chuyện rất dài. Ông mỉm cười, và ông đã thấy bị, ông chợt nhớ đến mấy câu mà nhà chuyên môn đã tóm tắt cho ông nghe khi đưa trình bản diễn văn : « kinh tế chỉ huy và tự do mậu dịch ».

Ông bèn nói :

— Tôi đã nói nhiều về việc buôn bán, vấn đề kinh tế ở nước nhà, nay tôi nói đến kinh tế của các nước văn minh tiên tiến. Những nước văn minh tiên tiến người ta dân đông, đất rộng, làm việc nhiều, nên buôn bán cũng lớn ! Buôn bán lớn thì người ta xuất nhập cảng nhiều. Việc buôn bán sinh thêm nhiều vấn đề phức tạp có khi làm lung lay cả thị trường trong nước, vì vậy người ta nhiều lúc phải đặt ra phương pháp kinh tế chỉ huy. Kinh tế chỉ huy là nhà nước, là Chính phủ trông coi, chỉ bảo, phân phối tất cả mọi sự buôn bán, xuất nhập cảng !

Cảm như cái đã nói đã thông thông ông tiếp :

— Tuy vậy cũng có nước người ta rất cởi mở, không sợ chợ đen, không sợ cạnh tranh hàng hóa trong nước và ngoài nước, nên người ta mở cửa biên cho tàu bè các nước đem hàng vào buôn bán tự do, không phải thuế má gì cả. Đây là chính sách tự do mậu dịch.

Không thể nói hơn được nữa về « kinh tế các nước », ngưng lại một phút, như chợt nhớ được một vấn đề gì hay ho hợp thời, để nói, ông « à » một tiếng rồi tiếp :

— Ở nước nhà hiện nay về kinh tế chưa theo hẳn một chính sách nào, không hẳn chỉ huy và cũng không hẳn tự do mậu dịch. Tôi nghĩ thế cũng phải, vì tôi cứ lấy chuyện con ba nó nhà tôi mà suy xét thì...

Trong đám thính giả có người mỉm cười khẽ nói với bạn đứng cạnh :

— Chết rồi ! ông ta lại đem chuyện kinh doanh của cô vợ ba ra khoe với công chúng rồi !

Trên diễn đàn, ông Đại biểu vẫn thản nhiên nói thao thao bất tuyệt về tài kinh tế của cô vợ ba :

— ... Cứ lấy chuyện con ba nó nhà tôi mà suy xét thì vấn đề kinh tế chẳng có gì là khó khăn, phức tạp. Chỉ cần khéo xoay sở, trông nom là được, chẳng phải học hành gì ! Đây có một mình nó mà quán xuyên coi hay biết bao công chuyện : nào là hiệu buôn gạo ở Dalat, xưởng cửa mỳ ở Ban Mê Thuột, cửa hàng đồ gỗ ở Saigon, chỗ nào làm ăn cũng phát đạt cả ».

Nhìn đồng hồ, ông thấy đã qua được hơn nửa giờ rồi, cần thế là đủ, và lại hết chuyện kinh tế của cô vợ ba, ông không còn mồi trong óc ra được vấn đề gì để nói nữa, ông bèn kết luận :

— Vấn đề kinh tế, nếu nói ra còn miên man dài lắm ! tôi nói thế đã gọi là tạm đủ rồi, vậy xin cảm ơn anh em đồng bào đã đến dự thính đông như hôm nay.

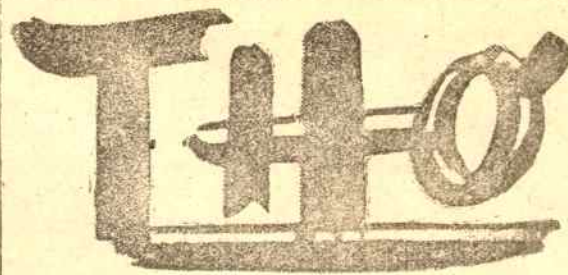
Tiếng vỗ tay theo pháp lịch sự của công chúng nổi lên trong khi diễn giả bước xuống diễn đàn về mặt rất mãn nguyện.

Trong số công chúng thính giả có hai người vừa đi vừa nói chuyện :

— Thực là nói vụng vịch chớ !

— Đây là cái quyền của những người được làm diễn giả, được có mấy vì âm trước miệng và được ăn nói !

TRỰC NGÔN
 1961



Say

Nói gì đây ? Viết gì đây ?

Ở xuân ! Rượu có còn say chúng mình ?

Đỏ hoe ánh điện đô-thành,

Nhớ làm chi bãi dâu xanh đường mòn ?

Sắt-son ? Thôi kệ sắt-son,

Chưa vui, gọi cả Saigon cùng vui.

Ở đâu rộn-rã tiếng cười,

Ở đâu tìm lại con người ngày xưa ?

Nhiều đêm trở gối nghe mưa,

Dầu không rượu đắng vẫn thừa lòng đau

Áo cơm làm-lỡ mỗi nhau,

Văn-chương chung một mối sầu cỏ kim.

Nhìn ta, bóng những lặng im,

Khó trong bọt rượu đánh chìm nhớ-thương.

HOÀNG-TRINH

c cuối 1961

Bài ca tình yêu

Tặng Nicole Astoria (Belgique)

Ta đứng trên cầu sông Thames (1)

Nước sông Thames lộng lờ xuôi chảy.

Mai một giữa Saigon nắng cháy,

Nhớ mình, nhớ cả Luân-đôn.

Ngày tháng qua đi, nước vẫn về nguồn,

Và dĩ-vãng vẫn còn trong trí-nhớ.

Tóc kém xanh nhưng lòng anh vẫn đỏ,

Em, ơi em ! trẻ mãi với mùa xuân !

Có bao giờ mình thiếu bóng giai nhân,

Thiếu tuổi trẻ mắt người tia lửa ấm ?

Anh hé miệng cắn sâu vào trái cấm,

Bỗng tự dưng Tội-lỗi nở thành hoa.

Trăng vẫn lung linh chiếu khắp gần xa,

Môi gợn sóng, tình yêu chan chứa vậy !

Nghìn năm trước nước sông Thames vẫn chảy,

Hai bên bờ nhà cửa xiết vòng vây !

Chúng ta đây chúng ta có đôi tay,

Có sức mạnh lay thành, nhò núi.

Em hãy đến Rotterdam (2), em ơi !

Nhìn bàn tay đầy sóng dữ trùng dương.

Nhìn Chúng-Ta-Nhân-Loại đẹp phi-thường

Tớ kể tiếp ông cha ta sống mãi,

Ta vẫn sống vì con người tồn tại.

Núi sông nào bền vững được hơn Em ?

Ồ ! mùa xuân ! Anh bỗng tự dưng thêm,

Giọt nước mắt người yêu khi tiễn biệt.

Ta chỉ bơ-vơ nếu ta mất hết,

Mất sầu thương là mất cả Tin-yêu.

Nước sông Thames xanh mượt bóng mây chiều.

London tháng 9-1961

Saigon tháng 1-1962

HOÀNG-TRINH

(1) Tiếng Pháp gọi là sông Tamise.

(2) Một thành phố thuộc Hòa-lan, ở đó có những con đê ngăn nước bờ rất kiên cố.

VÔ THỨC TẬP HỢP

trong triết thuyết của CARL JUNG

B.s. Carl Jung.

Biên khảo của NGUYỄN GIA TƯỜNG

Carl Jung là một nhà tâm lý học người Đức, danh tiếng vào bậc nhất của thời đại. Trong nửa thế kỷ vừa qua, nhân chuyên trị bệnh thần kinh, ông có dịp nghiên cứu sâu xa khoa Tâm lý và đã cùng với Freud xướng khởi khoa « Phân tâm học », tức là phân giải tâm lý học (Psychanalyse). Phần đóng góp của C. Jung là nêu lên thuyết « Inconscient collectif » tạm dịch là « Vô thức tập hợp »; nhờ đó mà khoa « Phân tâm học » phát triển mau lẹ và càng được Y-giới áp dụng nhiều hơn trong việc trị bệnh thần kinh, bệnh thối loạn tinh thần. Một ngày không xa có lẽ thuyết « Vô thức tập hợp » sẽ ảnh hưởng chẳng ít đến khoa Sư phạm Âu Mỹ.

Tiềm thức và sinh hoạt của tiềm thức

Có lẽ ai cũng từng nhận thấy, đôi khi ta gặp một người rất « quen mặt » mà không nhớ tên là gì đã gặp ở đâu, nhân cơ hội nào. Cố nhớ lại không thấy gì, đành bỏ qua. Thế rồi một vài hôm sau, có khi lâu hơn nữa, đột nhiên lại nhớ thấy rõ ràng, chẳng những tên tuổi người ấy mà còn nhiều chi tiết về mối quen biết của mình.

Hiện tượng đó có thể giải thích thế này : mỗi quen biết đó trước kia đã đem lại cho ý thức của ta một số ấn tượng nào đó. Với thời gian qua, những ấn tượng này chìm vào một nơi tối tăm gọi là « tiềm thức », chẳng khác những vật dụng cũ kỹ được vùi vào một kho chứa. Tuy nhiên những ấn tượng cũ vẫn có sự sinh hoạt riêng của nó. Nó nhắc cho ta một bóng dáng diện mạo « quen quen » lúc ta muốn huy động nó cho nổi hẳn lên ánh sáng của ý thức, nó không lên, mà rồi những dĩ thì tự nó lại nổi lên. Sự nổi lên này có thể cũng phần nào do ta vận dụng « trí nhớ », nhưng chắc là cách vận dụng ta thường làm không hiện nghiệm lắm. Như vậy có thể nói rằng tiềm thức có một sự sinh hoạt hầu như riêng biệt, ta không biết nó thế nào.

Trường hợp b.s. Jung Ghi được thực đặc biệt rõ ràng : « Tôi có quen một chuyên viên kế toán; một lần ông đã mất nhiều công phu tra xét sổ sách để tìm manh mối một vụ phá sản nghi là giả tạo. Một hôm cặm cùi đến quá nửa đêm cũng vô hiệu quả, đành để dẫy đi ngủ. Nhưng vào khoảng 3 giờ sáng, vợ ông nghe thấy chồng trở dậy ra ngồi bàn viết. Lén theo thấy ông chăm chú biên chép một hồi, rồi độ 15 phút lại đi ngủ. Sáng dậy ông không nhớ gì cả. Ra bàn làm việc thì thấy một loạt chữ và con số chính tay mình đã ghi chép. Và kỳ hơn nữa là nhớ những gì đã ghi chép đó mà thấy ngay ra đầu mối của sự gian trá trong vụ phá sản ».

Ở đây ta được thấy sự sinh hoạt của tiềm thức mãnh liệt đến thế nào, và lại có phần khôn ngoan, sáng suốt hơn cả phần ý thức. Nghĩa là trong cái gọi là tiềm thức, chẳng phải chỉ có những gì ý thức đã bỏ vào đấy mà còn có cái trong khi thức ta chưa từng nghĩ ra. Đây là một phản ứng vô thức hoàn toàn.

Trong « vô thức » có những gì ?

Đã gọi là « vô thức » làm sao có thể tìm hiểu được trong đó có những gì ? B.S. Jung kể cho ta một kinh nghiệm nhà nghề : « Bệnh nhân của tôi là một thanh niên sĩ quan, 27 tuổi. Chàng bị những cơn đau nhức trong lồng ngực, nơi trái tim; thỉnh thoảng có cảm giác nghẹt thở như có cục gì làm tắc cổ họng và thấy nhức nhối ở gót chân trái. Những cơn đau khởi sự từ hai tháng trước, có lúc không thể đi lại được, nên chàng đã phải nghỉ việc. Chàng không có một ý niệm gì về căn nguyên bệnh.

Theo tôi nhận thấy thì chàng có một tâm hồn tươi tắn, hơi phù phiếm, hơi thích điệu bộ, thuộc loại « không để gì chân đất đâu nhé ». Lịch trình sức khỏe không cho biết gì hơn, tôi bèn dò hỏi về đường lối « tâm sự ». Tôi được thấy ngay căn nguyên của bệnh. Ngay trước khi bệnh phát, chàng bị người yêu từ hôn, đi lấy người khác. Từ trước chưa nói đến là vì chàng cho việc đó chẳng quan hệ gì. « Một thiếu nữ ngoan, hạng người đó mất một tim ngay được mười, một gã như ta chẳng thể bán tâm ». Đó là cách anh đối phó với sự thất vọng và một nỗi đau lòng có thực.

Trong những buổi tiếp xúc với tôi về sau, nỗi « bận tâm » mà anh đã cố ý vùi sâu xuống kia, được khơi gọi cho nổi lên dần dần; nhờ vậy những cơn đau ngực biến hết; rồi đến khi anh rõ được mấy hạt nước mắt thì cổ họng cũng không còn thấy nghẹn nữa ».

Cho hay cái « vết thương lòng », tưởng chỉ là một « Thành ngữ thơ mộng », mà hóa ra một sự thực hiện nhiên; chỉ vì tính tự trọng của người thanh niên không cho phép nghĩ đến. Cái hồn kẹt nơi cổ họng chẳng có gì khác cái nghẹt cổ thường vẫn nổi lên mỗi khi ta muốn khóc mà không khóc được. Những cái đó đã bị ý thức của thanh niên bỏ rơi cho khỏi bận tâm; nhưng theo cái đà tiến triển của chúng, chúng cứ sinh hoạt riêng biệt, rồi xuất hiện vào tâm ý thức bằng những chứng bệnh thực sự. Thực là những diễn biến rất dễ hiểu.

Còn cái chứng bệnh thứ ba, nơi gót chân, nó không truyền giấm chút nào, nó đứng ngoài cảnh tượng vừa mô tả trên. Trái tim không liên quan gì với gót chân, nỗi đau lòng đâu có phát lộ được ở nơi gót chân ? Đúng lý không tài nào hiểu được tại sao hai chứng bệnh kia lại chưa đủ phát lộ hết nỗi đau lòng. Bình thường một khi đã ý thức được căn nguyên thì chứng bệnh phải hết.

Vô thức cá nhân và vô thức tập hợp

Tâm trí bệnh nhân không cho biết thêm gì nữa, về bệnh đau chân đành lại phải quay về mộng mị xem có gì hơn chăng. Thì ra về « mộng thực sự », bệnh nhân đã có lần nằm mê thấy bị rắn cắn nơi gót chân. Cái mộng đó có thể cho phép giải thích rằng vì nằm mộng thấy rắn cắn nên chân đau. Nhưng con rắn kia có liên quan gì với vết thương lòng ? Lý trí không làm sao hiểu được. Bệnh nhân vợ vẫn với ý nghĩ : thương tích rắn cắn trong mộng mà lại thành đau thực được sao ?

Vậy con rắn là một « nội dung » của mộng không biết từ đâu lọt vào « cảnh giới mộng », là một cảnh giới âm u của tiềm thức ? Hay giả là từ một cảnh giới sâu thẳm hơn nữa, từ một cảnh giới mà không một tia lý trí nào có thể tới chăng ? Cảnh tượng tự nhất với sự mù mịt ấy là tâm trạng của người mắc bệnh u uất (hystérie). Khi từ chối anh chàng, thiếu nữ kia đã đáng cho anh một « vết » làm tê liệt tâm hồn mà chàng không ý thức được tầm quan trọng. Phân tích mộng mị thêm nữa, b.s. được biết một mảnh tâm hồn bí ẩn của anh. Nguyên anh có bà mẹ hơi có bệnh u uất (đồng bóng), ưa nuông chiều anh quá độ. Vì mẹ quá « cưng », trong thời còn đi học chẳng bao giờ anh theo kịp bạn, với cái tâm tính ẻo lả như con gái. Sau đó anh nhập quân đội, đột nhiên phải sống một đời tráng niên mạnh mẽ : anh đành cứ dẫu cái nhu nhược nội tâm dưới một điệu bộ hiên ngang. Thành thử chính mẹ anh cũng đã làm anh tê liệt phần nào từ thuở nhỏ.

Như thế con rắn kia dường như là con « rắn thần thoại » rất quen thuộc với bà E-và, Cựu ước kinh có nói : « Mày đánh nó vào đầu thì nó sẽ cắn mày vào gót chân ». Câu đó lại cũng chỉ là nhắc lại lời một bài kệ Cổ Hy Lạp, và được đọc « phù chú » cho kẻ bị rắn cắn. Trình độ hiểu biết về Kinh thánh của bệnh nhân rất kém. Có thể anh đã thoáng nghe truyện « rắn cắn gót chân » mà quên ngay đi, chẳng bao giờ để ý. Nhưng có cái gì âm u trong anh nó đã được nghe và không quên, rồi đến lúc cần thì nhớ lại và nó diễn tả lại theo lối thần thoại.

Vậy mà theo Văn Minh cổ Sử, có trình độ tâm trí nào ưa diễn tả bằng ngụ ngôn, bằng ảnh hưởng theo lối thần thoại ? Chỉ có tâm trí con người tối cổ, ngôn ngữ không có tiếng trừu tượng, chỉ biết dùng hình ảnh so sánh mà miêu tả cái hiện nhiên và cái siêu nhân. Tâm trí cổ kính đó xa cách tâm trí người nằm mộng chẳng khác một con « Bò sát khổng lồ » thời địa chất II xa cách con ngựa ta cỡi ngày nay. Bởi thế cái mộng con rắn tiết lộ một khúc sinh hoạt tâm hồn không thấy có liên quan gì với tâm hồn cá nhân của kẻ nằm mộng. Sự sinh hoạt đó tất phải tiến triển ở một tầng lớp sâu xa nào mà chỉ có một đoạn kết thúc của nó nổi lên và lọt vào tiềm thức của giấc mộng. Sự sinh hoạt ở nơi sâu xa đó cách biệt lớp trên của mộng mị, cũng như lớp mộng mị cách biệt cảnh giới ý thức trong lúc tỉnh. Cho nên, cũng giống như muốn hiểu mộng mị phải biết đường lối phân tích, ở đây muốn nắm được ý nghĩa sự sinh hoạt ở nơi tầng lớp sâu xa kia, tất cần phải nghiên cứu Thần thoại.

Cái « nội dung » con rắn trong mộng chắc hẳn không phải là một tài liệu do cá nhân người nằm mộng đã góp nhặt. Nhiều người sinh trưởng ở thành thị chưa từng trông thấy « rắn thực » bao giờ cũng

nằm mộng thấy rắn. Tuy nhiên người ta có thể bảo rằng chưa được thấy « rắn thực » nhưng có thể đã được thấy « rắn vẽ », « rắn trên màn ảnh », được nghe nói « độc như rắn », « xảo quyết như rắn ». Bởi vậy cần phải tìm ra một trường hợp cái « nội dung » trong mộng có tính cách thần thoại mà lại không phải là một ấn tượng người nằm mộng đã « mắt thấy tai nghe » rồi quên đi. Cái trường hợp như thế làm bằng chứng cần lắm, bởi vì nó sẽ chứng minh rằng : cái tiềm thức chứa đựng những « nội dung » đã từng ý thức rồi lại quên đi, chỉ là cái lớp tiềm thức nông cạn trên mặt thôi; sâu xuống dưới còn có những lớp mịt mù, hoàn toàn vô thức biệt lập, không một tia lý trí nào lọt vào được. Đây là cái thế giới vô thức không phải riêng của cá nhân nào, mà là chung của cả nhân loại, của tất cả sinh vật, kể từ ngàn xưa, từ thuở đời sống cộng u u minh minh, mịt mù. Cái vô thức đó gọi là « vô thức tập hợp » để phân biệt cái « vô thức cá nhân » tương đối của từng người.

Trước khi đi tìm cái bằng chứng ấy, b.s. tạm giải thích cho biết về căn bệnh đau chân : « Dường như với những lớp mù mịt giữa thuyết kia, cái thương tích do con rắn gây nên là những kinh nghiệm đau đớn mà bệnh nhân đã từng trải với người đàn bà, theo như ý nghĩa chuyên thần thoại. Thực là lời mờ. Nhưng y khoa có cái nguyên lý này : là phẩm triệu chứng của một bệnh, đồng thời cũng là những cố gắng của cơ thể để tự chữa lấy bệnh. Những cơn đau tim và nghẹt cổ đều là những cố gắng để nổi uất ức nổ tung ra được cho thoát. Tất cả những bất mãn, bức tức, thất vọng, chẳng những do người yêu của chàng gây nên, mà còn do cả người mẹ vô ý khiến cho chàng bất lực ở nhà trường và ngoài đời, đều kết thúc thành một thương tích ở gót chân dường như thế có thể làm dịu được phần nào nỗi đau đớn tâm hồn ».

Vô thức tập hợp và Thần thoại

Nhưng có thực có chăng, ở nơi âm u vô thức tuyệt đối kia, có sự hoạt động của tâm hồn tràn ra ngoài phạm vi cá nhân, liên hệ cả với Thần thoại ngàn xưa ? C. Jung trả lời : « Tôi chưa dẫn ra được bằng chứng thỏa mãn đủ mọi đòi hỏi. Tôi muốn dẫn ra đây bằng một thí dụ cụ thể. Đây là một bệnh nhân loạn óc, trạc 30 tuổi. Chàng lâm bệnh từ hồi mới ngoài 20. Tâm trí chàng là một hỗn hợp đủ cả những ý nghĩ sáng suốt lẫn những tư tưởng quái dị mê sảng. Với sự nghiệp thư ký tầm thường tại một sứ quán, có lẽ dễ bù vào một cuộc đời thấp kém, chàng nuôi một mơ tưởng hay hoàng : chàng tự cho mình là một « Đấng Cứu thế ». Trong những hồi bình tĩnh chàng được phép đi lại nơi ngoài phòng nhà thương. Chính ở nơi đây một hôm tôi gặp hắn đang neho mắt nhìn mặt trời, đầu lắc đi lắc lại. Hắn kéo tay tôi và chỉ dẫn bảo tôi coi việc neho mắt nhìn như hắn thì được thấy « bộ sinh dục » của mặt trời ; nếu tôi lắc đầu bên này qua bên kia thì « bộ sinh dục » của mặt trời cũng sẽ chuyển theo, đó là nguồn gốc của gió thổi.

Bấy giờ vào khoảng 1906. Đến năm 1910, trong khi đang nghiên cứu về thần thoại, tôi kiếm được một quyển sách của học giả Dieterich, trong đó một phần là Lễ thức thời Cổ Hy Lạp. Lễ thức có đoạn dịch đúng nguyên văn thế này : « Cũng như thế được thấy ông nguồn gió thổi. Bởi vì có một ông từ mặt trời buông xuống. Và thời về phương Tây như một luồng gió Đông vô tận. Mà nếu số phận rơi vào gió bên kia thì lại thổi về Đông khi mặt cũng hướng về phương ấy ».

Ấn tượng của người diễn tôi kể lại là từ năm 1906. Mãi đến 1910, bốn năm sau, Lễ thức bằng chữ Hy Lạp dịch ra mới được xuất bản, thì không thể nói là người diễn đã được đọc, hay chính tôi đã được biết mà tâm truyền cho hắn. Vậy mà sự đồng điệu giữa ảo ảnh của bệnh nhân với cảnh tượng diễn tả trong Kinh thực là rõ ràng. Và lại, trong những tác phẩm mỹ thuật, văn nghệ, triết lý, thời Trung cổ cũng thấy rải rác những di tích về cái quan niệm « hướng gió là do thần linh định đoạt » và « trí tuệ của con người là qua mặt trời mà dâng xuống trần gian ».

C. Jung nhấn mạnh : Tôi không thể cho rằng đây chỉ là những sự ngẫu nhiên, mà phải tin rằng những quán tượng đó là một sự tái diễn của những khả năng diễn tả văn cổ từ ngàn xưa rồi thỉnh thoảng lại được tâm trí của người đời lặp lại, bất luận vào thời kỳ lịch sử nào.

Sở dĩ tôi phải đi sâu vào trường hợp người diễn như thế là muốn cụ thể hóa được sự hoạt động của tâm hồn ở cái miền mịt mù vô thức cộng cộng của loài người. Tóm lại, phải nêu lên ba khu vực trong tâm hồn của con người :

- 1) Cái cảnh giới ý thức được của mỗi người ;
- 2) Cái cảnh giới không ý thức được của từng cá nhân. Nó gồm những quán tượng đã trở thành vô thức vì phai nhạt đi, bị bỏ quên, hoặc vì nó khó

(Xem tiếp trang 36)

NHỮNG KẺ SÙNG SƯỚNG

VĂN HUYỀN



Ở lúc chiều xuống là Vĩnh bắt đầu sốt. Mặt Vĩnh bừng bừng như phải lửa. Tay chân Vĩnh rậm rất buồn buồn như không thể cử động nổi.

Vĩnh bắt đầu lo. Nếu ngày mai Vĩnh không dậy nổi, nếu ngày mai Vĩnh sốt nhiều hơn và nếu ngày mai nằm liệt giường... Biết bao nhiêu chữ nếu mà Vĩnh không dám nghĩ tới. Vĩnh bắt đầu run. Trời tối hẳn, Vĩnh không bao giờ chịu nằm trong bóng tối nếu biết rằng chưa ngủ được. Vĩnh muốn vùng dậy để bật đèn.

Đến lúc này Vĩnh mới hối hận đã không chịu làm cái "núm bật" ở ngay đầu giường, theo lời cô gái cùng nhà trọ. Vĩnh gượng chống một khuỷu tay, nhưng Vĩnh không thể ngóc đầu dậy, mắt Vĩnh hoa lên, đầu Vĩnh như một tảng đá. Vĩnh không nhìn thấy gì nữa và gục xuống. Vĩnh bắt đầu rên và cảm thấy lạnh. Anh cố kéo cái chăn trùm khỏi đầu. Tất cả chấn động cùng một nhịp.

Vĩnh nằm như vậy không biết bao nhiêu lâu nữa. Lúc tỉnh dậy vẫn thấy trời tối râm. Miệng anh khô cong như muốn bóc từng mảng da mỏng ở làn môi. Vĩnh cảm thấy mệt, mệt thật sự. Nhìn ánh đèn quang của chiếc đồng hồ, Vĩnh mới biết anh nằm đã gần 4 tiếng đồng hồ. Giờ này chắc chưa ai về. Nhà trọ chỉ có mình Vĩnh là đàn ông, buồng bên trái là một vũ nữ còn trẻ sống độc thân, hướng bên phải, một thiếu phụ nạ giòng nhưng còn đẹp mà Vĩnh không hiểu nghề nghiệp của bà ta. Căn gác chỉ có ba buồng, mỗi buồng vừa kê đủ một cái giường và một cái tủ. Vĩnh không cần tủ, anh chỉ kê một cái bàn viết nhỏ, quần áo sạch Vĩnh giặt trong ngăn hộc, quần áo bẩn thì cho dưới nệm.

Vĩnh thấy khát anh tung chăn vùng dậy chênh choàng ra phía bàn rót nước. Tiện tay, Vĩnh bật đèn. Ánh sáng của ngọn đèn 40 nến làm Vĩnh hoa mắt, anh phải đứng một lúc lâu mới quen với cái ánh sáng đỏ lờ mờ.

Vĩnh lại trở về giường, nằm vật xuống, nhìn lên trần nhà. Hai con mắt đuổi nhau kêu tặc tặc rồi lần lượt sau cái khe nứt của màn vén trần. Vô tình Vĩnh nhìn thấy tấm lịch lịch lịch treo ở vách ván phía chân giường. Phải mất nhiều ngày giờ lắm Vĩnh mới tìm thấy chỗ treo lịch mà anh cho là vừa ý nhất.

Vĩnh cho rằng một khi nằm xuống là mắt đã nhắm thấy rõ ngày tháng. Thời gian đối với Vĩnh rất cần thiết.

Nhìn lịch, Vĩnh giật mình làm bầm:

— "Sắp hết năm, mau quá". Mới hôm nào... có tiếng chân quen thuộc phía cửa ra vào. Tiếng khóa mở lách cách, Vĩnh đoán biết người trở về, quen thuộc cả từ lối mở khóa, từ giờ giấc.

Bà chủ nhà thật tế nhị, đã tìm được bốn cái chìa khóa, không để sự tự do của một ai, kể cả sự tự do của bà ta nữa.

Đúng như Vĩnh đoán, thiếu phụ nạ giòng đã về. Muốn vào phòng, bà ta phải đi qua cửa buồng Vĩnh, vừa đi vừa hát nho nhỏ. Vĩnh cố nghe nhưng chỉ lồm bồm vài tiếng, cũng đủ để Vĩnh biết xuất xứ của bài ca. Ít khi Vĩnh tò mò để biết đời tư của người khác. Nhưng ở đây Vĩnh bị buộc phải hiểu một cách tường tận. "Thiếu phụ là vợ lẽ của một công chức nọ. Nói là vợ cho nó lịch sự đôi chút — nói theo lời bà chủ nhà — vì bà ta chỉ gặp ông chồng một ngày duy nhất trong tuần. Người chồng này đến rất đúng giờ và về cũng đúng giờ. Không bao giờ thấy ông ta dùng cơm hay đi song đôi với thiếu phụ. Chỉ có Vĩnh được biết tường tận chuyện đó vì cũng giờ đó Vĩnh không thể bước chân ra khỏi phòng. Có lẽ cũng vì thế Vĩnh không được thiếu phụ có cảm tình nhiều lắm.

Qua phòng Vĩnh, thiếu phụ thấy cửa mở — vì Vĩnh không mở cửa phòng bao giờ — dừng lại nhìn, buột miệng nói:

— Ông Vĩnh quên đóng cửa phòng, ông có cần tôi đóng dùm hộ không?

Vĩnh quay mặt ra:

— Dạ cảm ơn bà, tôi vừa rút cơn sốt rét mệt quá quên cả đóng cửa.

— Ông Vĩnh sốt à.

— Dạ.

— Tôi quá, đã thuốc men gì chưa?

— Dạ chưa, nhưng có lẽ không cần nữa. Thiếu phụ khép cửa hộ Vĩnh và tiếp tục lời ca. Vĩnh lại quay mặt về chỗ cũ, hai tay vòng sau gáy. Tiếng nói của thiếu phụ vọng qua vách ván.

— Ông Vĩnh xem dùm hộ mấy giờ rồi?

— 10 giờ đúng.

— Chắc có Mai chưa về đâu? Thế ông

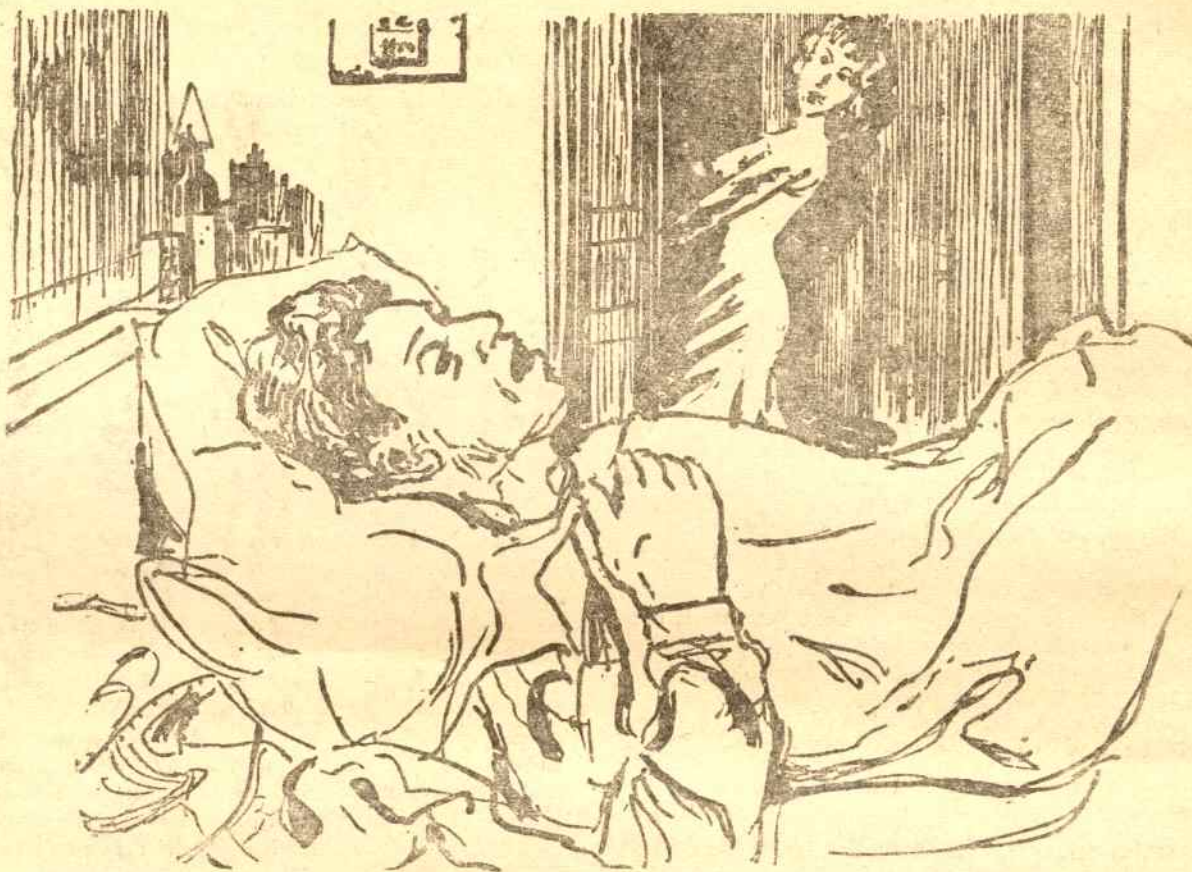
Vĩnh chưa nghĩ gì đến Tết à?

Vĩnh tỏ ra khó chịu, nhưng Vĩnh cũng không khỏi ngạc nhiên về sự mau miệng của thiếu phụ. Chưa kịp đáp thì thiếu phụ tiếp:

— Tôi tính mai rủ cô Mai đi chợ Tết, vui đáo để đấy. Chập tối tôi có rẽ qua, đông quá thế, ông có gửi mua gì thì gửi.

— Cảm ơn bà, tôi tính không mua gì cả, cũng như năm ngoái thôi.

Năm ngoái Vĩnh bỏ đi chơi suốt ba ngày Tết gập đầu ăn đó. Ngày Tết là ngày nghỉ thực sự của Vĩnh, Vĩnh không vẽ, Vĩnh không cầm bút và cũng không cầm palette đầy màu. Ngày Tết Vĩnh dành để đi tìm hứng khởi. Không bao giờ con người lại hân hoan và thoải mái bằng ngày Tết, Vĩnh nghĩ như vậy, bởi vì tất cả con người đều mới, có lẽ cả về thể xác lẫn tinh thần đều là giả tạo. Vĩnh đã ghi nhận được tất cả sự thật ấy.



Ánh đèn phòng bên đã tắt. Trong chốc lát đã nghe tiếng ngay đều đều của thiếu phụ. Có lẽ bà ta là kẻ sùng sủng nhất trong bốn người, Vĩnh vẫn nghĩ thế từ khi thuê phòng trọ này.

Chưa bao giờ Vĩnh thấy bà ta phân nản kể cả những ngày cuối tháng. Bà chủ nhà bảo rằng bà ta đánh bạc suốt ngày, thua lớn mà cũng được lớn. Câu chuyện ấy Vĩnh nghe được khi bà ta kể về với Mai. Vĩnh còn biết ông chồng thiếu phụ "bao" mỗi tháng 5.000đ.

— Chào ôi! 5.000đ. mỗi tháng làm gì chẳng dư tiền đánh bạc.

Mai đáp lại như vậy. Nhưng bà chủ nhà đã chép miệng.

— Còn nữa chứ, bà ta còn kiếm thêm.. nữa chứ...

Tự nhiên Vĩnh thấy tóc mạch quá, anh bỏ đi để khỏi phải nghe lời giải thích rõ rệt về chữ "kiếm thêm" của bà chủ nhà. Nhiều lúc Vĩnh tự nhủ phải rồi bỏ căn nhà trọ này, nhưng chắc gì Vĩnh đã tìm được chỗ "kín đáo" và im lặng hơn mà giá lại phải chăng hơn. Nghĩ thế nên Vĩnh không dám rời đi nơi khác.

Thế rồi Vĩnh thiếp đi lúc nào không biết. Lúc tỉnh dậy thì ánh nắng chiếu xiên qua cửa sổ hắt vào phòng. Mọi Vĩnh se lại, miệng đắng. Vĩnh cố nhớ lại chuyện đêm qua:

Hình như trước khi ngủ Vĩnh chưa tắt đèn, và bây giờ đèn đã hết cháy. "Chắc là thiếu phụ" đã tắt hộ. "Đúng". Vĩnh không nghĩ nữa. Đột nhiên cánh cửa hé mở. Mai nghiêng đầu nhìn vào. Vĩnh ngạc nhiên, anh vội nhắm mắt nằm im, Mai lại khẽ khép cửa và trở ra.

— Có Mai...

Thiếu nữ giật mình, đẩy cửa bước vào.

— Ông gọi, tôi ngờ ông còn ngủ say. Ông đã hết sốt chưa?

— Ai bảo có tôi sốt?

— Bà "Phán".

— Thế ra cô tắt đèn dùm tôi đêm qua.

— Dạ.

— Cảm ơn cô, phiền cô quá.

— Có gì đâu, đêm qua tôi rời đầu ông thấy nóng quá, tôi có xoa dầu "cù là" cho ông đấy. Bà Phán bảo ông sốt rét rừng phải xoa dầu khắp mình cho nóng. Ông dùng nước không, tôi có nước trà nóng, để tôi về lấy.

Mai ra rồi, Vĩnh hãy còn ngỡ ngàng. Vĩnh lật chăn ra và thấy khay áo còn chưa cài nút. Đêm qua Mai đã làm gì. Bằng cách nào Mai có thể cởi khay áo để xoa dầu...

Vĩnh chưa kịp tìm hiểu nốt thì Mai đã sang, đem theo cốc nước trà còn hơi khói.

— Tôi pha đường nữa đây. Tôi thấy nói người một uống nước đường mau lại sức.

— Ai bảo có vậy?

— Bà má tôi, nhưng bây giờ thì không còn nữa.

— Nghĩa là song thân cô đã mất.

— Chưa đúng hẳn ông ạ. Má tôi mất, ba tôi từ tôi và bây giờ không hiểu người sống chết ra sao và ở đâu?

Vĩnh đỡ lấy cốc nước. Mai ngồi xuống thành giường và nâng đầu Vĩnh gắp. Nước nóng làm Vĩnh toát mồ hôi, Vĩnh cảm thấy khoan khoái vô cùng. Mai đặt Vĩnh xuống và khẽ rút tay ở sau gáy

Vĩnh ra. Vĩnh nắm tay nàng:

— Có Mai...

— Dạ...

Vĩnh úp hai tay kẹp lấy tay Mai.

— Nếu cô cho phép.

Mai không đáp và cũng không rút tay về.

— Bà Phán có nhắc từ cô đi chợ Tết, cô có thể cho tôi gửi mua ít thức được không?

Mai bẽn lèn:

— Dạ được. Sao năm ngoái tôi không thấy ông mua gì cả và hình như ông đi suốt ngày ấy.

— Đây là truyện năm ngoái, vì tôi chưa quen biết cô Mai...

— Năm ngoái tôi cũng ăn Tết ở đây mà.

— Đúng, nhưng tôi không biết Mai, đúng hơn là tôi không muốn biết Mai với lối người vũ nữ và lại tôi không thấy tôi có độc. Tôi sống cho tôi, cho lý tưởng của tôi mà không muốn ai xen kẽ.

Mai gỡ tay ra khỏi tay Vĩnh:

— Thôi xin phép ông, tôi phải sửa soạn đi chợ. Bà Phán hẹn tôi 10 giờ, bây giờ đã 9 giờ 45 rồi.

— Có Mai.

— Dạ.

— Thế nào, cô nghĩ gì về ý kiến của tôi?

— Tôi không nghĩ gì cả, tôi chỉ cho rằng việc làm của tôi chỉ là việc làm của người hàng xóm. Tôi có thể hành động như vậy với người hàng xóm khác nếu họ gặp trường hợp như ông.

— Mai không thật, ít ra Mai cũng đã có ý nghĩ khác về tôi.

— Sao ông biết?

— Tôi đọc thấy những ý nghĩ ấy trên đôi mắt Mai...

Có tiếng chân quen thuộc. Mai vội vã chào Vĩnh rồi bước ra. Bà Phán đẩy cửa ngoài bước vào.

— Thế nào cô Mai, sửa soạn rồi chứ.

(Xem tiếp trang 37)

6 BÀI THƠ PHAN KHÔI



AO, khoảng cuối thu năm Đinh Hợi (1948) nhân một chuyến ngược lên Yên Bái để mua dấm, tôi đã có dịp gặp và thăm cụ Phan Khôi hồi đó đang ở Âm Thượng thuộc huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ. Cuộc hội kiến không lâu quá nửa giờ vì ngày ấy tôi chỉ là một thanh niên theo đuổi theo công nghệ giấy còn cụ tú Khôi là một nhân sĩ ăn lương, sống tập đoàn trong một trại văn hóa cùng với Mạnh Quỳnh, Thế Lữ, Tô Ngọc Vân v.v...

Cái hình ảnh còn ghi sâu trong tâm khảm tôi về bậc nho sĩ đất Quảng sau cuộc hội kiến, độc nhất trong thời kháng chiến đó là cách uống cà phê của Phan tiên sinh: cà phê cụ rang lấy, đã bằng cối rồi lọc bằng chiếc khăn vải thưa pha vào bát dấm. Hồi ấy đường trắng rất hiếm mà pha cà phê bằng đường cát thì chua cho nên trong buổi tiếp chúng tôi, cụ Phan đã tỏ ra rất lý thú về cách dạy chúng tôi uống « cà phê kháng chiến ». Cụ bảo cà phê pha như thế thì phải uống với kẹo bột nó mới ngon và giữ được hương vị: cứ uống mỗi ngụm cà phê thì cần một miếng kẹo bột, chất ngọt của kẹo sẽ làm mất chất đắng của cà phê mà hương thơm của cà phê vẫn còn. Thế rồi khi tiễn chúng tôi ra thuyền, cụ cười nói đùa một câu thật là ý nhị: cụ bảo chất đắng là lãnh đạo, hương thơm là kháng chiến còn chất ngọt của kẹo bột chính là nhân dân; lấy cái tình dân tộc mà chiều cái đắng của lãnh đạo đi thì mới thấy được cái hương vị của kháng chiến.

Mấy năm gần đây khi nghe tin về vụ án Nhân Văn, Giai Phẩm rồi đọc kỹ những bài của cụ viết — hoặc văn xuôi hoặc văn vần — tôi không khỏi cảm thấy kính phục và hãnh diện: kính phục cái chí bất khuất truyền thống của Nho gia và hãnh diện vì dân tộc mình qua mỗi thế hệ và trong mọi hoàn cảnh đều đã sản sinh ra những bậc trí-dũng mà Phan Khôi tiên sinh là điển hình. Năm ngoái nhân nói chuyện về cụ tú Khôi, ông bạn già Trương-xuân-Miến có dở ra cho tôi xem 6 bài thơ bằng chữ Hán do chính Phan tiên sinh đã viết tặng anh trên giấy lụa đó hồi hai người còn sống cạnh nhau ở Xuân Áng thuộc Thanh Ba (Phú Thọ). Thấy trong 6 bài thơ đó có bao hàm cả tâm sự u-ân của một kẻ sĩ yêu nước thương dân giữa cảnh máu chảy xương rơi mà lớp « kiêu thủ » (dân đen) phải nhận chịu, Hiếu Chân tôi bèn trao cho anh Giản Chi xem để dịch ra thơ Việt, bởi lẽ kẻ hậu học nông cạn này không đủ lời để diễn dịch tư tưởng của bậc tiên Nho.

Nay nhân dịp tân xuân, xin đăng lên báo Tự Do để cống hiến quý vị độc giả.

Nam Đô một ngày trọng đông Tân Sửu (1961)

HIẾU - CHÂN

Tặng Hà Nội đồ cầu gió

(Thư tặng Trương-xuân-Miến hữu huynh.)

Thảo trạch anh hùng tận
Tư nhân toại cầu đồ.
Khán thiên song nhữn bạch
lập địa nhất chùy vô
Hoành tử bi kiêu thủ
Hư sinh nộ thu nhỏ
Trịch đạo thời cổ nghệ (1)
Sát khí mẫn giang hồ.

Đinh Hợi Đông
PHAN-KHÔI

(1) Mục bốn chữ hữ đọc là « nghệ » (nghĩ lễ thiết) chứ không phải « mện » như phần nhiều vẫn lầm.

Tặng người bán thịt chó ở Hà Nội

Thảo dã anh hùng hết,
Ông đi bán thịt cầy.
Cầm dùi không tác đất;
Quắc mắt trắng ngàn mây.
Chết gục thương trăm họ,
Buồng xuôi giận mấy thầy.

Quảng dao ngó lui tới;
Sát khí hồ sông đầy.

Chép tặng ông bạn Trương-xuân-Miến
Mùa Đông năm Đinh-Hợi
PHAN - KHÔI
GIẢN-CHI lược dịch ra tiếng Việt
11 - 11 - 61

Trừ tịch túc ca giả gia

Trương-xuân-Miến Tiên Sinh huệ tòn

Vô địa trung nguyên trước thử sông
Giang hồ triển chuyển tuế hoa canh
Hồn oanh lâm hạ quy phi ổn
Thân tại hoa gian mộng bất kinh
Dạ độc văn ca thương Tử Dã
Thời nguy quá cổ cầm Nê Hành
Bách niên nghịch lữ đồng khanh đẳng
Hà dụng minh triêu tịch biệt tình

PHAN-KHÔI

Đêm ba mươi Tết ngủ lại nhà hát

Đất củ dầu dung kẻ mọn này,
Xuân đi, xuân lại, nổi trôi hoài!
Hồn vương lâm tẩu về không nở,
Thân gửi yên hoa mộng khó phai.
Tiếng trống Nê Hành đau buổi loạn;
Câu ca Tử Dã sót canh dài.
Trăm năm quán trọ như nhau cả,
Vê! tiếc đưa gì nửa sáng mai!

Gửi Trương-xuân-Miến Tiên Sinh
lâm kỷ niệm

Bản lược dịch của GIẢN-CHI
11 - 11 - 61

張春勉先生惠存
潘璣
除夜宿歌者家
中原無此傷
汪水轉轉歲年更
魂夢蒼苔下
身在花間夢不醒
夜闌聞鼓角
時危槌鼓氣
劇百年逆旅
鄉客何用如
惜別情

Xuân áng tức cảnh (tứ thủ)

(Hữu ký nhất)

Thanh sơn tam diện đoạn hoàn liên
Trung hữu sơn thôn tập thủy điền
Phước dã dân phong tồn cổ nghị
Doanh dư cốc thực, lữ phong niên
Trúc đồng phụ thủy phan tăng đáng
Phạn khóa khu lê sản hiệu yên
Độc đối thủy vi ngạo viên điều
Ngẫu nhân tị địa đắc lâm tuyền.

Tức cảnh xuân áng (bốn bài)

Núi xanh ba mặt bữa không liên,
Giữa : « bản », « buồn » nằm, ruộng
nước xen.

Dân, thói lễ xưa, quen chất phác ;
Lúa chiêm mùa tốt, sống no yên.
Ông bưng đeo nước, sườn non vúi,
Cơm gói lúa trâu, đợt khói lên.
Ngó vượn, xem chim bên đình biếc ;
Tản cư mà được thú lâm tuyền.

春登即景四首
青山三面新還連
中石山村雜水田
橫望民風存古直
羸餘穀名度垂年
竹筒負水攀層磴
飯裏腥犁趁曉烟
新對翠潏傲猿多
偶因遊地得林泉
右其一

蒼碧盈人望子窮
禾麻成隴移成叢
曠身青嶂添同白
林火黃昏分外紅
耕罷村翁歸寺月
淡歸少婦理髮梳
風牽山俯揖水遙
客便起携家老
此中
右其二

(Hữu ký Nhị)

Thương bích doanh doanh vọng bất cùng
Hòa ma thành lũng thụ thành từng
Khoảng toàn thanh chương lưu gian bạch
Lâm hỏa hoàng hôn phận ngoại hồng
Canh bãi thôn ông sử hạ nguyệt
Dục quy thiếu phụ phát xạ phong
Quần sơn phủ áp như yêu khách
Tiện dục huê gia lão thủ trung

II

Xum xê làn biếc vút chân mây,
Nương lúa, nương gai, lẫn khóm cây.
Lạch mỏ lưng non xanh dát bạc ;
Lửa rừng chập tối đỏ hơn ngày.
Tầm về gió thổi bà hong tóc ;
Việc nghỉ trăng theo lão vác củi.
Chòm núi nghiêng đầu như đón rước,
Muốn đem nhà cửa đương già đây.

(Hữu ký tam)

U hoàng ngộ dạ hoặc văn kê
Báo hiệu ca thanh bách điều tề
Cồ sủy bình minh triết oa tấu
Âm tình canh diệt nhậm viên đề
Vu từ sát độc đông tây mẫu
Đoạn tục tiêu ca thượng hạ Khê
Quần động hót nhiên đồng khuých tịch
Phi cơ hương xứ bạch vân đề,

III

Trúc bát đêm khuya thoảng tiếng gà ;
Bầy chim gọi sáng giống nhau ca.
Nồi kèn, nồi trống : ếch im bắt,
Dù nắng dù mưa : vượn hót già.
Nghe quát nương bên, người lững
thững

Tiểu ca khe nọ, tiếng ếch a.
Xôn xang bông chóc yên lăm tập :
Vũ tiếng phi cơ... mây trắng xa...

去年午夜或聞鷄
報曉鳴聲古寺多
鼓吹分明擬蛙看
春陰晴更迭任猿
啼行徐換吹東西
飲新綠態歌上可
新輝動忽能同圓
寂飛梭響安白
雲低
右其三

(Xem tiếp trang 40)

VÀI KỶ NIỆM VUI BUỒN TRONG ĐỜI VIẾT BÁO

TRẦN VIỆT SƠN

Tôi bước vào nghề báo, giữa một năm ly loạn, dè dặt thấy ngay rằng nghề đó lý thú nhất, lý thú hơn tất cả các nghề khác, kể cả nghề dạy học và nghề công chức mà tôi đã có trải qua. Nghề báo đem lại cho người viết sự mới lạ thay đổi hàng ngày, và do vậy, nó không hề gây ra chút buồn chán nào, kể cả trong những trường hợp mình bị « hốt » ! Vì cái « hốt » cũng có sự lý thú của nó. Kể viết báo trọn một ngày trải qua biết bao nhiêu cái vui, cái buồn, cái giận, cái mừng, kể tiếp nhau không ngừng.

Ngoài ra, nghề báo còn đem lại hai cái thích thú : cái thích được biết trước những sự việc và biến cố xảy ra, kể cả những điều bí mật, những điều cấm, những cái bí hiểm trong những hành vi giáo quyết ; và cái thích được trình bày những điều ấy với bạn đọc, hoặc trình bày huyếch tặc, hoặc trình bày lắt léo để tránh mũi gươm luôn luôn kẻ thù... (nói đúng đây ! Vì sây bút một chút là chết dễ như chơi), hay thường thường là để tránh mũi kéo của « bà Kiểm Duyệt ».

Hồi ấy, năm 1940 — người Nhật vừa dấn chân lên xứ Đông Pháp. Dân Việt chịu đựng hai chủ một lượt, nhưng đồng thời cũng nhìn thấy những tia hi vọng để thoát vòng nô lệ. Thời cuộc xáo trộn, thì làng báo càng sôi nổi. Người đọc hàng ngày nóng ruột chờ tờ báo, thì mình hàng ngày cũng nóng lên Tòa soạn để kiểm những tin từ bốn phương bay tới, những tin đáng được cũng như những tin không đáng được. Rồi, mỗi lần, để thấy cả Tòa soạn sôi sục lên xào nấu tin tức. Hồi trước, khi chưa vào nghề, mình có 2 quan niệm đối chọi nhau về báo : đôi lúc, mình tưởng nhà phóng viên, nhà báo là một tay trình thám đại tài, một vị thần trong các vị thần, có hành tung xuất quỷ nhập thần và được người người mến phục ; nhưng đôi lúc khác, mình lại nghĩ rằng làm báo là viết tin tức, thì cũng chẳng có chi là khó. Những công trình tìm tòi trong sách vở, những bài học hàm thụ về nghề báo đã cho mình những ấn tượng khá hay về báo chí mà mình tưởng sẽ có ích cho mình lúc bước vào nghề thật sự. Nhưng từ ngày sống trong Tòa Soạn, mới thấy mọi sách vở và bài học chỉ là thuyết mớ hồ.

Trong những cơn sôi sục của Tòa Soạn để xào nấu tin tức hàng ngày kia, trí não người viết báo lúc nào cũng căng thẳng. Chủ bút bù đầu đọc thư độc giả, tìm hướng đi hàng ngày, là chuyện dĩ nhiên rồi. Thư ký Tòa Soạn lo canh chừng bài vở dài ngắn, và ráp, nối dài, cắt ngắn, tìm tít cho hay cho lạ, cũng bù đầu là phải. Nhưng cái ông chuyên về tin tức hàng ngày trong thành phố và ở các tỉnh kia mới lại càng bù đầu hơn ai hết. Chẳng ai có phép thần thông, chi hết. Công việc đại để thế mà lại khó!

Ra bộ Cảnh sát chép, ra Tòa nghe, lên Tòa Tỉnh Trưởng, là biết hết. Ấy thế mà ai cũng lại cần phép thần thông : phép viết. Một chữ hạ xuống tờ giấy trắng, là đến hôm sau đã tung ra khắp chợ cùng quê, khắp hang cùng ngõ hẻm, động chạm đến ông này bà nọ. Cái tin là cái tin nhưng nói dờ cho họ thì họ chẳng chịu, mà nói hay cho họ có khi họ cũng chẳng ưng. Có ông đi lừa phải vác mặt ra trước vành móng ngựa rồi, mà vẫn đòi nhà báo cải chánh rằng ông hoàn toàn trong sạch. Có bà bị chồng bắt quả tang ngủ với nhân tình, vẫn đến cả khuya rằng nhà báo nói ầu.

Bởi thế mà cái ông viết tin hàng ngày, vừa mệt vì viết tin phải cân nhắc, vừa mệt vì tiếp khách đến cải chánh hay đến cải lộn. Phải sáng suốt, phải cứng rắn, phải khéo léo, như một ông Bộ trưởng ngoại giao vậy. Khó mà dễ, dễ mà khó là thế.

Tờ báo lên khuôn rồi, ai nấy, tòa soạn cũng như anh em nhà chữ, thờ đánh khi, khoan khoái. Nhưng rồi ai nấy lại dầm chiêu, lo tìm hiểu tờ báo mình hơn báo người cái gì, thua kém người ở tin tức nào, và vội đặt ngay hướng đi cho ngày hôm sau. Đời làm báo là đời căng thẳng ! Vui là ở đây !

Những ngày Đức Quốc Xã phá tan nước Pháp, xua quân chiếm đất Nga, là những ngày lịch sử ảnh hưởng cả đến nhà báo — lúc ấy đặt tại phố Hàng Gai, Hà Nội. Tăm cửa sắt nhiều phen bị trẻ em bán báo phá tung ra để tranh mua báo sớm. Tòa soạn nhộn nhịp như một cái máy dệt : những cây bút

dịch liên hồi, chạy sào sào trên giấy, những chú nhỏ tùy phái chạy đưa bài như con thoi, trong khi trẻ em la hét đòi báo sớm. Cuối cùng thì tờ báo xếp chữ xong. Nhưng nào đã xong ! Vì còn phải đưa kiểm duyệt.

Cái khổ tâm nhất của người viết báo, là vấp phải bà kiểm duyệt. (gọi là bà — nhưng thật ra là một ông tây người Pháp, rất tinh khôn, giỏi tiếng Việt hơn là người Việt !) Tuy nhiên, cái thú của người viết báo, cũng lại được bà Kiểm Duyệt ngồi ộp bên cạnh. Không có bà Kiểm Duyệt mới thấy nhớ làm sao ! Cũng như thế người ta ăn cay, đồ cả nước mắt nước mũi, lưỡi như muốn rụng mất, thế mà vẫn cứ muốn ăn cay như vậy.

Ông tây Kiểm Duyệt thời đó rất tinh khôn, và nhà báo lấy làm khó chịu về cái tinh khôn của ông ta lắm, lẽ dĩ nhiên. Tuy nhiên, ông ta lại nắm vững trách nhiệm trong tay, nghĩa là ông ta không sợ trách nhiệm. Nói thế có nghĩa là bài nào ông ta muốn cho đi thoát, là ông ta cương quyết cho đi, không sợ xếp của ông ta rầy. Vì không sợ xếp nên không bỏ. Nhiều lúc về sau tờ báo bị xóa nát vì những ông Kiểm Duyệt khác sợ lụy đến thân, mình mới thấy rằng « nhà báo, thà rằng gặp ông Kiểm Duyệt khôn ngoan mà không sợ xếp, còn hơn là gặp một ông

Họ thấy ngay là tin đúng đấy. Cứ tin cái chính là tin có thật ! Không lừa, sao có khối ? Mình có đăng tin cải chánh là mình vượt qua mặt kiểm duyệt và độc giả hiểu mình.

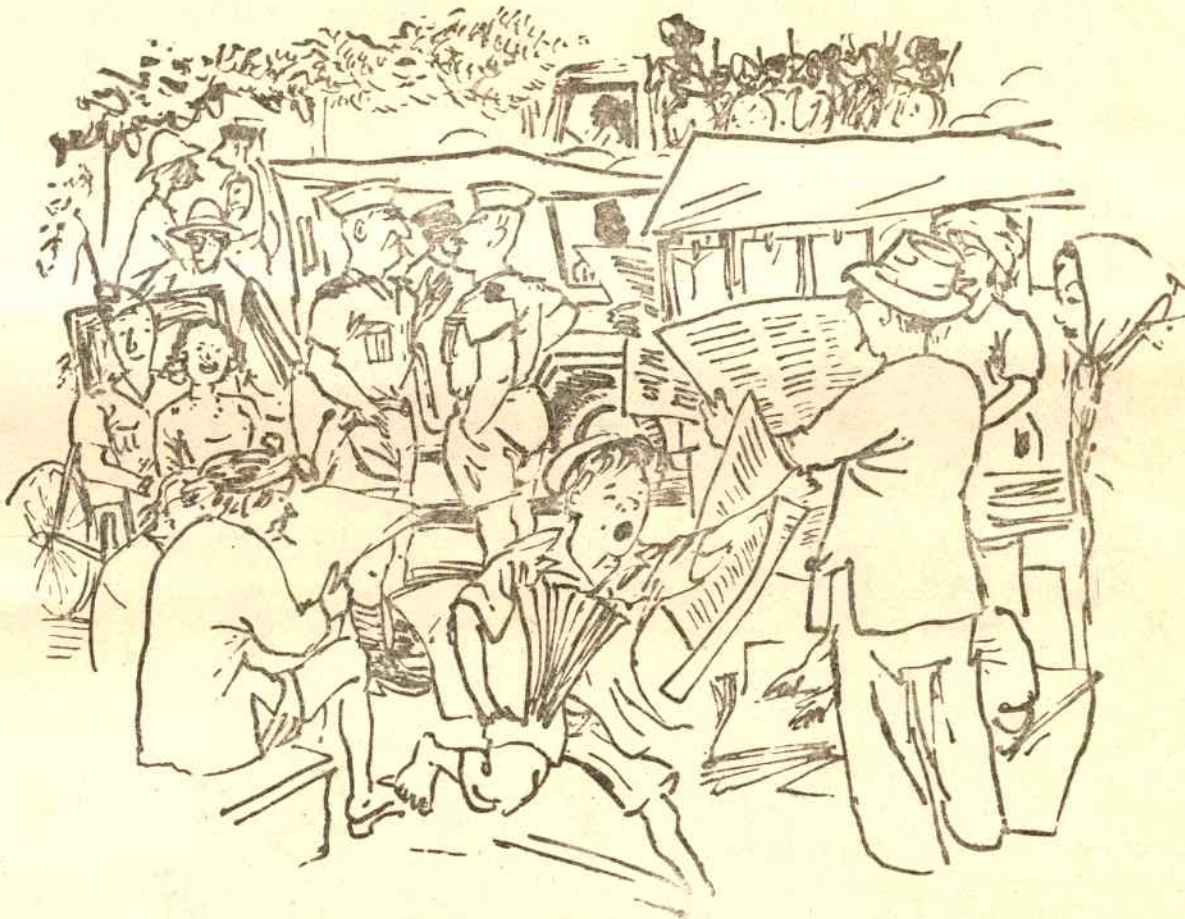
Quả nhiên đúng !

Trong việc Kiểm Duyệt, nhà cầm quyền nhiều khi động lòng một cách lỗ bịch. Năm đó là 1943. Một cuốn phim được chiếu ở rạp Philharmonique (Hà Nội) dưới tiêu đề « L'Amiral mène la danse » (Đã độc hướng dẫn cuộc khiêu vũ). Hôm sau, đồn quảng cáo trên các báo cũng bị sửa lại, chỉ vì người cầm quyền tối cao hồi đó là một ông đồ đốc : Đốc đốc Đơ Cu (Decoux). Ít năm sau, một ông bộ trưởng Thông tin đã bỏ luôn cả một tin ngoại quốc ở một nước rất xa xôi, tại Nam Mỹ, tin ấy bảo rằng « ông Bộ trưởng Thông tin ở nước họ đã « ăn hối lộ ». Có lẽ ông Bộ trưởng có tật giật mình.

Một ông tây Kiểm Duyệt khác, ý chừng làm mặt khờ, mà lại thành ra đại. Ông bỏ một cái tit lớn, nhưng không bỏ bài, để thiên hạ khỏi chú ý. Không ngờ thấy một hàng tit bỏ trắng, thiên hạ về lấy tờ báo, đọc mà mãi trong bài, không sót một chữ. Lần khác, cái tựa « 10.000 quân Đồng Minh đổ bộ Bắc Pháp » ông sợ con số 10.000 quân gây xúc động, nên bỏ luôn. Cái chỗ trống ở chỗ 10.000, được độc giả hiểu là 1 triệu ! — và cái chỗ trống ấy gây xúc động không biết bao nhiêu lần nhiều hơn.

Cái thú của người cầm bút là lừa được ông Kiểm Duyệt, và đây là cái hi vọng duy nhất của người viết báo trong những chế độ Kiểm duyệt — cái thú ấy không có nghĩa là nhà báo mong được kiểm duyệt.

Trong đời làm báo của tôi, chỉ được biết có một trường hợp : một ông chủ báo vỗ đùi đánh đét một cái và mừng hóm rằng : « chế độ kiểm duyệt thành lập rồi ». Ông là một chủ báo chuyên làm tiền, không ưa đấu tranh. Còn ngoài ra, đã cầm bút



Kiểm Duyệt ngu đại mà sợ trách nhiệm ! » Vì ngu đại mà sợ trách nhiệm, thì ông ta bỏ tất, hơi nghi ngờ là bỏ, là xóa, luôn cả những bài có lợi cho đường lối mà ông bảo vệ.

Cái thú của nhà báo là lừa được ông kiểm duyệt tinh khôn.

Cầm bản tin mật trên tay, mình thấy không biết bao nhiêu là tin hay, nhưng chắc chắn là không đăng được. Những tin như Đức rút lui, Nhật thua xiềng liềng, Đồng Minh tiến như vũ bão, Tổng trưởng trong chánh phủ Pê-Tanh bị du kích bắt cóc, thế nào cũng sẽ bị Kéo Kiểm Duyệt cắt. Bền bảo với ông anh :

— Đăng được những tin này mới lý thú.

— Thì cứ đăng ra, có sao.

— Nhưng thoát sao khỏi kéo kiểm duyệt.

— Phải lừa nó mà đi qua. Đây đây những tin bại trận của Nhật ! Mình đăng ra rồi dưới mình để là tin không được xác nhận. Đây đây là những tin Đồng Minh hãm Nhật. Mình cứ đăng ra rồi mình để là Nhật bắt cần ! Là đi thoát !

— Sợ độc giả hiểu lầm ?

— Độc giả khôn lắm mà !

thì phải có đấu tranh cho người viết được tự do, cho lời mình nói đến tai bạn đọc.

Tuy thế mà trong mấy chục năm qua, có một thời người cầm viết được hoàn toàn tự do viết, thế mà lại là thời kỳ bi đát nhất trong lịch sử cận đại.

Thời cuộc và công việc thúc đẩy tôi vào Nam từ 1944. Năm 1945, Saigon trải qua đủ thứ biến cố, và rồi cuộc kháng chiến bắt đầu sau khi Pháp chiếm lại Saigon. Từ đây, báo chí lục tục xuất bản ở Saigon, ra nhiều gấp mấy bây giờ. Tuy phải xin phép mới ra được, nhưng để xin làm. Và mỗi sáng, trên ba chục tờ báo khác nhau bày ra đầy đường, mỗi người dân ra đọc qua những hàng tit, rồi bỏ tiền mua cả chục tờ báo đem về coi. Thật là thời kỳ vàng của báo chí, chưa từng thấy ở Việt Nam, và đến nay cũng chưa thấy lại (năm 1946).

Người dân mua báo là vì đương say sưa kháng chiến và báo chí Saigon, xuất bản ở miền đất thuộc Pháp, lại được tự do viết vì không có kiểm duyệt, và vì thế mà cứ phóng bút muôn năm Hồ Chủ Tịch ! Tướng Nguyễn Bình được tả như vị thần từ trời bay xuống ! Cứ mỗi trận đánh xảy ra, là báo chí

(Xem tiếp trang 12)

THƠ

XUÂN MỚI

Ra đi chẳng nhớ tự đêm nào.
Đến đây không biết đây là đâu.
Ngang đầu: khuôn chữ mới;
Vàng sao ngậm chặt nghĩa thiên-thu.

★

Cái xuống dòng thăm, mạch địa-từ:
La-bàn kim chết đứng...
Thời-gian bước hững
Ra ngoài Hiện-Hữu rồi chẳng?

★

Không-gian cũng vận mình;
Cả ba chiều gẩy thẳng-bằng.
Trượt qua diêm uốn,
Hệ Thái-Dương vừa đời dấu Ấm.

★

Kỷ niệm mang-mang tràn về tâm hồn...
Trắng đứng ra làm định-tĩnh.
Hoa từ nay có mặt nhưng vô hình;
Nắng tím đốt không phai, chỉ là bóng!
Chỉ là hương, gió hái mỗi rời tay!

★

Bức tranh «Vũ trụ hồi nguyên»
Phá hết khung phương hướng
Nét thủy hình kim chen cài thò mọc
Ảnh lên màu hỏa thành Thơ...

★

Lật ngược Càn-Khôn tìm đáy tút
Bắt được Mùa Xuân tình cờ.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

SAIGON — 1962

(Trích thi-tập TRỜI MỘT PHƯƠNG)

VÀI KỶ NIỆM VUI BUỒN TRONG ĐỜI VIẾT BÁO

(Tiếp theo trang 11)

lại đua nhau đăng tin tức, hình ảnh, toàn tài liệu
tối mật, và rất lợi cho kháng chiến!

Cái phong trào tự do báo chí ấy nảy nở ở đất
Saigon thuộc Pháp, như đám vào mặt thực dân
Pháp. Ai cũng khen nhà báo can đảm tuyệt vời!
Cái bí mật là ở chỗ đó.

Phong trào nịnh cụ Hồ bắt nguồn từ một bài
báo của tờ Caravelle, cơ quan chánh thức của quân
đội Viễn Chinh Pháp. Bài báo nhan đề: «L'homme
du jour: Hồ chí Minh» và tả «Hồ chí Minh là
con người kỳ tài, mắt sáng như đèn điện, là cánh
tay phải của Xít Ta Lin, là đàn anh của Mao
trạch Đông, là bậc thầy của Thorez». Báo Việt
Nam đua nhau dịch. Rồi đua nhau ca tụng, đề tin
rằng Hồ Chí Minh đã là thầy của Thorez, thì đảng
C.S. mạnh nhất ở Pháp hồi ấy thế nào cũng giúp
Việt Nam, và Xít Ta Lin thế nào cũng diệt được
các thực dân, để quốc đề đưa Hồ chí Minh đến chỗ
thắng trận hoàn toàn.

Tất nhiên cuộc kháng chiến của toàn dân được
nhấn mạnh là do Cộng sản lãnh đạo một cách... rất
sáng suốt, rất đúng đường lối. Chủ nghĩa Cộng sản
được phổ biến công khai trên mặt mấy báo ở Saigon.
Những trận đánh trong đó Nguyễn Bình tiêu diệt
kháng chiến Quốc gia (bộ đội An Điền, lực lượng
Tông Công Hoàn, Cao Đài, Hòa Hảo v.v...) được
trình bày như những kỳ công của Cộng sản để tiêu
diệt bọn phản động. Cộng sản muôn năm! Hồ chí
Minh muôn năm!

Hàng ngày, báo chí ở đất Saigon đăng luôn cả
những tin tức trong các thông cáo Việt Minh nữa. Tuy
phái Việt Minh đạp xe đến tòa Báo đưa thông cáo
và báo bí mật, hàng ngày. Mà chẳng bao giờ bị bắt.
Nguyễn Bình triệu tập Hội nghị Văn hóa Cứu quốc,
một số nhà báo có tên tuổi đi dự, ở bùng, gần Gò
Vấp. Một tờ báo đăng huých tẹt tên các người đã
đi dự hội ở bùng và đã về Saigon! Ai cũng chờ
đợi những người đó bị bắt! nhưng không ai bị lính
kín quấy rầy chút xíu nào!

Thật quái gở! Người Pháp tôn trọng tự do
dân chủ đến thế là cùng! Nhưng cái bí mật lại là ở
chỗ tự do dân chủ ấy. Vì, hàng ngày, các tờ báo
Saigon được tự do ăn nói, và sắc mùi Cộng sản,
được đi vào mũi các đại diện Mỹ ở Saigon, với
những bài ca tụng Xít-Ta-Lin, những thơ của Tố
Hữu, những thuyết của Các Mác, những giọng đã
đào Đế quốc Tư Bản Mỹ-Pháp, những đề tựa
thần thánh hóa Hồ Chí Minh, những lời hiệu triệu
đỏ lòm của những Phạm văn Đồng, Võ nguyên Giáp
— tất cả những cái đó được đi vào mũi những
người Mỹ ở Saigon và Hoa thịnh Đốn với những
lời lẽ chắc là tương tự như thế này:

— Này! giúp cho nhiều bom napalm và tiền
bạc, mau mau lên, không có chết đấy. Chúng nó
chính cống Cộng sản, cứ coi báo Saigon thì biết!
Toàn dân Việt Nam đã đỏ hết rồi!

Làng báo Saigon đã gặp một thời bị đất nhất.
Nhưng nói gì làng báo Saigon! Đến chánh quyền
Mỹ và các ngoại tướng Acheson, Foster Dulles cũng
bị ăn đòn thực dân đề mang tiếng là thực dân luôn,
họa chẳng là chánh quyền sau ở Mỹ mới có thể rửa
được cái tiếng đó bằng cách thẳng thắn công
nhận lỗi lầm.

Trong khi ấy, chánh quyền Pháp lâu lâu lại rần
rần đóng cửa báo Saigon (cho câu chuyện thêm mắm
muối và trôi chảy) — nhưng đề rồi lại lục tục cho ra
lại. Chỉ có những tờ báo thật sự Quốc Gia, như
Quần chúng, Đuốc Việt, khi bị đóng cửa, là chết
luôn.

Thời thế vẫn xoay vần. Đến đầu 1957, kẻ cầm
viết này dừng lại ở... bến Tự Do, Tự Do! Báo chí
mà kỳ! Khó khăn số một! Tít li nhí! Đọc không vô!

— Ấy cứ ngược đời thế đấy! (tưởng trẻ Như
Phong bảo vậy). Đời ra ướt, thì mình cứ khô. Đời
ra tít giắt gân, mình cứ sự thật mà kể và chỉ ở trong
sự thật thôi. Thét rồi đời sẽ bảo rằng mình không
nói sàm, và điều nào mình nói ra thì đời sẽ tin.

— Nhưng cũng phải bày hàng ra cho sắc số
mới ăn khách chứ.

— Không! Khách hàng ăn Tự Do một cách
nhân nhả, đọc từng giòng chữ để tìm ra cái thú. Vì
cái thú ở từng giòng, đâu phải ở cái tít. Con người

quý ở cái da thịt, cái đầu óc, hay ở cái áo tấc ni
có lo?

Thế là chết một cửa cho kẻ viết, đấy! Anh
chàng Như Phong giờ vẫn đề trách nhiệm ra đấy.
Nghĩa là: muốn bình phẩm một biến cố trên thế
giới, mình phải kiểm đọc đủ các thứ báo quốc tế
nhận xét đủ thứ lập trường, tìm tòi mọi khía cạnh,
từ mục đích bề ngoài vô bổ đến mưu tính thâm kín
của những kẻ chủ động tạo ra lịch sử. Một tin giắt
gân phùng lên, làm bờ vĩa kẻ cầm viết? Khoan!
Phải đi tìm nguồn gốc, tìm những sự xác nhận,
chừng nào thấy đúng hấy dăng. Đừng sợ ai cướp mất
tin ấy trước. Vì thà rằng thiếu một tin còn hơn đăng
một tin lừa đọc giả rồi lại phải cải chánh.

— Mình chất vấn lại:

— Nhưng có khi tin đúng mà sợ rằng thiên hạ
không tin đấy.

— Thí dụ?

— Thì «Tin miền Bắc» đấy, ai tin? Nếu Có
Thần không trưng ra đủ bằng cứ.

— Thí dụ bằng cứ?

— Những nguồn tin của mình, những phép
thuật lấy tin, những tài liệu... Đành rằng nhà báo
phải bảo vệ nguồn tin, nhưng ít ra mình phải chứng
minh phần nào mình có tin đúng.

— Khỏi! những tin đúng tự nhiên là được
xác nhận. Thí dụ: «Nhiều tin đọc trong sổ khai tử»
miền Bắc đã được chính thân nhân về sau ngạc-
nhiên là đúng, vì sau đó đã được tin. Và chẳng,
những tin miền Bắc đâu có chỉ là, đúng chủ thuyết
C.S. mà. Với lại, khi cần, đã có những hình ảnh trưng
bãi báo miền Bắc đấy thôi!

Giòng đời kẻ cầm viết vẫn cứ trôi trong sự sôi nổi,
ít nữa cũng sôi nổi trong tâm can. Ở bên mình, hàng
ngày, vẫn có những kẻ cầm viết khác sôi nổi bộc lộ
cả ra cử chỉ: anh Phạm viết Truyền đi sục sạo
từng tài liệu nhỏ cho thật đầy đủ rồi mới chịu cầm bút
viết, anh Hiếu Chân cay cú từng chữ đem ra chơi và
chửi đồng khi thấy tờ mình nhả ra không được đem
lên máy in vì những lý do ngoài ý muốn, anh
Cò Thần khoái tít đi khoe những sự thật
mới nhất vừa xảy ra ở Hà Nội, anh Trục Ngón lớn
tiếng chửi những cái đáng chửi rồi ra trong tin tức,
anh Hà Thượng Nhân viết như máy những
lời chanh chua nhất mà thật ra anh rất
hiền hòa đứng đắn, anh Văn Huyền thức đêm
viết bài đề bao ngày quan sát các quái vật thời
đại, anh Văn Thanh luôn luôn bầu chặt vào
những ý tưởng của mình, anh Thu Giang đi khoe
những ý tưởng táo bạo trong bài đọc giả, anh Vũ
Bình không sợ sủng (diệc mà) chỉ ham đi những chỗ
không ai ham lúc này, và hai anh Tý Bái, Khói
Sóng thách nhau giải, và dèo, mặc dù đã chiếm
kỷ lục thế giới về dèo và giải.

T.V.S.



— Nhà tôi bảo đến xin ông chủ
cho vay một tháng lương trước ăn
Tết!

— Để tôi cũng phải thăm dò ý
kiến nhà tôi mới được.

LIÊU TRAI CHÍ DỊ

CÁI NGHIỆP SỢ VỢ

(GIANG THÀNH)

Nguyên tác của BỒ TÙNG LINH

NGUYỄN HOẠT dịch

CAO SINH tên Phiến, người Lâm Giang, thông minh từ nhỏ, dung mạo lại đẹp đẽ. Năm mười bốn tuổi đã đậu vào học trường huyện; các nhà giàu trong miền tranh nhau đem gả con gái cho nhưng chàng kén

chọn rất nghiêm ngặt. Bởi vậy đã nhiều lần khăng khăng không chịu vâng theo mệnh cha. Cha là Trọng Hồng, tuổi đã sáu mươi mà chỉ có chàng là con một nên thương yêu rất mực, không nỡ để con phật ý bao giờ. Nguyên trước ở thôn Đông có ông già họ Phan đem gia quyến đến thuê nhà của cha Cao Sinh để mở trường dạy võ lòng cho trẻ trong phố huyện. Phan ông có một cô con gái, tiểu tự là Giang Thành, cũng tuổi với Cao. Năm đó, cả hai mới lên tám lên chín chơi với nhau rất tương đắc, ngày ngày cùng nhau đùa nghịch. Về sau Phan ông dọn nhà đi nơi khác, tính ra đã bốn, năm năm không hề nhận được tin tức. Một ngày kia, Sinh đang đi trong một ngõ hẻm bỗng thấy một nữ lang điếm lệ tuyệt trần, theo sau có 1 con hầu chừng lên sáu lên bảy. Chàng không dám quay mặt lại nhìn, chỉ trông ngang liếc trộm, thiếu nữ đứng dừng lại nhìn chàng rồi ngáp ngừng như có điều muốn nói. Cao nhìn kỹ lại: thì là Giang Thành vậy. Vừa mừng vừa sợ, cả hai đều không nói nửa lời chỉ đứng đứng nhìn nhau một lát rồi cất bước, nét mặt thẫn thờ quẩn luyến. Sinh bỗng có ý để rơi chiếc khăn hồng xuống đất mà đi. Con hầu trông thấy vội nhặt lấy, mừng rỡ đưa cho thiếu nữ. Nàng cũng ngấm rút trong túi ra chiếc khăn của mình để đánh tráo vào khăn của Sinh rồi giả vờ bảo con hầu rằng:

— Cậu tú họ Cao không phải ai xa lạ, chớ nên nhặt của rơi của cậu ấy làm gì. May hầy chạy theo trả lại khăn cho người ta. Quả nhiên con hầu không nhận ra vội và đuổi theo trả khăn cho Sinh. Chàng được khăn mừng lắm. Về nhà tìm gặp mẹ để bàn chuyện cầu hôn, bà mẹ nói:

— Nhà ấy không có lấy nửa gian để ở, nay Nam mai Bắc, nổi trôi vô định, may lấy sao được?

Sinh đáp:

— Đó là điều tự lòng con muốn, mai sau dù có thế nào, con cũng xin chịu không dám hối tiếc.

Bà mẹ thấy thế ừ hừ không quyết định chờ bàn với chồng. Trọng Hồng nhất quyết không ưng. Sinh nghe chuyện, buồn phiền bỏ cả ăn. Bà mẹ lo quá, bảo với con rằng:

— Họ Phan tuy nghèo nhưng xét ra cũng không phải là phường vô lại gian ngoan, đầu đường số chợ. Vậy để mẹ qua thăm nhà xem sao, nếu người con gái ấy quả xứng đáng như lời con nói thì lấy cũng được, nào có hại gì?

Cao mừng quá vâng vâng dạ dạ. Bà mẹ mượn cớ đến lễ ở miếu Hắc Đế tạt vào nhà họ Phan chơi. Thấy cô gái rằng ngũ mĩ ngọc rõ ràng là một trung tuyệt sắc nên trong lòng yêu thích lắm. Bèn lấy vàng lụa ra biếu rất hậu rồi ngỏ ý cầu hôn cho con.

Bà họ Phan trước còn ngờ lời nhún nhường nhưng sau cũng nhận lời định ước. Về nhà, bà mẹ thuật rõ sự tình lúc ấy Cao sinh mới tươi nét mặt mà cười. Sang năm mới, chọn ngày lành làm lễ đón dâu, vợ chồng rất tương đắc bên nhau lắm. Nhưng cô vợ phải cái tính cá giận, động một tí là nguẩy nguẩy làm mặt người đứng. Rồi dần dần dời ra điều nặng tiếng nhẹ, mĩa mai rủa rới, rức lức điếc cả tai. Anh chồng vì yêu vợ nên phải nín nhịn. Cha mẹ chồng dần dà biết chuyện, trong lòng không vui, ngầm gọi con trai đến trách mắng. Nàng nghe thấy thế, giận lắm càng mang chửi chồng không tiếc lời. Sinh mòn mỏi chờ đợi lời thì nàng càng tức giận, xông vào tát đánh đuổi chồng ra khỏi phòng, đóng tít cửa lại. Sinh cứ lập cập ở ngoài không dám gõ cửa, sau cùng phải ngồi bó gối mà ngủ ở ngoài hè. Từ đó nàng coi Sinh như quân thù. Lúc đầu thấy anh chàng quỳ dài kêu xin nàng còn người giận mà tha cho; nhưng dần dà đến cả việc quỳ gối cũng không linh nghiệm nữa, bởi thế đáng trọng phụ càng thấy khỗ. Cha mẹ chồng cho gọi nàng dâu đến lấy lời lẽ nhẹ nhàng trách mắng, nàng cãi lại miến một, không còn coi ai ra gì. Ông bà Cao tức

giận, bắt con phải mang vợ về trả cho nhà họ Phan. Phan ông, vừa sợ, vừa ngượng bèn nhờ người quen thân đánh tiếng mời ông thông gian sang chơi để điều đình, Trọng Hồng không chịu. Được hơn một năm, một bữa Cao sinh đi đường gặp bố vợ. Bố vợ mời về nhà chơi rồi ngỏ lời năn nỉ tạ tội. Đoạn bảo con gái trang điểm ra lấy chào. Vợ chồng gặp nhau, bất giác bùi ngùi thương cảm. Phan ông liền cho dọn rượu đãi rề, mời đón ăn cơm. Chẳng mấy chốc, trông ra trời đã về chiều, ông nhạc cố chèo kéo chàng về ngủ lại, sai quét dọn riêng giường để vợ chồng Cao ngủ chung. Hôm sau sáng rõ mới cho về. Về nhà, Sinh không dám đem sự tình nói lại với cha mẹ chỉ cố tìm cách che giấu dấu vết. Từ đó cứ năm ba ngày lại mò sang nhà vợ ngủ một đêm mà cha mẹ không hề biết. Một ngày kia Phan ông tự tìm đến thăm ông thông gia; thoát tiên Trọng Hồng không tiếp nhưng sau vì bị hối thúc quá nên đành phải ra mặt, Phan ông quỳ xuống mà xin lỗi và mời sang chơi, Cao ông không nhận, nói thối ra rằng việc đó là tùy ở con trai. Phan ông liền nói 5 đêm qua anh ấy vừa ngủ chơi bên nhà tôi, có thấy điều tiếng gì đâu?

Ông Cao kinh ngạc hỏi:

— Nó ngủ bên ấy bao giờ?

Phan ông liền đem hết chuyện ra thuật lại. Cao ông mặt đỏ bừng đành tạ tội rằng:

— Thật quả tôi không rõ điều đó! Cháu nó đã thương yêu vợ nó như thế thì có lẽ đâu một mình tôi oán ghét con dâu làm gì.

Phan ông đi rồi, Cao ông mới gọi con đến mắng nhiếc thậm tệ. Chàng chỉ cúi đầu không dám ho he. Giữa lúc này, Phan ông đã dẫn con gái đến. Cao ông nói:

— Tôi đã không thể chịu đựng được sự quá đà quá dỗi của một đứa nữ nhi thì chỉ bằng ai ở nhà người ấy; ngay giờ đây xin ông đứng chủ để chứng kiến cho việc vợ chồng tôi ra ở riêng:

Phan ông hết lời khuyên can nhưng Cao ông không nghe. Bèn dọn ra một tòa nhà riêng để ở, khiến một con hầu ở lại để phục-dịch con trai và con dâu.

Như thế được hơn một tháng tình hình êm ả, hai ông bà cũng mừng thầm. Nhưng chẳng bao lâu nàng dâu chứng nào lại tật ấy: trên mặt Cao sinh không lúc nào là không có vết móng tay cào cào. Cha mẹ biết rõ chuyện nhưng cũng nên lòng làm lơ không thêm hỏi đến. Một bữa, Cao sinh không chịu nổi đòn vợ, vội chạy trốn sang nhà cha mẹ bợ phờ hoảng hốt như chim sẽ bị chim cắt đuôi đánh. Ông bà lấy làm lạ vừa cất tiếng hỏi thì nàng dâu đã cầm ngang ngọn roi xông vào. Anh chàng vội đứng tránh cạnh bố; nàng sấn đến mà lôi ra, quát đánh tới tấp. Cha mẹ chồng tức giận ngàn ngút, chửi mắng om sòm nhưng nàng dường như không thêm để ý đến.

Đánh đến mấy chục roi xong mới hằm hằm bỏ đi. Cao ông đuổi con trai ra mà mắng rằng:

— Tao chỉ muốn tránh cảnh um sùm nghịch mắt nên mới phải ra ở riêng như thế này. Còn mày, mày đã thích được con vợ như thế thì sao còn phải chạy trốn đến đây làm gì?

Sinh bị đuổi ra khỏi nhà cha loanh quanh không biết tìm đến đâu để nhờ cậy. Cao ông nghĩ lại, sợ con bị vợ đánh đau quá đến nỗi uất ức mà chết nên bảo chàng ra ở riêng một mình rồi ngày ngày chu cấp cho ăn uống. Lại cho gọi Phan ông bảo

(Xem tiếp trang 14)



CÁI NGHIỆP SỢ VỢ

(Tiếp theo trang 13)

đến mà dạy con. Phần ông vào nhà, lấy hết lời khuyên nhủ nhưng rút cục như nước đổ đầu vịt: nàng đã không nghe lại còn dùng lời sâu cay hỗn xược đối đáp lại. Phần ông đành phát tay áo mà về, thế từ giờ không thèm nhìn mặt nữa. Không bao lâu Phần ông uất ức sinh bệnh rồi cả hai vợ chồng theo nhau mà chết. Giang Thành tuy trong lòng hối hận nhưng cũng không chịu về khóc cha mẹ lấy một tiếng, ngày ngày chỉ việc đứng cách tường mà chửi cạnh chửi khoẻ, cố ý cho cha mẹ chồng nghe thấy. Cao ông đành phải làm thinh vì biết rằng nói ra cũng vô ích.

Từ ngày Cao Sinh ra ở một mình cảm thấy khoan khoái như tránh xa được nước sôi lửa bỏng nhưng rồi cảm thấy lạnh lẽo buồn bã nên ngâm đem tiền đưa cho một mụ mới là Lý thị muốn gả đi đem về phòng, cứ đêm thì đến, chưa sáng đã ra đi. Lâu dần, nàng mong manh biết chuyện tìm đến tận phòng riêng của Sinh mà chửi mắng. Sinh cố biện bạch là không có chuyện ấy, sau cùng phải chỉ trời vạch đất mà thề nàng mới chịu ra về.

Từ đó, ngày ngày ngồi nhìn qua khe cửa trông sang phòng Sinh. Một hôm mụ Lý từ trong phòng Sinh đi ra, chẳng may bị nàng bắt gặp, gọi giật lại. Mụ Lý mặt biến sắc nên nàng càng nghi. Bảo mụ rằng:

— Mụ làm gì phải nói rõ cho ta biết thì ta còn tha tội cho, ví bằng còn ăn dấm, ta lột da lột thịt cho biết tay?

Mụ Lý run rẩy bầy mà thưa rằng:

— Từ một tháng nay thật quả chỉ có Lý Văn Nương ở chốn ký viện sang đây hai lần thôi. Chả là công tử nói với tôi đã gặp nàng mấy lần tên núi Ngọc Tứ, ở nhà mụ họ Đào. Công tử yêu đòi chân của nàng lắm. Bởi vậy nhờ tôi mời lại. Có à tuy không còn là gái trinh nhưng cũng không phải là hạng gái điếm đêm cho nên câu chuyện thành hay không là điều chưa dám chắc.

Giang Thành cho là mụ Lý nói thực nên cũng tha cho. Mụ định đi thì bị nàng ngăn lại. Lúc ấy trời đã nhá nhem, nàng nói thầm với mụ rằng:

— Bà hãy đi lên trước vào nhà tắt đèn đi rồi nói giọng lên hô tôi một câu rằng người nhà họ Đào đã đến, xong để mặc tôi.

Mụ đành phải làm theo. Nàng lên vào, Sinh mừng quýnh như được của báu, kéo tay lôi ngồi xuống và bày tỏ nỗi lòng mong ước khát khao. Nàng im lặng không nói một lời. Trong bóng tối, Sinh sờ soạng vào chân nàng mà rằng:

— Từ khi ở trên núi, trộm liếc tiên dung, tôi sợ đi phải áp ụ mỗi lần lướt ái trong lòng chỉ vì đôi gót sen này mà thôi.

Nhưng người đẹp vẫn không mở miệng. Sinh lại nói:

— Lòng nguyện ước từ bao lâu giờ đây đã toại, có sao giáp mặt nhau mà làm như không quen thế.

Nói đoạn tự tay châm lửa mà soi. Thì là Giang Thành vậy. Hai quả mặt thất sắc, để rơi cả cây nến xuống đất rồi quỳ ngay xuống, run cầm cập, như dao lê cò. Nàng kéo tai lôi sệch sệch về nhà, lấy kim châm khắp cả hai bên đùi rồi bắt nằm ngay dưới chân giường, mỗi khi nàng tỉnh dậy lại chửi cho vài câu. Sinh đã sợ nàng như hổ sói nên cho rằng hoặc giả nàng chính là hồ lang mượn nhan sắc người, dù trên chân gối nhưng những khi cơn giận nổi lên thì không còn là người nữa. Nàng và vào mặt mà mắng đuổi đi. Từ đó càng ghét bỏ không coi ra gì. Vì thế, ngày ngày Sinh sống trong chốn lan xa mà không khác gì một tên tù trong ngục lúc nào cũng phải ngửa mặt nơm nớp nhìn người cai ngục.

Giang Thành có hai người chị đều lấy chồng học trò. Người chị cả tính vốn hiền lành ít nói nên thường không hợp ý với nàng; chị thứ hai lấy chồng họ Cát là người giáo hoạt, thông minh lại có tài ăn nói hay làm dáng nhưng dung mạo không được bằng Giang Thành. Tuy nhiên về cái đức ghen và tính ngổ ngược thì thật ngang nhau. Mỗi khi hai chị em gặp nhau đều không có chuyện gì khác ngoài việc đem chuyện bắt nạt chồng ra khoe với nhau cho là việc đắc ý. Bởi thế hai người đi lại với nhau thân lắm. Mỗi khi Sinh đến chơi nhà bạn bè thân thích nào là nàng hầm hầm mắng như tát nước, duy có đến nhà Cát sinh thì nàng không căm. Một hôm đến uống rượu ở nhà Cát, hai người đã ngà say, Cát hỏi đùa Cao rằng:

— Tại sao chú lại sợ đi ấy quá như vậy?

Cao cười đáp:

— Trong thiên hạ có nhiều việc không sao cắt

nghĩa được. Tôi sợ là sợ cái sắc đẹp của nó. Nhưng có người, vợ không đẹp như vợ tôi mà cũng sợ chẳng kém gì tôi, như thế mới là quá.

Cát thẹn quá không biết đối đáp ra sao. Con ở nghe chuyện vào nhà mịch với vợ Cát. Nàng cả giận vợ luôn gây đuổi Cao ra cửa. Cao sinh thấy về mặt hung dữ của người chị vợ với sò giấy toan chạy. Nhưng gây đã dờ lên, đánh trúng lưng Cao. Ba gây, ba lần quỵ, Sinh không dạy được. Một gây nữa trúng sọ, máu tuôn lênh láng, chị Hai mới bỏ đi. Cao Sinh liền tập tễnh ra về. Giang Thành trông thấy kinh sợ hãi. Thoạt đầu chỉ nói là có chuyện thôi với chị Hai chứ không dám nói rõ. Nàng vẫn hỏi ba lần, Sinh mới thuật rõ đầu đuôi câu chuyện. Nàng liền lấy vải buộc vết thương ở đầu cho chồng rồi tức nói:

— Chồng nhà người ta việc gì đến nó mà nó phải đánh họ?

Nói đoạn sẵn quần, sẵn áo, thủ một chiếc chày trong bọc rồi gọi con hầu cùng bầm hờ ra đi.

Đến nhà họ Cát, chị Hai tươi cười ra đón. Nàng lặng lẽ không đáp, rút chày ra đập túi bụi cho đến khi người chị ngã gục rồi xé tan cả quần không còn một mảnh. Vừa xé vừa đánh đến nỗi cô chị gãy cả răng, rách cả môi, vải cứt vải dãi, nàng mới bỏ ra về. Chị Hai vừa thẹn vừa phẫn, sai chồng đến mách với Cao sinh. Sinh vội chạy ra, thành thực ngỏ lời an ủi, hối tiếc nhưng Cát sinh rí tai bảo chàng:

— Tôi bất đắc dĩ mà phải đến đây chứ thực ra con vợ tôi ngộ ngược bất nhân nay nhờ tay em gái nó trị cho một trận như thế là may lắm, có hiểm gì đến hai thằng mình.

Giang Thành nghe biết, vội xông ra chỉ vào mặt người anh rể mà mắng rằng:

— Quân hèn hạ khốn kiếp kia! Vợ bị khổ nhục mà còn thậm thụt vác mặt đến nói lời giao hảo, cái hạng chồng như thế không đánh chết để làm gì?

Rồi lớn tiếng gọi con hầu tìm gây. Cát sinh quần quá phà cửa chạy mất. Từ đó, Sinh không còn biết đến chơi nhà ai được nữa. Một hôm có bạn đồng học là Vương Tử Nhã đi qua, chàng khéo léo mời lưu lại uống rượu. Trong bữa rượu, hai người đem chuyện đàn bà ra nói đùa nhau, câu chuyện có hơi chót nhả. Nàng nhìn trộm khách, lén nghe được hết, liền ngấm lấy bột bả đậu cho vào canh để đưa ra mời khách. Chốc lát Vương nôn mửa không chịu được, nhợt nhạt như sắp tắt thở. Lúc đó chàng mới sai con hầu ra hỏi khách rằng:

— Còn dám vô lễ nữa thôi?

Vương ben tính ngộ vì có gì mình phát chứng như thế, chỉ còn biết kêu rên xin tha cho. Nàng sai lấy nước đậu xanh đã làm sẵn mang ra cho khách uống. Uống xong thì khỏi. Từ đó, các bạn bè quen thuộc bảo nhau không còn ai dám đến chơi nhà Cao sinh nữa. Vương có một tiệm bán rượu. Nhân trong tiệm có nhiều rượu hồng mai, chàng bèn thiết tiệc mời đông đủ bạn hữu. Cao sinh lấy cớ cùng trong làng văn, bầm bực với vợ đề đi dự tiệc. Uống rượu đến xam xam tối, ai nấy đều đã say, Vương sinh nói:

— Hôm nay may có một tay danh ký ở Nam Xương vừa tới lưu ngụ nơi đây, ta cho mời lại cùng uống cho vui có nên chăng?

Ái nấy đều vui mừng tán thành, duy có Cao sinh đứng dậy xin kiếu từ. Chúng bạn kéo ngồi lại nói:

— Đàn bà nhà anh tai mắt tuy dài cũng không thể nghe thấu rõ được đến tận đây.

Rồi họ đều thề rằng sẽ giữ kín miệng, lúc ấy Sinh mới ngồi lại. Một lát sau, người ký nữ ra mắt, tuổi chừng mười bảy, mười tám, vàng đeo ngọc dát, tóc mây uốn gọn. Hỏi tên họ. Nàng thưa: « Họ Ta, tên Phương Lan! » lời lẽ giọng điệu cực kỳ phong nhã. Cử tọa như cuồng sấn đón quanh nàng nhưng Phương Lan chỉ chú ý đến Cao sinh, nhiều lần tỏ ra trong đầu mây cuối mắt. Về sau, mọi người đều nhận biết bèn cố kéo hai người ngồi sánh vai nhau. Phương Lan cầm lấy tay Sinh, lấy ngón tay viết vào bàn tay chàng chữ « tức » có ý hẹn hò gặp nhau trong đêm nay. Lúc ấy, Sinh lòng định bỏ đi mà không đành, muốn ở lại, lại không dám, tâm sự rối như tơ vò, không biết nói sao. Nghiêng đầu ghé tai thủ thỉ, về say lại càng thêm như ngây như dại khiến anh chàng quên phắt cả hình bóng con cộp mặt hoa da phấn nằm trên giường hôm nào. Chốc lát, nghe giọt đồng đã điểm canh khuya, trong tiệm, khách uống rượu đã vắng, xa xa chỉ thấy một chàng trẻ tuổi mặt đẹp như con gái ngồi uống rượu một mình, bên cạnh có đĩa tiểu đồng nâng khăn đứng hầu. Bạn khách của Vương còn ngồi lại, ai nấy đều thầm khen chàng trai vẻ người thanh nhã. Một lát sau, chàng trẻ tuổi uống xong đặt chén đứng dậy đi ra cửa tiệm

còn tên tiểu đồng quay lưng đi vào, đến gần chỗ Sinh nói nhỏ:

— Chủ tôi đợi ông để có câu chuyện muốn nói.

Cử tọa đều không biết là ai. Chỉ thấy Cao Sinh mặt biến sắc trông thật thảm hại, rồi lật đật đứng lên cáo biệt. Thì ra chàng trẻ tuổi vào tiệm uống rượu một mình chính là Giang Thành, còn thằng tiểu đồng là con hầu trong nhà Sinh vậy. Sinh theo về đến nhà năm phục xuống chịu đòn. Từ đó càng bị cấm cố, mọi đám hiếu hỷ tiệc tùng đều không được đi. Gặp khi học quan trên tỉnh về khám trường, Sinh vì giảng làm nghĩa sách nên bị giảng xuống hàng chân trắng. Một ngày kia chàng đang nói chuyện với con hầu bị Giang Thành nghi là có tư tình, nàng liền lấy vò rượu chup vào đầu con hầu mà đánh. Đánh chán lại đem trời chổng vào với con hầu, lấy kéo cắt thịt bụng của người nọ đắp sang cho người kia rồi cời trời ra bắt mỗi người phải tự buộc lấy vết thương. Hơn một tháng chỗ vết thương mới lành. Thường thường nàng lại còn đi chân đất xéo lên bánh rồi vút xuống đất bắt Sinh phải nhặt ăn kỳ hết. Những việc đại loại như thế xảy ra là thường.

Một hôm bà mẹ Sinh sang thăm con thấy con trai gầy đét như que củi nên khi về khóc lóc thảm thiết muốn chết. Đêm ấy bà cụ nằm mộng thấy một ông lão hiện ra bảo rằng:

— Bà chớ lo phiền! Đây chẳng qua là cái nhân của kiếp trước mà thôi. Giang Thành xưa vốn là một con chuột quý của Tỉnh Nghiệp hòa thượng cầu công từ nhà bà tiên thân là một nho sĩ. Một hôm người nho sĩ đến chơi chùa vô ý dẫm chết con chuột, bởi vậy ngày nay mới có chuyện ác báo ra như thế; việc này không thể lấy sức người mà làm hết được. Từ giờ mỗi sáng bà cứ dậy thật sớm đọc lòng tụng một trăm lần bài chú Quán Âm thì tất có hiệu quả!

Cao bà tỉnh dậy thuật lại cho chồng nghe. Trọng Hồng lấy làm lạ. Cả hai ông bà đều nghe lời thần nhân trong mộng. Như thế được hơn hai tháng mà cô con dâu vẫn ngang ngược như trước, có phần còn quá quất hơn. Hễ cứ nghe ngoài cổng có tiếng chiêng trống là nàng xô tức chạy ra, về mặt ngây độn ngơ ngác khiến trăm ngàn người cùng chỉ trỏ mà vẫn đứng đưng. Ông bà Cao đều lấy thế làm xấu hổ nhưng cũng không thể cấm được, chỉ buồn phiền trong lòng. Bỗng một hôm có một vị sư già đến thuyết pháp ở ngay ngoài cổng nhà Cao sinh, người đến xem đông đặc như tường đất. Vị sư già cầm dùi đánh lên trên mặt trống bắt chước tiếng bò kêu, nàng cũng chạy ra xem. Thấy người đồng không có chỗ chen chân, nàng sai con hầu về khiêng luôn chiếc giường ra rồi leo lên xem. Đám đông thấy thế đổ dồn cả mắt về phía nàng nhưng nàng vẫn làm lơ. Được một lát, lão tăng liền trò đã xong liền lấy ra một chén nước trong, hướng về phía Giang Thành mà hô to lên rằng:

Hỡi ai cần phun nước!

Nước Phật độ nhiệm màu

Kiếp trước đã không « giá »

Kiếp này phải « chân » dẫu!

Ơ... ơ! Chuột kia rút đầu chạy

Đừng dề mèo vồ, mau!

Đọc xong câu chú, lão tăng ngậm nước đầy miệng rồi phun vọt vào mặt Giang Thành, mặt phẩn ửng đỏ nước rỏ là chảy xuống cả vạt áo. Đám đông hái quá, chắc mồm thế nào nàng cũng nổi giận. Nhưng lạ thay, nàng không hề nói một lời chỉ lặng lẽ lau mặt mà về. Vị sư già cũng thôi lui.

Giang Thành về đến nhà, ngửa mặt ngồi ngây, ứ rú như mất hết hồn phách, cả ngày không ăn uống gì rồi quết giường nằm vật xuống.

Đến nửa đêm bỗng gọi Sinh dậy. Sinh tưởng là nàng định đi tiểu tiện vội vã bừng chạp vào. Nàng gạt đi, trong bóng tối ôm lấy vai chồng rồi kéo nằm vào chân. Sinh đành làm theo nhưng chân tay run lay bầy như kẻ sĩ nhận được chiếu vua vời.

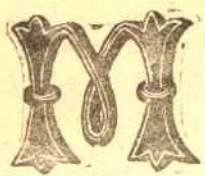
Nàng cảm động nói rằng:

— Làm cho anh đến nỗi này em còn mặt mũi nào đáng sống làm người cho được.

Nói rồi lấy tay vuốt ve toàn thân chồng, mỗi khi sờ đến những vết sẹo, vết lằn trên người Sinh, nàng lại khóc nức nở rồi lấy móng tay tự cào vào mặt mình, hận rằng sao không chết đi. Sinh thấy thế, không đành tâm, bèn kiếu lời ngọt ngào để an ủi. Nàng nói:

— Em cho rằng vị hòa thượng lúc ban ngày chính là đức Bồ Tát hóa thân cho nên nước trong vữa tưới vào là em thấy như ruột gan được đổi mới hết cả. Bây giờ nhớ lại những việc làm trước kia đều thấy như trong kiếp trước. Rõ ràng là từ xưa tới nay em không phải là con người: có vợ có chồng mà không yêu đương nhau; có cha mẹ chồng mà không phụng dưỡng như thế thì là lòng dạ nào? Ngày mai chúng ta phải dọn nhà đi chỗ khác để được cùng cha mẹ chung sống, để em tiện bề sớm thăm tới viếng anh nhé!

(Xem tiếp trang 31)



Ồi khi nói tới người Anh thì hình ảnh một người cao lêu nghêu, đầu đội mũ quả dưa, tay cầm dù, quần áo màu rất đậm — thường thường là màu

đen — hiện ra trong đầu óc chúng ta. Kéo thêm giòng tưởng tượng ra một chút nữa thì trong đầu óc chúng ta vẽ thêm hình ảnh của một kẻ khinh khỉnh, lạnh lùng, thâm trầm, đạo đức giả, kín đáo, kỳ thị chủng tộc, ích kỷ, nghi ngờ người ngoại quốc, lễ độ với người ngoại quốc, kiêu căng, quả cảm.

Viết bài biên khảo này tôi không có ý định thanh minh cho người Anh về những tính tình xấu, tốt kể trên mà chỉ trình bày với các bạn đọc những điều mắt thấy tai nghe để bạn đọc trọng dịp Xuân sang hiểu thêm đôi chút về người Anh.

Tính tình người Anh

Emerson trong một cuốn sách viết về người Anh, đã mở đầu bằng một câu: « Nước Anh là một hòn đảo lớn mà trong đó mỗi người Anh là một hòn đảo nhỏ! » Thật chí lý thay nếu câu này dùng để chỉ vào tính tình người Anh. Năm mươi ba triệu người là 53 triệu hòn đảo nhỏ, mỗi người thích sống biệt lập, không ưa đụng chạm tới nhau, chăm lo để ý tới công việc của mình mà không tò mò để ý tới công việc của người khác. Sống như thế không phải là họ thích sống một cuộc đời ích kỷ, chia rẽ. Trái lại, đối với họ, lối sống đó tượng trưng cho sự tôn trọng tự do cá nhân.

Chính cũng vì sự tôn trọng tự do cá nhân mà người Anh được gán cho tính lạnh lùng, phớt tỉnh. Phớt tỉnh đây có nghĩa là làm điều chỉ lỗi lảng, có những hành động không đẹp, họ làm như không trông thấy hay không biết tới. Phớt tỉnh điển hình bằng thí dụ như sau: Trong một toa tàu dành riêng cho những người không hút thuốc, rồi có người nào quên không để ý mà vô tình cứ hút thuốc thì những người trong toa tàu đó không nói năng gì cả, chỉ việc mở cửa kính của toa tàu và rồi lặng yên ngồi ngắm làn khói thuốc bay lơ lửng. Không phải nói, hành khách vô tình đó hút chưa đầy hai hơi đã phải vội dụi điếu thuốc đi và không quên buông ra hai chữ: Xin lỗi!

Lạnh lùng không có nghĩa là khi gặp người quen, họ không chào hỏi. Trái lại, họ chào hỏi, trò chuyện bằng hàng đống những câu chuyện, trong lời nói thiếu vẻ chăm báp và luôn luôn đem về xa cách vì người Anh mỗi khi gặp nhau ít nói chuyện hay đi sâu vào đời sống tư của nhau.

Nhưng phớt tỉnh và lạnh lùng không có nghĩa là nếu gặp ai lỡ lạc đường, sa cơ lỡ bước mà họ bỏ mặc. Trái lại, họ không ngần ngại giúp đỡ kẻ sa cơ lỡ bước, người lạ lạc đường đến tận nơi tận chốn.

VÀI NÉT VỀ NGƯỜI DÂN ANH

Người dân Anh lại không bao giờ dễ tình cảm và lý trí xáo trộn vào với nhau như một nỗi cảm lộn. Trái lại, đối với họ, « business is business », tình là tình mà việc là việc! Bởi vậy, ta không lấy làm lạ khi đọc báo Anh thấy bố vợ cho con rể thuê nhà, nếu con rể không trả tiền nhà sòng phẳng vẫn bị bố vợ đem ra tòa là thường, mặc dầu khi cưới xin bố vợ đã từng cho hai vợ chồng một chiếc xe hơi mới tinh hào để làm quà cưới!

Người dân Anh lại thật thà như đếm. Vào nhà hàng, mua món đồ mà quên không lấy tiền trả lại, người bán hàng thế nào cũng gọi người mua lại và đưa trả tiền đầy đủ. Ngoài hè phố, báo chí để khắp các góc đường, ai mua cứ việc bỏ ba xu vào hộp để gần đó và điem nhiên lấy tờ báo mang đi. Do ở tính thật thà này mà người dân Anh nghi kỵ tất cả người ngoại quốc.

Sự nghi kỵ người ngoại quốc là một điều dễ hiểu: Dân Anh từ ngàn xưa sống ở hòn đảo nhỏ bé, xa đất liền, ít có cơ hội tiếp giao thiệp và hiểu biết người ngoại quốc. Do đó, khi gặp người ngoại quốc thì mỗi nghi ngờ đã nổi lên ở trong đầu óc người Anh rồi! Từ nghi ngờ tới sự căm thù giữa họ và người ngoại quốc có nhiều quan điểm dị đồng, đây tương phản thì tới sự kỳ thị chủng tộc không xa nhau lắm. Họ kỳ thị chủng tộc chỉ vì họ căm thù lối sống của họ khác với lối sống của dân tộc khác màu da, nhất là dân da đen.

Họ không muốn chung đụng với dân khác màu da là bởi vì người dân khác màu da đó đã không tự trọng hay đã có một nếp sống khác biệt. Hơn nữa, sự kỳ thị chủng tộc của người Anh có lẽ đã bắt nguồn gốc từ thuở ông cha họ đã từng tung hoành, thống trị khắp năm châu bốn bể nên họ tự coi họ là kẻ cả và khinh rẻ các dân tộc đã bị ông cha họ thống trị! Nhưng phải lấy công bằng mà nói thì trong xã hội Anh ngày nay, sự kỳ thị chủng tộc đã giảm bớt đi rất nhiều do ở sự chịu đựng, do ở sự hiểu biết nhau hơn. Ngày nay ta chỉ thấy sự kỳ thị chủng tộc này thường xảy ra ở trong đầu óc những người Anh có kiến thức hẹp hòi, mà đa số là những bà chủ, ông chủ có nhà cho thuê! Người dân Anh không ưa cãi cọ hay gây gỗ đánh nhau như những dân miền nhiệt đới.

Biên khảo của HOÀNG THẠCH CÔNG

Trái lại, trong mọi chuyện gay cần xảy ra hàng ngày họ cố tránh cho sự đụng chạm khỏi đi tới độ sút đầu mẻ tai. Đối với họ, không có sự đụng chạm nào mà không có thể giải quyết bằng lời nói hay bằng sự can thiệp của pháp đình cả.

Nói tới pháp đình thì phải nói tới sự tôn trọng luật pháp của dân Anh. Người dân Anh tự hãnh diện là một dân tộc tự do nhất hoàn cầu: tự do ăn nói, tự do đi lại, tự do hôn thú, tự do hội họp và lập hội kể cả sự tự do lập nghiệp đoàn. Họ lại còn được tự do sở hữu và hưởng thụ những vật sở hữu. Họ còn có quyền hưởng sự riêng tây, kín đáo về đời tư. Họ biết là quyền sinh sống của họ được pháp luật che chở. Bởi thế không vì sự tự do mà họ đi quá mức tới độ làm đảo lộn cả sự tôn ti trật tự trong xã hội của họ. Và để giữ vững các quyền tự do kể trên, người dân Anh triệt để tuân theo pháp luật, luôn luôn tôn trọng giúp đỡ những người thi hành pháp luật.

Tình cảm

Nước Anh vốn nằm ở vùng ôn đới với khí hậu âm u lạnh lẽo do đó, về mặt tình cảm của người dân Anh cũng âm u lạnh lẽo không kém. Trong sự giao thiệp thân hay sơ, người Anh luôn luôn có một thái độ lạnh lùng xa cách. Tình cảm không bao giờ được biểu lộ một cách cuồng nhiệt trừ phái nam nữ trẻ trung Anh ra. Với phái trẻ, có lẽ vì trong tiềm lực họ luôn luôn có thừa năng lực để biểu lộ sức sống của phái trẻ nên tình cảm được biểu lộ một cách bông bột nếu không phải là điên cuồng. Nhờ ở sự bông bột của phái trẻ mà những ca sỹ « rock and roll » như Cliff Richard, Adam Faith, Bill Fury mới hái ra tiền. Nhờ ở sự bông bột của tuổi trẻ, một tuổi luôn luôn biểu lộ sự bất bình, lòng bất mãn về những hành động « cò lỗ » của phái già mà xã hội Anh trong khoảng mười năm trở lại đây mới đẻ ra những Teddy Boys (đồng chí của những « du đảng » ở nhà) và lớp thanh niên bất mãn như John Osborn, Colin Wilson là những người luôn luôn tuyên bố, đả kích, bài bác hệ thống làm việc của phái già, của nhà cầm quyền.

Nhưng rồi phái trẻ lớn lên, già dần thì lại trở thành những người kín đáo, những người với một tình cảm khô khan.

Về yêu đương người Anh cũng kín đáo, ít tỏ lộ ra ngoài. Do đó, ở khắp các nẻo đường cái cảnh « bắt mèo », « săn mèo » ngoạn mục thường thấy ở các đô thị lớn như Ba Lê, La Mã, tuyệt nhiên không thấy xuất hiện ở Luân Đôn hay bất cứ đô thị nào của Anh.

Tuy vậy, không nên vì thấy sự kín đáo của người Anh trong lãnh vực tình cảm mà khinh thường. Vì nếu bạn không tin thì hãy thử động chạm tới quốc thê của họ, tới Nữ Hoàng của họ, hay đập chổi đá mèo của họ mà coi, bạn sẽ thấy một phản ứng mãnh liệt nổi lên tới độ bất ngờ!

Đời sống xã hội của người Anh Đám cưới

Sau một cuộc trao đổi tâm tình, sau một hồi tìm hiểu nhau một cách kín đáo thì cặp trai gái Anh đi tới độ đính hôn. Sau lễ đính hôn và sau khi xét ra có thể đủ sức lập nên một tiểu gia đình để ăn đời ở kiếp với nhau là tới lúc đám cưới phải được cử hành.

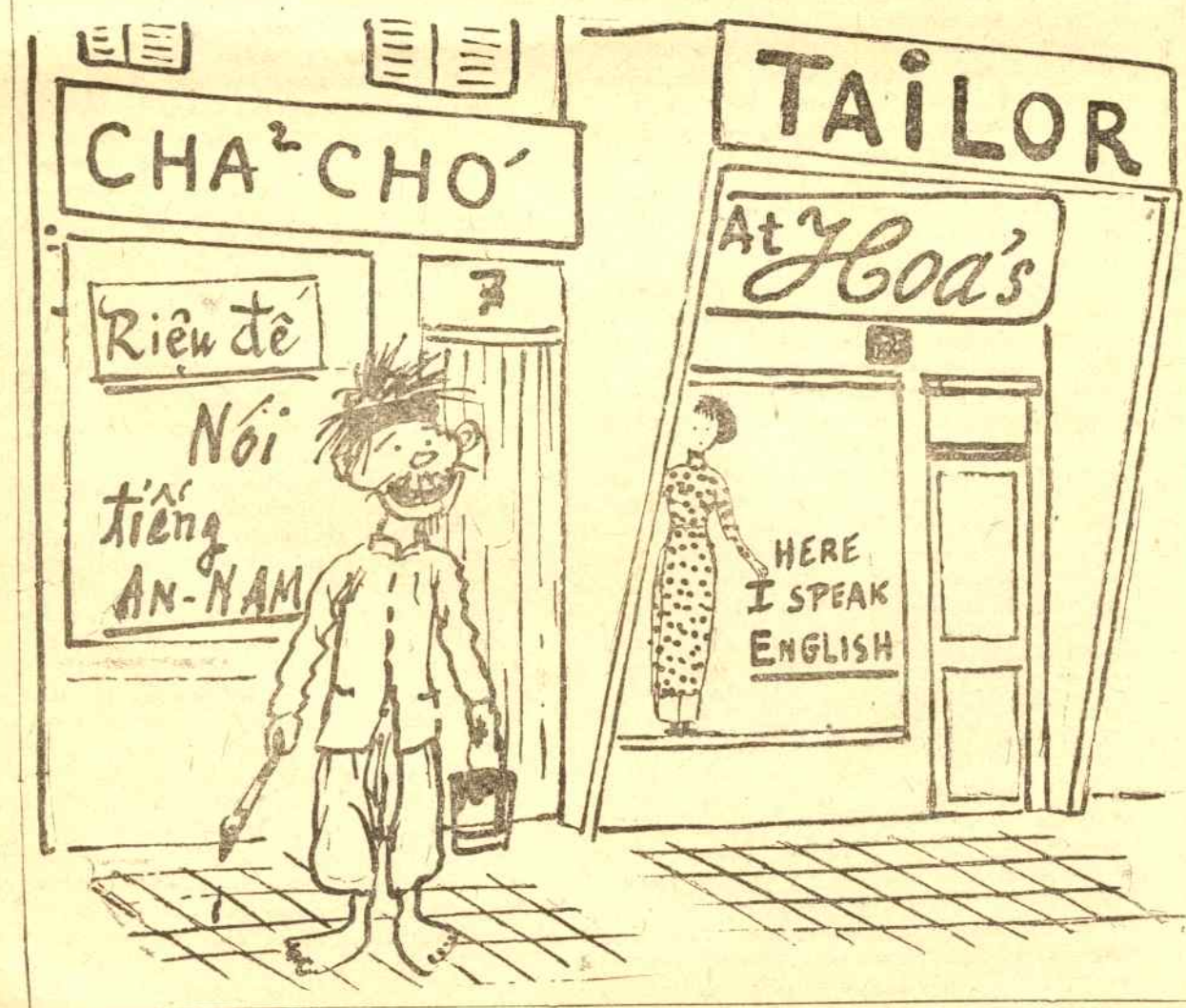
Đám cưới ở Anh là một nghi lễ cử hành trọng thể hay không đều do ở sự giàu, nghèo.

Đám cưới của phái thượng lưu, trường giả, tài mạt xã hội thì bao giờ cũng được cử hành một cách rất là trọng thể và rất là ngoạn mục! Thường thường hôn lễ được cử hành ở nhà thờ. Sau đó, hàng trăm quan khách của hai họ được mời tới dự tiệc sâm banh ở một đại khách sạn có tên tuổi như Claridge's hay Dorchester.

Đám cưới ở Anh thường được cử hành vào ngày cuối tuần, nhất là ngày thứ bảy. Những chiếc xe hoa trắng một sợi băng trắng ở mũi xe chạy đi chạy lại trong ngày thứ bảy như bướm bướm múa hề vậy. Nếu hôn lễ cử hành ở nhà thờ thì quan khách hai họ cùng chú rể tới nhà thờ từ nửa giờ trước buổi lễ.

(Xem tiếp trang 16)

CẠNH TRANH



(Tiếp theo trang 15)

Đúng giờ — thường thường thì không bao giờ đúng giờ cả — xe cô dâu với sợi băng trắng đỏ xích trước cửa nhà thờ. Trong nhà thờ bắt đầu cử hành nhạc « Đây cô dâu đã tới » của Handel, mắt các quan khách đổ dồn cả vào cô dâu trong bộ áo cưới trắng toát với vật áo dài loè xoè.

Chú rể cùng cô dâu tiến tới bàn thờ và rồi hôn lễ cử hành. «... For better or for worse, for richer or poorer thou shalt, till death do us part... (Dù tốt hơn hay xấu hơn... dù giàu hơn hay nghèo hơn, có (hay cậu) vẫn yêu mến nhau... Tới chết mới rời nhau...) giọng của vị chủ tế cứ đều đều như vậy. Rồi nhẵn được trao cho nhau, rồi cô dâu và chú rể ký sổ hôn thú và chậm rãi bước ra nhà thờ. Tới cửa nhà thờ, cô dâu chú rể được hưởng một trận mưa gạo và hoa giấy (confetti) và dừng lại để các bác phó nhòm chụp một bức ảnh kỷ niệm. Đoạn cặp tân hôn lên xe hoa và quan khách trở về khách sạn dự tiệc sâm banh. Tiệc xong, dưới một trận mưa gạo và hoa giấy nữa, cô dâu và chú rể lên đường hưởng tuần trăng mật để tìm hiểu nhau thêm, để tính toán việc xây dựng tổ ấm!

Đó là đám cưới nhà giàu, đám cưới xa hoa. Còn đám cưới nhà nghèo, lễ cưới được giản dị hóa đi nhiều lắm. Đám cưới này cũng có xe hoa, cũng có thân nhân của cô dâu chú rể nhưng thay vì lễ cử hành ở nhà thờ thì lại được cử hành ở phòng hộ tịch của tòa đô chính sở tại. Xe hoa tới nơi không kèn không trống, sau cuộc lễ chớp nhoáng không đầy năm phút, cô dâu, chú rể cùng nhân chứng ký sổ hộ tịch và chú rể móc túi trả tiền sở phí giấy tờ đoạn cùng cô dâu lên xe về nhà dự tiệc cưới nho nhỏ và rồi đi hưởng tuần trăng mật 3 ngày!

Sau đó, chàng và nàng trở về với cuộc sống thực tại, lo làm lo ăn sao dư dả để xây dựng tiểu gia đình.

Sinh nở

Nước Anh là 1 hòn đảo nhỏ bé chật chội vì dân cư đông đúc. Cũng như Nhật Bản Trung Hoa lục địa và Ấn độ, nạn nhân mãn ở Anh là một mối họa đáng đề nhà cầm quyền Anh lo ngại. Bởi thế chính phủ Anh luôn luôn khuyến khích dân Anh — nhất là những thường dân Anh — hạn chế sự sinh nở bằng cách dùng thuốc tránh thai. Ở đâu đâu cũng có các đại lý bán thuốc tránh thai với biển hiệu khó hiểu nếu không được vẽ bí ẩn như « Vệ Sinh », « Đồ cao xu dùng trong gia đình ». Thậm chí sự khuyến khích nồng nhiệt tới độ là các hiệu thợ cạo cũng có bày bán những đồ dùng cao xu này! —

Nhưng dù muốn dù không, mỗi năm dân số ở Anh cũng tăng từ một phần trăm rưỡi tới hai phần trăm rưỡi.

Và tuy cổ võ, khuyến khích sự hạn chế sinh nở nhưng chính phủ Anh với chính sách xã hội hóa, cũng chăm lo cho các bà mẹ mang bầu một cách rất là chu đáo. Từ khi mang bầu tới khi sinh hạ, các bà mẹ tương lai này được cấp phát thuốc bổ, được các y sĩ thăm thai luôn luôn và được dành riêng một giường ở nhà thương hay nhà hộ sinh.

Tới khi sinh hạ rồi, đứa bé sơ sinh cũng được chính phủ Anh cấp dưỡng từ tể nào là thuốc bổ, sữa tươi, nước cam cho tới độ hay ăn chóng lớn đi học để rồi lớn lên đi làm và đóng thuế đều đặn để chính phủ Anh còn có đủ ngân để cấp dưỡng cho lứa trẻ sơ sinh khác nữa.

Bệnh tật

Với sự xã hội hóa quốc gia, người dân Anh ngày nay không lo sự thiếu tiện chạy thuốc men khi họ lâm bệnh vì tất cả người dân Anh bất luận giàu nghèo mỗi khi ốm đau nặng đều được vào nhà thương chữa bệnh mà không phải trả một đồng xu nhỏ nào.

Nhưng sự giao thiệp giữa các y sĩ với con bệnh đều ở trong một trạng thái bí ẩn, kỳ kỳ khiến người ngoại quốc nhìn vào phải lắc đầu, chịu không hiểu nổi: Nếu bệnh nhân kêu ốm đau, y sĩ khám bệnh, chẩn đoán bệnh trạng, đoạn kê đơn nhưng tuyệt nhiên không cho con bệnh biết là họ bị bệnh gì. Nếu gặng hỏi thì được y sĩ trả lời bằng một câu rất là lơ mơ. Cầm đơn thuốc ra tiệm thuốc và bắt luận

VÀI NÉT VỀ NGƯỜI DÂN ANH

là thuốc gì, con bệnh chỉ phải trả có hai hào bạc (20\$V.N). Ngoài hộp thuốc hay lọ thuốc được sỹ chỉ viết qua loa: Nếu là thuốc viên thì chỉ có hàng chữ « Thuốc viên, uống ngày ba lần, mỗi lần một viên; nếu là thuốc nước thì « Thuốc nước, uống ngày hai lần mỗi lần một muỗng cà phê! » Nếu là thuốc xoa thì « Thuốc xoa, xoa mỗi ngày ba lần vào chỗ đau! »

Nếu con bệnh là người ngoại quốc tò mò muốn tìm hiểu căn bệnh của mình, trước sự bí mật đó cũng đành bó tay mà lặng lẽ uống thuốc! Con bệnh Anh thì coi sự bí mật này là thường. Họ chẳng buồn lo lắng tìm hiểu mất công làm gì cho một thêm. Họ lặng lẽ tiếp nhận sự bí mật này và điềm nhiên uống thuốc!

Và sự bí mật này không phải là vì y sỹ Anh muốn giữ bí mật nhà nghề, hay là sợ lộ tẩy sự đã chẩn đoán nhầm bệnh mà chính là để con bệnh khỏi lo lắng, nghĩ ngợi buồn phiền mà làm cho bệnh trạng có cơ tăng thêm chẳng? Hoặc giả có trường hợp y sỹ biết bệnh nhân của mình chỉ có một thứ bệnh gọi là bệnh tưởng nhưng không nỡ nói thẳng ra là ông (hay bà) không có bệnh gì cả, mà chỉ kê luôn thuốc bổ hay nước bẻ và bệnh nhân hỏi lòng hỏi dạ mang thuốc về uống mà không cần biết là thuốc đó có công hiệu hay không, có chữa được bệnh tưởng hay không.

Hơn nữa, người dân Anh có một đặc tính là không bao giờ tự nhận là mình ốm cả. Vì họ có quan niệm tự nhận là ốm yếu tức là tỏ ra yếu ớt. Trong cái xã hội mà chỉ có những người lành mạnh thôi thì những kẻ yếu ớt là đồ bỏ đi. Do đó, ta ít thấy người Anh kêu ca về bệnh tật của họ. Hoặc giả nếu có kêu ca, kể lể hay nói chuyện về sức khỏe thì họ chỉ kể hay nói lại cái ngày họ bị bệnh sưng phổi hay cái ngày mà họ phải nằm nhà thương mất mười bữa để mổ khúc ruột thừa ra!

Tang chế

Không có gì buồn thảm bằng cái chết! Đối với người Anh, chữ chết ít khi được dùng tới. Họ thường dùng chữ « qua đời », từ già coi trần », « sang bên kia thế giới », « trở về với Chúa » để thay thế cho chữ chết và đồng thời để che giấu sự đau thương. Họ không kêu la, khóc lóc rên rĩ, trái lại họ tiếp nhận sự chết một cách bình thản. Vì nếu kêu la, khóc lóc rên rĩ là tỏ ra yếu ớt, không có can đảm!

Đám tang thường được cử hành rất đơn giản: một đoàn 3, 4 chiếc xe hơi đi sau chiếc xe Rolls Royce chở chiếc linh cữu của người quá cố với những vòng hoa được chất trên nóc xe. Thường thường chỉ có thân nhân và những người bạn rất thân mới được mời đi đưa linh hồn quá cố về chốn nghỉ ngàn năm.

Hỏa táng là một phong tục vẫn được tồn tại ở Anh. Sau khi thiêu hủy thì hài xương, nắm tro tàn một là được bỏ vào hồ đem chôn hai là được rải rắc lên một chỗ nào, một tỉnh hay một bề nào tùy theo di chúc của người chết!

Người dân Anh không ưa đề tang. Vì theo họ đề tang tức là tỏ lộ sự đau thương ra ngoài một cách quá rõ rệt. Nhưng theo tục lệ thì dù là tiểu hay đại tang họ cũng chỉ đề tang 9 tháng là nhiều.

Ăn

Dân Anh sống một cuộc đời vội vã, một cuộc đời mà thì giờ là tiền bạc nên họ không có thì giờ để ăn. Do đó, nghệ thuật nấu nướng của họ không có gì là đáng kể. Món ăn « nổi tiếng » của họ là Roast beef — thịt bò bỏ lò nhưng trước khi bỏ lò thịt đã bị luộc một chập rồi — và fish and chips (cá và khoai chiên) còn những thứ khác họ không biết làm gì hơn là tống vào một thứ bánh gọi là Pie (bánh nhân thịt).

Trong những gia đình phú quý trường giả thì thỉnh thoảng trong bữa cơm thịnh soạn có vài món « trường giả » như chim trĩ quay, tôm hùm nướng, ngỗng quay. Người dân Anh ngày nay sống nhờ vào đồ hộp nhiều hơn cả. Vì không gì tiện cho bằng trước mỗi bữa cơm mở phẳng vài hộp thịt, vài hộp đậu, một hộp súp hâm lên độ 15 phút là bữa cơm « thịnh soạn » đã xong rồi!

Người Anh ăn một ngày ba bữa. Bữa điểm tâm rất nhiều và thường thường là món « bacon and

egg » (thịt lợn ướp muối chiên và trứng chiên) bánh mì với mứt và trà! Bữa trưa tương đối ít hơn cả vì họ thường thường bận công việc làm. Bữa này gồm có vài miếng bánh sừng — duých làm sẵn hồi sáng và vài ly trà. Bữa tối thì thường thường là đồ hộp hâm lại hay « fish and chips » hay roast beef hay là sà lách (nếu nhằm mùa nóng nực) với Pie.

Đồ ăn chính của Anh là khoai.

Thoảng hoặc một đôi khi họ muốn cho đời lên hương, hay chán cảnh khui đồ hộp, hay muốn thử các món ăn xa lạ, hay để ăn mừng một dịp gì đó thì họ kéo nhau đi ăn tiệm!

Uống

Nói tới đồ uống ở Anh thì phải nói tới trà! Dân Anh uống trà nhiều hơn ăn, mỗi ngày mỗi người dân Anh uống trung bình ít nhất là Tám lần trà! Trà lúc vừa bánh mắt trở dậy, trà trong bữa điểm tâm trà lúc 11 giờ sáng, trà trong bữa cơm trưa, trà hồi 4 giờ chiều, trà trước bữa cơm tối, trong bữa cơm tối và trà trước khi chui lên giường đi ngủ. Trà và trà! Tính ra mỗi năm mỗi người dân Anh uống ít nhất là hai ngàn năm trăm ly trà. Mỗi năm nước Anh tiêu thụ trên dưới ba ngàn tấn trà!

Không có trà, người dân Anh không làm việc được! Giữa buổi làm việc phải có mười phút nghỉ giải lao để uống trà. Sự nghỉ này là sự phải có, không có không được. Trong năm 1961 vừa qua trà đã là nguyên do của bao nhiêu vụ đình công của thợ thuyền! Chỉ vì giới chủ tính nhầm thấy ngày hai buổi mỗi buổi phải để ra mất 10 phút cho thợ uống trà mà trong xưởng có trên dưới 15 ngàn người thợ, là vị chi mỗi ngày mất đi trên dưới 5 ngàn giờ làm việc thì họ phải xót ruột mà xin giới thợ ngừng uống trà hay có uống thì uống phiên phiên trong một hay hai phút thôi. Nhưng tục lệ nghỉ ngơi uống trà này là một tục lệ ăn sâu tới cốt tủy của người Anh và xâm phạm tới tục lệ này tức là xâm phạm tới một trong những cơ chế của Anh. Do đó, thợ thuyền đình công phản đối giới chủ! Rốt cuộc, giới chủ đành thờ dài và nhượng bộ!

Không riêng gì giới thợ mà ngay ở các công sở, các hãng buôn, cứ tới 11 giờ sáng và 3 giờ rưỡi hay 4 giờ trưa ai đi qua các nơi này đều được nghe thấy bàn « trà tấu » giữa ấm trà chạm vào ly và của nước trà được khuấy leng keng trong ly nghe thật chẳng mê ly dư dương chút nào! Tục lệ uống trà này ăn sâu vào lòng dân Anh tới nỗi là mỗi công tư sở dù nhỏ cũng phải nuôi một bà già ngày ngày chỉ chuyên có một việc pha trà để các công tư chức sở!

Cách thức pha trà của dân Anh không giống cách thức pha trà của chúng ta. Trà của Anh là thứ trà cánh đen hay đỏ, nhập cảng từ Tích Lan (hồi năm 1959, V.N có bán cho Anh được 200 tấn trà!). Mẫu nước trà là một mẫu đỏ xậm, càng xậm tức là càng đặc, càng tốt! Họ uống trà với sữa tươi và đường vì uống không thì đắng và chất xít! Cách pha trà như sau: Một muỗng trà được bỏ vào bình, nước sôi đổ vào. Năm phút sau trà đã ngấm rồi, một chút sữa tươi được đổ vào ly, trà được rót vào ly, khuấy lên, bỏ vào đó 2 thìa đường. Khuấy lên một chập nữa và rồi thì ly trà nóng hổi được uống một cách rất là... ngưu âm! Đặc biệt là trong khi ăn uống thức ăn thức uống dù nóng tới đâu cũng không có sự nhai nhồm nhồm, uống xum xụp. Vì nhai tóp tép, uống xum xụp không phải là Angels chút nào (Đức già nào sắp sang Anh, nên đề ý tới điều khoản trên, rất quan trọng trong phép xã giao Anh) Bao nhiêu thế kỷ nay trà đã được uống trong thời bình cũng như thời loạn, khi đau khổ cũng như lúc vui mừng. Trà quả là một thần dược đối với người Anh. Dân Việt ta, xứ trồng trà, hãy còn thua sút dân Anh trong sự dùng trà nhiều lắm. Cà phê không được dân Anh dùng mấy tuy trong khoảng 7, 8 năm nay, cà phê được các chủ hãng máy cà phê Espresso quảng cáo thục đẩy, khuyến khích dân Anh « ly dị » trà và « cưới » cà phê. Nhưng trà đã ăn nhập vào xương tủy của 53 triệu dân Anh rồi nên cà phê đối với họ chỉ là một thứ đồ uống chơi bời sau bữa cơm thịnh soạn hay ở hiệu ăn đắt tiền mà thôi!

(Xem tiếp trang 31)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà sách VĂN NGHỆ

51, Phạm Ngũ Lão — Saigon (Trước chợ Bến Thành)

NHẬP CẢNG:

Sách, Báo Pháp — Anh — Mỹ.

CUNG CẤP:

Đủ sách học từ Tiểu Học đến Đại Học

TIỆM VÀNG

MỸ-THỊNH

348 Hai Bà Trưng Tân-Định

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



CÁ NƯỚC CHIM TRỜI

KỊCH MỘT ĐOẠN

Bồng không, cá nước, chim trời, « gặp » nhau !

nhà, Bà ấy muốn tráo trờ, thì, cho dẫu bà ấy có trở về hay không, cũng vẫn vậy, mà thôi. (lại ngồi xuống ghế).

VÚ GIÀ, gật gật đầu. — Cứ xem như thế, hình như bà cháu không ưng ý cho thuê đâu.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Ừ, không ưng cho tôi thuê thì sao lại đi lấy tiền đặt cọc của tôi, mới được chứ ?

VÚ GIÀ. — Đúng thế, đó chỉ là tại tiểu thư nhà cháu làm liều... Nhưng, khốn nỗi, chính Bà cháu cũng kỳ quái lắm cơ ! Cứ như ông đây, thì việc gì phải dân đo, kia chứ ? Nửa đêm gà gáy, trong nhà, trong cửa, mà có một người đàn ông, vẫn yên tâm biết bao, chứ lì.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Thế, trước đây, đã có ai hỏi thuê chưa, hả Vú ?

VÚ GIÀ. — Ấy, có lẽ đến hơn một năm trời nay, chẳng cho ai thuê sót cả đâu đấy.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Cái phòng này coi bộ chẳng đến nỗi nào, thế mà sao lại không có người muốn thuê nhỉ, Vú nhỉ ?

VÚ GIÀ. — Ai bảo ông, không có người muốn thuê ? Ông có biết không, ai đến xem, cũng đều khen cả và cũng ưng ý thuê nó ngay. Nay nhá, ông xem, cách phòng vừa sạch sẽ, vừa sáng sủa, thế rồi, ở đằng trước lại có cả một cái vườn hoa nữa.

CÁC VAI : Người đàn ông
Người đàn bà
Bà chủ cho thuê nhà
Người vú già
Lính tuần-cảnh

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Ừ, cái gì cũng hoàn-hảo như lời Vú vừa nói, thì vì lẽ gì, mà hơn một năm nay, lại không cho thuê được chứ ?

VÚ GIÀ. — Kề ra, bây giờ ông cũng như người trong nhà rồi, cháu mới dám nói, để ông rõ đầu đuôi. Chẳng nói dẫu gì ông, Bà cháu rất ưa thích đánh bài, suốt ngày vắng nhà nên trong khi đó, thì chỉ có tiểu thư cháu và cháu ở nhà thôi. Có ai đến xem phòng chỉ có tiểu thư cháu tiếp người ta thôi ; bởi vậy, hễ người ta nói rằng có vợ có con nhỏ, là y như tiểu thư cháu chối từ, không cho thuê. Ai không có gia quyến, tiểu thư cháu mới ưng thuận, nhưng, đến khi Bà cháu về, nghe thấy nói người thuê chỉ độc trọi có một thân, một mình, thì y như lại đến lượt Bà cháu từ chối. Ông tính xem, cứ như vậy thì chẳng cứ gì một năm, mà mười năm nữa, cũng chẳng có ma nào thuê nổi.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — À mà, có sự xảy ra như vậy, đã mấy lần rồi, hả Vú ?

VÚ GIÀ. — Ôi, cháu cũng chẳng nhớ bao nhiêu bận rồi. Cháu chỉ nhớ, mỗi bận xảy ra như thế, là y như Tiểu thư cháu và Bà cháu, lại điều họ, tiếng kia, ngày ngà nhau. Còn như cái việc nhận tiền đặt cọc của ông thì, lần này là lần đầu tiên đấy thôi, vì, thường thường, tiểu thư cháu không dám vượt quyền Bà cháu, bao giờ cả.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Ấy, giá ví thử tiểu thư nhà Vú sớm sớm tác chủ, có lẽ may căn phòng này đã cho thuê được từ lâu rồi, chứ chả không đâu, Vú nhỉ ?

VĂN PHÒNG KẾ TOÁN
THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ

DUONG-DUY-QUYEN

34/6, Trần-khánh-Dur

SAIGON

Nguyên tác của ĐÌNH TÂY LÂM

Bản dịch của VI HUYỀN ĐẮC

VÚ GIÀ. — Thưa ông, đúng thế, đấy ạ. Nhưng, mọi bận trước, hễ người thuê nhà họ nghe thấy nói, không bằng lòng cho họ thuê, là họ thôi ngay và bỏ đi, chứ, họ không có vật nài, vật nỉ như ông...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Kỳ quái thật, có phải không, hả Vú ? Bà chủ nhà Vú thiệt là kỳ quái, mà chính cả tôi nữa, tôi cũng kỳ quái, chẳng kém ! Có lẽ, cũng vì hai cái tính khí kỳ quái « vấp » phải nhau, cho nên cơ sự mới đi tới chỗ khó xử. Sở dĩ, tôi phải vật nài, là vì mấy căn phòng vừa phong quang sạch sẽ, và hơn nữa, lại còn có cả cái vườn nhỏ nữa.

VÚ GIÀ. — Nhà cháu cứ xem cái vẻ diêm dúa chứng chắc của ông, nhà cháu cũng nhận thấy ngay là ông ưa những nơi yên tĩnh, sạch sẽ. Thưa ông chứ, ở đây, từ sáng tới chiều, chả bao giờ nghe thấy một tiếng ồn ào, rộn rịp, nào cả ; thế rồi theo như lời ông nói, ở đây tới số làm của ông, lại cũng gần, bởi vậy, cháu đã nghĩ hộ ông một cách...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — À, á ! Vú đã có nghĩ cách giúp tôi, vậy chứ cách gì, hả Vú ?

VÚ GIÀ. — ... Thưa, cháu nghĩ rằng : ông cứ nhận « bừa » đi, là ông có gia quyến và dăm bữa, nửa tháng, gia quyến của ông thu xếp xong việc nhà rồi, mới sẽ đến sau. Ông cứ nói như vậy, là may, Bà cháu cũng bằng lòng cho ông thuê nhà « ngay ngày ngày » !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Được lắm, nhưng Vú ơi, ít lâu sau, không có gia quyến đến, thì rồi tính sao, mới được cơ chứ ?

VÚ GIÀ. — Miễn là Bà cháu cho ông thuê ; ông ở đây một ít lâu, Bà cháu nhận thấy ông là người hiền lành, tử tế, lúc ấy Bà cháu chả nhớ kiếm chuyện ông đâu.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Không được Vú ạ. Không thể nào, chỉ vì không gia quyến, mà, một người chẳng hề phạm tội, lại không thể nào thuê nổi một cái nhà, để ở, là lẽ làm sao ?

VÚ GIÀ. — Ô, chẳng qua nhà cháu thấy ông rất ưng ý cái nếp nhà này, ấy thế mà ông không thuê xong, nhà cháu thấy nó chẳng đành lòng một tí nào cả, nên nhà cháu cũng cứ bàn liều với ông như thế vậy thôi, còn ông cho là không được, xin ông bỏ ngoài tai, vì, chính ra, nhà cháu quê mùa, dốt nát, có hiểu lý lẽ gì đâu !... À, thưa ông, cháu nghe, hình như Bà cháu đã về đấy, thì phải... (Vú chạy ra phía cửa sau rồi, hỏi to), Thưa, có phải Bà đã về đấy, không ạ ? (ở bên kia có lời đáp vọng vào). Phải, tôi ở trong này, (Vú chạy ra phía cửa vào nhà trong. Người đàn ông cũng vừa đứng lên. Một lát sau, Bà chủ nhà ở nhà trong bước ra, có Vú già đi theo sau).

BÀ CHỦ. — Thiệt là không phải, ai lại để ông đợi quá lâu.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Chính ra, tôi phải xin lỗi Bà, mới đúng, vì tôi cứ đến quấy rầy Bà mãi. Tôi chưa kịp báo nhà Vú già chớ vào gọi Bà, làm phiền Bà, nhưng Vú ấy đã chạy vào nhà trong lúc nào ấy.

BÀ CHỦ. — Không, thưa không hề gì cả... À, thưa ông, đây là số tiền ông đã đặt cọc (vừa nói, vừa lấy ở cái bao cầm tay ra một tấm phiếu) xin ông hãy thu về cho.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Ô, thưa Bà, tôi xin lỗi Bà, hôm nay, tôi tới đây, là để dọn lại ở đây, ngay từ bây giờ, chứ không phải để xin lại Bà số tiền đặt ạ.

BÀ CHỦ. — Thưa, thế nào ? Thì hôm qua, tôi đã chẳng nói rõ để ông biết rằng, tôi không thể cho ông thuê căn nhà đó được, mà.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Dạ, thưa đúng thế ạ, Bà đã có nói rõ hẳn hoi.

(Xem tiếp trang 18)

ĐÂY là một gian phòng liêu cũ. Trong cùng có cửa ăn thông vào nhà trong. Hai bên tường phía tả, phía hữu đều có cửa ăn sang các phòng bên. Ở giữa phòng có bày một chiếc bàn vuông, chung quanh có bốn chiếc ghế tựa. Mặt bàn có trải khăn trắng và có một cây đèn dầu hỏa với một bộ ấm, chén, cùng bình trà.

Về góc ngoài, phía tả, có chiếc bàn nhỏ và hai chiếc ghế đầu. Bên phía hữu, có để một chiếc ghế bành, trên tựa, có vắt một cái áo che mưa và dựng vào thành tỷ tay, có một chiếc cặp da.

Nơi sau chiếc ghế bành, cách độ dăm bước, có kê một chiếc bàn để rửa mặt, có gương soi, một bên mặt bàn, có một lọ cắm hoa, và một cái đồng hồ báo thức.

Tên tường cũng treo lư thừa, vài bức tranh cầu đối.

Toàn thể, có một vẻ đơn giản, cũ kỹ.

☆

Kéo màn lên, một người đàn ông bận âu phục, mang giày ủng, đang ngồi ở phía bàn nhỏ, phì phào hút ống điếu thuốc lá.

Vú già đứng ở ngưỡng cửa, giơ bàn tay ra ngoài trời, để xem, có còn mưa hay không ?

VÚ GIÀ, vừa đi trở vào trong phòng, vừa nói : Trời đã tạnh mưa rồi, mà sao cũng chẳng thấy về cho ? (Nói xong, Vú nhắc bình trà ở bàn lớn, đi lại phía bàn nhỏ, chỗ người khách đàn ông ngồi rót nước vào chén để mời khách).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG thân nhiên, đứng dậy : — Nay, Vú già có cái gì, đem ra đây cho tôi ăn, có được không, Vú ?

VÚ GIÀ. — Thưa, thức ăn có đấy, nhưng phải đợi Bà cháu về cái đã.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Kìa, tôi ăn cái gì một chút, cũng phải đợi Bà chủ sao ?

VÚ GIÀ, thở dài. — Thưa vâng, ăn cái gì cũng phải đợi Bà cháu, mà cho cả cái việc thuê nhà, cũng phải đợi Bà cháu, mới được.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG. — Thôi được, đợi Bà chủ thì đợi, không sao. Duy còn cái việc cho thuê

CÁ NƯỚC CHIM TRỜI

(Tiếp theo trang 17)

BÀ CHỦ.— Vâng, thế thì sao, hôm nay, ông lại còn cho người mang hành lý lại, là ý làm sao, kia à ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Tôi về rất đổi là cao hứng : Thưa bà, nguyên do, cái lời bảo tôi : « chớ có dọn lại », vốn là lời của Bà nói ra, chứ không phải lời của tôi. Và lại, lúc đó, tôi không có hề nhận lời với Bà rằng tôi sẽ không dọn lại, thưa, có đúng như thế không à ?

BÀ CHỦ.— dần dần tôi ý không được vừa lòng, đẹp ý : Ông dạy ra làm sao, thiệt tôi chẳng hiểu ra sao cả, có lẽ, theo ý ông, việc cho thuê nhà này, là do ông định đoạt và cho thuê hay không cho thuê, đều tùy nơi ông, có phải như vậy không à ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa bà, không phải như vậy đâu ạ. Cái nhà đó, cho thuê, hoặc không cho thuê, lẽ tự nhiên là do Bà, ưng hay không ưng.

Nhưng, thưa Bà, một khi Bà đã cho tôi thuê, thì, thế tất, ở lại hay dọn đi, là do nơi tôi, định đoạt. Và, thưa Bà, về cái việc thuê căn nhà này, hiện tại, tất cả vấn đề không phải ở chỗ, cho thuê hay không cho thuê, mà, chính là ở chỗ, dọn đi hay không dọn đi, kia, thưa Bà.

BÀ CHỦ.— dần dần, thấy rất đổi bức mình. — Ô, thưa ông, thế căn nhà đó, tôi đã cho ông thuê từ bao giờ, kia à ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa, một khi Bà đã nhận tiền đặt, tức là Bà đã cho tôi thuê nhà rồi, chứ còn gì nữa !

BÀ CHỦ.— Thiệt chẳng khác gì, đi đêm gặp ma ! Chính mặt ông và mặt tôi, tôi đã nhận tiền đặt của ông bao giờ ? Đó là con tôi, nó nhận tiền, nhận lĩnh đầy đủ; khốn nỗi, nó có hiểu công việc cho thuê, cho mượn gì ở đâu !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Bà bảo sao ? Có con bà không hiểu gì ư ? Nhưng, thưa Bà, tôi thiên nghĩ, cô ấy có phải đưa trẻ lên năm, lên mười đâu, mà Bà lại nói thế ?

BÀ CHỦ.— Ôi thôi, có lẽ ta chẳng aen kéo dài mãi câu chuyện dài dai ấy làm gì, cho mất thời giờ. Tôi xin nhắc lại với ông một lần nữa rằng : cái nếp nhà đó, không phải là không muốn cho thuê, nhưng có một điều, là tôi chỉ cho một người nào có gia quyền thuê, mà thôi. Như quả ông có gia quyền cùng đến ở đây với ông, tôi xin vui lòng để ông thuê, chỉ có thể thôi, tôi không muốn nói gì hơn nữa.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Những lời Bà vừa nói thiệt chẳng hợp tình, hợp lý một tí nào cả. Tôi xin hỏi Bà, lúc cho thuê nhà, có ai nói đến việc người thuê phải có gia quyền đâu ! Và, tôi có tìm cách lừa dối gì Bà đâu !

BÀ CHỦ.— đổi giọng, đành theo một phương pháp hòa hoãn vậy. — Vâng, thưa ông, tuy không có nói tới điều kiện đó, nhưng ngay hôm qua, tôi đã có thưa đề ông rõ mà. Và, vốn dĩ, trong nhà chúng tôi không có một người đàn ông, con trai nào cả.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— vội ngắt lời bà ta. — Ấy, ấy, thưa Bà, tôi xin hỏi bà, vậy chứ, lúc tôi lại hỏi thuê nhà, trong nhà Bà, có đàn ông, con trai hay không ? Vâng, thế, tại sao bây giờ Bà lại đi nghĩ tới việc đó, làm gì, kia chứ ?

BÀ CHỦ.— Thiệt, khó nói chuyện với nhà ông quá, ông chẳng chịu để tâm một tí nào tới lẽ phải, tôi chẳng có hơi sức nào, đi cãi lý mãi với ông đâu.

VÚ GIÀ.— muốn xen vào để giảng hòa.

— À mà, thưa Bà, bây giờ cũng đã khuya rồi,

trời lại lác-rác mưa, ấy thế mà, bây giờ bắt ông ấy đi tìm phòng khác, để trọ thì thật là bất tiện, hay thôi xin Bà hãy cho ông ấy nghỉ tạm đây đêm nay rồi, sáng mai, sẽ hay, thưa Bà ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— trong ngành, cố chấp. — Không, không phải tính như thế mà xong được ! Nếu tôi không thuê được nhà này, tôi đi ngay lập tức. Nhưng, tôi chỉ biết có một điều, khi đã nhận tiền đặt của tôi, dầu sao, cũng phải cho tôi thuê nhà, không cho, không được !

BÀ CHỦ.— Tôi xin nói ông rõ, đêm nay, ông không thể ở lại đây được.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— cười khẩy : Ừ hy. (ông ta ngồi xuống ghế).

BÀ CHỦ.— đứng lên và đi tới trước mặt nhà ông ta : — Thế, ông có đi hay không ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Tôi chẳng đi đâu cả !

BÀ CHỦ.— Vù già ! Vù đi gọi ngay tuần cảnh lại đây, cho tôi.

VÚ GIÀ.— Ấy, nhưng, thưa Bà...

BÀ CHỦ.— Tôi bảo Vù đi gọi tuần cảnh cho tôi, mà !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Tuần cảnh lại thì làm cái gì ? Tuần cảnh liệu có giảng ra cho lẽ được chăng ?

VÚ GIÀ.— Thưa Bà, nhà cháu tưởng rằng...

BÀ CHỦ.— Tôi bảo Vù đi gọi tuần-cảnh. Vù có nghe thấy không ?— Liệu Vù có đi hay không, hử ?

VÚ GIÀ.— Vâng, vâng, nhà cháu xin đi ạ. (Vù đi ra, lối cửa sau)

BÀ CHỦ.— vừa quay vào để đi theo Vù già, vừa nói.—Vù mời ông ấy lại ngay tức khắc cho, đấy nhé ! (Bà đóng cửa đánh « xầm » một cái, sau khi bước ra khỏi phòng).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— không biết làm thế nào hơn, là móc túi lấy bao thuốc và cái tàu thuốc lá ra, nhưng bao vừa hết thuốc, ông liền mở cặp da, lấy một hộp thuốc mới ra. Ông móc thuốc cho vào dây bao và tra vào dây tàu. Ông vừa chực châm tàu để hút thuốc thì bỗng, có tiếng gõ, ở phía cửa ra đường. Ông cao giọng nói :

— Xin cứ vào ! (Nhưng ông vẫn đứng xoay lưng về phía cửa).

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— mở cửa, nhẹ nhàng bước vào, trên mình bận áo mưa, một tay mang sắc da nhỏ, một tay cầm ô. Cô ta vừa vào, vừa nói.— A ! xin lỗi ông, thật là tôi không phải. (Người đàn ông, lúc ấy mới quay lại và mới nhận ra người đó) tôi quá đường đột, ông bỏ quá đi cho, nhân tôi thấy cửa ngoài bỏ ngỏ, tôi gọi mấy lần, chẳng có ai thưa, nên tôi cứ bước vào thẳng đây...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— tuy chưa hết hồi hộp nhưng cũng không quên bỏ chiếc tàu thuốc ở miệng ra và đặt nó xuống mặt bàn.

— Thưa cô, cô muốn hỏi gì ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi... nguyên do, tôi đến nhận việc làm ở công ty Đại Thành, ở gần đây... Hôm nay, tôi ở mãi tận Bắc kinh tới đây, căn chiếu này, tôi khởi hành từ ba giờ, mãi tới 6 giờ mới đến nơi, nhưng chín mươi dặm đường trường; thế rồi, tôi đi loanh quanh hơn một tiếng đồng hồ, để tìm một căn nhà để trú túc; ở ngoài ga xe lửa, tôi có hỏi thăm được mấy cái địa chỉ, tôi liền đi khắp cả ba bốn nhà đó, nhưng chẳng được nơi nào vừa ý cả. Sau, có người bảo, ở đây, có mấy căn phòng còn bỏ không...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— gặp được đối phương. — À, thế ra, cô đến thuê nhà ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa vâng. Thưa ông, thế căn nhà đây, đã cho ai thuê chưa, kia à ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— dùng mảnh khoé để trả lời — Thiệt là không may cho cô, căn nhà này vừa vừa mới cho thuê xong, mất rồi !

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Nếu ông bảo tôi không gặp may, quả tình, thiệt là đúng, quá ! Tôi chẳng hề gặp một chút may mắn nào từ khi tôi đặt chân lên đất Kinh kỳ này. Ông xem : trời mưa như thế này, đường đi thì lầy lội, tôi bị ướt, suốt từ đầu tới chân. Hai chân tôi nó cứ đau như ra, như dần (cô ta thở dài) á à à ! Xin ông cho tôi mượn ông chiếc ghế, tôi ngồi nghỉ tạm một lát, có được không ạ ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Chết nỗi, tôi sợ ý, xin mời cô ngồi. (vẫn ngượng nghịu, không yên).

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Để chiếc sắc cầm tay xuống mặt bàn và dựng cái lại ở một bên.

— Cảm ơn ông. (rồi ngồi xuống một chiếc ghế ở bên cái bàn con. Cô đưa mắt nhìn một loạt quanh phòng).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— tỏ vẻ cao hứng, cũng ngồi xuống, bên chiếc bàn vuông.

— À, thưa cô, lúc này, cô có nói, cô đến nhận việc ở công ty Đại-Thành; vậy chớ, thưa cô, chẳng hay, cô nhận công việc gì ở sở ấy, đấy à ?...có lẽ cô không khỏi không cho là tôi quá ư thốc-mách; tôi không nên hỏi cô như vậy mới phải, thưa cô ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ông hỏi như vậy thì có làm sao đâu ? Và lại, đó không phải là một điều, cần phải giấu giếm gì cả. Nhân, hai tuần lễ trước đây, họ có đăng báo để tìm một người thư ký, hình như họ đã đăng cái quảng cáo đó, trên nhiều tờ báo, nhất định, ông cũng đã có đọc thấy, thì phải ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— không đáp, chỉ gật gật đầu.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thế rồi, hôm thứ sáu, tuần vừa rồi, họ lại đăng một mẫu khai sự như vậy : « Công ty chúng tôi có đăng tìm một viên thư ký, hiện, đã tìm được rồi, vậy, từ nay, xin các thân hữu chớ gởi thư tiến cử nữa, và xin thứ lỗi, nếu chúng tôi không nhất, nhất, phúc đáp bằng thư riêng được ». Thế, thưa ông, ông có đọc qua lời khai sự đó không, kia à ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— lại gật đầu, không đáp, (Xem tiếp trang 27)



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà sách **TỰ LỰC**

92, Đại lộ Lê Lợi—Sài Gòn

Điện thoại : 20.267

- Đầy đủ dụng cụ văn phòng và học sinh.
- Sách Việt Anh Pháp.
- Các loại bút máy danh tiếng.

Đã được tín nhiệm xưa nay.

Có một trạng thái tâm hồn, muốn vứt bỏ đi mà không vứt bỏ được, muốn quên đi mà nó cứ lảng vảng theo hoài, nó làm khổ người ta rất mực, nó giằng kéo tâm

tư, khiến người ta ăn không ngon, ngủ không yên, khiến người ta, nhiều khi ngay giữa bữa cơm, phải ngừng miệng nhai, phải thôi tay gấp, ngừng mặt, đưa mắt vào cõi không, dăm chiêu suy nghĩ, nhiều khi đương nửa đêm bừng thức giấc, trở mắt nhìn đỉnh màn, tưởng như nhìn vào đấy sẽ hiện ra tất cả phim ảnh của một sự thật rất thật, đang khao khát trông chờ, nhưng với tâm trạng hiện hữu làm sao sự thật có thể hiện ra được, vì đâu sự có hiện ra đúng là sự thật, ta vẫn chẳng chịu cho là sự thật mà ta vẫn cứ thấy ngờ, thấy ngờ...

Bệnh ngờ là bệnh của thời đại.

Anh ngờ, tôi ngờ, nó ngờ... nghĩa là mọi người đều ngờ hết. Ngờ người rồi ngờ chính cả mình.

Người ngày nay ngờ người ngày nay, rồi dăm ra ngờ cả người ngày xưa và chắc chắn sẽ ngờ cả người ngày sau.

Ngờ từ vợ con, anh em, cha mẹ trong nhà đến bè bạn đến tất cả những người chung quanh, người trên, người dưới, người gần, người xa...

Ngờ từ người thương đến Thần, Phật và riêng tôi, tôi còn ngờ cả đến vị Thánh và vị Á Thánh nữa. Tôi ngờ Đức Không Tử và ông Nhan Hồi.



Đọc hết cuốn Luận Ngữ, rồi nghe tất cả những lời dạy bảo của các bậc tiền nho, học hỏi những câu truyền thụ của các bậc túc nho, lại đọc các bài, lác đác ở trong các sách, ở trong các báo, trong các tập san, ta đều thấy một luận điệu: "Đề cao ông Nhan Hồi", "ông Nhan Hồi được xếp vào bậc Á Thánh", "ông Nhan Hồi là một bậc đạo đức trọn vẹn", "một gương mẫu độc nhất vô nhị", ông Nhan Hồi thế này, ông Nhan Hồi thế nọ, mọi hành động, mọi cử chỉ, mọi ý nghĩ của ông Nhan Hồi đều là tận thiện, tận mỹ cả...

Đến đây điều ngờ phát sinh.

Có thật ông Nhan Hồi quả là gương mẫu chói lọi thật sự chăng? Những hành động nào của ông Nhan Hồi chứng tỏ cho ta việc ấy?

Một số người sẽ hăm hăm quát:

— Giờ Luận Ngữ ra mà đọc chứ còn hỏi gì nữa.

Thì giờ Luận Ngữ.

Trong Luận Ngữ có 16 chỗ đề cập tới Nhan Hồi mà đại đa số là những lời của Không Tử nhắc lại đề cao ngợi.

Nào là khen Hồi không ngu lại còn thông minh nữa.

— Ta cùng Hồi thảo luận với nhau suốt ngày, Hồi không hề phản đối ta, tựa như ngu si vậy, nhưng Hồi tự xét nét kiểm điểm lấy mình nên phát minh được chân lý, vì vậy Hồi chẳng phải là kẻ ngu.

Nào là khen Hồi hiếu học điểm tính nhưng chết non:

— Nhan Hồi là kẻ hiếu học, không hề gián cá chém thớt không hề tái phạm lỗi, chẳng may mệnh yếu...

Ta thì hết khen là không đời tâm làm điều Nhân trong ba tháng ròng, lại còn chê những học trò khác, những người khác, chỉ làm được điều Nhân rất là bất thường, kẻ thì hàng tháng, kẻ thì lâu lâu mới làm được một việc hợp với điều Nhân.

Đã hết dẫu, lại còn khen Nhan Hồi là hiền sỹ nữa, ăn uống kham khổ đến thế nào cũng vẫn vui:

— Hiền thay Nhan Hồi, một đống cơm, một bầu

VỌNG NGÔN CHI

MỖI NGỜ CỦA TÔI

TRẦN ĐÌNH KHẢI

nước, ở thì trong hang cùng ngõ hẻm, người khác chẳng chịu nổi, thế mà cái vui của Hồi không hề suy giảm!

Toàn thấy khen là khen, mà toàn là những lời thốt ở miệng Không Tử ra cả.

Vậy có thật Nhan Hồi đúng như lời Không Tử tả không, hay là những lời khen ấy được phát lộ đúng lúc, đúng thời, do tính toán cân nhắc để nhằm một tác dụng nào đó.

Người đọc sách khỏi sao không tự đặt câu hỏi vì thật ra Nhan Hồi đã giúp được ích gì cụ thể cho đời mà đề Không Tử phải suy tôn đến mực ấy.

Bất quá chẳng thử sinh Nhan Hồi là một người, nếu đúng sự mô tả của thầy Không, chỉ chăm chăm hết ngày ấy sang tháng khác, bồi dưỡng tư đức cho mình để được ca ngợi, để được khen thưởng, thì cũng đã làm được công nghiệp gì bổ ích cho nhân quần xã hội, cho người đương thời được nhờ cậy, cho kẻ hậu thế phải ngưỡng mộ?

Vậy thầy Không khen lao làm gì quá thế, đề bao nhiêu học trò của Thầy vì nề thầy cũng phải bắt chước khen lao, đề bao nhiêu kẻ hậu học vì miếng cơm manh áo, cần phải chiếm đoạt bằng vàng chói mũi vùi đầu vào pho kinh bộ sử, cũng phải nhất luật giữ một luận điệu là khen, khen, khen...

Thế mà tất cả lời khen chỉ thấy được phát xuất ở một miệng thầy, thầy nói ra không có ai làm chứng, không có giấy tờ gì ký kết để làm bằng, không có thừa phát lại xuất trình vì bằng, kiểm chứng, không có giấy in dấu, không có dấu son đóng, không có cả diềm chỉ và chữ ký, vậy thì cấm người ta ngờ làm sao cho được.

Ngờ rằng:

Thầy Không đã tạo ra một con người điển hình, gán con người điển hình ấy vào một hình tượng sống, cho nó sống động linh hoạt, đề những bài học khô khan về luân lý của Thầy có dần chứng cụ thể ngay trước mắt, học trò cho những lời của thầy dạy không khó theo nữa, không vu khoát nữa, và sẵn sàng tin tưởng ở Thầy.

Ta thừa hiểu một ông Thầy được học trò tin theo thì sẽ có ích lợi gì, kể cả tinh thần lẫn vật chất.

Ta lại ngờ rằng Thầy muốn nặn ra một bậc Thánh chí tôn chí kính, nhưng chẳng nhẽ Thầy lại tự nặn Thầy, nghĩa là không thể nào hàng ngày cứ như máy phóng thanh, Thầy nhét vào tai trò những câu đề từ ca ngợi mình, rằng mình tài cao như thế này, đức rộng như thế nọ... Dù quả tài đức thầy có thật nhưng chính thầy tự nói ra thì ta vẫn có quyền ngờ.

Đề tránh cái ngờ gần ấy, nên đáng lẽ thầy nên chính Thầy thành ông Thánh, Thầy đã không nặn, và chỉ nặn một bậc Á Thánh thôi. Vị Á Thánh ấy là học trò Thầy. Người ta tin phục vị Á Thánh bao nhiêu thì tất nhiên phải tin phục Thầy của vị Á Thánh ấy bấy nhiêu, nghĩa là Thầy đã làm cho người ta phải tin phục Thầy bằng một biện pháp gián tiếp rất khoa học, rất tâm lý...

Lại nữa ta còn ngờ thêm, ngờ rằng Thầy cũng khao khát như bất cứ ai, khao khát những lời khen ngợi tán phục. Từ ngàn xưa, từ Đông chí Tây, từ mọi rợ đến văn minh, ta đã từng thấy có ai chỉ ưa những câu chê trách, chỉ tiếp nhận những lời bài bác mà không hề động tâm mây may vì những lời khen tặng dù những lời ấy chính đáng? Không, không làm gì có, ta suy bụng ta, ta biết chắc như thế, vậy thì khen Nhan Hồi là một cái thuật của thầy Không, cũng như người đời nay tung quả bóng đi để chờ nó nảy trở về, cũng như người thời xưa tung hòn chì đi để chờ hòn vàng được ném trở lại, cũng như những ai có tài xoay sở, tha vô quýt để chờ ăn măm ngấu, thầy Không khen Nhan Hồi là một bậc Á Thánh để chờ bậc Á Thánh sẽ kneen trở lại. Và chắc rằng lời khen trả lại này sẽ vô cùng nồng nhiệt, vô cùng tấm thiết.

Quả thế. Thì đây, những lời khen tặng lại của vị Á Thánh dành riêng cho vị Thánh.

Lời khen đã được biểu lộ với một nét mặt trang trọng đượm vẻ buồn và thốt ra với một giọng đầy vẻ tán thán.

— Đạo của Phu tử thật là vô cùng uyên áo, ngửa lên trong cang thấy cao, cố tìm cách thâm nhập càng thấy cứng, đang ngẫm ở dang trước, bỗng đã thấy ở dang sau, thế mà Phu tử lại khéo dẫn dụ từ từ cho ta hiểu, giảng cho ta rộng kiến văn, tri cổ, đặt kim, rồi mới đem điều Lễ ra đề

giữ gìn cho ta khỏi vượt ra ngoài vòng chính đạo, khiến ta phải tôn trọng những điều đã nghe, thì hành những điều đã biết như kẻ đi xa trở về nhà, như kẻ đang ăn muốn ăn cho đến no, muốn thôi không thôi được. Đến trình độ đó ta mới nhận thấy những lập thuyết của Phu tử thật vững vàng sáng tỏ, ta phải cố công theo đuổi, mới đạt tới địa vị ấy được.

Khen đến như thế, thật là khen hết lời.

Khen mà hoan hỷ, mà cười cợt thì không thăm thía, không sâu xa bằng khen với một nét mặt trang trọng một giọng nói tiếc than!

Có thể nói lời khen ấy là tuyệt đỉnh của sự khen vậy.

Hết thầy khen rồi rồi đến trò khen Thầy, chỉ những bậc Thánh hiền nối nhau, mới biết khen nhau không tiếc lời đến thế.

Ta hãy thử tạm đặt một câu chuyện giả tưởng: Không Tử và Nhan Hồi, hai người ngồi bàn chuyện kín với nhau, tìm một biện pháp để tuyên truyền cho học thuyết của mình, đề thu nạp đông học trò, đề có tiếng vang trên liệt quốc và đề cho các vị chư hầu nghe thấy danh tiếng phải đón rước mời mọc...

Hai người đó bàn nhau kế hoạch những gì ta không rõ, chỉ biết sau khi đó, Không Tử hết sức ca ngợi Nhan Hồi, đề rồi Nhan Hồi lại hết sức ca ngợi Không Tử.

Đến một ngày nào đó, muốn thử xem ảnh hưởng sách lược của mình đã thâm thấu sâu rộng chưa, Không Tử mới thả một "quả bóng dò đường" vào đám học trò của mình để xem phản ứng ra sao.

Thầy Không gọi Tử Cống ra hỏi rằng:

— Thế nào, anh so với Nhan Hồi ai hơn ai kém?

Tử Cống vội vàng trả lời.

— Từ nay khi nào dám đem ra so sánh với Nhan Hồi.

Nhan Hồi nghe một biết mười, Tử tôi nghe một mới chỉ biết có hai.

Luận điệu "nghe một biết mười" chẳng biết có phải Tử Cống đã nghe được do miệng Không Tử từng nói ra, hay Tử Cống nói ra thế chỉ vì đã quá khâm phục Nhan Hồi do tuyên truyền.

Đề xác nhận ý kiến ấy của Tử Cống và đồng thời đề làm cho bền chặt hơn, Không Tử đã thêm một câu:

— Đúng đấy, nhà người không bằng dẫu, ta và nhà người đều không bằng cả.



Khi đã có bụng ngờ, nhìn bằng con mắt ngờ, thì sẽ giống như ai kia mất bú, ngờ cho đứa con nhà lảng giằng lấy trộm.

Anh ta trông giằng nó đi, rồi đứa ăn trộm bú, nhè về mặt nó, rồi ra đứa ăn trộm bú, thấy nó cắt nhắc hành động, nhất nhất đều thấy đúng là đứa ăn trộm bú.

Nếu nó run sợ thì cho rằng vì nó có tật nếm nó sợ. Nếu nó không run sợ tại cho rằng đúng vì nó ăn trộm nên nó phải làm ra vẻ thần nhiên vô tình như vậy.

Tình ra sẵn một bụng ngờ đề nhìn nên chỉ chọn những điều đáng ngờ đề chú ý.

Đem cái tâm thuật buôn bán, giả dối, tham lợi ích kỷ của con người thời đại ra mà nhìn Không Tử thì làm gì không tạo tác ra được những diềm đề ngờ.

Ta ngờ Không Tử với Nhan Hồi, bợ đỡ nhau, người tung kẻ hứng đề mưu cầu, nhưng ta đã quen một diềm không đề cập tới là mối giao tình của hai thầy trò họ đối với nhau.

Khi Nhan Hồi chết, Không Tử đã rất mực than khóc:

— Trời giết ta, trời giết ta!

Và thâm thiết đến nỗi, tự mình không biết là thâm thiết đến mực ấy nữa, phải chờ học trò nhắc cho biết mới thốt ra:

— Thế ư? Ta đã khóc thảm thiết đến vậy sao? Con người như thế chết đi mà không khóc thảm thiết thì còn khóc ai nữa.

(Xem tiếp trang 24)

Đề sống một
đời sống Tự do

Hàng ngày các bạn hãy đọc

Nhật báo

TỰ DO

Tiếng nói của người Việt tự do

T

ôi ba mươi tết năm ngoái, vừa bước ra khỏi Café Tùng Đà Lạt, bỗng có một bàn tay đập mạnh vào vai, tôi giật mình quay lại té ra anh Khôi một, người bạn thiết xa nhau vừa đúng mười năm

trời cũng tốt tường như mình đang chiêm bao, tôi khẽ thốt lên : Khôi phải không ?

— Đúng Khôi đây.

Tôi mừng rỡ nắm chặt hai cánh tay Khôi vừa lắc vừa nói : — Tôi cứ tưởng anh bị cộp tha rồi còn gì nữa ?

— Ai bảo anh thế ?

— Ngày ấy ai mà nghĩ rằng anh còn sống ?

— Tôi cứ đinh ninh rằng anh chết rồi, nên hôm nay mới ngỡ tưởng hồn anh hiện về.

— Thôi chuyện dài lắm, để về nhà nói chuyện tiên hơn. Chúng tôi vừa đi vừa hàn huyên, chuyện gần chuyện xa, dọc theo con đường Võ Tánh, rẽ xuống con dốc đi về Tây Hồ nơi nhà tôi thuê tạm trong thời gian thụ huấn tại một Quân Trường thuộc Đà Lạt.

Về tới đầu thôn, nhà tôi đã bằng con chạy ra mừng rỡ, thấy Khôi ngả mũ chào, nhà tôi dường tròn hai mắt lại sau như sợ hãi : ủa ; Bác Khôi, mới trông thấy Bác tôi hết hồn lên, tưởng như ma hiện hình. Chưa đề Khôi kịp trả lời nhà tôi đã hỏi tiếp :

— Thế sao họ bảo rằng Bác chết thật rồi mà ?

— Chỉ ngây thơ quá, nếu tôi chết thật rồi, sao còn sống nhăn răng ra đây ?

Chúng tôi đều cười, nhà tôi nhanh nhẩu chạy vào trong nhà pha nước nóng rửa mặt và căn dặn người nhà :

— Chỉ phải chọn cho tôi con gà thật béo nghe. À nhớ mua cả lạc rang nữa nhé, Bác Khôi hay uống rượu với lạc lắm.

— Gớm chị nhớ quá thôi nhĩ ? hơn mười năm trời còn gì ?

— Bác thì lẫn lộn, nay đây mai đó nên quên được, chứ tôi thì chỉ có ngày trông nom hai bữa và săn sóc các cháu lắm gì mà không nhớ.

Khôi với tôi là bạn học cùng lớp ở Trường Bưởi Hà Nội, sau lại cùng nhau vào sinh ra tử trong chiến trận, chúng tôi tưởng không rời nhau ra được, nhưng vì tai nạn của anh cũng như vì hoàn cảnh chiến tranh nên đã mười năm nay biệt vô âm tín.

Khôi rất vui tính, khỏe mạnh, chẳng có cái cầm vuông, hàm râu quai nón và đôi mắt sáng đầy quả cảm. Chúng tôi sẽ đi thân thiết với nhau là ở cái tính thích phóng khoáng, ưa những cuộc săn nguy hiểm, nhất là săn cộp.

Tối hôm ấy, sau khi cơm nước xong, chúng tôi ngồi quây quần chung quanh bếp lò, Đà Lạt hồi này lạnh nhiều, thông reo vi vút, Khôi hơ hai tay lên bếp lò, khoan khoái, chàng gõ cái đũa vào chân ghế nói :

— Trời lạnh như thế này, ngồi trong phòng nói chuyện mới thích thú mà lại được tri kỷ với bạn cũ thì còn gì bằng ?

Tôi với tay lấy gói chè Tam hỷ để trên bàn, bóc một dúm bỏ vào chiếc ấm của tôi, chỉ dùng đề đãi bạn thân, ấm nước trên bếp lò reo vui vui, Khôi bắt đầu kể chuyện :

— Chắc anh còn nhớ, trước khi đi tôi có viết thư đề lại cho anh rằng : chỉ trong vòng ba hôm là sẽ về.

— Có.

— Về sau có người lượm được khẩu súng và cái mũ của tôi về đưa cho anh thì hẳn anh tin tôi đã chết ?

— Ừ phải, cũng vì thế mà chúng tôi chán cảnh núi rừng và bỏ vào nội thành.

— Tôi đã xin lễ cầu hôn cho anh — nhà tôi nói sen vào.

Khôi cười ngặt : cảm ơn anh chị lo cho tôi nhiều quá, và cuộc hội ngộ hôm nay là ngày tái sinh của tôi phải không anh ? Chúng tôi cười biểu đồng tình. Khôi kể tiếp :

— Tôi còn nhớ rõ tối hôm ấy trời cũng lạnh như thế này, chừng độ 3 giờ chiều, đang ngồi lau khẩu súng Colt, chợt thấy lão lý Trường Bàn Lóng hốt hải đến thưa :

— « Thưa thầy, « cộp ông » lại về bản, chiều hôm qua nó tha mất một bà lão, sáng nay nó lại vào làng vật chết hai con trâu, xin mời thầy sang ngay kéo dân chúng con không làm ăn gì được.



CỘP NÚI THẠCH LẠ

« Một chuyện săn cộp có thật xảy ra tại Hoà Bình (B.V.) cuối năm 1949 »

NGUYỄN TUẤN

Mình đang ngồi rồi, không biết làm gì, thấy nói có cộp là sẵn sàng đi liền, không kịp đợi anh về, tôi mở tủ lấy khẩu súng Calibre 12, 1 đại đạn « ban », con dao găm của anh cho và khẩu súng Colt mới lau xong, thế là tôi nhảy lên ngựa xuống đồi.

Không hiểu sao từ lúc sắp sửa ra đi tôi thấy bồn chồn và nhớ anh quá đi mất. Con ngựa của tôi cũng vậy, khi dật ra công nó cứ hực hực, chân đá lung tung. Xưa nay nó có thể dật tôi sức nghĩ đến những điều huyền bí, đến linh tính, những rủi ro có thể đến với tôi.

Nét mặt anh rầu rầu, cảm động. Tôi chia bao Craven-A mời anh hút, anh rút một điếu, châm lửa hút và mơ màng nhìn làn khói trắng tỏa lên trần nhà, rồi chậm rãi tiếp :

— Đã có lúc tôi có ý định trở về không đi nữa anh ạ, nhưng vì tự ái, sợ người ta cho là hèn nhát nên tôi dùng hết nghị lực cố xua đuổi ý tưởng vẫn vơ ấy đi, tuy trong lòng không ngọt bòn chồn.

Tôi thôn Lóng thì đã 5 giờ chiều, ngựa vồ mồ hôi, nó thở hồng hộc, tôi thương hại vỗ về nó và cho vào tàu nghỉ. Dân làng thấy tôi đến, tập nập kéo ra đón, họ rất tin tưởng ở tài bắn của tôi.

Hồi năm trước, cũng con hồ ấy bỏ về, tôi đã bắn nó vỡ một hàm răng và bay một bên má, nó sợ bỏ đi đâu mất một năm sau lại trở về. Kỳ này tôi nhất định phải giết nó bằng được. Con cộp này là một con cộp vằn rất lớn, nó sống lâu đến nỗi lông nó bằng bạc như bông lau, con này khôn ngoan và dữ tợn vô cùng. Kể tôi nó thì đã giết hàng mấy chục nhân mạng. Thiện xạ các vùng lân cận nhiều lần định bắn mà không được. Người ta gọi nó là « cộp ông » vì đầu nó bạc và dữ tợn, kẻ yếu bóng vía và dị đoan gọi nó như thế là có ý tôn thờ như tà thần, gọi nó là « ông » để khỏi gieo tai giáng họa.

Anh với tay rót chén trà, uống một hơi, lại tiếp tục :

— Anh tính, tôi đã giết nhiều cộp suốt từ Cao Bằng, Lạng Sơn, Hòa Bình, cho tới Kim Tân (Thanh Hóa) không lần nào bị một vết thương. Nhưng hôm ấy, trời vừa tối lại lất phất mưa, khí núi toả ra lạnh ngắt, tôi nài nỉ gợn gợn, ủng cao tới đầu gối, mặc áo blouson bằng da thuộc, đầu đội mũ nhựa có gắn đèn pha, cùng đi với tôi có 4 nhà thiện xạ địa phương nữa, họ đều mang súng hoá mai và đi ngựa. Có lẽ vì miễn cưỡng nên trông họ thiếu nào quá, tôi tính cho họ về, nhưng ông Lý-trường cứ muốn cho họ theo đề hộ vệ tôi. Bỗng qua một bãi lau chừng một cây số, chúng tôi đi sâu vào khe núi khoảng 150 thước, gần chỗ phục kích bỗng có tiếng kêu thất thanh phía sau, quay lại thì con cộp ấy đã và một người thiện xạ ngã lăn xuống ngựa rồi lăn đi ngay, tôi chỉ kịp thoáng nhìn thấy mình nó vẫn vẫn lùi vào bụi lau. Quả con này khôn thiệt,

cheo thói thường thì cộp trước khi tấn công cũng găm lên hoặc và người xông thì tha đi đằng này nó lùi liền, mình định đi tấn công nó, nó đánh mình trước.

Ngừng một lát anh kể tiếp : Tôi dự tính thế này từ rừng già về thôn phải qua cái khe núi ấy, vì núi đá ở đây anh đã biết, dừng đứng như bức vách, chúng tôi ra núp ở đầu khe, khe này rộng chừng 150 thước và dài 200 thước, sát đầu khe ấy có một giòng suối rộng, muốn vào rừng già Cộp phải lội qua giòng suối này. Chúng tôi sẽ bắn nó để đằng khi nó đang vượt qua suối. Kế hoạch của tôi là thế.

Anh nghỉ một chút, châm điếu thuốc khác, nhìn chiếc đồng hồ lúc này đã chỉ đúng 11 giờ đêm.

— Anh nhớ rằng lúc ấy trời đã tối hẳn, tuy mới có 7 giờ nhưng vì mùa đông nên mặt trời lặn sớm. Chập tối tôi thường cộp đã lảng vảng ngoài bãi lau đề rình trâu bò trong thôn. Tôi đi khỏi thôn một lúc thì Lý Trường, tụ họp dân chúng đốt đuốc, đánh thanh la nào bạt và đốt pháo đề xua cộp về khe. Chừng ấy nó sẽ chết với tôi để đằng, hoặc giả nếu nó còn bận « làm ăn » gì nơi khác chưa xuống bãi được thì khi nó vượt suối tôi càng dễ bắn nó hơn vì đầu nó chiếu thẳng hướng mình.

— Anh xem kế hoạch của tôi đặt ra có sát không ? Thế mà sự thể lại xảy ra khác hẳn : Trong khi mình đi tìm nó, thì tình cờ hay do sự tính toán của nó không biết, nó lại tấn công mình ở giữa khe. Thật là quái ác !

Tôi hỏi :

— Thế sao anh không đề phòng ?

— Có chứ, tôi tiến vào khe rất đề dặt, tại tôi luôn đề ý mọi tiếng động, và nhất là mũi tôi đánh hơi rất tài, hơn nữa những con ngựa của chúng tôi rất tinh, đánh hơi thấy Cộp là chúng dậm chân lại liền, không chịu đi. Chính vì nó khôn ngoan rình chúng tôi từ đằng xa, khi thấy chúng tôi đi qua rồi thì nó mới lao mình chạy tới tấn công người đi cuối cùng khi ấy gió lại thổi ngược chiều nên không ai thấy hơi cộp.

— Thế còn người thiện xạ ấy có việc gì không ?

— Cũng bị thương khá nặng, nhưng không việc gì, bị bay mất một miếng thịt ở bả vai. Sau đó, tôi cho hai người thiện xạ khiêng về còn một người theo tôi thừa lúc tôi buộc lại thắng ngựa cũng trốn theo những người kia nốt.

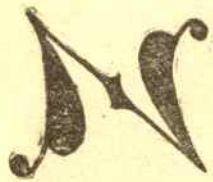
Tôi nghĩ bụng : họ hèn nhát thật, mình cũng chẳng cần họ mấy, có họ càng thêm bận. Thế là một mình một ngựa tôi phi một mạch ra phía đầu khe tìm chỗ cao để quan sát.

— Thế bọn họ không sợ cộp đuổi à ?

— Vì họ sợ bắn cộp hơn là chạy trốn, vừa chạy họ vừa đốt hỏa pháo và bắn chỉ thiên, trái với kỷ (Xem tiếp trang 24)

CAO - LÃNH

VƯƠNG HỒNG SẼN



G A Y nay, người mới cũng như người cũ, không ai còn xa lạ gì với danh-từ « Cao-Lãnh » Có danh nhưt, ai ai cũng công

nhận, là : gà Cao-Lãnh, có tài đá hay đâm lẹ : đòn đã dư thêm cựa rất nhạy, mỗi cú đá đều có máu rơi; nói về nhân-vật thì đặc-tính của dân ông Cao-Lãnh là vừa bí mật gan lì, thêm rất ưa làm quốc sự; Xưa đời Tây đến đến Tây đi, dân Cao-Lãnh ngồi tù ra khám như ăn cơm bữa...

Nhưng nói gì thì nói, đến như danh từ « Mỹ-phẩm đệ nhất hảo hạng » thì phải dành riêng để tặng đàn bà Cao Lãnh. Gái Cao Lãnh giỏi tài đâm đang tháo vác, thêm được tình vóc mảnh mai, tuy mảnh mai nhưng chàng trai xứ lạ chớ khinh mà lắm. Quanh năm sinh sống trên Sông Cái, buông tay giăng bắt tay chèo, sông trong nước ngọt mà chớ, thêm cha mẹ vốn nhà đầu óc, Cao Lãnh có miếu thờ Khổng Tử lại cũng có thầy dạy nghề võ, cho nên gái Cao Lãnh, Trời phú cho một sắc đẹp thiên nhiên, thêm cô nào cô này đều « có miếng » tùy thân, nói cho mà biết ! Trước khi mất hạnh, mất bù-cầu vào đây, làm gì các cô nước mặn làm cho lại cô nước ngọt. Miệng Cà mau, Sốt trắng, ruộng nước phèn ăn chum nức nẻ, các cô ở đây phải có thật nhiều giấy xăng, giấy năm trăm, để đắp lên trên đầu vết hà ỉn. Nói chính đáng, làm trai sao khỏi tánh hiếu sắc? Trai Miền Nam luôn luôn ao ước muốn kén vợ Cao Lãnh, Nha Môn. Tuy vậy hễ trời sanh voi thì sanh cỏ dăm khuyến các cô « bị hà ỉn chum » khoan vội giận tôi, tội nghiệp, và nên nhớ : đời nay người ta có mắt nhưng, mũi dục dừ, chưa chắc gì hơn lúa bở, muối dụn.

Gót son thì mặc gót son,
Giấy bạc cuốn tròn, đuôi gót chạy ngay !



Bấy lâu quen dùng danh từ « Cao Lãnh » rồi nhàm tai. Đời là đời tranh đấu, cũng không ai hơi đầu tìm tôi cần cội những danh từ ấy làm chi cho mệt. Công hay tôi, báo Xuân báo hại, cứ chằm tiền giả khiến phải điên đầu chạy cho ra bài nấp cho họ mới được yên thân. Và bài dành cho báo Xuân Tự-Do năm Nhâm-Dần (1962) là gốc tích « Chợ Cao-Lãnh ».



Ông Cầu Lãnh, tên thật là Đỗ Công Tường. Không biết quê quán của ông ở xứ nào, duy biết vào đời vua Minh-Mạng (1821-1840), ông nhận lãnh làm Cầu-đương làng Mỹ-Trà trước thuộc tổng Phong-Thạnh, tỉnh An-Giang (Sa-đéc).

Lạ thay, có nhiều danh từ xét ra chưa hơn trăm năm mà đã cũ kỹ xa xôi. Lâu ngày không dùng trở nên lạ tai, mỗi khi nhắc đến, khiến người vô tâm cười hình mũi, và tai hại thay, lại còn hiểu lầm là khác. Dốt không chịu dốt, nghĩ oan cho người, cái mới bấy dừ ! Tỷ dụ như mới đây tôi than phiền với một ông bạn Bắc hà, rằng dường Võ Tấn có một ngôi mộ của một người tử vì đạo mà không ai bảo tồn, để cho nhà cửa tân tạo xây cất gần che bít. Trong câu tôi nói, tôi dùng hai chữ « Lái Gầm », chưa chi ông bạn tôi đã xua tay giấy này, trách tôi sao xấc xược, dăm phạm thượng, nhờ một vị Á-Thánh của đạo Da Tô mà gán cho nghề « lái nọ mới kia » ! Tôi phải cầu cứu với ông Huỳnh tịnh Của, lật bộ « Đại Nam Quốc Âm Tự vị », gi vào tận mắt bạn tôi, khi ấy bạn tôi mới chịu nhẹ răng cười mà đọc lên với tôi :

« Lái : ... người làm chủ dưới thuyền ; nhà nghề ».

« Ông Lái : người làm chủ dưới ghe buôn ».

« Lái buôn : người đi buôn thuyền, buôn bộ ».

« Lái phụ : người giúp cho chánh lái buôn ; người làm việc coi lái ».

(Đại-Nam Quốc-âm Tự-vị Huỳnh-tịnh-Của).

Trở lại, và để tìm hiểu danh-từ « Cao-Lãnh » thì xét ra trước, dùng :

« Cầu » : lãnh lấy, gánh lấy ».

« Cầu đương » : chức việc làng coi sóc các việc trong làng ».

« Cầu họ, nguyên là cầu đương họ đạo, chức thứ hai coi việc trong họ (nói về đạo Thiên Chúa) ».

(Đại Nam Quốc Âm Tự vị Huỳnh tịnh Của).

Như vậy, Cầu Lãnh là ông hương chức làng có tên như vậy; và bởi hủi trọng tên người, nên gọi ông bằng chức.

Theo lời một vị cố lão, nay đã khuất, thuật lại

với tôi lối ba mươi năm về trước, may nhờ lúc ấy tôi đã có tật ghi chép, đến nay giấy má còn đây, dạy rằng : « khoảng năm Mậu Dần triều vua Gia Long (1818) có hai vợ chồng ông Đỗ công Tường tự xuất của nhà tạo lập ra một nhà dài để cho bà con trong xóm có chỗ ẩn cúng tụ tập mua bán, khỏi lo lằng nằng tấp mư sa.

Lâu ngày chợ thêm sung-túc, làng xã đặt tên « Mỹ-Trà » như nay còn nghe thấy, nhưng làm gì thì làm, cái tên nôm - na « Chợ Cao - Lãnh » dân không bỏ và vẫn tiếp tục dùng mãi với nhau cho đến bây giờ. Đã nói ấy là vì quen miệng, cũng như thiên hạ, đến nay, trong xóm quê, quen nói « ngày An-nam » hoặc văn hoa chút nữa thì nói : « ngày theo âm lịch », chớ ít nghe ai gọi « ngày Việt Nam » ! Tính ra độ non một trăm năm chục năm (1818-1961), thì Mỹ-Trà còn hoang-vu, dân cư thưa thớt, nhà cửa lều-hèo đếm không hết hai bàn tay, vì đất tuy màu-mỡ và vốn là đất phù-sa béo tốt không đất nào bì kịp, nhưng thâm một nỗi nhơn-công tay cày tay cấy không đủ chống với nạn nước lớn, nạn rắn rết trộm cướp cũng như nạn sợ ma đất hoang đồng vắng. May sao vợ chồng ông Cầu Lãnh ra gương tốt, thí thân, xuất của tư, khai phá hoang-địa mở mang thành khoảnh, lập nên chợ búa, đáng mặt « tiên hiền », vì vậy dân trong thôn-xã, tôn lên làm chức cầu-đương nên gọi là ông Cầu-Lãnh.

Xóm vừa đông đúc, chợ nhóm vừa có mỗi thanh vương, tính từ năm Mậu Dần (1818) đến năm Canh Thìn (1820), bỗng trong xứ bị nhơn. Mà thuở ấy, thuốc men làm gì cự nổi với giặc trời (thiên tai), Bệnh dịch lệ, ôn hoàng, thiên hoa trái trời, đều rất sợ, sợ đến cỡ tên không dám nói và gặp đến thì cho rằng « đùng », « trời kêu ai nấy dạ », đó là thiên tai, vô phương cứu chữa. Mỗi khi trong xóm bị nhơn, thì chỉ biết vãi van, ở hiền gặp lành, thành tâm khẩn nguyện, làm lễ tống ôn tống gió, làm tàu kết bè chuối cúng tam sênh dâng đầu heo, « đưa chúa Ôn » đi chỗ khác, hoặc cầu xin nơi đất thiêng liêng phù hộ phò trì... Dịch khí năm 1820 hoành hành chợ Cao Lãnh, báo hại trong xóm người hao hơn phân nửa, thiên hạ náo động, nhưng đều thúc thủ vô sách. Giữa lúc nhơn đến kinh tâm tấn đờm ấy, tôi nghiệp vợ chồng ông Cầu Lãnh lo lằng nhiều hơn ai hết. Thấy đồng bào hao quá nhiều, cảm lòng không dậu, vợ chồng bèn đặt bàn giữa trời, ngay sân chợ, cầu xin thế tử cho nhơn dân bôn xã, miễn sao giặc Trời sớm dứt, mau mau yên ổn trong xóm trong làng. Khẩn nguyện như vậy rồi, bắt đầu từ bữa đó, vợ chồng tường

trai. Lòng thành tất nhiên hữu cảm : vãi nguyện ngày mồng sáu, đêm được ngày mồng bảy rồi mồng tám... Bước qua ngày mồng chín, bà dựng giặc Trời buổi sáng, đến mười giờ tối đêm đó thì bà tắt hơi. Trong nhà lo việc tẩn liệm chưa xong, thì đến lượt ông Cầu cũng ớn mình, tay bắt chim - chim, qua mồng mười khoảng hai giờ sáng, cũng tắt thở theo bà trót thế. Khi cất đám đưa hai ông bà ra đồng an táng, trở về làng lạ thay cũng giờ ấy bệnh dịch dứt tiết, bá tánh được bình yên như cũ. Mười người như một đều qui công cho vợ chồng ông Cầu Lãnh cho rằng nhờ sự hy sinh cao cả của ông bà mà nhơn dân được mạnh lành. Ơn của hai ông bà xét ra rất lớn và để tưởng niệm công đức của nhị vị cứu tinh này, dân chúng từ ấy đều gọi chợ này là Chợ Cầu Lãnh, tuy trong giấy tờ số tầu chạy lên quan, thì dùng ba chữ « Mỹ-Trà thôn ».

Nhưng cũng ác nghiệt thay, miệng người dân Miền Nam ăn mắm ăn muối đã quen, nên có tật rất lớn là « tật nói dốt » hay nói không sửa giọng, dùng giọng. Vì lười cũng có, để tránh « khô dốt » khó nói cũng có, vì tưởng như vậy là « theo người theo ta » cũng có, hay vì nhiều nguyên do bí ẩn tôi xin chịu dốt, mà người miền Nam phát âm ít khi đúng giọng đúng chữ, và thường nói trại ra : thay vì « Cầu Lãnh », hủi kỳ thiết rồi gọi « Cao Lãnh » cho đến như nay đã thành danh, dấu muốn sửa sai cũng muộn rất khó.



Năm tôi còn ở Sa đéc, tôi có lên Cao Lãnh chơi, lối 1928—1932, thì thấy tại Mỹ Trà có miếu thờ nguy nga, không biết nay còn chăng hay đã bị dốt phá mấy năm tạo loạn mất rồi. Theo tài liệu tôi còn giữ được hình như miếu ấy tạo lập vào năm Đinh-mùi (1907) do lòng thiện tâm của hai ông. Huỳnh kim Ngưu quen gọi « hội đồng Ngưu » (nghị-viên địa-hạt) và ông Bùi Hữu-Giang, hương-chủ Mỹ-Trà thuở đó, kè bằng tâm người hăng sắn, quyền tiền, xin phép, mua đất lập nên miếu-vô thờ ông Đỗ Công Tường, tục danh ông Cầu Lãnh. Miếu xây trên bờ kinh Quán Khánh trở qua sông Cái Sao, cách chợ Cao Lãnh không xa, và sau miếu có ngôi mộ chung của hai ông bà mất năm xưa cách nhau không mấy ngày.

Câu liền trước cửa miếu, tôi còn chép năm xưa là :

Mỹ kiều Cầu Đương, hữu chí lập thành sanh bửu cuộc,

Trà giang Lãnh thị, triêm ân thương mãi nhứt vinh ba.

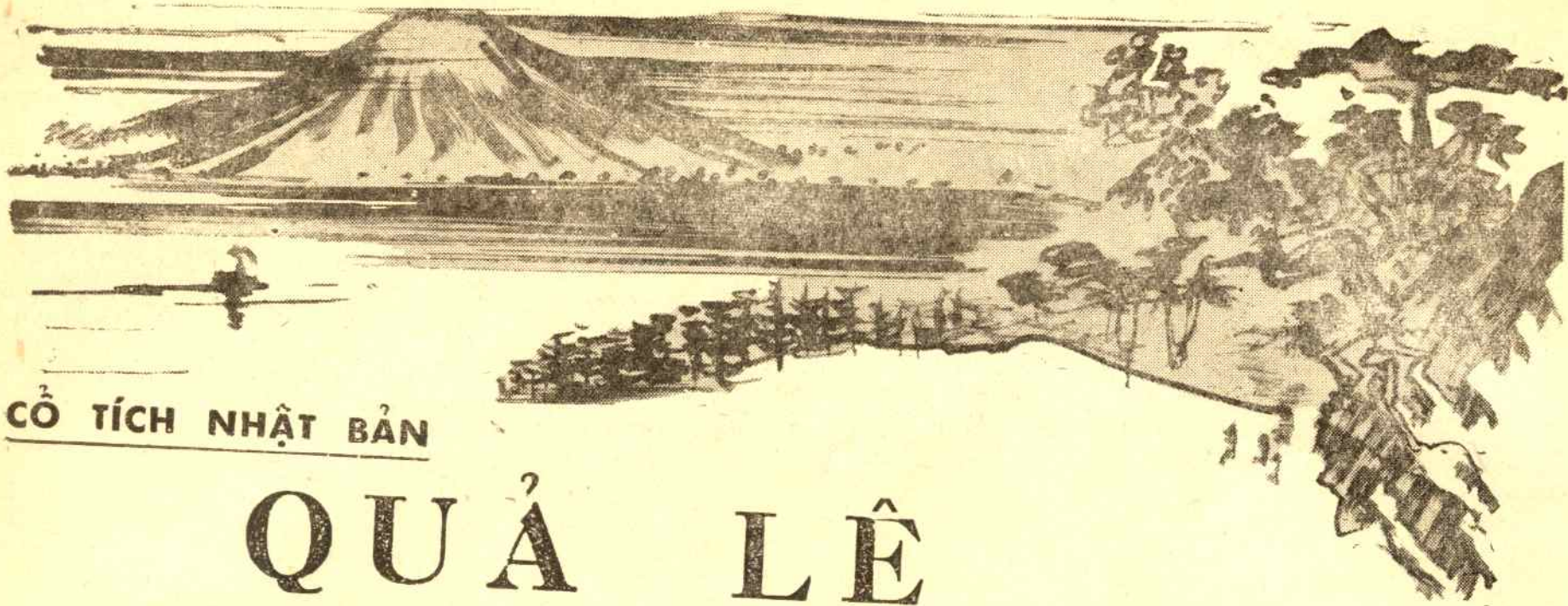
Vì tài liệu viết tay, không sao câu chữ Hán, nên không dám viết lại bằng Hán Tự, để tránh lỗi lầm. Lại nữa, vì dốt chữ, nên không dám lên mặt làm tăng.

(Viết tại Gia Định,
số 5 đường Nguyễn-thiện-Thuật,
ngày 5 tháng 11 d.l. năm 1961)

TẶNG MẤY BẠN THẤT NGHIỆP



— Xia rằng ông xuất mấy năm, giờ mới có bằng đây !



CỔ TÍCH NHẬT BẢN

QUẢ LÊ

Lời người dịch

Nguyên tác nhan đề « NASHI NO MI » của Osanay Kaoru (Tiểu-Sơn Nội-Huân)

Bản dịch của CHÂM VŨ

TRONG công cuộc nghiên cứu chính văn đề giới thiệu văn học Nhật Bản, ngoài bộ Nhật Bản Sử Lược hiện đương biên khảo và tiếp tục xuất bản, chúng tôi lựa chọn cốt truyện đi gần với tâm hồn người Việt mình hơn cả để dịch thuật. Truyện « QUẢ LÊ » này, nếu chúng tôi không lầm thời cũng giống như truyện « TRÁI ĐÀO TIÊN » trong Liêu Trai Chí Dị của họ Bồ. Theo biên khảo của ông Hiếu Chân thời Bồ Tùng Linh sống vào khoảng đầu thế kỷ thứ XVIII, còn Tiểu Sơn Nội Huân thời chúng tôi chưa hề cứu được tiểu sử, nên chưa rõ, giữa hai truyện cùng đề tài này, phía của Trung Quốc hay của Nhật Bản, đang nào ra đời trước. Dù trước hay sau, nó không quan hệ, điểm chính là chúng tôi đưa minh chứng, do gốc tự Nho, Lão, Hán, Phật Học mà văn học, phong tục cùng lễ nghi Việt-Nhật có nhiều điểm tương đồng. Lại cũng là dịp để quý độc giả so sánh bút pháp của Bồ Tùng Linh với Tiểu Sơn Nội Huân, một dạng rút gọn, chỉ cần lấy ý đề văn hoặc mĩa đời, một dạng tuy cũng văn nhưng chải chuốt lời văn cho ý thêm màu sắc.

TUC quê tôi, năm nào cũng vậy, ăn Tết Nguyên Đán (1) xong thì làng lại làm lễ Khai Xuân ở ngoài đình thờ Thần Hoàng.

Tôi vẫn nhớ đình ninh, hồi tôi lên tám hay chín tuổi, cả vùng tôi được mùa to nên đặc biệt ở lần mở cửa đình Thần Hoàng năm ấy, làng tôi kéo dài hội khánh hạ trong mấy ngày liền.

Ở đô thị náo nhiệt thời không kể, chứ nơi thôn quê heo hút đời sống bình thường và phẳng lặng quanh năm với góc ruộng mà nói đến kéo hội thì lòng người nao nức lắm, ai cũng sắm sửa quần áo mới và dành dụm ít tiền để chơi hội. Tôi cũng thế, dù còn nhỏ, đến ngày chính hội, thấy xóm làng xênh xang kéo nhau ra ngoài đình, tôi vội vịn nhũ mẩu kỷ đến bà phải đưa tôi đi xem.

Chà !!! Cảnh hội đông vui quá. Thay vì ngôi đình cổ âm thầm trên khu đất trống thường lệ, hôm nay là cờ, là phướn muôn màu tươi cười lượn mờ theo chiều gió với muôn sắc áo quần của muôn người lồng lộng và vùng lân cận rồi tràn nhau đi chày nôi. Phía trước đình, các hàng bánh kẹo tiếp khách không ngừng tay; nhất là loại bánh ngọt hấp than, ăn nóng, cái thức « Tsubo Yaki » ấy mà người nông thôn ít có dịp được thưởng thức thì người mua lại chen chân không lọt. Cả đến các ông lang cao, đàn, hoàn, tán, cũng không bỏ lỡ cơ hội mà từ phương nào phương nào, đem đến trưng bày và không ngừng miệng quảng cáo, tự cho món thuốc của mình là tiên dược. Về trò về lạ mắt cũng đủ thứ; thời thì khi đeo râu, đội mũ lam tòng; chim đi đá nhện tiên, bói quẻ. Lại còn những nhà múa rối bày ra cảnh thiên đường, địa ngục, có những hình nộm y hệt như quý sư, có may tự động để nạt nộ người. Tất cả những người từ ruộng kéo nhau đến xem vào túp tiền của dân quê chất phác này, họ dựng những quán tạm, trong túp mà cái nọ nọ cái kia, xan xat như một giây phút mới.

Nhũ-Mẫu đất tôi đi ngắm hết gian này đến gian khác, lần lần chúng tôi đi quanh ra sau đình lúc nào

không biết. Chỉ thấy trên khoảng đất phẳng, hàng mấy trăm người đứng vòng quanh một ông già và một đứa nhỏ cũng chắc tuổi tôi, trước mặt có hòm đựng dụng cụ. Để đề kể chuyện, chẳng biết có phải hay không, tôi cũng cứ xin tạm gọi là ông cháu ông cụ này; đứng ở giữa trời, không lều, không quán để pho bày thuật lạ của mình.

Thấy nói đến thuật lạ, hai bà con tôi cũng háo hức lắm. Trước mặt chúng tôi là một hàng rào người lớn ăn ngữ, nhũ mẫu phải công tôi rồi bà cụ len, cổ lách mải mải có chỗ đứng khá dĩ trông rõ ông cháu ông cụ. Người cháu gầy và đen hơn tôi, lạnh lén và hóm lăm, còn ông cụ tuy cao niên vào khoảng bảy mươi, nhưng còn khoẻ mạnh, cất tiếng oang oang, rất lễ độ, tiếp lời từ trước : — « Thừa các cụ, các ông, các bà, các cậu. Nào thế bây giờ các ngài muốn gì, lão phu cũng xin chiều bằng được. Các ngài muốn bắt con yêu ở Đại Giang Sơn (2) về léc thịt ra làm mắm, hay các ngài muốn có bát canh nấu với thịt con gấu ở Túc-Bích-Sơn (3), lão phu cũng xin đi trói gó chúng, khiêng về để các ngài chộp tiết ».

Thấy ông cụ khoe tài phong thần trước đám người nông thôn, đã mỗi lúc mỗi xúm đến đông hơn, trong đám đứng xem, có người như ý chừng bất mãn, cất tiếng to báo ông cụ : « Xin cụ, thôi đừng yêu quý xa xôi, chúng tôi chỉ nhờ cụ hái dùm cho một quả lê thôi ».

Chà bây giờ vừa đoạn Nguyên đán, hơn nửa vùng tôi ở mãi tận Bìc, rất dữ và dài ngày, tuy gọi là mạnh xuân, nhưng vừa mấy hôm trước, tuyết còn rơi, vẫn đọng trắng trên những thửa ruộng không có vết chân dầy xéo. Dù ở phương Nam đi nữa, thì lễ cũng chỉ mới chớm khai hòa là cùng, nói chỉ đến vùng tôi, cây cối chậm lộc, đầu đầu cũng vẫn là cây trơ cành trụi trụi bởi đầu ra được thứ quả trái mùa này. Cụ già biết thế lắm, tuy không rõ lòng cụ thế nào, nhưng trước lời thách đố của người đứng xem, cụ lộ ra dăm chiêu, có vẻ lo lắng việc hái lê trời mùa còn khó hơn là đi bắt con yêu ở Đại Giang Sơn hay con gấu ở Túc-Bích-Sơn về làm mắm và nấu canh. Ông cụ chấp tay ra sau lưng, đi đi lại lại, mặt cúi gằm, miệng lầm bầm, lầm bầm, rồi đột nhiên, về dăm câu chuyện đi để lộ niềm vui cười đặc ý, nhìn vào đám người đứng xem, từ từ mà rằng : — « À, có lẽ, có lẽ rồi. Cụ kê ra ở mặt đất này, đương mùa đông đã, dù có ngàn vàng cũng khó mua nổi một quả. Nhưng tôi biết, tôi biết trên vườn của Ngọc-Hoàng-Tượng-Đức kia — (ông cụ chỉ tay lên trời) — có rất nhiều lê đương độ chín vàng... Ha, ha, ha... Vậy thì, tôi xin hái trộm về các ngài dùng.. Nào, xin các ngài chờ ý ».

Ông cụ lấy trong nhòm ra một cuộn thừng to tướng, coi nút dây buộc, tay cầm một đầu thừng, còn đầu kia nên nắm lên gần. Cuộn thừng cứ từ từ ra, từ từ và như có bàn tay vô hình kéo lên, lên mãi, lên vào mây, kỳ đến một, cột đầu dây ở tay ông cụ. Ông ta buông tay ra thì thừng cũng không lên thì nửa và như như có một móc treo ở trên không, lòng tưởng đương x ông trước mặt mọi người. Ông cụ liền bỏ dùm câu lên, buộc đầu thừng vào người nó rồi bảo : « Đang lê ông lên vườn Ngọc Hoàng mới hái, nhưng người ông nặng quá. Tôi cần

lên trên ấy, hái trộm lấy mấy quả lê, mang về để các ngài đây dùng ».

Nhưng, thằng bé khóc dấy lên : — « Cháu van ông... Tôi nghiệp cháu quá... Leo lên trên ấy, nhớ ngang chừng, thừng đứt thì cháu nát xương ra, còn gì... ? »

Mặc cho thằng nhỏ khóc lóc, van xin mấy, ông cụ cũng không nghe, quát mắng kỳ nó phải vâng lời, tuy vẫn khóc suốt mướt, nhưng đành nắm lấy dây mà leo, leo dần, lên mãi, kỳ đến mất hút vào trong mây đặc của trời đông. Bây giờ, thì người kéo dên xem tròng tròng điệp điệp, cơ hồ như không còn một ai thiết gì đến dây phở mới ở trước đình nữa.

Trong lúc mọi người đều há miệng, ngửa mặt lên trời, tâm hồn như đổ hết vào việc của thằng bé, có lẽ nó đương loay hoay hái trộm lê của Ngọc Hoàng, thì đột nhiên, chao ơi, một quả lê to quá là to, từ trên thượng tầng mây rơi xuống trước mặt ông cụ. Bình sinh, chưa ai từng trông thấy quả lê lớn đến như thế bao giờ, lớn bằng quả dưa hấu.

Về hân hoan hiện trên mặt, ông cụ cúi xuống, hai tay ôm quả lê, dơ ra mời người đứng xem gần nhất : — « Mời ngài, mời ngài, thử nếm một miếng tiên lê, xem có khác lê trần gian ». Nhưng nào đã kịp nếm niếc gì đâu, chiếc thừng đã từ từ, từ từ rơi dần xuống, lù lù thành một đồng trống trước mặt ông cụ, ông ta ngạc nhiên : — « Thừng xuống hết... Còn cháu tôi đâu... ? Cháu tôi đâu ? Sao cháu tôi không thấy xuống thế này... ? ».

Ông cụ nói vừa dứt lời, có tiếng gì như tiếng đồng, tiếng sạt va nhau ở trên không, tiếp một vật gì tròn tròn, đen đen, vun vút, vun vút lao mạnh, rơi bộp xuống ở góc mặt ông cụ. Trời... ! Thì ra cái đầu của thằng bé cháu. Ông cụ cất tiếng khóc âm : — « Thực là khốn khổ cho cháu tôi. Cháu ơi !!! Cháu hái trộm lê nên bị Thiên Đình Viên Sư — (quan coi vườn của Trời) — chặt đầu cháu đây mà ».

Ông cụ bù lu bù loa hơn nữa : — « Sao tôi lại bắt cháu tôi đi thân vào nơi nguy hiểm đến thiệt mạng thế này... ? Phải chăng thì chiều ý các ngài mà tôi làm khổ cháu tôi... ? Tựa như hại cho cháu quá cháu ơi... ? ».

Quả lê đã biến đầu mất rồi, chỉ thấy ông cụ ôm thủ cấp của cháu mà khóc lóc, kể về những điều thương tâm dài giòng, thế rồi, tiếp một cánh tay, hai cánh tay, một chân, hai chân của thằng bé bị chặt đứt từng khúc, kể nhau ơi xuống, cứ đều như vật conan, không sai lệch, ngay trước mặt ông cụ. Cuối cùng là thân thằng bé, nặng nề rơi xuống nốt.

(Xem tiếp trang 26)

(1) Hiện tại, người Nhật ăn cả hai Tết, đương lịch và âm lịch. Người thành thị, thì theo lịch dương tức là Minh Trị (1), nên ăn Tết theo d.l. Người nông thôn, thì vẫn theo hương của thời tiết đến mùa màng nên vẫn ăn Tết theo âm lịch. Tác giả kể Tết Nguyên Đán đây là theo d.l.

(2) — OGI YAKI NO ONI : « Con Yêu núi Đại Giang Sơn ».

(3) ASHI GARA YAMA NO KUMA : « Con Gấu núi Túc-Bích-Sơn ». Hai truyện cổ tích trên thời được truyền tụng nhiều nhất trong dân gian và sách vở Nhật Bản, kể hai con yêu đất trời và kẻ cao tình thần và dũng của phật Vô-Sở. Ở đây, ông cụ làm ảo thuật lấy hai con yêu tinh này ra khoe trước thiên hạ, ra đầu ta đây, càng tại ông cụ, làm được những việc phi thường như vậy tức là ông cụ chỉ người nói khoác.

THƠ

BIÊN

Tôi tự kinh kỳ khát vọng lay,
Bụi trong hồn cuốn, ghé nơi đây.
Long thang, tôi nhuộm tim bằng nắng,
Phơi lại niềm tin với gió mây,
Dưới : nước, trên : trời, vui gặp gỡ,
Thơ tôi bằng sóng, mộng tôi đầy,
Trống tinh cát sỏi, long lanh mắt,
Mặn muối yêu đời, tôi đã say...

PHẠM-MẠNH-VIỆN
1961

NHỮNG KẺ KHÔNG CÚI ĐẦU

Kính tặng đồng bào di cư 1954

Họ không cúi đầu, họ ngang tàng đứng
sống

Cô đơn nhìn trùng điệp lũ buồn dân
liếm gót nhau lên một công thần
Coi sông núi như quân cờ, lá bạc.



Họ đi đâu ? bỏ ruộng vòng sông bạc,
Bỏ cả xóm làng, bỏ cả tổ tiên ;
Họ đi đâu ? dữ dội giữa lòng đêm,
Mất loè máu, miệng reo hò, tim thần thức;
Họ đi đâu ? những người còn khổ rách,
Trải bao đời bám chặt lấy quê hương,
Sống hiền lành, sống thanh thản, sống yêu
thương,
Chung nhặn nại, góp mồ hôi, cùng khổ
nào ;

Họ đi đâu ? ai hung tàn ? ai ma đạo ?
Ai ? ai ? ai ? mà vạn nẻo xô nhau ;
Họ đi đâu ? mà vui nhỏ, lớn sầu,
Họ đi đâu ? mà băng rừng, tắt núi,
Họ đi đâu ? mà rụng hàng, thưa lối,
Họ đi đâu ? mà súng đuổi, bom lan,
Họ đi đâu ? mà uất khí ngút ngàn,
Họ đi đâu ?

— Họ đi tìm đất đứng.

PHẠM-MẠNH-VIỆN



LÁ THƯ ĐÔNG KINH

NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN TẾT Ở NHẬT

ĐOÀN VĂN AN



CÙNG như các dân tộc Á châu được hấp thụ nền tư tưởng của Khổng Mạnh, dân tộc Nhật bản xem Tết là một ngày lễ thiêng-liêng trọng đại. Tết ở đây không những chỉ là dịp đánh dấu chuỗi ngày qua và mở đầu cho một năm sắp đến ; cũng không những chỉ là dịp để gia đình đoàn viên xum họp, mà còn có ý nghĩa để nhắc nhở cho con cháu nhớ lại ông bà tổ tiên, một cuộc gặp gỡ giữa trần gian và âm thế. Hơn nữa, Tết cũng không phải chỉ là dịp để mọi người được nghỉ ngơi, thanh toán những việc cũ, dự trù những kế hoạch mới, mà nó còn hàm súc những ý nghĩa sâu xa, hóa hợp bởi tinh thần của dân tộc và nền văn hóa Đông phương cổ truyền trên mảnh đất Phù-tang này. Vì thế mặc dù người Nhật ăn Tết theo ngày Dương lịch (bắt đầu từ thời Minh Trị duy tân trở đi), nhưng những truyền thống từ nghìn xưa để lại vẫn được thật hành trong các gia - đình Nhật - Bản mỗi khi Tết về.

Những tâm trạng khác nhau đối với ngày Tết

Tết là một dịp không một người Nhật nào không trông mong chờ đợi. Trẻ con mong Tết về để được mặc áo quần mới, nhận tiền mừng tuổi từ cha mẹ anh chị, học sinh mong Tết về để được nghỉ học, trở về thăm viếng đoàn tụ với gia đình ; những công chức thợ thuyền mong Tết về để được lãnh "bonus" mà sắm sửa cho gia đình vợ con ; các cô gái mong Tết về để có dịp mặc chiếc áo Kimono lộng lẫy đi thăm viếng bà con họ hàng ; những ông già bà lão mong Tết về để được nhìn con cháu xum vầy, gia đình tụ họp ; những người buôn bán thương mại mong Tết về để có dịp mua may bán đắt... Và còn nhiều nữa, bao nhiêu hạng người bấy nhiêu tâm trạng khác nhau. Nhưng kết cuộc hạng người nào cũng mong Tết về cả.

Chuẩn bị đón mừng ngày Tết

Đề sửa soạn cho ngày Tết, kể từ ngày 20 tháng chạp, các trường học lần lượt đóng cửa, học sinh được nghỉ học về chung sống với gia đình. Các công sở tư sở cũng sắp sửa tổ chức những buổi tiệc cuối năm, gọi là Bonenkai để khao thưởng chúc mừng nhau sau những ngày nhọc nhằn lao khổ. Khác với cái vắng vẻ quanh hiu ở các trường học, các tiệm bán áo quần, tiệm bán thức ăn, tiệm bán hoa, bán trà, tiệm bán bánh kẹo, tiệm may v.v... thì lại đông đặc cả khách hàng. Các nhà hàng chuyên môn bán đồ Tết cũng đua nhau chen chúc mọc lên như nấm. Người ta đi mua bán đồ Tết đông đúc tấp nập trên các nẻo đường. Đi đến đâu cũng thấy cả Tết là Tết. Thật là một sự thay đổi lớn lao từ lòng người đến ngoại cảnh.

Ở các tiệm bán bánh kẹo lại càng đông đúc rộn rịp hơn cả. Người Nhật thường có tập quán : mỗi khi Tết sắp về là họ đi biếu cho nhau những món quà Bonen (quà tất niên) để tỏ lòng biết ơn với những người đã giúp đỡ trong năm. Nhưng cũng có người không theo tục lệ này, họ thường mang quà đi biếu ở mấy ngày đầu năm để mong cầu những sự giúp đỡ trong năm sẽ đến. Món quà đầu năm này thì gọi là Nenga (quà năm mới). Cần nên nhớ rằng : những món quà này không cần phải của ngon vật lạ hay những phẩm vật đắt đỏ, mà chỉ một bó hoa, một chai trà, một hộp bánh với ý nghĩa "của ít lòng nhiều" là được. Vì thế nó khác với ý nghĩa chạy đua đi tui tui như người ta thường tưởng lầm.

Từ khoảng ngày 25 trở đi thì trước các cửa hiệu buôn bán, trên các nẻo đường, khắp các nơi chùa đình am miếu, cung miếu ở các tư gia, hầu hết đều trồng lên những cây tùng, cây trúc xanh, có đính theo những cành hoa đỏ. Những cây này thường gọi là Kadomatsu. Cây tùng dù gặp mùa Đông cũng không đổi màu rụng lá, cây trúc với nhưa sống tràn đầy, vươn cao vút mạnh mẽ không trung ; đó là hai thứ cây tượng trưng cho sức sống hùng mạnh. Người Nhật trồng cây tùng cây trúc trước cửa nhà mỗi khi

Tết đến là để chúc nguyện cho mình và mọi người trong gia đình được yên vui tươi khỏe mạnh trong năm đến. Cũng vì thế nên nó khác xa với tục lệ trồng "cây nêu" bên ta.

Với một vẻ tung bừng náo nhiệt bên ngoài, về với những niềm vui mừng hoan hỷ bên trong, người Nhật chuẩn bị đón Tết từ 20 tháng chạp. Từ ngày 25 trở đi thì về Tết lại càng được hiển lộ rõ ràng hơn. Tất cả sự bận rộn vội vàng của họ đều được diễn ra nơi cách ăn nói, nơi bộ đi đứng, bởi vì họ còn phải đi mua sắm đồ đạc, sơn quét nhà cửa và trang hoàng trưng dọn mọi thứ cho có vẻ mỹ quan để nghênh đón Xuân xê. Ngoài ra, họ cũng còn phải viết hàng trăm lá thư chúc Tết để gửi đi cho những người quen thân, bạn bè. Cũng vì lẽ ấy nên cứ đến sáng mùng một Tết, mỗi người Nhật thường nhận được hàng trăm lá thư chúc Tết từ 4 phương gửi lại, và họ rất sung sướng vui thích đọc những lời chúc tụng tốt đẹp đầu năm này. (Loại thư chúc Tết này thường viết trên một mặt giấy khổ nhỏ, để trên không có bì và có đóng dấu tem sẵn, mỗi cái chỉ 5 yên, tức là 0đ,50 V.N. mà thôi).

Đón giao thừa trong niềm tín ngưỡng

Đề đón Xuân về, ở đám ba mươi sáng mùng một Tết người Nhật rất ít ngủ. Vì họ phải bận rộn sửa soạn đi làm lễ ở các Đền các Chùa trong giờ phút giao thừa. Ở thủ đô Tokyo nơi có đền thờ vua Minh Trị, từ lúc 9 giờ tối đã đóng cửa các phòng người đi lễ. Người Nhật thường quan niệm rằng : Minh Trị Thiên Hoàng là một ông Vua, cũng là một vị cứu tinh của dân tộc Nhật Bản, đền thờ của người có những cảm ứng rất linh thiêng nhiệm mầu. Vì thế hàng năm cứ đến tối ba mươi Tết là có cả hàng mấy vạn người, từng đoàn từng lũ kéo nhau đi lễ Đền, dâng đức chèn chúc nhau như thác chảy. Buổi lễ chính thức được cử hành vào lúc 12 giờ khuya, giờ phút giao thừa, nhưng suốt cả đêm ấy và đến cả 3 ngày Tết người đi chiêm bái cũng chưa ngưng.

Ngoài các đền thờ Thần, ở các chùa từ thành thị đến thôn quê đúng vào lúc 12 giờ khuya đêm ấy cũng thong thả đánh lên 108 tiếng chuông và long trọng cử hành lễ Giao thừa với sự tham dự của các tín đồ Phật giáo. Chuông chùa ngân vang trong đêm vắng, hòa nhịp với gió quỳên và hương bay, người Nhật xem giờ phút giao thừa là một giờ phút thiêng liêng cao cả. Khi 108 tiếng chuông chùa chấm dứt, 108 phiền não hầu như rũ sạch, lòng vui phơi phới hồn niệ láng láng, họ sung sướng thấp đèn đốt hương cúng dường Phật Thánh và khấn nguyện với tổ tiên. Liếp đến là mừng tuổi cha mẹ. Những câu chuyện cảm ứng của Phật Thánh, những gương sáng của ông bà tổ tiên cũng được nhắc nhở lại trong dịp này. Cảnh chén trà thơm, bên mâm bánh mứt, họ trò chuyện cùng nhau trong vẻ ấm cúng của gia đình, và trong tình thân yêu của những người cùng huyết thống để dự sang về.

Người Nhật thường có tục lệ : sau buổi lễ giao thừa, cả gia đình con cái chúc thọ cho nhau, cùng nhau ăn thứ bún gọi là bún Toshikoshi-Soba (bún vượt năm). Sợi bún này nhỏ và dài tượng trưng cho ý nghĩa : liên tục từng sát na, kéo dài qua năm tháng để kết thành một chuỗi sống trăm năm trường thọ. Đây cũng là một tục lệ dựa vào truyền thuyết của tôn giáo tư tưởng ở Nhật Bản.

Những lời chúc tụng đầu năm

Sáng mùng một Tết người Nhật thường ăn điểm tâm bằng thứ canh gọi là Zoni ; canh này nấu bằng thứ bánh Mo hi và những thứ gia vị phổ thông khác. Bánh Mochi là một thứ bánh dẻo và mềm, là một thứ bánh đặc biệt đây ý nghĩa chúc Tết của người Nhật Bản. Bánh này chỉ để dành riêng cho ngày Tết, cũng giống như thứ "bánh tét" ở Huế, "bánh chưng" ở Bắc. Vì thế nếu không được thưởng thức bánh Mochi trong những ngày Tết thì người Nhật xem đó là

(Xem tiếp trang 26)

MỐI NGỜ CỦA TÔI

(Tiếp theo trang 19)

Đề đối lại với mối tình chân thiết tới mực ấy, lúc sinh thời Nhan Hồi đã có một dịp biểu lộ mối chân tình của mình đối với một vị Thầy vừa kính trọng vừa thân mến.

Khi Không Tử bị uy hiếp ở Khuông, nhìn lại thấy Nhan Hồi lẽo đẽo ở phía sau, mừng quá, tưởng rằng Nhan Hồi đã theo toán xung phong tiến lên phía trước, mới thốt ra câu hỏi :

— Ta cứ tưởng nhà ngươi bị chết rồi !

Hồi thưa :

— Thầy còn sống, Hồi này khi nào dám với chết trước !

Với nghĩa sư đệ, với tình thầy trò, lại thêm mối giao tình mật thiết giữa hai người như cha con, sự lo lắng của Không Tử, câu trả lời của Nhan Hồi đã nói lên tất cả cái gì thiêng liêng cao đẹp của một mối tình chân thiết mà lại hợp đạo nghĩa.

Đến đây, nếu ta lại ngờ cả mối chân tình ấy cũng vì lợi nổi, cũng do tác dụng thúc đẩy, Không Tử khước Nhan Hồi vì mất người cộng sự đặc lực trong việc thực hiện kế hoạch, Nhan Hồi lẽo đẽo theo sau là cốt bảo toàn thân mệnh, lại còn uốn ba tấc lưỡi nói điều nhân nghĩa... nếu ta còn ngờ như thế thì bệnh ngờ của ta đã thâm nhập vào đến tận tâm can tỳ phế, không thuốc nào cứu khỏi không cách nào tẩy sạch, con người đã bị đầu độc tới mực ấy đành phải chịu sống với tất cả mọi giày vò, mọi ma chiết cho đến hết kiếp, để xứng đáng với nghiệp chướng của con người thời đại, tạo tác nên oan khiên thì phải chịu lấy hậu quả của oan khiên...



Nhưng không, ta không muốn khổ cực tới mực ấy, ta không đến nỗi xấu xa bản thủ, để thành da nghi như Tào Tháo, con người mà cả một cuộc đời không tin ai bằng lòng tin thật, bị phóng xạ bao vây thế giới tuy có phần nào ngấm vào người ta, nhưng ta quyết không biến thành nguồn phóng xạ...

Ta không muốn đặt đề lòng ngờ vào những điểm cực sáng, vào những tâm hồn từ bi bác ái cực rộng rãi, cực vị tha là Phật, là Chúa, là Thánh là Á Thánh.

Không, ta không muốn mù mờ không trông thấy những ánh sáng dịu hiền kia.

Vậy ta làm sao bây giờ để khỏi phải ngờ vực cái miệng cười tươi như hoa của cô thiếu nữ, của bà mệnh phụ, để khỏi phải ngờ vực những gì chứa chất trong vầng trán trắng trẻo phẳng phiu của ông thầy, ông giáo sư, của nhà văn hóa, của bao nhiêu trí giả, văn nhân, tài tử, để khỏi phải ngờ vực những bản văn có chữ ký đằng hoàng, những lời tuyên cáo của những vĩ nhân hiện tại trên thế giới ?

Biết làm sao đây cho tâm tư thanh thản, để vui sống, để hoan hỷ làm việc, để nhìn tất cả mọi người, không thấy ghét, không thấy chán, không phải thờ dài ?

Lòng ngờ sẽ đưa cá nhân con người đến địa ngục của trần gian.

Bệnh ngờ đang hoành hành trên thế giới sẽ đưa nhân loại đến diệt vong, đưa thế giới đến ly loạn đến tan vỡ.

Vậy chỉ có một cách là phải biết phục hồi lòng tin, dù thế nào cũng cứ tin, dù làm sao cũng dám tin. Tin một cách ngây thơ đại dốt, tin không tính toán, không thắc mắc, không đắn đo.

Dù ai cho là ta ngây ngô, ta cũng lấy làm mừng thầm đã được ngây ngô tới mực dám tin đại. Dù ai cho ta không khôn lanh, ta cũng lấy làm tự hào đã biết không khôn để nuôi dưỡng lòng tin.

Thà chết yên trong tin đại còn hơn sống loạn trong ngờ ghen.

Một cơn gió lành của tin yêu thổi sạch mọi xú uế trong tâm tưởng, làm cho mắt ta sáng ngời tươi đẹp như nở hoa, ta tin ta, ta tin mọi người, ta tin Phật, Chúa, Thánh, Thần, lòng ta lâng lâng, trong tâm ta lấp lánh một chữ TIN thần diệu.

Chỉ có biết Tin, dám Tin, muốn Tin mới cứu nổi ta, cứu nổi nhân loại trong giai đoạn mà thế giới đang chìm trong bụi phóng xạ mù mịt này mà thôi !

CỌP NÚI THẠCH LA

(Tiếp theo trang 20)

luật thiện xa, nhưng xét ra họ cũng đáng thương hại, đã có vợ con cả rồi, ai cũng lo xa và nhút nhát hơn những thằng chưa vợ như tôi. Như anh chẳng hạn, trước kia anh xông pha gan góc lắm, mà khi lấy vợ có con rồi thì... như ngày nay, chẳng còn liều lĩnh được ?

Tôi khẽ gật đầu đồng ý với anh. Khỏi kể tiếp:— gần đây không có cây lớn, chỉ toàn lau sậy, tìm được 2 mô đá lớn nằm kề nhau dưới chân khe, tôi buộc ngựa đằng sau, lẳng tai nghe động tĩnh. Lúc bấy giờ đã 8 giờ 30 tối, ngồi chờ một lúc lâu không thấy gì, tôi sốt ruột leo lên một hòn núi khá cao nhìn ra tứ phía, thấy rừng núi trùng trùng điệp điệp, dân bản Lóng đang đốt đuốc và bắn hỏa pháo trông như ngày hội. Tôi nhìn về phía thung lũng nơi chúng ta ở, lòng tôi nao nao, mong cho chóng về gặp anh chị. Tôi không hề nghĩ : đó là cái nhìn cuối cùng của tôi về nơi thân yêu ấy. Bỗng tôi ngửi thấy một mùi hôi hôi. Đúng là Cọp. Khẩu Colt-12 lên đạn sẵn, cầm chặt trong tay, ngọn đèn pha loang loáng chiếu khắp bốn chung quanh, không thấy gì, hình như con cọp nó cũng đề dặt đối với tôi. Chốc chốc tôi lại phảng phất ngửi thấy mùi hôi và nghe thấy vài tiếng động gây nên bởi những loài chồn cáo ngửi thấy hơi cọp chạy trốn, hay chính con cọp dẫm phải cành cây khô kêu răng rắc. Tôi biết ngay con cọp này đang bao vây tôi, nó lượn khi bên phải, khi bên trái, khi đằng trước hay đằng sau chờ cơ hội tôi vô ý là xông vào tấn công. Vì không có cây to nên tôi cứ phải đứng, dựa lưng vào tảng đá lớn, giữ thế phía sau để phòng địch thủ chơi tập hậu. Qua ánh đèn thỉnh thoảng tôi trông thấy mình nó ngoảnh ngoặt lượn vào bụi lau, nom thật dẻo; tôi men sườn núi đá đến gần chỗ nấp thì bỗng con ngựa của tôi...

— 11 giờ hơn rồi, anh chưa ngủ à, đề bác Khôi đi nghỉ kéo mệt.

— Em đừng phá đám, anh đang nói chuyện, xa nhau mấy năm nay chúng tôi thức cả đêm, sáng mai ngủ bù có sao ?

— Thế em đi nấu cháo gà đề anh và bác Khôi soi cho lại sức.

— À phải đấy, em cho nấu ngay đi, anh cũng thấy đói.

Khôi ngồi nhòm dậy, nói với : — Giá chị có cả phê thì cho tôi một ly uống cho tỉnh táo.

— Nhà có sẵn bác ạ.

Khôi hất hàm hỏi tôi : — À tôi kể đến đâu rồi nhỉ ?

— Đến đoạn con ngựa của anh...

— Vâng, tôi đang trí quá... con ngựa của tôi bỗng hí vang lên, tôi thấy con cọp đang gầm gừ chực tấn công. Tôi chạy bay lại, lựa thế không có chỗ phạm đề bản, tôi nhắt hồn đá ném mạnh về phía nó giật mình quay lại, nó nhìn tôi chùng chùng, đuôi nó ngoạt sang phải, ngoạt sang trái như con mèo sắp sửa vồ con chuột. Khẩu súng của tôi thẳng chiếu mặt nó, ngọn đèn pha chiếu vào mặt nó, tự nhiên nó nhắm mắt lại, chỉ để một mắt mở ra nhìn tôi. Tôi lừa lừa đi ngang về phía bờ suối, chỗ đó cũng có một tảng đá lớn có thể làm bàn tựa cho tôi tấn công. Sờ dĩ tôi đi ngang là để con Cọp xoay đầu theo chiếc đèn pha, khi bị đạn nó có nhảy cũng không tuột nhảy thẳng vào mình được.

— Anh có thấy tại sao nó nhắm một mắt lại không ?

— Vì sợ bị lóa mắt nên nó nhắm một bên lại chứ gì ?

— Đúng, nếu nó ăn đèn cả hai mắt thì mình cứ nhắm vào chính giữa hai mắt mà bắn, ít khi sai, đằng này nó rất khôn, nhắm một mắt lại mình khó mà nhắm trúng, hơn nữa sau khi bị ánh đèn pha làm lóa một mắt, mắt kia vẫn tỉnh táo.

Lim-dim cặp mắt, như đề sống lại một dĩ vãng xa xôi, bỗng anh ngồi bật dậy, về vào dúi tôi nói lớn :

— Hình như con cọp già này đoán được ý định của mình sẽ đến mô đá diềm tựa, do nên nó phản ứng ngay, đầu nó hạ thấp xuống, chậm chạp từng bước một nó tiến lên, lúc này giữa tôi và nó chỉ còn cách nhau 30 thước. Đồng thời tôi cũng lùi dần ra mô đá. Bỗng nó đứng dừng lại, lông gáy dựng ngược lên. Tôi biết là nó sắp sửa tấn công mà chưa dám bắn. Lúc ấy tôi cảm thấy bình tĩnh lạ, không sợ hãi chút nào,

mà chỉ mong nó nhảy chồm tới cho mình nổ súng. Cũng vì sự bình tĩnh ấy nên luồng từ lực của tôi mạnh, con cọp cũng không dám nhảy tới. Tôi cố tình thôi miên nó để nó quay ngang là tôi bắn, bắn thế này ít nguy hiểm hơn, nhưng con này thật ghê gớm, nó không hề sợ hãi mà mỗi lúc một tiến lại gần hơn. Cuối cùng tôi đã lùi tới mô đá, diềm tựa của tôi. Con cọp đã tới gần, ngón tay chỉ của tôi lăm le nổ cò, quyết định sống mái với nó phen này. Bỗng tôi bị một con cừu cưỡng dốt vào cò, đau điếng người, tuy nhiên tôi vẫn giữ được nòng súng chiếu thẳng vào mặt nó, nhưng luồng từ lực của tôi bị gián đoạn, Cọp quất đuôi chồm đến, tôi...

— Mời bác soi Cặphe.

— Vâng, phiền chị quá.

Mùi cà phê bốc lên thơm phức anh uống một ngụm rồi khoan khoái kể tiếp :

— Tôi chỉ đợi nó lúc này là nổ cò, đáng lẽ như mọi con khác, bị tôi thôi miên nó phải né ra và quay đi, nhưng tôi không chế ngự được con này nên phải chờ nó nhảy lên vô tình là nhắm vào nách mới bắn chết được, còn nhắm vào trán mà không trúng thì chết ngay với nó nên tôi phải chọn nước này mới hòng thắng nó.

Tôi bấm cò : doanh ? doanh ? hai phát đạn nổ liên tiếp, rồi quầng súng lặn đi mấy vòng. Cọp bị trúng đạn ngay nách, nó chỉ mất đà ngã chúi đi một vòng nhưng vẫn còn đủ sức chồm đến tôi. Tôi vội rút dao găm đâm vào cò nó một nhát, đồng thời bị nó và một cái vào đầu, may nhờ cái mũ nhựa không thì chết rồi, tôi chỉ bị cào rách một mảnh da sau gáy và mất một tai trái. Vừa cười anh vừa dơ cái tai giả bằng cao su cho tôi xem, tôi giật mình sờ cái tai giả mà nếu anh không nói thì tôi cứ tưởng là tai thật.

Khôi đứng lên, sửa lại chiếc cravate, chàng chậm rãi châm diếu thuốc hút. Tôi sốt ruột hỏi :

— Thế rồi sao nữa anh ?

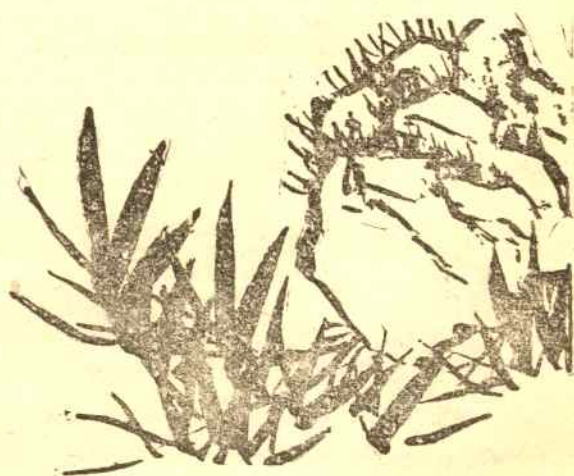
— Lúc ấy tôi choáng váng và ngất lịm đi không biết gì nữa. Cũng may mà con Cọp già này sau khi đem hết tàn lực và tôi một cái thì nó ngã lăn ra chết ngay, nếu không thì tôi chẳng còn sống đến hôm nay.

Khôi bóp trán suy nghĩ... rồi như bị kích thích bởi những kỷ niệm đau buồn vừa thoáng hiện trong ký ức, chàng nắm chặt vai tôi nói : — Thật là may mà cũng là rủi cho tôi anh à ? Khi tôi tỉnh dậy thì thấy đang ở trong một khoang thuyền, hỏi ra mới biết có một toán dân công chờ lùa qua do thấy tôi nằm chết giắc bên giòng suối, họ không hiểu nguyên do làm sao liền vớt tôi lên thuyền cấp cứu. Ở Hậu phương ngày ấy tìm được một vị viện nhất rất khó, tôi phải theo họ tới Kim Bảng (Hà nam) mới có một vị viện, điều trị tại đây 2 tháng tôi bình phục trở về bản Lóng tìm anh thì thấy nhà cửa làng mạc cháy rụi, tôi liền sang thôn bên cạnh hỏi thăm, được biết anh bị Tây lùa về Thành cùng với các gia đình tàn cư trong bản.

Tiếng pháo giao thừa lác đác nổ trong thôn, nhắc nhở chúng tôi gần đến Giao thừa. Cuộc gặp gỡ trong đêm trừ tịch này làm chúng tôi liên tưởng đến những ngày khói lửa dâng tràn quê hương đang chìm dần trong dĩ vãng.

Bà con trong xóm đang tấp nập lên chùa « Diêu Đế » hái lộc, chúng tôi bước ra vườn mạn họa nở trắng tinh, đón làn gió mát lịm của giờ phút đầu năm Tân Sửu.

N. T.



NGÀNH HẢI HỌC

VỚI DÂN TỘC VIỆT-NAM



ANG NĂM, cứ đến Tết Nguyên-Đán, du-khách mọi nơi tấp nập kéo đến Nha-Trang để thưởng ngoạn cảnh núi cao biển cả, khí hậu mát-mẻ, êm-đềm...

Họ hẹn nhau đi chơi Hòn Chồng, Tháp Bà; họ đua nhau đi thăm Cầu Đá, Sờ Cá. Phải Sờ Cá với những cái hồ nước phun trắng xóa, với những đàn cá đủ kiểu đủ màu, xanh xanh đỏ đỏ đang nhón nhờ bơi lượn phờ phơ dưới ánh sáng mờ mờ huyền ảo... Họ chỉ biết Sờ Cá có thể, không ngờ rằng đó chỉ là cái « phụ », cái « bề ngoài », còn cái « chính » cái « cốt-tủy » lại là những căn phòng trang nghiêm, lặng lẽ, ẩn nấp sau những bức rèm kín đáo. — Người ta làm gì trong những căn phòng bí mật ấy vậy? — Thưa rằng người ta đang « mài rũa » những cái « chìa khóa vàng » để mở những kho tàng vô tận của biển khơi... Thực vậy, ở đây, cần cù, nhẫn nại, các nhà chuyên môn ngày ngày cặm cụi nghiên cứu những vấn đề « Hải học ». — Nhưng « Hải học » là cái gì? — Hải học là khoa học chuyên tìm hiểu những hiện tượng ở biển và những mối tương quan giữa những hiện tượng đó với đời sống của chúng ta, nói một cách khác « Hải học » có mục đích thỏa mãn sự tò mò của con người trước những bí mật của biển cả và có nhiệm vụ nâng cao mức sống của chúng ta nhờ sự khám phá những nguồn lợi thiên nhiên dưới làn sóng biển.

Vậy trong biển có gì? — Thưa có cá, có cua, có tôm, có ốc, có rong, có rêu v.v... nghĩa là những động vật và những thực vật, tóm lại là những sinh vật. Vì thế Hải học phải gồm có khoa Tự nhiên học (Sciences naturelles) để sưu tập, nghiên cứu, định giống, xếp đặt cho có thứ tự ngăn nắp các sinh vật sống trong biển khơi. Nhưng nói đến sinh vật là nói đến sự sống (la vie) cùng là những hiện tượng của nó, vì thế Hải học lại kiêm cả khoa Sinh vật học (Biologie) nữa.

Sự sống có được là nhờ những điều kiện vật chất chung quanh: nào nhiệt độ, hàm độ, thẩm độ, thành phần của nước biển, nào hải lưu, nào thủy triều, nào sóng, nào gió, nào ánh sáng mặt trời, nào sức hút mặt trăng, nào thể chất của bờ biển cùng là của đáy biển v.v... Muốn thấu triệt các vấn đề đó tất phải cần đến các khoa Lý, Hoá, Thiên văn, Khí Tượng, Địa chất học.

Nhờ các « hóa thạch » (fossiles) tìm thấy các hải vật, Hải học còn tìm hiểu được các biến chuyển của vỏ Quả Đất qua các thời đại... Và muốn thực hiện các cuộc thám hiểm ngoài khơi, cần phải có tàu bè hoặc máy bay và am hiểu cách đi biển. Thế là lại thêm khoa Cổ học (Archéologie) và khoa Hàng hải (Navigation). Gần đây, có nhà Bác học còn muốn có sự cộng tác của các vệ tinh nhân tạo vào việc nghiên cứu và tìm hiểu Ấn độ dương nay mai. Nhìn qua như vậy, ta đã thấy khoa Hải học là rộng lớn, là mệnh mông, mệnh mông như biển cả, vì nó bao gồm hoặc liên quan đến hầu hết các ngành hoạt động khoa học hiện hữu.

Tên đây là khía cạnh khoa học thuần túy của môn Hải học. Về phương diện thực tế, ta lại càng thấy Hải học là quan trọng vì nó giúp ta khai thác và xử dụng biển khơi một cách hợp lý và hiệu quả. Từ cổ chí kim, biển vẫn đóng một vai trò quyết định trong đời sống con người. So với nguồn lợi của đất thì nguồn lợi của biển nhiều gấp cả ngàn lần! Thực vậy biển có một diện tích tổng cộng gấp 3 lần diện tích của đất nổi và một bề sâu trung bình vào khoảng 4 cây số. Nếu nguồn lợi của đất gồm các cây, cỏ và động vật sống trong một lớp đất trung bình độ 10m thì ở biển khối sinh vật đó chiếm một lớp dày 4.000m nghĩa là dày gấp 400 lần và rộng gấp 3 lần, tóm lại là $400 \times 3 = 1.200$ lần hơn lên. Nếu đất có các mỏ quặng thì dưới đáy biển cũng chẳng thiếu gì và chứng cứ là người ta đã khai được những mỏ dầu ở sâu hàng mấy trăm thước dưới làn nước biển!

Ấy là ta chưa kể đến số muối (chlorure de sodium), số diêm (sels divers) khổng lồ chứa trong 1.250.000.000.000 m³ nước biển cùng là số « Hyt-rô » nặng (hydrogène lourd) số « trọng thủy » (eau lourde) gần như vô tận và rất cần cho kỹ nghệ về năng lực nguyên tử và kinh khí (éner-

NGUYỄN VĂN CƠ

gie atomique et thermonucléaire) hiện nay và mai sau.

Những nhà Bác học cho rằng sự sống (la vie) phát nguyên từ biển và các sinh vật tiến hóa lần lần tới những cấp bậc tinh vi cao cả và cũng lần lần tiến từ biển lên nội địa để tổ chức cuộc sống mới. Như vậy hẳn con người lúc mới sinh ra cũng lần lần quần sống ở ven bờ để dễ kiếm ăn nhờ các hải vật như tôm, cua, ốc, cá v.v... trước khi leo lên núi rừng, ở trong hang hốc, hái trái cây, săn thú vật.

Ngày nay cũng vậy, cuộc sống của con người vẫn lệ thuộc vào biển rất nhiều. Nhờ biển mà sự giao thông tiện lợi dễ dàng và đem văn minh phổ biến khắp nơi, thắt chặt mối tình thân hữu giữa những « năm châu bốn biển ».

Hàng ngày, số hải sản (cá, cua, tôm, ốc, rong, rêu v.v...) lấy được nhiều vô kể và giúp ta giải quyết vấn đề thực phẩm ngang hàng với các nông sản, lâm sản, nếu không phải là quan trọng hơn. Nhưng nếu đồng ruộng đã được cấy cấy, vun bón cẩn thận, nếu sức vật đã được chăn nuôi hẳn hoi, nếu núi rừng đã được khai khẩn hợp lý và trồng thêm cây giống tốt, thì trái lại sự khai thác biển khơi hãy còn ở vào giai đoạn sơ khai, bừa bãi. Người ta mới chỉ nghĩ thấu lượng những thứ « Trời cho » nghĩa là có sẵn, chứ chưa tìm cách tìm tòi tăng số sản vật ở trong biển. Hải học tìm hiểu đời sống, tập tục của hải vật và những điều kiện thuận tiện cho sự sinh tồn, phát triển hoặc di chuyển của các bầy cá, bầy mực, của các loài ốc, loài trai v.v... sẽ giúp ta thu hoạch được nhiều hơn xưa, bằng cách vừa khai thác hợp lý, không phí phạm, vừa bảo vệ hiệu quả các nguồn lợi thiên nhiên của biển. Chẳng hạn, Hải học nghiên cứu các loài trai ngọc (huîtres perlières), biết rõ cách sinh hoạt của loại trai đó, cách cấu tạo ngọc trai, những hoàn cảnh thích hợp (hàn độ) nhiệt độ, thẩm độ của nước biển cùng là trai ưa nước lạnh hay nước lưu, đáy biển có bùn hay có cát, sỏi, đá, trai dễ trứng về mùa nào, biến thể ra sao v.v...) nhờ những sự tìm hiểu đó mà ngày nay người ta đã có thể nuôi trai lấy ngọc như ở Nhật Bản và nghề này đã trở thành một kỹ

nghệ lớn lao, đem lại cho Nhật Bản rất nhiều « ngoại tệ quý giá ».

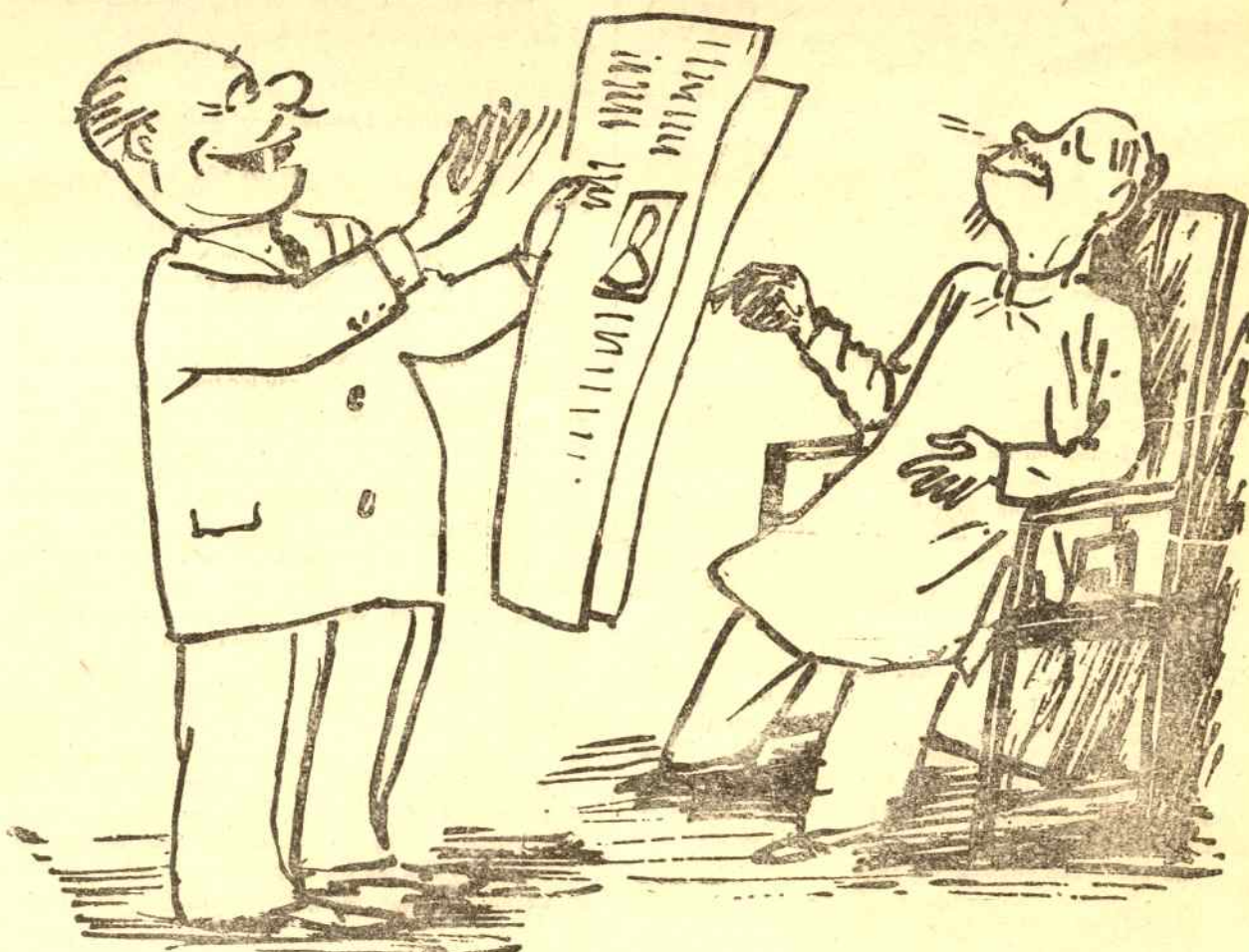
Ở những nước như Na uy, Thụy điển, Hải học đã giúp người ta thí nghiệm nuôi cá biển trong những cửa sông kín đáo với các chất bón nhân tạo.

Ở Pháp, Ý, Mỹ, Anh, Nhật Bản, Trung Hoa nghề nuôi hàu (ostréiculture) theo phương pháp khoa học đã trở nên rất thịnh vượng và đem lại cho người ta một món ăn vừa ngon vừa bổ.

Nghề đánh cá thu, cá chích cũng được cải thiện nhờ những khám phá của Hải học: chẳng hạn, cá chích (sardines) ưa ăn một loại tôm nhỏ màu đỏ, tên khoa học là « copépodes », thuộc nhóm phiêu sinh vật (plankton). Hải học đã tìm hiểu những điều kiện lý hóa phù hợp cho sự xuất hiện của giống « copépodes » để giúp nghề đánh cá chích thu hoạch được nhiều hơn trước kia.

Vào khoảng 1935-36, Hải học viện Nha Trang đã giúp Cao Mên thoát khỏi một tai nạn lớn về cá ở Biển Hồ. Ta biết rằng cá ở Biển Hồ nhiều vô kể và là một trong những nguồn lợi chính của xứ Chùa Tháp. Bỗng nhiên, vào dịp nọ trên, cá biển đầu mất, làm cho ngư phủ lâm nguy. Những nhà Hải học Nha Trang được mời đến và nhờ « vén » hộ tâm màn bí mật khủng khiếp. Sau mấy tháng trời nghiên cứu, những nhà chuyên môn đã tìm ra manh mối của tai họa. Thực vậy, chúng quanh Biển Hồ xưa kia có những rừng cây rậm rạp, cứ đến mùa nước lên là ngập lụt. Cây đó vừa là chỗ dựa cho cá đẻ vừa tiết ra một chất nhựa nhầy nhầy làm thức ăn cho côn trùng và phiêu sinh vật cũng như lá cây rụng xuống trôi ra thành một thứ đồ bốn thiên nhiên rất tốt. Côn trùng và phiêu sinh vật là thức ăn phong phú cho cá mau lớn và sinh sản nhiều. Nhưng vì rừng cây đó bị « hạ » nhiều để lấy gỗ làm nhà, đóng đồ, làm củi, một cách vô ý thức, cá không có chỗ dựa đẻ đẻ, không có thức ăn để lớn, nên dần ra khan hiếm. Thêm vào đó, sự đánh cá bừa bãi, phí phạm, những chủ thầu tham lam thiên cận, ham cái lợi nhỏ trước mắt quên cái lợi lớn xa xôi, dùng những lưới mắt nhỏ, « quơ » tất cả cá lớn cá con; hèn chi mà chẳng gây ra tai họa khan hiếm nói trên. Biết rõ nguyên nhân, các nhà chuyên môn đề nghị một chương trình « nhị diêm »: 1) Cấm ngặt phá rừng ngập (forêts inondées). 2) hạn chế mắt lưới để chỉ đánh được cá lớn, lưu lại cá con để dành cho những năm sau. Nhờ thực hiện chu đáo chương trình đó, người ta đã cứu vãn được Biển Hồ khỏi cảnh hoang tàn thê thảm. Vài năm sau, Biển Hồ lại lúc-nhức những cá lớn, cá con và được coi là một trong những kho thực phẩm quý giá vào bậc nhất của nhân loại.

(Xem tiếp trang 26)



— Bác coi, người ta dân chủ thế này: một thằng bé chăn bò mà rồi lên làm đến Tổng thống!

— Thời buổi chuyên môn mà! Thế mới biết: nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

NGÀNH HẢI HỌC với dân tộc Việt Nam

(Tiếp theo trang 25)

Nói đến vấn đề bảo vệ hải vật, chúng ta thấy còn nhiều việc đáng làm và cần phải làm. Chẳng hạn nhiều loại cá di chuyển từng mùa từ nơi này qua nơi khác, có khi cách nhau rất xa, để kiếm ăn hoặc sinh đẻ. Nếu đánh cá khi chúng rủ nhau đi kiếm mồi thì chẳng có chi là hại cả, trái lại còn được lợi lớn vì cá béo mập, ăn ngon, quý giá. Nhưng nếu bắt những đàn cá đang đi đẻ thì thực là tai hại vô cùng! Một con cá đi đẻ mang trong mình cả vạn cái trứng, nếu, thí dụ, lưới được một triệu con, ta sẽ thấy mất đi một số không nhỏ về cá con...

Cách đây không bao lâu, 3,4 chục năm về trước, sông Nha Trang có rất nhiều cá thuộc loại cá chọi, cá chày. Theo các cụ già kể lại, hồi ấy cứ đến mùa nước lên, các loài cá đổ rù nhau đi đẻ, con nào cũng đầy những trứng. Cá nhiều như thế "bã nĩa" và rất dễ bắt vì mang nặng nên chậm chạp. Người ta thả hồ đánh cá, có nhà bắt được nhiều quá ăn không hết bán không ai mua, phải đem phơi khô để dành, trứng cá muối cả vại! Người ta đại dợt cứ ăn "lúa mới có đồng công" như thế, thật rồi đến nay không còn thấy bóng dáng các loài cá đó trên dòng sông Nha Trang nữa. Đây là một vụ diễn hình về sự đánh cá bừa bãi, bất hợp lý và sự thiếu bảo vệ các nguồn lợi thiên nhiên...

Muốn bảo vệ các hải vật, cần phải có sự cố gắng quốc tế và cần phải ấn định một chương trình hành động. Thực vậy, nếu một nước muốn bảo vệ một loài cá mà nước láng giềng cứ tiếp tục đánh bắt thì chẳng đi đến đâu, vì những bầy cá, bầy mực có khi di chuyển rất xa và rất đông đảo. Cần đây các nước hình như đã nhìn thấy sự cần thiết về sự hợp tác nói trên. Năm Địa cầu học vừa qua là một bằng chứng cụ thể, hữu ích, đáng mừng. Nếu người ta cứ tiếp tục "chung lưng đấu cật" để tìm tòi và khai thác các kho tàng thiên nhiên vô tận của biển khơi thì một nửa nhân loại sẽ không đến nỗi đói khổ như hiện nay.

Nước Việt Nam với trên 2 ngàn cây số bờ biển thực là ở vào một địa vị rất ưu đãi. Vì thế Viện Hải học Nha Trang (mà người ta quen gọi là "Sở Cá") ra đời cách đây trên ba chục năm. Người sáng lập ra nó, B. S. A. Krenkel, đã khôn ngoan khéo chọn địa điểm Cầu Đá, nằm trong Vịnh Nha Trang, một khung cảnh rất tốt, rất đẹp, yên tĩnh và kín đáo sau mấy hòn đảo lớn án ngữ như một cái bình phong, nước biển xanh lơ, ít biến đổi, đáy biển không sâu quá 50m, chỗ có cát, chỗ có đá, chỗ có bùn, bờ biển thuộc nhiều loại: nào bãi cát thoải thoải, nào vách đá cheo leo.

Hơn nữa Nha Trang như cái bao bọc nhìn ra biển cả trên Thái Bình Dương lớn nhất hoàn cầu. Khí hậu Nha Trang quanh năm mát mẻ, rất thích hợp cho công việc tìm tòi khảo cứu khoa học. Có một điều đáng buồn và rất mỉa mai là Viện Hải học Nha Trang được nhiều người ở ngoại quốc biết tiếng mà tại Việt Nam đông đảo bao nhiêu người không thêm để ý tới hoặc giả có biết chẳng nữa thì cũng chỉ qua mấy con cá xanh đỏ bơi lội trong hồ nước bạc! Thực đáng tiếc! Hơn nữa, ngay cả các bạn thanh niên trí thức cũng tỏ thái độ thờ ơ với ngành Hải học, chỉ dựa nhau chen chúc vào những ngành học vẫn không lối thoát, quên hẳn rằng biển cả đang chờ đón các bạn, mở cho các bạn những chân trời mới lạ, huy hoàng, tạo cho các bạn những cuộc đời phóng khoáng, đầy hào hứng nhất là đối với ai ưa hoạt động, thích mạo hiểm, ham tìm hiểu, coi thường gian lao thử thách, tóm lại là có tâm hồn "hồ hải" bốn phương vẫy vùng...

"Rừng vàng biển bạc", các cụ xưa kia nói rất đúng. Nếu rừng, với những lâm sản phong phú, là nguồn lợi quan trọng đối với nước Việt Nam thì biển khơi với trên 2 ngàn cây số duyên hải là những kho tàng bất tận! Muốn khai thác, cần phải biết rõ trong kho ấy có gì? Khoa Hải học sẽ cho ta chìa khóa vàng để mở những kho tàng đó!

NGUYỄN-VĂN-CO

Ngày Xuân nói chuyện Tết ở Nhật

(Tiếp theo trang 23)

một bất hạnh, một tủi nhục cho gia đình và bản thân. Sau khi ăn điểm tâm xong, để đón mừng ngày nguyên đán, tất cả mọi người đều ở trong một sắc phục đẹp để mới mẻ; tay cầm hương hoa hoặc lễ vật, họ vui vẻ tung bừng dẫn nhau đi lễ Phật Thánh đầu năm ở các đền chùa. Với một nụ cười hoan hỷ nở trên môi, họ gặp nhau là chào hỏi thân mật, chúc nhau an lành may mắn. Cầu "Shinnen Omedeto Gozaimasu" (chúc mừng năm mới) luôn luôn nhắc nhở trên môi mọi người trong những ngày Tết; nó biểu hiện tình thân mật, sự giao tế lịch thiệp của người Nhật.

Cũng trong dịp đi lễ bái đền chùa này, họ thường đi lễ cúng ở các ngôi mộ của ông bà tổ tiên. Khi xong việc lễ bái họ mới bắt đầu đi thăm viếng bạn bè quyến thuộc. Những câu chúc mừng năm mới, những tràng vỗ tay vui, những chai rượu mùi, cùng những thức ăn đặc biệt của ngày Tết đều được đem ra chưng bày thủ tục trong những cuộc thăm viếng này. Và ngời ta cũng không bao giờ quên mời nhau những thứ rượu Toso (rượu ngọt ngâm hoa), nước trà Fukucha (trà ien chữ phước) để chúc thọ chúc phúc cho nhau trong dịp tân xuân này.

Những cuộc vui trong ngày Tết

Tết là một dịp vui chơi thường thức của người Nhật. Ở khắp trên các ngã đường, ở các vườn hoa, cũng như ở những nơi có không khí rộng, hầu hết đều có tổ chức những cuộc vui công cộng. Trên không, những con điều làm bằng giấy xanh đỏ, dù các cỡ lớn nhỏ, tới tấp bay liệng theo chiều gió. Đến tối lại thì có những loạt pháo thăng thiên thỉnh thoảng vụt hiện trên không trung, làm sáng tỏ một góc trời với những tia sáng xanh, đỏ, tím, vàng trong rất đẹp mắt. Đây là các trò chơi của thanh niên và trẻ con ở Nhật trong những ngày Tết.

Các thiếu nữ Nhật thì có một trò chơi đặc biệt hơn và người ta có cảm tưởng như đó là trò chơi để khoe sắc áo. Thật vậy, gói mình trong chiếc áo Kimono với những màu sắc long lanh sắc sảo, các cô thiếu nữ ấy mời người cầm một miếng gỗ cèo hình ré quạt có kẻ nhiều màu sắc, từng hai người một

đánh Hane với nhau (chơi kiểu này cũng như đánh kiện bằng tay bên ta). Nhịp nhàng theo chiều cử động, hòa lẫn với tiếng cười trong thanh, tay áo rộng, tà áo dài, cùng với những khăn quàng có thêu nhiều hoa bướm, phát phới nhẹ nhàng tung bay... Nhìn xem cảnh tượng này không ai khỏi hình dung lại những bức họa màu trong những bức tranh linh động của Phù Tang.

Trong ngày Nguyên đán các tiệm buôn bán cũng như các tư gia hầu hết đều đóng cửa. Lễ quốc kỳ được mọc lên, tới tấp tung bay khắp từ hang cùng ngõ hẻm. Gặp khi trời tốt thì đến tối lại thường có những cuộc dạ hành, đèn đuốc sáng trưng; những trò chơi vui như đốt pháo bông, múa thiên cầu, múa rồng tiên v.v. được tổ chức khắp các chỗ. Cũng vì thế nên đi đầu cũng nghe cả kèn trống, đến đâu cũng thấy cả người là người. Thật là một ngày vui tung bừng náo nhiệt, một trọng lễ của dân tộc Nhật Bản.

Ngoài ra, vì được rảnh rang trong dịp nghỉ Tết, nên một số rất đông người Nhật đều tham dự tổ chức những cuộc đi trượt tuyết. Vì chính mùa này là mùa tuyết rơi và đọng dày nhất ở các đồi núi, thung lũng. Trượt tuyết gồm cả 2 loại sking và skiing là một trò chơi rất bổ ích và thú vị cho phái trẻ, nhất là những thanh niên thiếu nữ ham chuộng thể thao thể dục.

Niềm hy vọng đầu xuân

Những điều kể trên chứng tỏ cho ta thấy rằng: Tết là một dịp đoàn tụ, nghỉ lễ, nghỉ ngơi và thường thức. Tết đến trong sự chờ đợi của lòng người và đi trong niềm hy vọng của một tương lai đầy sinh lực đầy nhựa sống của con người và vũ trụ. Tết là mùa hoa anh đào chớm nở, cũng là dịp để khơi sáng triển vọng đầu xuân.

Ở Nhật Bản, Tết được chấm dứt vào ngày mồng 4 tháng giêng và bắt đầu từ ngày này mọi người đều trở về với thiên tánh với cần lao nhàn nhai trong công việc làm ăn hằng ngày để hy vọng chờ đợi một cái Tết khác lại trở về trong khoảng mùa Xuân năm đến.

ĐOÀN VĂN AN

QUẢ LÊ

(Tiếp theo trang 22)

Phần tôi, ngay từ lúc đầu lâu thẳng bé bắt đầu rớt xuống, tôi đã hãi sợ thất thần, nín cả thở, chỉ có cách bám chặt, ghì chặt lấy vai nhũ mẫu, nép đầu vào vai bà. Còn mấy ngàn người đứng xem thấy đều thất sắc, lo sợ và ngậm ngùi, im phắc như tượng gỗ cả.

Ông cụ vẫn không ngớt lời kêu khóc, vừa lom khom cúi nhặt trước hết là hai đùi rồi hai tay, đến thân và đầu thẳng bé, thứ tự xếp cả vào hòm đựng dụng cụ. Đây nấp hòm xong xuôi, nước mắt ông cụ càng là chảy hơn nữa, bên hướng về các người đứng xem mà thôn thức, mà ghen ngào, rằng:

— "Thưa các ngài, đây là thẳng cháu duy nhất của lão phu để trong cây lúc tuổi già, nâng nư bắt trặc. Lão phu đi đâu cũng phải có cháu nó theo kèm... Nhưng nay, thời thì thời rồi, số lão phu đã hiếm muộn lại trở về với kiếp có thân. Không có cháu nó, lão phu đành xếp xô tài nghệ, không thể thì thế gì được nữa..."

"Duy có một điều, làm thế nào cho thân nghèo này có đủ tiền đem được xác cháu về đến quê nhà, an táng phí tổn cho yên phận của cháu... cề rồi lão phu đi kiếm một hang núi sâu nào đó cho qua những ngày tàn... Tuy là số kiếp của cháu nó phải sớm chết phận, nhưng là vì cháu ý các ngài mà cháu nó phải chịu gánh một mình. Thời thì, đa thiếu, xin các ngài nghĩ đến số kiếp cháu nó và phận lão phu mà gia tâm trợ giúp cho lão phu có đủ tang phí để hải vong hồn đưa trẻ dưới suối vàng..."

Trong khi ông lão còn đương thôn thức, nào đã kể hết lời đau mà tất cả phụ nữ đứng xem, đều đã xụi xụi méo ở mào, như thi đua nhau mà tôn lệ vắn, dài.

Tan thờ dứt lời, vẫn giữ nguyên về mặt đau thương cực độ, ông cụ chìa hai tay ra, đến trước mặt từng người, từng người mà quỳ tiền. Tiên đây tay thì nhét vào bao, đây tay rồi lại nhét vào bao vì hàng mấy ngàn người, ai ai cũng bị kích động bởi cảnh bi ai mà trút hết từ tâm, cúi ngược vì tiền lên để dài ông cụ. Nghĩ cũng thương hại cho nhũ mẫu tôi, bà là người tần tảo cơ

chỉ lần, quanh năm không giám bỏ ra lấy một đồng ăn quà, thế mà có bao nhiêu trong túi (thứ túi đựng tiền riêng của phụ nữ, khâu bằng vải có dây thắt miệng, bỏ vào trong thắt lưng bao) cũng đổ ra ủng hộ ông lão cả.

Khi đã điếm hết mặt người đứng xem, nghe chừng không thiếu mặt nào là không cho tiền nữa rồi, khi bao nhiêu là tiền đã dồn đầy vào bao, quần kỹ vào người rồi, đột nhiên, ông cụ dạ lên một tiếng to, quý gối xuống đất, mặt ngẩng lên trời mà vái vái không trung. Vái xong, đứng lên rồi, ông cụ nói với khách đứng quanh: — "Các ngài có thấy gì không? Tôn sư lão phu vừa từ Bắc Hải Đảo (4) dâng vắn qua đây. Người thương tình lão phu hiếm muộn và thẳng cháu bị hãm oan nên thân đi nói với Thiên Đình Viên Sư chiêu linh mà toàn mệnh tái sinh cho cháu nó đấy... Được hay không, lát nữa sẽ biết..."

Ông cụ quán lại bó thừng, buộc biếc xung thì vừa hay trong hòm đựng dụng cụ có tiếng lục đục. Ông cụ vác quần thừng đến cạnh hòm, gõ gõ vào nắp mà rằng: — "Cháu ơi!!! Cháu ơi, nếu Thiên Đình Viên Sư đã hoàn mệnh cho cháu thì cháu ra đi, ra đây, cho các ngài đây và ông được mừng cho cháu..."

Thế là thẳng cháu bằng xương bằng thịt hẳn hoi, tự đầy nóc hòm bước ra, vắn với nước da ngâm nằng và bộ mặt hóm hình ấy. Ông cụ tươi cười rất mực và mừng luyến quỳnh, vỗ vai thẳng nhỏ, chỉ vào từng người đứng quanh mà bảo: — "Cháu có biết gì không? Vừa rồi, các ngài đã hết lòng thương cháu mà bố thí cho đấy. Cháu cảm ơn các ngài đi, cảm ơn nhiều vào. Rồi ông còn phải đưa cháu đi Bắc Hải Đảo để tạ ơn tôn sư đã vất vả đi can thiệp để toàn mệnh cho cháu..."

Trong khi thẳng bé cúi đầu vái lấy tứ tung thì ông già xếp thừng vào hòm, buộc nắp, quàng lên vai rồi cười, rồi vai chào khách xem một lần nữa và dặt thẳng bé đi, đi rất nhanh, ý chừng như vội vã về mau đến Bắc Hải Đảo của nhà ông cụ, nên chỉ thoáng cái là đã mất hút.

Còn người làng tôi, người vùng lân cận, ai nấy đều chạy tít, chẳng còn lấy một đồng mua quà về cho người coi nhà nhường phần mình đi... coi hội.

(4) — BẮC HẢI ĐẢO — (Hokkai Shima) — nay là đảo Bắc Hải Đạo — (Hokkai Do) — ở cực Bắc Nhật Bản, giáp với Sakhaline của Nga.

CÁ NƯỚC CHIM TRỜI

(Tiếp theo trang 17)

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa, cái viên thư ký mà họ đã tìm được đó, chính là tôi. Có lẽ, ông không ngờ tới đâu đấy nhỉ? Mà có lẽ, ông cũng chẳng ngờ, viên thư ký đó, lại là một người đàn bà?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa vâng, quả tôi không ngờ thật.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi về rất đặc ý.

— Không biết, bây giờ làm thế nào? Xin ông thử nghĩ giúp tôi xem, chứ, sáng mai đây, tôi đã phải đến công ty để nhận việc rồi, ấy vậy mà, tới giờ này, tôi cũng chưa tìm được chỗ ở! Suốt từ sáu giờ rưỡi chiều tới bây giờ, tôi chẳng hề được dừng chân. Tôi không dám nói giấu gì ông, cả cơm tối, tôi cũng chưa được ăn nữa! (Cổ đứng dậy vuốt lại nếp áo, rồi đi lại chỗ bàn gương để soi gương).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Tôi về á ngại thay cho cô. — Chết chưa, cô chưa xoi cơm hay sao? Thế mới thiệt là rầy rà, bây giờ biết làm sao được kia chứ, mà tôi cũng chẳng biết tính thế nào để giúp cô đây! (Ông ta đứng lên, rót cho cô một chén nước trà.)

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Xin đa tạ ông, tôi nói qua, để ông rõ thế vậy thôi, chứ có phải tôi đến đây để vòi bữa cơm đâu.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thiệt là quá ư sơ suất đối với cô, nhưng thôi, hãy xin cô xoi chén trà này, cái đã.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Xin đa tạ ông. (Cô lại ngồi lại chỗ cũ).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Móc túi áo, lấy ra một hộp thuốc lá. — Thưa, cô có xoi một điếu thuốc không ạ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Không ạ, tôi không biết hút thuốc, tuy nhiên, tôi không phản đối ai hút thuốc ở bên tôi đâu (cô uống một ngụm nước trà).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Cảm ơn cô. (Thu hộp thuốc lá về, nhấc tàu thuốc lên, quay đi và châm lửa, hút).

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Giờ tay xoa xoa hai chân. — Trời ơi, chân tôi lóng còi xem, hai cái chân tôi nó lấm lem không khác gì chân ma, một nước?...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Vội xoay lại. — Thưa, sao thế ạ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa, có phải chỉ những nước mưa mà thôi đâu, bùn, đất gì gì, tôi cũng cứ bước trần đi!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Tôi về ân cần. — Thế thì dơ bẩn thật! Có có muốn thay bát tất cho khỏi ướt chân không? Nếu cô muốn thay, tôi sẽ xin đi ra ngoài, để cô thay.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Không, thưa không ạ, tôi không muốn thay bát tất, cảm ơn ông. Một lát, thay bát tất, thì can gì phải bắt ông đi ra ngoài, mới được, kia chứ!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Nếu cô không có mang theo bát tất, để thay, tôi có thể đưa một đôi, để cô dùng tạm.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Xin đa tạ tấm lòng hảo tâm của ông, nhưng, đầu tôi có thay cũng vô ích, vì, rồi đây, tôi lại còn sẽ phải lội bùn, lội nước, kia mà...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa, tại sao lại cứ phải lội bùn, lội nước, kia chứ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Không lội bùn, lội nước làm sao cho được kia ạ? Trời tối đen như mực, bước chân ra tới đường, tôi không còn làm thế nào, phân biệt nổi, chỗ nào là đường khô, chỗ nào là vũng bùn, vũng nước!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Tôi về suy nghĩ.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Uống một ngụm trà, thờ dãi, rồi, đứng lên để cáo từ. — Thưa, quả tình, tôi đã quấy rầy ông khá lâu rồi, thiệt là không phải, ông bỏ quá đi cho! Nhắc lấy cái sắc cầm tay và chiếc ô, rồi dự bị đi ra).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Giờ tay, tôi ý giữ cô ta lại: — Việc gì cô phải vội vàng thế, có hãy ngồi nghỉ chân thêm một lát nữa đã nào!... À, lúc này, cô có nói, có muốn thuê nhà, có phải không ạ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Nhìn sừng ông ta, nói: — Ô hay, tôi đã nói đi, nói lại biết bao nhiêu lần rồi, mà ông vẫn không nghe ra sao?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa có, tôi đã có nghe ra và đã hiểu rồi, nhưng... à, thưa cô, thế, ba gian phòng này, cô xem có vừa ý không?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ô kìa, thế nào, ông chẳng đã bảo, mấy gian phòng đó đã cho thuê rồi, sao? (lại đặt cái sắc cầm tay xuống mặt bàn).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Kề ra, cho thuê thì đã cho thuê rồi thật đấy, nhưng, rất có thể nhường lại cho cô được, mà,

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Rất đối cao hứng. — Thật thế như ông? Có thể nhường lại cho tôi được á? (lại đề nối chiếc ô xuống).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa, có thể nhường được, thật thế đấy ạ. (lại rót cho cô một chén nước trà nữa).

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ngồi xuống và giờ tay đỡ lấy chén trà. — Xin cảm ơn ông. À mà, thưa ông, tại sao căn nhà đó lại có thể nhường lại cho tôi như thế được kia ạ? Thưa, liệu có phải, một khi tôi ưng thuê căn nhà đó, ông không cho người kia thuê nữa, phải không ạ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Chỉ gạt đầu.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Nếu tôi không lầm, ông đã nói dối tôi, chứ căn nhà đã có cho ai thuê đâu!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Không, không, tôi có nói dối cô đâu. Quả có cho thuê rồi, thật, mà không phải rằng, hiện bây giờ không cho người đó thuê nữa. Sở dĩ tôi nói, căn nhà đó, có thể nhường lại cho cô, là vì người thuê đó, tự ý muốn đem nó nhường lại cho cô, đấy chứ.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thiệt tình, tôi chẳng hiểu, đầu đuôi ra sao cả. Vì lẽ gì mà người ấy lại tự ý nhường lại cho tôi, thứ nhất, người ấy chẳng quen biết gì tôi cả, mà giáp mặt tôi, người ấy cũng chưa hề gặp, nốt?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Cô có cần gì phải biết tại sao hay vì lẽ gì!

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Hay căn nhà đó có ma, có phải không ạ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thế cô sợ ma à?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ô, tôi thì tôi chẳng sợ ma, sợ quỷ, gì hết. Tôi muốn nói, cái người thuê trước, có lẽ sợ ma, thì có.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Không đâu, cô ạ, người ấy, họ cũng chẳng sợ ma, sợ quỷ, gì cả đâu. Với lại, chỉ khi nào mình tin rằng có ma, thì mới có ma, mà thôi... à, cô ạ, tốt hơn hết, là chúng ta hãy đi xem qua căn nhà đó một lượt, cái đã. (Ông ta nhấc cây đèn ở bên, để dẫn đường) Bên kia là buồng ngủ. (giờ tay mở cửa phía bên hữu, để cho cô ta bước sang) Nóc nhà lợp có lác, nền lạng xi măng; có đủ cả giường nằm và màn nệm, gối, chăn! Cửa sổ lại trông ra vườn hoa.

Sáng đây, ta có thể nghe thấy rõ tiếng chim hót. Nếu kéo hết tấm màn màn về một bên, cả nhà sẽ tràn đầy ánh sáng mặt trời... (khi cô ta trở ra, ông ta lại dẫn cô sang phía tả). Thưa bên này, tuy là một cái buồng xếp, nhưng cũng có thể dùng làm buồng ngủ được nữa, cũng sẵn sàng đủ cả đồ dùng; ngang, dọc cũng như y buồng bên kia vậy. Chỉ phải cái không được sáng sủa cho lắm, nhưng, nếu một người ở, có thể dùng buồng đó để làm buồng ngủ, còn bên kia, dùng làm phòng đọc sách... Còn cái buồng trung gian này, có thể vừa dùng làm buồng ăn, vừa để tiếp khách... (ông ta đặt cây đèn xuống bàn). Nói tóm lại, nhà này, quả tình, vừa sạch sẽ, vừa quang đãng, từ sáng tới chiều, không hề có tiếng ồn ào. Ấy thế mà, nó lại được cái, gần sở làm của cô, cứ xem như vậy, nó rất tiện lợi cho cô, có phải không ạ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa ông vâng, nhưng thưa cả ba gian phòng đó, phải thuê mỗi tháng là bao nhiêu kia ạ? (cô ngồi xuống ghế).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Ba gian phòng này thiệt là đủ tiện nghi, ấy thế mà, chỉ có năm trăm, mỗi tháng thôi!

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa, kìa, nhà thì thực tươm, giá lại phải chăng, không có đắt đỏ gì (suy nghĩ một lát) Thế, thưa ông, nhà này có thể nhường lại cho tôi thuê thiệt đấy chứ ạ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa vâng. Ai lại đi nói gạt cô kia chứ.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Có điều, nếu đến ở ngay tối nay, có lẽ bất tiện chăng?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa, tiện, tiện, lắm ạ, quả, không có gì gọi là bất tiện cả. (Bỗng, ông ta tỏ vẻ vừa chợt nghĩ tới một việc gì). Nhưng, thưa cô... có đã kết hôn chưa, kia ạ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Giật bản mình lên, ngồi ngay lên và nhủ đôi lông mày lại. — Thế, là thế nào?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Ý muốn bỏ tước thêm một câu. — Thưa, tôi muốn hỏi cô, có đã kết hôn chưa?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Giật dờ. — Sao ông lại đi hỏi tôi một cách thậm ư vô lý như vậy!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thậm ư vô lý?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Không những vô lý, mà còn là hối nhục nữa!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Mỉm cười, rất đối cao hứng. — "Hối nhục", có lẽ đúng, chẳng sai chút nào, chính tôi, tôi cũng bảo thế, nhưng thưa cô, cái điều kiện quái ác đó, là do người chủ cho thuê nhà xương xuất ra, họ cần phải biết, cô đã kết hôn chưa?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi đã kết hôn hay chưa, có can dự gì tới ông, mới được kia chứ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thì đúng thế. Ngay như tôi đây, chẳng hạn, tôi đã kết hôn hay chưa, cũng có can dự gì tới nhà bà chủ nhà đâu? Ấy thế mà, bà ta cứ quả quyết hỏi tôi như vậy đây, cô xem có kỳ quái, hay không?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thiệt tình, tôi chẳng làm sao mà hiểu nổi ý trí của ông nữa.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Nào tôi có bảo rằng cô đã hiểu. Lẽ tự nhiên là, cô chẳng hiểu gì cả. Nhưng xin cô chờ nóng này, để tôi xin nói cô nghe, rồi cô sẽ hiểu hết, mà!... À, vâng rồi, cô có nói, cô đến làm việc ở công ty Đại Thành, có phải thế không ạ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Có lẽ, ông không có một tí ký ức lực nào gọi là có, vâng, bất cứ điều gì vừa nói xong, là ông đã quên rồi!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Xin cô chờ nóng giận. Chẳng qua, tôi hỏi lại cô như vậy là vì, chính tôi, tôi cũng đến bên công ty Đại Thành, để làm việc mà.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Chính ông, ông cũng đến Đại Thành làm việc à?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Đúng thế. Có lẽ cô cũng không ngờ đâu, đấy nhỉ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa ông, thế ông đến Đại Thành để nhận công việc gì, kia ạ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thưa, tôi đến đây làm, với tư cách một công trình sư.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— À, thế ra ông không phải là ông chủ cho thuê nhà sao?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Ai bảo cô, tôi là chủ nhà? Chính tôi, tôi có hề nói với cô như vậy không? Có cứ xem cái bộ dạng của tôi, liệu tôi có vẻ gì là về một ông chủ cho thuê nhà, không?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Cắt ngang. — À, tôi hiểu ra rồi! Thưa, có phải, chính ông, ông là người đã thuê được ba gian buồng này, và, bây giờ, ông nhận ra nó không vừa ý, nên ông muốn thuê lại, à, ai bảo cô, tôi muốn thuê lại?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Muốn thuê lại, ai bảo cô, tôi muốn thuê lại?

(Xem tiếp trang 33)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN MỘT NĂM ĐẦY HẠNH PHÚC TƯ ÂM HOÀN

Chuyên trị về phôi, nóng, Ho khan, Ho đờm, Ho ran ngực, Ho ra máu, Đản bà Ho sản, lúc đi ngủ, hoặc gần sáng ho liên miên. Tìm ngay TƯ ÂM HOÀN, sẽ mau lành bệnh.

Đông Dược Sĩ HUỖNH-QUYỀN

131 đường Võ di Nguy—Phủ Nhuận
* Các tiệm Việt Hoa đều có bán.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hiệu Sơn Mai

NGUYEN - OANH

Chuyên bán đủ đồ tặng phẩm quý nhứt.

Sơn mài, đồ sành sứ, đồ sứ, đồ sứ.

Nhiều kiểu mỹ-thuật, bền, kỹ.

86, Nguyễn văn Thỉnh
(d'Ormay cũ)

Điện Thoại : Sg : 145
SAIGON



RỒI sáng chưa rõ mặt người. Gió đông rét như cắt từng trận lửa qua, lại thêm sương muối trắng đục bao phủ cả một bầu trời Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.

Trong công đường các bậc phụ lão đương run lạt bát, có người hai hàm răng lập cập va vào nhau nghe rõ mồn một.

Trên phủ đường, Nguyễn Thành con trai Nguyễn văn Thái một phần thân nhà Lê đang chêm chệch ngồi đối diện với viên tri phủ tuyên đời từ chiếu của vua Lê bị áp bức nhường ngôi cho Mạc Đăng Dung.

Tuy chưa có chức tước gì của tân triều nhưng ý vào uy quyền của cha, Nguyễn Thành hiện là kẻ nắm quyền sinh sát trong tay. Dân miền Nông Cống lúc ấy thường gọi Thành là: Cậu Ấm Thành - cậu Ấm con quan quận Thái - có tật hiệu sắc nên những thiếu nữ vùng Nông Cống người nào sạch nước cần là y như bị bọ tay chân của Thành bắt cóc về dâng.

Trong buổi chiều dục hôm đó, quan Phủ chỉ ngồi lăm vò, còn Nguyễn Thành thì khua môi múa mép tiến dương Mạc Đăng Dung và không tiếc lời nói xấu các bậc cựu thần nhà Lê như Nguyễn thái Bạt, Lê tuần Mậu, Lại kim Bảng người thì đã chửi bới người thì nhổ vào mặt Đăng Dung khi hấn ép các quan ký vào tờ chiếu nhường ngôi.

Trong số các vị phụ lão đi họp sáng hôm đó, có một vị họ Nguyễn tên Như Sơn. Nghe lời Nguyễn Thành, uất khí bốc lên, về đến nhà ông lăn ra giường ngất đi.

Con trai Như Sơn là Nguyễn như Hải thấy vậy vội đi lấy gừng và rượu thoa bóp hồi lâu, cụ mới tỉnh rồi cầm tay Như Hải, ứa nước mắt mà rằng:

— Công nghiệp đức Thái Tổ đầy rẫy trong dân gian, sáng ngời trong sử sách mà nay con cháu bị Mạc Đăng Dung cướp ngôi. Cha không có chân gì trong chốn miếu đường, nên không dám nói đến việc khôi phục cơ nghiệp nhà Lê là việc lấp bể vá trời. Nhưng dân Nông Cống ta có tội gì mà một thằng Nguyễn Thành lại giám ý thế làm cần. Cha già rồi không làm được việc theo ý muốn, vậy trước khi chết của có lời cậy con, chẳng hay con có dám làm không?

Nguyễn Hải ứa nước mắt nghẹn ngào hỏi:

— Cha có điều gì uất ức, xin cha cứ truyền dù cho có phải nhảy vào lửa con cũng cam tâm.

Cha chỉ muốn con giết cho kỳ được thằng Nguyễn Thành, con trai thằng quận công Nguyễn Thái để trừ hại cho dân là cha ngậm cười nơi chín suối.

Nói xong sau khi nức lên mấy tiếng, cụ Như Sơn hồn lìa khỏi xác.

Chôn cất cho cha xong, Như Hải đêm đêm lăn mò đi nghe ngóng xem Nguyễn Thành ở đâu.

Đêm ấy biết chắc Thành đang ở trong tư dinh vì chấp tội bọ tay sai của Ấm Thành vừa bắt được một cô gái xinh đẹp ở cuối phố phủ về dâng.

Nguyễn Hải chờ đúng canh hai, mới bò sát đến bên tường phủ, truyền qua cành nhãn vào được bên trong nhẹ gót bước qua mấy hàng cây cảnh. Đến một

TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

NGƯỜI DŨNG SĨ MIỀN NÔNG CỐNG

HẢI ẤU TỬ thuật theo

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

căn phòng Như Hải nghe có tiếng kêu khóc từ trong vọng ra. Đúng là tiếng cô gái bị bắt cóc từ chiều, hiện đang bị ép liễu nài hoa nhưng nàng không bằng lòng nên kêu khóc đề mong có người đến cứu.

Nguyễn Hải lúng túng không biết tìm cách nào để vào phòng, thì chợt thấy từ phía nhà bếp có tiếng chân người dẫm trên lá khô sột soạt đi lên. Rồi có tiếng một người dặn với:

— Mày đem cuộn thừng ấy lên, cậu lại không chửi cho mục mà ầy à? Sao không nói với cậu là cứ trói nó bằng chiếc dây lưng của cô ả đem qua có hơn không?

Có tiếng đáp lại:

— Con này nó khỏe lắm, dây lưng nó rút đứt phăng cả, nên cậu mới sai tao xuống lấy thừng chửi.

Nguyễn Hải rút gươm lăm lăm cầm tay, đứng nép bên cột cái. Bóng đen vừa tới, chỉ một tiếng phập là đầu tên cây trói đã lìa khỏi cổ.

Nhanh như cắt, Như Hải chạy đến cửa phòng gọi:

— Thừa cậu, thừng đây ạ.

Cửa phòng vừa mở ra, Như Hải vung gươm chém một nhát, thân Ấm Thành đứt làm hai đoạn.

Tra gươm vào vỏ, Như Hải bước vào thấy có gái đầu tóc tú rợ đang ngồi co ro trong găm giường.

Người con gái trông thấy Như Hải, vội bò ra phụng xuống van lạy như tế sao. Như Hải nói với:

— Tôi đến đây giết thằng hại dân, con dứa phản quốc. Sáng mai nếu quan nha có đến hỏi về vụ án mạng này thì cứ bảo chúng đọc mấy dòng chữ trên tường này. Nói xong Như Hải xé áo của Ấm Thành lấy một mảnh vai vo tròn lại thắm vào máu viết như sau:

- * Sát Nguyễn Thành giả.
- * Tội ngã nhất nhân
- * Quan nha bắt đắc
- * Nhiều hại lương dân

Viết xong, Như Hải theo lối cũ truyền cành cây qua tường về nhà, thay vội quần áo rồi tính chuyện đào tẩu.

Góc biên chân trời

Thư xếp hành lý xong rồi Như Hải nói nhỏ sự thể với mấy người trong viện thuộc. Trước khi rời

khỏi nơi chôn rau cắt rốn, Như Hải không quên ra trước mộ cha khóc lạy mà khẩn rằng:

— Con vâng di mệnh cha, đã trừ được thằng giặc hại dân, con dứa phản thần. Nay con đến lạy biệt vong linh cha để lánh mình đi nơi khác. Khẩn xong chàng búi dất bốn mô vùi thanh gươm dính máu xuống rồi thẳng đường đi ra trấn Sơn Nam.

Đi được bảy ngày đêm đến xã Thiên Bản thì tiền lưng đã cạn. Gặp bước đường cùng anh hùng chẳng quản gì thẹn mặt, Như Hải liền xin vào ở mùa cho một phú ông trong xã.

Phú ông có cô gái lớn năm ấy vừa 19 tuổi, tuy không vào bậc say hoa đắm nguyệt, nhưng cũng đã được làng trên chạ dưới nhiều cậu trai mê như điên đảo.

Đã nhiều nơi mượn người bả tin manh mối, song phú ông chưa nhận gả cho ai.

Từ ngày Như Hải vào làm, phú ông thấy người tuấn tú khôi ngô lại được tính c. ầm chỉ cần thận nên rất yêu mến.

Nhiều lúc vắng vẻ, ông thường nói với bà:

— Thằng Hai Trâu (tên mới của Như Hải) chẳng biết tông tích ở đâu chứ, giả được biết ngọn nguồn của nó mình gả con Phong (tên cô gái) cho nó kể cũng tốt đời đấy.

— Ông chỉ được cái tính nhặng. Nhà mình nhà ng. cây mít, tiền chôn thóc tích, bao nhiêu nơi có gia bản hỏi ông chẳng gả, nay lại định gả con cho một thằng đi ở mùa bao giờ.

Ông sáng giọng cái:

— Trợn người gửi của, trông mặt đặt tên, tướng thằng Hai Trâu không phải là hạng tầm th. rờng đâu. Bà không đi học nên không biết, ngày xưa Bá Lý Hồ, Hàn Tín lúc chưa gặp thời cũng đều phải đi ăn đi ở làm thuê làm mướn, thế mà sau toàn là bậc khanh tướng chứ có vừa đâu!

Câu chuyện 2 ông bà nói riêng với nhau, không ngờ lọt vào tai cô Phong lúc ấy đương cho tắm ăn trong buồng.

Từ bữa đó, cô đâm ra tư lự đắn đo: có đem so sánh Hai Trâu với tất cả các cậu trai trong vùng



thì qua thấy Hai Trầu như con phượng mà các chàng trai kia chỉ như mấy chú gà lóm nhóm lông đuôi,

Năm ấy trời làm hạn hán, một mẫu mạ của phú ông bị khô cạn. Một đêm Hai Trầu và cô Phong phải ra gánh nước tưới mạ. Canh khuya đồng vắng, tự nhiên cô Phong cất giọng hát, không biết vô tình hay hữu ý; hát rằng:

Gánh nặng mà đi đường dài

Ái mà gánh đỡ một vai nên chồng

Đêm khuya canh vắng, giọng cô thôn nữ ngân vang khiến vũ trụ cũng muốn trở mình nữa là anh Hai Trầu cường tráng.

Hai Trầu cũng liền cất tiếng hát đáp:

Vì lẽ cho cá mắc dăng

Vì em anh phải đi giăng về mờ.

Vì dăng cho cá mắc lơ

Vì anh em phải đi mờ về giăng

Sự trao duyên qua mấy câu hát khiến cả hai xúc động, hơn nữa cảnh gió mát trăng thanh, trai tài gái sắc, dưới mái chiếc quán vắng giữa đồng đôi người bạn trẻ đã cùng nhau hòa điệu yêu đương rõ ràng là "thiên tác chi hợp".

Được ít lâu cô Phong thấy trong mình khác hẳn nói cho Hai Trầu biết. Hai Trầu sợ vợ chồng phú ông họ Quách thì ít, nhưng sợ lệ làng khoán xóm xa Thiên Đàn thì nhiều nên đành biến lại tên tuổi quê quán mình trao cho cô Phong rồi đem đó thừa dịp không ai để ý chàng trốn biệt.

Chợ An Dương (Đông Kinh) có người lái buôn họ Đào lúc ấy đang buồn rầu vì có chàng rể vừa bị chết non. Ông Đào cho người đi tìm đến nhờ mấy cụ Đồ, cụ Khố gần chợ nghĩ hộ đôi câu đối "bố vợ ghéc chàng rể". Với cái đầu đề các cụ nghĩ được, nhưng các cụ không dám nói thẳng ra là "khó" mà lại đề cho là "câu đối nghịch cảnh" ấy viết ra sợ sai nên không viết.

Đương bí và buồn bực thì có một người đội nón chóp sơn, áo the màu nước diều đến đứng trước cửa tự xưng là kẻ "lỡ độ đường" xin chu cấp.

Ông Đào hỏi rõ biết là người có học liền ra điều kiện:

Nhà chàng trông khôi ngô tuấn tú thế kia tất là hay chữ, nay lão có thằng rể nó văn số, lão mượn mấy ông đồ nghĩ hộ đôi câu đối mà chàng ai nghĩ giúp, nếu nhà thầy nghĩ được lão sẽ nuôi ở đây dạy học.

Người đó chính là Nguyễn Như Hải, tức Hai Trầu. Chàng lễ phép thưa:

Nếu lão trưởng sai khiến thì dù đốt châu cũng xin mua riu qua mắt thợ, còn việc dạy học thì cháu chắt đảm, e có tội với các cụ đồ ở đây là đánh trống qua cửa nhà sấm.

Ông Đào lấy bút mực và vải trắng ra. Như Hải không cần nghĩ ngợi viết liền:

"Tế tử thừa long; chính lý đoàn viên kim nhật hội."

"Tái ông thất mã, thù tri kỷ trượng tại trung cơ."

Đôi câu đối đưa đến nhà đám, các cụ Nghè cụ Cử đều khen là hay, đáng là tay "Văn từ xuất chúng".

Như Hải từ đó nghiêm nhiên trở thành ông đồ trong nhà Đào lão. Đào lão thương cái cảnh anh đồ lỡ bước không có vợ khác gì ở tù nên cho phép con gái sau khi đoạn tang chồng về kết nghĩa với thầy đồ.

Nhưng trở trêu thay! Sau khi sinh hạ được một trai, cô đồ cậy mình là gái nhà giàu nên nhiều khi có chuyện sỗ sàng với chồng. Như Hải thấy thế chịu không nổi lại lẳng lặng viết tên tuổi quê quán mình vào một phong thư trao cho vợ rồi phượng trời rong ruổi. Tin đó đến tai làng xóm ai cũng chê cô đồ bằng câu vè:

Đồng nát lại về Cầu Nôm.

Con gái lăm mồm về ở với cha.

Sau khi ở nhà Đào lão ra đi, Như Hải lại lần mò lên trấn Kinh Bắc, ở huyện Lan Tài rồi tục huyền với một cô gái họ Đồ. Được vài năm, Đồ thị cũng lại sanh được một đứa con trai khôi ngô. Nhưng tạo vật cái oăm, tông tích của Như Hải bị lộ, bọn hương hào đương rình mò tra xét lý lịch xem con rể nhà họ Đồ có phải là Nguyễn Như Hải ở Nông Cống thì bắt đem nộp Nguyễn Thái để lấy thưởng.

Thế là Như Hải lại một lần nữa đem chuyện thực nói với vợ rồi cao bay xa chạy.

☆

Vùng Thạch Thất (Sơn Tây) lúc ấy có một người rất giỏi về nghề bói toán, người ta thường gọi là "thầy bói sáng" "hò đơnh". Khó ch bốn phương đến xem đông như chợ. Vợ ông thầy bói bán nước chè tươi còn chồng xem bói "dịch", cách sinh nhai hàng ngày dư dả, lại thêm có thằng con khôi ngô kháu khỉnh nên ai ai cũng khen là cô hàng nước tốt phúc lấy được ông chồng văn nho tinh nghề dịch lý.

Nhưng xum họp được ba năm thầy tướng bị



thủy thổ bất phục, nay ốm mai đau, sau đành từ già vợ con, rồi về kinh kỳ sinh nhai bằng nghề làm thuê làm mướn.

Sau mười năm ở chốn Kinh kỳ khi gồng thuê gánh mướn, khi viết số đoán thế trong dịp đầu Xuân tại bến Bồ Đề, Nhị Giang (tên mới của Như Hải) hồi ấy đã 80 tuổi, không còn sức lực xông pha nữa, đành ngồi nhờ trước quán nhà anh bán nước ở bến Bồ Đề xem bói chữ, đoán cang gà độ nhật.

Vợ chồng anh hàng nước tuy nghèo rớt mồng tơi, nhưng có lòng trong tuổi, nên cụ Nhị Giang dù có tiền hay không, vợ chồng anh cũng cung phụng đủ ngày hai bữa, tuy chỉ là cơm dưa muối.

Rồi một hôm chú Hai Trầu bị bệnh thập tử nhất sinh. Thím Hai phải xuống van nài bác Trường Vạn dưới bến để vay vài chục quan về thuốc thang cho chồng.

Trường Vạn là một tay kiếm ăn trên sông nước xưa nay vẫn tự ý mình với Nguyễn-tiểu-Nhị trong truyện Thủy Hử. Vì thế ít khi chú nghĩ đến nhân nghĩa, chỉ việc gì có lợi là làm. Gặp thời được cái quan của một bên đô, nên lòng hiếu sắc của Trường Vạn càng tăng thêm. Hễ thấy đàn bà con gái có chút nhan sắc là như mèo thấy mỡ.

Thím Hai Trầu đã được Trường Vạn đề ý từ lâu, nhưng một lần ngờ lời tán tỉnh chú bị mang như tát nước vào mặt. Nay đột nhiên Thím Hai lại dẫn xác xuống thuyền chú hỏi vay tiền, Trường Vạn liền gạ:

Nhớ lại những lần bị thím mắng như mắng ăn mày thì mấy tôi cũng chả cho vay. Nhưng xét lại thím có lòng tốt chầy chửa cho chồng tôi cũng cố quên chuyện cũ mà giúp thím. Nhưng có một điều này thím có bằng lòng tôi mới cho vay.

Bác Trường dạy Lão điều gì xin cứ nói cho em biết.

Về mặt trai lơ, miệng cười đều giả Trường Vạn nói cả bằng miệng lẫn bằng mắt:

Nhân nhà tôi và trẻ lên bờ cả, vậy thím có ưng làm vợ tôi một lúc, chỉ lúc này thôi thì tôi mới cho vay.

Hai má đỏ ửng, Thím Hai đành im lặng vì tự mình dẫn thân xuống thuyền hẳn, bây giờ to tiếng thì chẳng gì mình cũng mang tiếng rồi. Chàng thà chịu đi để có tiền về chầy chửa cho chồng.

Sau cuộc mây mưa, Trường Vạn lại trở giọng tán:

Người nhan sắc như mình tội gì mà cứ bám lấy cái thằng "người thừa" ấy. Thôi cứ để vậy cho nó ốm chết đi rồi về ăn ở hẳn với tôi.

Thím Hai đôi ba phen năn nỉ, nhưng Trường Vạn vẫn không đưa tiền chỉ tán lảng.

Biết là mắc lừa, vợ Hai Trầu đành gạt nước mắt bước lên khỏi đò. Về đến nhà thím Hai âm ức mãi, nửa đêm thất cổ tự tử.

Cụ Nhị Giang như đã đoán được trước câu chuyện vội ra can lại kịp rồi hết lời khuyên nhủ. Chú Hai cố lết ra khỏi duyên cớ.

Thím Hai nức nở thú tội cùng chồng và cụ Nhị Giang. Cụ cười bảo:

Giờ việc ấy đối với thằng Trường Vạn thì thường lắm. Để lão trả thù cho.

Đoạn cụ ghé tai dặn thím Hai, rồi lại quay ra bảo chú Hai cứ như thế... như thế.

Sau đó cụ lấy trong bọc ra hai đĩnh bạc đưa cho thím Hai và nói:

Tiền này là dành dụm để mua cỗ "hậu sự" đây. Nay cứ đem đi mà lấy thuốc: cứu bệnh như cứu hỏa.

Chỉ nửa tháng sau, chú Hai Trầu lại mạnh như trước.

☆

Từ ngày lừa được vợ Hai Trầu, Trường Vạn tự cho mình là Gia Cát tái sinh. Đôi khi Thím Hai qua đò sang Thăng Long đi thuyền hẳn, hẳn vẫn ngâm nga trêu cợt bằng những câu như:

"Tiếc thay con ngựa trắng lại thảng cái giây cương thừng."

"Tiếc thay con người ngọc lại ôm lưng cái anh "quán" nghèo."

hoặc:

"Hoài hồng ngâm cho chuột vọc, hoài người ngọc cho ma vầy."

Nhưng vợ Hai Trầu chỉ tùm tùm cười rồi mắt liếc rất tình tứ khẽ nói:

Phải gió! Im cái mồm đi kẻo nó biết nó giết cả đôi.

Chú Trường Vạn lại đắc ý cười hềnh hếch mà rằng:

Đây thì chấp cả vợ lẫn chồng! Chườn chườn được mấy hột thịt, cái mã trôi gà không nổi thì giết được ai?

Một hôm, chú Hai Trầu cũng qua đò mua một cỗ áo quan bằng vàng tâm rồi thuê chèo qua sông về nhà.

Các bạn trong phường van hỏi:

Sao vợ chồng đương thì sinh đẻ, chú lại đi sắm cái "của nợ" ấy làm gì cho súi quây.

Chú Hai giọng thành thật thưa:

Vợ chồng tôi lo xa nên mua về để vợ chết trước thì chồng chôn mà chồng chết trước thì vợ chôn, việc ấy là thường, có gì là gờ!

Sáng sau, Hai Trầu và cụ Nhị Giang cùng qua đò, Trường Vạn hỏi đi đâu, Hai Trầu đáp:

Lên làng Vẽ xem đất độ vài hôm mới về.

Trường Vạn thuận miệng tán:

Đất làng Giàn, quan về Vẽ. Cụ cố tìm cho chú Hai đây kiểu đất nào "dinh tài lương vương" ấy cụ nhé.

Cụ Nhị Giang vuốt râu cười đáp:

Tiền tích đức hậu tâm long, có đức mới mong được đất tốt chữ. Có phải ai cũng tìm được huyệt ngay đâu.

Sau đó một lúc lâu, thím Hai Trầu trên vai quây đôi thùng xuống bến gánh nước. Thím cố trừng trừng chờ cho được Trường Vạn ra đò thuyền rồi khẽ dặn:

Tối nay "nó" đi vắng, "nhà" nhớ lên chơi nhé!

Trường Vạn gật lấy gật để,

23

Trường Vạn đang ngồi cười cợt chót nhả trên cỗ quan tài thì từ ngoài ngõ có tiếng chú Hai gọi cồng. Tiếp đó có tiếng cười nói của nhiều người lạ nữa.

Trường Vạn mặt cắt không còn hột máu hỏi Thím Hai:

— Ai như "nó" về đây hả?

— Ừ, mà hình như lại có một tụi thầy dạy võ của nó nữa đây.

— Thế mình bảo tôi trốn vào đâu bây giờ?

Giữa lúc ấy ngoài cổng tiếng chú Hai hối thúc mở cổng mỗi lúc một gấp.

Thím Hai bèn mở nắp quan tài bảo Trường Vạn:

(Xem tiếp trang 30)

NGƯỜI DỪNG SĨ MIỀN NÔNG CÔNG

(Tiếp theo trang 29)

— Nó về có cả bạn hữu theo thì chỉ chốc lát rồi lại kéo nhau đi chứ không ở nhà đâu. Mình hãy tạm chui vào ẩn trong cổ quan tài này, khi nào nó đi ăn khôi tôi lại mở ra, nếu không nó bắt được, thì chết cả đôi.

Bí kíp, Trương Vạn đành chui vào và dặn với:

— Có đây thì kẻo cái gì cho thông hơi chứ đừng dầy kín mà chết ngạt người ta đấy!

Đầy nắp quan tài xong, thím Hai ra mở cửa.

Vào đến nhà, Hai Trà cùng bốn, năm người bạn, mang rượu ra chén chén rồi nói:

— Mấy năm trước ăn không nên làm không ra, tôi mới mua cổ quan tài này để vợ chồng tôi táng cho nhau. Ngày nay làm ăn cũng đã khá, để đây chỉ tổ chật cả nhà, vậy anh em chén xong khiêng dùm tôi đem ra hồ ngâm.

Trương Vạn nằm trong nghe thấy lạnh cả gáy. Giữa lúc đó Thím Hai lên xuống bên gọi vợ Trương Vạn ra kể lại đầu đuôi câu chuyện và dọa:

— Bác muốn cho chuyện êm đẹp mà lại cứ được bác giai, chỉ có cách lên mà van lạy mua lại cổ quan tài là xong.

Vợ Trương Vạn nghe lời, lên hỏi Hai Trà mua lại cổ áo quan tài. Chú Hai sắc những mùi rượu, sắc mặt dữ tợn như ông Ác lẽ nhè nói:

— Bác mua hả? Năm ngàn quan, kếm một đồng dừng có hỏi mà nhớ. Vợ Trương Vạn về bán cả thuyền và đồ đạc vét voi được có ba ngàn rưỡi quan lên khóc lóc van lạy xin Chú Hai bán lại cho.

Chú Hai giả tình giả say kéo chị Trương Vạn lên ngồi vào lòng mình ở ngay đầu quan tài cột nhà:

— Chà bà Trương hàng vạn đẹp như tiên thế này, bà có chịu làm vợ tôi một lát không.

Vợ Trương Vạn nuốt tui đáp:

— Nếu có muốn làm vợ chồng cũng phải chờ lúc vắng vẻ, chứ trước mặt mọi người thế này em không dám!

Chú Hai đầy ra và nói:

— Nói chuyện mà chơi, chứ đây không thêm những hàng gái như chị đâu. Nói xong nhận tiền rồi cho vợ Trương Vạn về để gọi người lên khiêng áo quan.

★

Khi được người mở áo quan cho ra, Trương Vạn vừa tức vừa thẹn, thân hình tiều tụy không khác gì một cái thây ma.

Trương Vạn biết là cụ Nhị Giang bày mưu cho vợ chồng Hai Trà bèn lập tâm trả thù.

Một hôm nó cho người lên mượn cụ Nhị Giang sao lại hộ một đơn thuốc trong đơn toàn những vị độc.

Cụ vô tình sao hộ xong người nọ mang về, Trương Vạn liền nằm lấy rồi đi bốc thuốc về cho người đi ghé uống đã Nguyễn bà này có nhiều của mà không con nên ý Trương Vạn muốn nhân chuyện này làm một công đôi việc. Quả nhiên bà cụ uống thuốc xong thì chết.

Trương Vạn liền làm đơn thừa cụ Nhị Giang là đầu độc "mẹ ghê" của hắn. Việc được đưa ra cho Ngự Sử Đãi xét.

Bây giờ bốn người con cụ Nguyễn như Hải đều đã thi đậu và cùng làm quan ở đài Ngự Sử.

Người con ở Thiên Bàn hiện làm chức Đô Đốc.

Người con ở An Dương hiện làm phó Đô Đốc.

Người con ở Lạng tài hiện làm Thiêm Đô Úy.

Người con ở Thạch Thất hiện làm Giám sát.

Cả bốn người cùng ra công đường thăm vấn.

Bốn vị đường quan thấy ông lão Nhị Giang có tướng khôi ngô quắc thước chắc không phải là người nỡ tâm hạ thủ đầu độc ai nên bàn nhau cho mời ông lão lên hỏi:

— Lão năm nay bao nhiêu tuổi? Trước đây sinh nhai bằng nghề gì?

Cụ đáp:

— Lão năm nay đúng 80, lúc nhỏ giang hồ phiêu bạt, có đi chu du bốn trấn, lấy vợ đẻ được bốn con trai, rồi từ đó lão không lần nào về thăm được, chả hiểu chúng ra sao, còn sống hay đã chết.

Bốn vị đường quan đều toát mồ hôi đồng thanh hỏi:

— Lão ông có còn nhớ lấy vợ ở làng nào, con cái sinh năm nào không.

Ông Lão kể rõ quê quán họ tên từng người vợ và ngày sinh của các con.

NGUYỄN-VĂN-TÂN

ĐÔNG-Y DƯỢC-SĨ

Hãng Thuốc — Hãng Trà

KIM - TÂN

311, Hai Bà Trưng

ĐT: 648

TÂN-ĐÌNH — SAIGON

MỸ VIỆN UỐN TÓC

TÂN TÂN MỸ HÓA

Do ông **HẢI** và ông **SẮP**
đứng cất, điều khiển và đảm nhiệm

Bổn Hiệu Kính mời

Số 550-552 Phan đình Phùng

SAIGON

Nghe xong bốn quan ngự sử đều nhảy xổ xuống ôm ông già vừa khóc vừa nói:

— Đây đúng là cha chúng con rồi!

Cha con nhận nhau xong, bốn quan ngự sử đem sự thực tâu lên vua Mạc.

Mạc chúa cho là sự lạ, mời vào thiết yến, rồi phớt cho cụ Nhị Giang chức đối hàm Tam phẩm.

Bây giờ Quận công Nguyễn Thái đã chết, nên cái tội giết người của Nguyễn như Hải cũng đã bị bãi bỏ, không còn ai nhắc đến.

Tương truyền rằng: do tích Trương Vạn và Hai Trà kể trên mà sau Tố Như tiên sinh đã lấy làm đề từ trong mấy câu văn bất hủ trong Đoạn trường Tân Thanh:

Làm cho nhìn chẳng được nhau,

Làm cho đầy dạ cát đầu chẳng lên

Làm cho trông thấy nhơn tiên

Cho người "thăm ván bán thuyền" biết tay.

Chẳng rõ lời tương truyền này có đúng thế hay không?

HẢI-ÂU-TỬ

(thuật theo Tang Thương Ngẫu Lục)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TRẦN KIM

Trường dạy lái xe hơi

Thành lập năm 1949

144 đường Võ Tánh (Frère Louis cũ Saigon)

Dạy kỹ thi mầu.

Bảo đảm đậu, cấp bằng giao liên.

Trường có nội trú.

THANH TUYẾN RADIO

17 Võ Tánh (ngã Sáu)

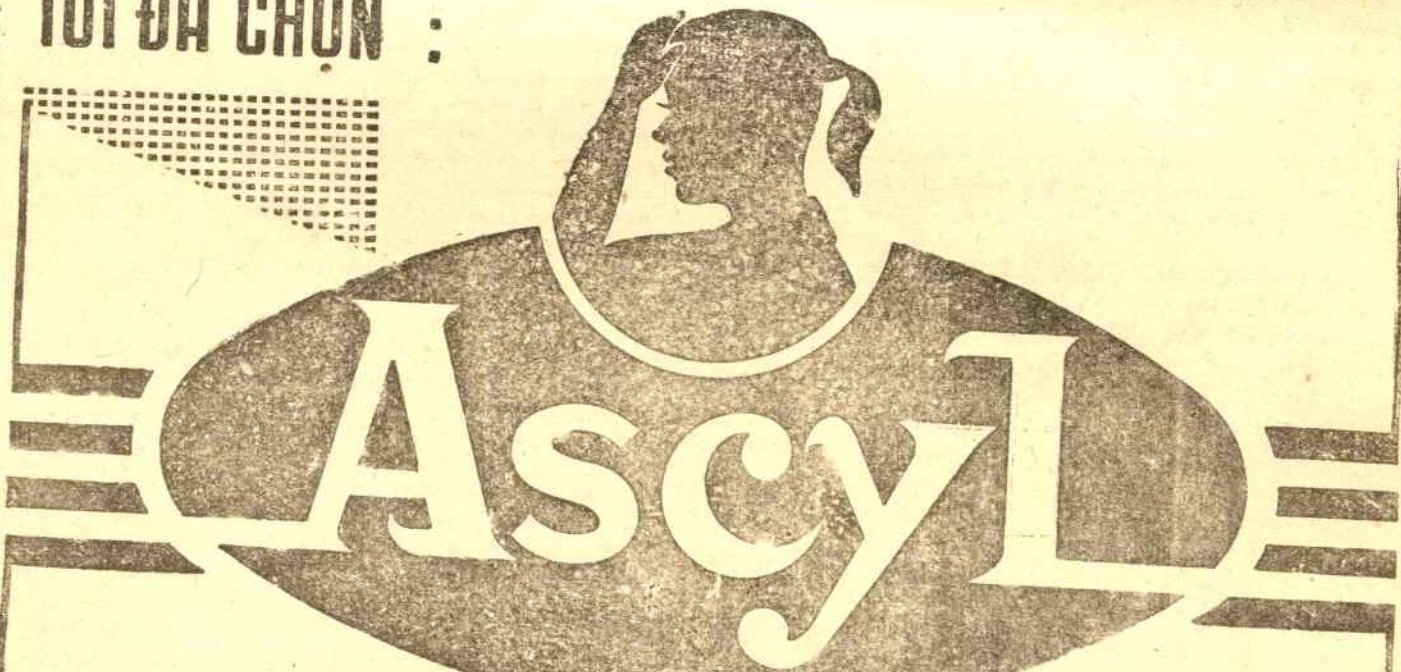
SAIGON

★ Ráp — Sửa — Bán các loại máy thu thanh.

★ Nơi đào tạo thợ chuyên môn cho ngành V.T.B.

Mỗi đầu tháng đều có nhận khóa mới.

Sau nhiều lần kinh nghiệm
TÔI ĐÃ CHỌN :



TRỊ DỨT: CẢM SỐT. NÓNG LẠNH. NHÚC ĐẦU
NHÚC RĂNG. ĐAU MÌNH
CÔNG HIỆU NHANH CHÓNG

VÀI NÉT VỀ NGƯỜI DÂN ANH

(Tiếp theo trang 16)

Ngoài trà ra, dân Anh uống rất nhiều bia. Bia của họ là một thứ bia đắng và nặng hơn la-de ở nhà. Trung bình mỗi năm mỗi người Anh lớn tuổi uống trên dưới 70 lít bia. Sức tiêu thụ rượu chất và rượu mạnh của dân Anh rất kém không phải là vì dân Anh không biết uống rượu mạnh mà chỉ vì mắc tiền quá họ không kham nổi!

Nhưng dù là rượu bia hay rượu mạnh người Anh không bao giờ uống rượu với nước đá vì họ cho là làm như thế tức là giảm sức mạnh của rượu đi!

Hút

Dân Anh ăn ít, uống nhiều và hút rất khoẻ! Theo bảng thống kê của các hãng chế tạo thuốc điếu thì ba phần tư tổng số đàn ông Anh từ 16 cho tới 40 tuổi hút thuốc điếu. Phụ nữ Anh, từ 18 tuổi trở lên, hút thuốc điếu ít hơn đàn ông. Nhưng dù là đàn ông hay đàn bà, hút thuốc điếu là một thói quen rất ngấm ngấm, không một chút e lệ như quý bà quý cô ở nhà trót "nghe" "thứ thuốc điếu này".

Hiếm hoi ung thư vì thuốc điếu, sự cao thuế nặng đánh vào thuốc lá (ở bên Anh này tất cả thuốc điếu giá trung bình là 43đ, một bao 20 điếu trong đó chính phủ "sờ" mất gần 30đ, V. N. tiền thuế) không làm dân Anh ngừng hút thuốc lá vì theo họ thuốc lá giúp họ tập trung tư - rông (?) để xúc tiến công việc và là nguồn giải buồn vô tận của họ!

Xã giao

Dân Anh không ưa giao thiệp mấy vì bản tính tôn trọng tự do cá nhân. Bởi vậy, sự trò chuyện đối với người dân Anh là một sự làm cho khỏi tắc trách. Nghệ thuật trò chuyện của người Anh là nói thật nhiều, thật dài nhưng đề rồi tới khi chia tay hai người đều thừa biết là họ đã không nói gì mấy cả! Quả thật các nhà ngoại giao cũng chỉ giỏi giao thiệp bằng người Anh là cùng!

Người Anh còn có lối nói đùa ngầm nghĩa là nói một đằng nhưng ý lại ở một nẻo khác. Tỷ dụ như:

"Ông ấy không đều lắm!" (nếu thoáng nghe thì hiểu là ông ấy không đều tức là tốt nhưng nghĩ kỹ lại thì thật ra họ muốn nói là lão ấy tuy không đều lắm nhưng có đều!)

"I'm afraid so!" không có nghĩa là tôi sợ là (việc ấy, sự ấy xảy ra) như thế mà thật họ muốn nói là:

Tôi bảo ông (việc ấy, sự ấy xảy ra) như thế đấy (ông muốn tinh sao thì tinh)

"ALL RIGHT" "RIGHTO" cả hai đều không có nghĩa là "được rồi" "xong rồi" mà có nghĩa là "thế là xong rồi, được rồi" (không còn nói đi lại gì nữa)

I KNOW I SEE không có nghĩa là "tôi hiểu rồi", "tôi biết rồi" mà có nghĩa là ông làm tôi ngạc nhiên lắm vì tôi chẳng hiểu, chẳng biết ông định nói gì cả!

"AS YOU KNOW" không có nghĩa là "như ông biết" mà có nghĩa là "ông chẳng biết gì cả!"

"I MAY BE WRONG" không có nghĩa là "Có lẽ tôi nhầm mà chính tâm tâm người đó muốn nói là "TÔI BIẾT THỪA đi là tôi không nhầm một chút nào hết" "TO SAVE THE ARGUMENT" không có nghĩa là để cứu vớt cuộc bàn cãi mà có nghĩa là để chấm dứt cuộc bàn cãi này vì cuộc bàn cãi này chẳng đi đến đâu hay là vì ông sắp thua cuộc rồi nên ta bỏ cuộc bàn cãi này đi cho êm.

Và sau mỗi khi gặp nhau thay vì buông xuôi 2 chữ Good Bye thì họ nói: "Chúng ta phải gặp nhau lần nữa để nói chuyện nhiều" Đây là hình thức nói Good Bye một cách lễ độ! Vì sau đó thì "Anh đi đường anh, tôi đi đường tôi."!

Tại sao người Anh phải dùng lối nói này? Có lẽ tại vì không ưa làm phật ý hay mất lòng ai, có lẽ vì lễ độ mà người Anh dùng lối nói chuyện kiểu hiền ngầm này chăng?

Ngoài lối nói chuyện kiểu đặc biệt Anh kể trên ra còn có lối châm biếm hài hước sáo ốc người bị trêu trọc, còn có lối dân giọng ra ở từng chữ một để tỏ sự giận dữ, bực mình. Và ngoài tất cả các lối nói kể trên ra còn có lối nói "văn hoa, màu mè, êm tai, êm nhĩ" không kém gì lối nói văn chương cửa chợ, máy nước

ở xã hội Việt Nam ta!

Trong lúc xã giao, người Anh rất lễ độ. Họ chăm chú nghe họ tỏ ý ân cần trong lúc chuyện trò nhưng thật ra thì tôi mượn lời Honoré de Balzac để tả sự chăm chú nghe chuyện của người ta Anh "... mỗi người kia tuy cứ dưng đây mấp máy phát ra tiếng nói thật đầy nhưng tiếng nói kia chẳng bao giờ thấu tới người nghe cả. Đối với người họ, người nói kia có mà như không vậy!" Và một câu chuyện nho nhỏ sau đây để tả sự lễ độ của người Anh trong lúc chuyện trò.

Trong một bữa tiệc kẻ ví tửu họ, một người đang dập gậy gõ không có vẻ gì là một vị giáo sư y khoa, một thủ thuật gia nổi tiếng chuyên về mô tim cá, đứng yên lặng, chăm chú nghe một sinh viên trường thuốc ở miền Bắc nước Anh, mới tốt nghiệp ra cắt nghĩa khoa mô tim cho giáo sư đó mà về mặt ông này không có gì tỏ lộ ra là bất bình bực mình vì cảnh "trứng khôn hơn vịt cả!" Ông cũng không ngắt lời anh "độc non" đó. Sau khi nghe xong ông chỉ nói: "Cảm ơn ông! Tôi quên chưa cho ông biết tên tuổi tôi. Tôi tên là... Anh "độc non" đó giật mình, bẽn lẽn, xin lỗi và lảng đi nơi khác!

Dân Anh và súc vật của họ

Trên khắp thế giới này không có nơi nào loài vật như chó, mèo, chim, ngựa v.v... được nâng niu chiều chuộng như ở Anh.

Ở Anh, sự đánh đập một người đàn bà — tuy sự này rất hiếm — được coi là độc ác nhưng đánh đập hay đá chó, mèo, hay để một con khỉ chết công thì bị coi là đồ dã man!

Và chỉ nước Anh mới có một trạng thái kỳ dị nếu không phải là đạo đức giả, nhân nghĩa hờ. Đó là khắp nước Anh có trên dưới 30 hội bảo trợ súc vật mà chỉ có 2 hội bảo trợ Nhì Đổng và 3 hội bảo trợ người già cả bị con cái bắt hại!

Và cũng chỉ ở Anh nếu ai đánh đập chó mèo một cách tàn tệ có thể bị truy tố, ra tòa có thể bị phạt và cả cấm không được nuôi súc vật trọn đời. Chỉ ở Anh mới có chuyện người chết đi để gia tài kếch xù lại cho (xin lỗi các bạn) con Lulu hay con mèo yêu quý của họ.

Chỉ ở nước Anh mới có xưởng đóng đồ hộp cho chó, cho mèo và mỗi năm dân Anh tiêu trên 40 triệu bảng để nuôi chó mèo và lập nhà thương lưu động cho súc vật!

Nước Anh quả là một thiên đường của súc vật vì ngoài nhìn về phương trời Á, Phi trong giờ phút này kiếp một số người So Ra hãy còn khổ lắm.

Kết luận:

Trên đây là tất cả những nét điển hình người dân Anh và tính tình của họ. Người biên khảo không mong gì hơn là những giòng trên đã giúp các bạn hiểu biết thêm được một chút ít nữa về dân tộc Anh. Những giòng trên chỉ là những giòng đại cương, nói một cách tổng quát.

Nếu để thì giờ đi sâu vào tận tâm hồn cùng bản tính của người Anh thì ta thấy tâm hồn và tính tình người Anh còn phức tạp, bí ẩn và một đôi khi khó hiểu nữa.

Nhưng nhìn tổng quát thì người dân Anh cũng như người thường dân Việt chúng ta có một tâm hồn bình dị, một nếp sống cũng bình dị không kém. Họ cũng chỉ mong muốn sống một cuộc đời yên ổn để làm ăn, một cuộc đời sung túc để bản thân họ có đầy đủ những vật thể cần thiết và một tâm thần thanh thản, tự do trong phạm vi luật pháp để xây dựng một cuộc đời mà trong đó con người hoàn toàn xứng đáng với ý nghĩa và thiên chức của con người mà thôi!

HOÀNG-THẠCH-CÔNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
MỘT NĂM ĐẦY HẠNH PHÚC
ĐIỀU KINH BẠCH ĐÁI HUYỀN

Đem lại Quý Bà, Quý Cô, đầy đủ hạnh phúc, quanh năm.

Các bà các cô cần máu huyết làm trọng, để lưu thông điều hòa cho thân thể, con người, nhớ tìm ngay.

ĐIỀU KINH BẠCH ĐÁI HUYỀN

Đang Y Dược Sĩ TRẦN THÁI ĐƯƠNG chế tạo
Số 612/141/2 hẻm Phan đình Phùng Saigon

Cái nghiệp sợ vợ

(Tiếp theo trang 14)

Vợ chồng thủ thi đầu đêm, chẳng khác gì cách biệt nhau đã mười năm trời nay mới lại gặp. Vừa tăng sáng nắng đã trở dậy xếp nếp quần áo, dọn dẹp cửa nhà: con hầu mang sọt đồ đạc còn nằm trên giường chán chường, thức dậy Sinh đi trước đến gõ cửa nhà cha mẹ.

Bà mẹ ra kinh lạ hỏi: Sinh nói rõ ý vợ. Bà mẹ tần ngần e ngại chưa kịp đáp thì nàng đã giắt con lầu đi vào. Bà mẹ cũng đành theo vào.

Vừa đến nơi nàng phục xuống đất khóc lóc rất thảm chỉ cầu xin bố mẹ tha cho tội chết. Bà mẹ xem thấy ý quả là thành thực nên cũng khóc mà rằng:

— Con ta tại sao lại thay đổi chóng đến thế này?

Sinh liền thuật lại đầu đuôi sự trạng đã xảy ra, lúc ấy hai ông bà mới nhận thấy cái mộng ngày trước là linh nghiệm. Mừng lắm. Bèn gọi bọn đầy tớ đến bảo phá bỏ căn nhà cũ của vợ chồng Sinh đi. Từ đó, nàng rất mực nâng niu, chiều chuộng cha mẹ chồng, cách cư xử quá người con hiếu. Hết thấy ai lạ đến nhà là bẽn lẽn như cô dâu mới về nhà chồng. Hoặc có kẻ muốn đùa kẻ lại những chuyện đã qua, tất nàng đều bưng dùi má. Đã thế lại được thêm đức tính cần kiệm và khéo đường sức tích nên trong ba năm, hai ông bà không cần hỏi đến việc làm ăn mà nhà đã trở thành giàu có, kẻ hàng chục vạn. Năm ấy Sinh đỗ kỳ thi hương. Nàng thường bảo chàng rằng:

— Ngày trước em được thấy mặt Phương Lan một lần mà đến bây giờ hãy còn nhớ.

Sinh cười đáp rằng:

— Cô ta không bị đánh thuốc độc thì cũng là may cho tôi lắm rồi đầu còn dám này ra vọng niệm nào nữa.

Rồi chỉ ừ ào cho qua chuyện. Nhân khi Sinh vào kinh ứng thí, mấy tháng sau mới về, vừa vào phòng đã thấy Phương Lan đang cùng Giang Thành ngồi đánh cờ. Chàng kinh lạ hỏi. Thì ra nàng đã bỏ ra mấy trăm tiền vàng để chuộc Phương Lan về.

Chuyện này nhân khi qua miền Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang chính ta được Vương Tử Nha thuật lại cho nghe xuất một đêm nên biết tường tận mà chép ra đây.

Dị sử thị bàn rằng:

Về cái nghiệp quả của kiếp người, đến miêng ăn miếng uống cũng còn có báo ứng. Nhưng chỉ có sự quả báo trong tình chồng vợ, ngay chốn phòng the thì thật là như cái ung nhọt ngay cạnh xương cho nên sự độc hại của nó lại càng thâm. Bởi thế mỗi khi thấy trong thiên hạ trong mười người vợ thì họa hoàn chỉ được một người hiền còn chín người là ác lệ hung hãn, ta mới nhận ra rằng người đời biết tu rồi thiên nghiệp thì ít lắm vậy. Nếu cho rằng đó là lo cái sức tự nguyện rộng lớn của chúng sinh mà ra thì tại sao không lấy ngay cái thứ nước nhiệm màu ong chén mà vậy cho khắp đại thiên thế giới? Cái nhân của kiếp trước là cái báo của kiếp này, điều đó 6 thường trong chỗ cha con, chồng vợ. Nhưng có nằm không giống nhau là do sự phân biệt, cần nhắc hiện ác vậy. Không có nhân thì không có báo: cái "vô nhân" dù cầu cũng chẳng được mà cái "hữu báo" có đến cũng chỉ cam thuận theo không thể rút bỏ đi được. Anh chàng họ Cao cổ cường lời cha, kén chọn thật nghiệt mà rồi vợ phải Giang Thành: tay đôi thành nhò không có gì trái ý nhau, thế rồi lớn lên cùng quần quít nhau. Khẩn hồng lên đôi, vàng lụa kết thế, vợ chồng mỹ mãn như thế sao dám bảo là trời không chiều người?

Thế rồi cái kiêu đề ra cái giận, cái sợ nằm sẵn trong cái yêu: lúc đầu còn đóng kín cửa phòng không cho vào, kể đó đến bước quỳ gối cúi đầu cũng không ăn thua, sô sát đến cả cha mẹ chồng, chửi bới đến cả cha mẹ đẻ. Sống trong chốn phần hương bên người đẹp mà coi tựa ngục tù, được chim ưng chim cắt, sô dĩ như thế chính là cái duyên nghiệp của tình yêu rồi nghiệp yêu biến thành hồ dữ là việc vô nhân; còn chuyện cậu con trai yếu trở thành gầy dẹt như que củi há chẳng là chuyện tự lòng công tử thích thế ru! Một chén nước trong như dải sen mở rộng: chuột nhỏ rụt đầu, dạ soa bỏ lốt, có như thế mới biết câu "nhân sinh nghiệp quả" đã là chứng sinh khó mà tránh thoát. Dù bé nhỏ như sô con chuột nhắt cũng chẳng nên kết ác duyên để đến nỗi báo cừu qua mấy kiếp. Việc nhỏ còn thế huống hồ những kẻ làm chuyện đại sự ru!

NGUYỄN HOẠT (dịch)

MỘT TÍNH CÁCH ĐẶC BIỆT NHẤT

của nền văn hoá cổ điển Đông Phương

THU GIANG - NGUYỄN DUY CẦN

L'ambition de l'Occidental est d'être compris,
l'ambition de l'Oriental est d'être vrai.

Cao vọng của người Tây Phương là để được hiểu,
còn cao vọng của người Đông Phương là để được đúng với sự thật.
MATGIOI.

ĐIỀU khó khăn nhất của những học giả Tây phương hay của những học giả Đông phương chịu ảnh hưởng quá nhiều văn hóa Tây phương là không

thể chịu được, nếu không nói là không thể hiểu được tư tưởng quá lù-mù, quá lưng chừng của các hệ thống tư tưởng Đông phương. Trước sự rõ ràng, sáng sủa của văn từ cùng cách phô diễn của người Tây phương, người chúng ta ngày nay chịu ảnh hưởng rất sâu nặng văn hóa Tây Phương rất lấy làm bất mãn... và từ bất mãn đi đến sự xem thường cũng là lẽ dĩ nhiên vậy.

Phân dòng học giả Tây phương, ngay những học giả có một vốn hán ngữ hay ấn ngữ sâu nhất, cũng tỏ ra chỉ có một ý niệm rất mơ màng về Văn hóa của người Trung Hoa và Ấn Độ cổ điển. Tôi không tin rằng vì sự bất lực bất tài của họ, mà lại tin rằng có lẽ vì cái thể chất uyên chuyên thiên hình khó nắm được của tư tưởng Ấn Độ và Trung Hoa. Riêng tôi, một người Việt Nam chính thống, thế mà tôi cũng đã phải rất nhiều vất vả mới tìm hiểu được tư tưởng của người Đông Phương: có lẽ vì một cơ duyên khác tôi đã chịu ảnh hưởng lối suy nghĩ và biểu diễn của văn từ Tây phương, nó sáng sủa rõ ràng là thế nào!

Cách biểu diễn và trình bày tư tưởng của người Tây phương rất liên lạc hệ thống: cái gì họ nói ra là nói rất minh bạch, trắng là trắng, mà đen là đen, không thể lẫn lộn được. Nhưng với người Đông phương thì không như vậy được. Trong Dịch Kinh, có thể xem là nền tảng của triết học Trung Hoa, ngay những nguyên lý đầu tiên ở Hệ từ cũng đã nói: "nhất âm nhất dương chi vị Đạo". Âm Dương cọ xát nhau, chống đối nhau, mãi giữa nhau, mới có cái Đạo. mới có sự sanh tồn, chống đối nhau mà không bao giờ có thể rời nhau được. Từ một vật cực tiểu cho đến một vật cực đại, luật âm dương mâu thuẫn vẫn như nhau. Vì vậy, tư tưởng của Đông phương không chịu sự phân tích, sự chia xẻ, càng không thể hệ thống hóa và đặt sau danh từ "dục" gì cả, dục tâm háy dục vật... Và vì thế, nó không thể dùng đến lý trí mà suy luận được nữa.

Một nhà học giả Tây phương rất tinh thâm tinh thần tư tưởng Đông phương là Jean Herbert (1) cũng nhận thấy rằng: "Tây phương có xu hướng tách phân chia sự vật thành từng khu vực, thành từng vấn đề riêng biệt. Nào là văn đề "ngã" và "phi ngã", tôn giáo và triết học, luân lý đạo đức và đời sống thực tế... Giữa Tự nhiên và con người, giữa con người và loài vật cũng thiên nhiên đều có một giới hạn không thể vượt qua... khiến cho người Tây phương rất công phu mỗi khi họ cảm thấy không làm sao sắp đặt một yếu tố nào vào một hàng loại đã định sẵn một cách phân minh."

Đĩ nhiên, sự phân tích là cần thiết trước khi tổng hợp, và biết phân tích kỹ càng trước khi hành động là một tính tự nhiên và cần thiết của tư tưởng loài người. Nhưng nếu sau cuộc phân tích ấy, lại không biết chăm lo tổng hợp lại, tổng hợp bên ngoài luôn cả bên trong, thì còn có lợi ích gì. Vì, dù sao, con người là một "toàn thể" (un tout) cũng như chiếc máy bay hay chiếc máy thu thanh: mỗi yếu tố về thể chất, về tinh cảm, về trí năng, về luân lý,

về đạo đức, văn vân..., chỉ có lợi ích và giá trị là khi nào các yếu tố ấy phụ họa vào toàn thể, và nó sẽ có thể hiểu được và dùng được khi nào tất cả yếu tố phụ thuộc rời rạc kia chung sức lại để phục vụ toàn thể. Tây phương mà càng lo phân chia ngăn cách mãi, thì chỉ sẽ đi đến rời rạc và hỗn loạn.

Còn lập trường tư tưởng của Đông phương thì lại có thể tóm tắt vào hai câu này của hai văn hào Đông phương: Sir Mohamed Iqbal và Rabindranath Tagore.

"Bản về triết học, Sir Mohamed Iqbal nói: "Cái lẽ hợp nhất của tất cả mọi vật hiện hữu thật đã quá rõ ràng khiến cho tôi dám tin chắc rằng nếu ta chăm cây kim vào cánh hoa hồng, cánh hoa sẽ nhỏ ra một giọt máu người."

Còn R. Tagore, thì chỉ cho ta phương pháp "thực hiện bằng con đường hỗn hợp điều hòa với vạn sự vạn vật". Đối với người Đông phương, người ta không thể bao giờ nhận được rằng một lời nói có giá trị xác thực về khoa học mà lại có thể trái ngược lại với tôn giáo; và cũng không thể bao giờ tưởng tượng được rằng người ta chỉ cần dành riêng vài giờ trong tuần lễ để cầu nguyện là đã đầy đủ bổn phận đối với Thượng đế rồi; và cũng không thể bao giờ tưởng tượng được rằng người ta lại có thể chuyển tâm chế tạo các khí cụ mãnh liệt mà không hề lưu ý đến mục đích xử dụng khí cụ ấy (...)

Quan niệm về sự Tổng quát và Toàn thể ấy, dĩ nhiên lại dẫn người Đ.P. đến một ý niệm khác là ý niệm về sự liên tục giữa các sự vật, mà không thể nhận có được những điều "cắt xén nhân tạo" sự vật từ từng mảnh mún do lý trí tạo ra để dùng vào những mục đích thực tiễn... Phân biệt không khí với thượng tầng không khí, phân biệt óc thông minh và linh tính, phân biệt màu da đen với màu da trắng... có lẽ rất hữu ích cho các nhà bác học đây, nhưng Tây phương thường gây thơ ngổ ngàng những danna từ ấy tích trữ và biểu hiệu cho những vật thực tại cách biệt rành rẽ, và do đó mới có sự lầm lộn: những bản lược đồ (schéma) với sự thật (la réalité). Các tiên đồ Phật giáo và Ấn độ giáo lại còn đi xa hơn nữa trong ý niệm liên tục này và cho rằng không có sự phân chia các biệt gì cả, đừng nói là có sự gián đoạn giữa Thượng đế, linh hồn con người, loài vật và các loài vật vô tri: thay đều là Một.

Vì vậy, mà tư tưởng của người Đông Phương bao giờ cũng có cái hình dung mập mờ, huyền ảo... thiếu sự rõ ràng dứt khoát của những chân lý một chiều và quả quyết.

Xem ngay tư tưởng trong Nho học và Lão học, tuy khác nhau, nhưng cùng một nguồn gốc siêu hình đầu tiên của triết học Trung Hoa mà ra, vẫn đều có một tính cách chung là lưu động bao trùm và mâu thuẫn.

Học thuyết của Khổng tử cổ tánh cách thực tế hơn nét rất dễ hiểu đối với người Tây phương và đã được học giả T.P. bàn đến rất nhiều, thế mà, thực sự người Tây Phương họ đã hiểu như thế nào, hay là phân động cái tương mĩa đa chiều rõ một ông Khổng tử thủ cựu, tùy thời một cách nhân trị gia và một nhà tư tưởng tam cương cơ cao vọng và triết trung dung hòa cả mọi việc mà không có một cái gì là tan kỳ cả? Sau lưng ông Khổng tử thủ cựu "Tổ thuật Nguyên Thuận, hiến chương Văn Vũ" ấy, một thành trị gia "tam cương" do, còn có một ông Khổng tử "vô ý, vô lai, vô cố, vô ngã", một

ông Khổng tử "vô khả vô bất khả" mà tư tưởng lưu động bao trùm muôn mặt, một ông Khổng tử tâm lý gia sâu sắc, một đạo đức gia tế nhị, một biện chứng gia răn rỗi, đã thoát ra câu: "Thế giả như tư phủ, bất xả trụ dạ"... Ta phải lấy ông Khổng tử thứ hai làm cơ sở cho ông Khổng tử kia — Đức cao nhất của Khổng giáo phải chăng là đức Nhân? Nhân là gì, nếu không phải là sự "chánh tâm", "thành ý", sự điều hòa của những mối mâu thuẫn đầu tiên giữa người và ta, tượng trưng trong hai nét ngang và chữ nhọn đứng (2) ? Khổng tử không thể định nghĩa chữ ấy theo một chiều và vì vậy tùy theo trình độ của mỗi người để từ ông miễn cưỡng tạm trả lời và định nghĩa. "Tùy thời chi nghĩa, đại hỷ tại!" Như vậy, ta thấy tư tưởng thiết thực nhất là tư tưởng của Nho gia, cũng chưa phải có một định nghĩa rõ ràng được, mà nó có tánh cách lưu động, thiên hình, vô cùng lưu chuyển.

Tư tưởng mà càng lưu chuyển biến hóa không sao nắm được là tư tưởng siêu hình của Lão giáo. Theo Sử ký Tư Mã Thiên, thì chính Khổng Tử còn phải nhìn nhận rằng: "Lão Tử như con Rồng!". Có lẽ cao rằng lời nói này của Khổng Tử có ý chê Lão Tử là người hảo huyền, lý thuyết của ông là không tưởng. Người ta đã quên rằng Rồng trong Kinh Dịch là tượng trưng sự biến hóa hay là dịch hóa. Tư tưởng của Lão rất uyên chuyên. Không bao giờ có thể định nghĩa một chiều, thường biểu diễn bằng những danh từ cường dụng hai chiều. Đến đối chính ông còn bảo: "tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri", và "Đạo khả đạo, phi thường Đạo". Đọc tư tưởng Lão tử mà cứ hiểu theo nghĩa một chiều, rõ ràng dứt khoát và hạn định của danh từ là không làm gì nếu dùng được loại tư tưởng đó. Ông bảo "không làm" mà "không có gì là không làm" (vô vi nhi vô bất vi), ông bảo "không tranh" mà "thắng" (bất tranh nhi thiên thắng). Có đúng với câu này trong Kybaiton: "Tout est double, (...) toutes les vérités ne sont que des demi vérités, tous les paradoxes peuvent être conciliés" (Thầy đều có hai cực đoan, (...) tất cả những chân lý chỉ là những nghịch thuyết đều có thể dung hòa). Tư tưởng của Lão đều một thế cả... Cho nên, như Okakura Kakuzo nói: "Bậc thánh trí ngày xưa (ở Đông Phương) không bao giờ trình bày học thuyết mình bằng sự quả quyết một chiều. Họ nói toàn bằng giọng nghịch thuyết, mâu thuẫn... là vì họ sợ đưa ra những cân lý nửa chừng..."

Bat đặc dĩ mà phải nói, thì chỉ nói một cách mơ màng thôi, một cách hết sức là miễn cưỡng và người đọc cần phải nhận thấy một cách tinh tế nhưng gì gọi là "ý tại ngôn ngoại" bởi "thơ bất tận ngôn, ngôn bất tận ý". Khổng Tử còn than: "dư dục vô ngôn" và "thiên hạ ngôn tại!" thay!

Đen Phật Giáo phái Thiên tông thì lại còn đi quá xa trong 4 câu kệ căn bản của Giáo lý: "giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhơn tâm, tận tánh thanh Phật". Bởi vậy, người triết gia Đông phương không phải chỉ là một triết gia suông, mà phải nhiều đều là những hiền giả và thi sĩ với cái nghĩa sâu xa của nó. Hiền giả là người sống với cái triết lý của họ, thi sĩ là người đã "huyền dung" với thiên nhiên với tạo hóa. Ông Nguyễn Đăng Thục, gần đây trong một bài diễn văn nói về "Triết học Đông Phương với: truyền thống dân tộc", nhận thấy rất đúng cái tính cách không thể chia lìa của đạo đức và triết học, cái tính cách bao trùm mọi ngành hoạt động tinh thần và vật chất trong sự "liên hợp hợp nhất" có nơi: "Liệt học Đ.P. vốn là một Đạo học hơn là một triết học. Ở Á châu, như tại một học giả Pháp, không có triết gia, mà chỉ có những "hiền giả và thi nhân". — Ở Đông phương không có quan niệm chia xẻ sự thật ra từng khu vực các biệt ngay trong một học thuyết."

(Xem tiếp trang 35)

(1) Ce que l'Occident peut apprendre de l'Orient (Synthèse, Bruxelles).

(2) Cahier de l'Etoile: số Jan — Fév 1929.
(15, Avenue de la Bourdonnais, Paris 7e).

Tủ Sách Hoa THYM

đã phát hành lần thứ 2 cuốn

- HỌC NÓI TIẾNG NHẬT sắp ra.
- VIỆT NHẬT đàm thoại có văn phạm phụ lục và
- TỰ ĐIỂN VIỆT NHẬT có nhiều ví dụ.

Các sách do G.S. DUY-MINH biên soạn.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TRUNG HỌC TỰ THỰC

HUỲNH - THỊ - NGÀ

35 10 Trần nhật Đại Tân Định Saigon Đ.T. 23.170

○ Một tư thực kỷ cụ, kết quả rất khả quan, do toàn ban Giáo sư danh tiếng, tận tâm và nhiều kinh nghiệm biên soạn.

○ Đủ các lớp SÁNG — CHIỀU và TỐI (Anh, Pháp học riêng) Từ mẫu giáo cho đến Đệ Nhị A-B.

Có lớp luyện thi T.H.Đ.N.C. Luyện thi Đệ thất trường công và kỹ thuật. Nhận Nét sinh nội trú. Kỷ luật nghiêm minh.

Nhà thuốc

CỰ THẤT

287, Gia Long Saigon

Đông Y Sĩ NGUYỄN-HUY-THẤT

- Chuyên chữa gãy xương, bong gân, trệch khớp xương.
- Các bệnh phong thấp, nhức mỏi đau lưng đau xương, đau gân, đau mình, đau bắp thịt bần thần bất toại, tê bại xụi, méo mồm, đau bao tử.

RẤT THÂN HIỆU I

Có bán các thứ thuốc:

PHONG THẤP, TÊ BẠI XUỐI.

CÁ NƯỚC CHIM TRỜI

(Tiếp theo trang 27)

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thì ông chẳng đã nói, ông muốn nhường nó lại cho tôi, thôi?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Đúng, nhưng chỉ có chuyện nhường chứ không phải chuyện ruồi ra dẫu, cô à.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi vẫn không hiểu, nếu, ông không có ý ruồi ra sao, lại đi nhường lại, làm chi?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Có không hiểu thật à.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi thật không hiểu! (cô ngồi xuống).

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Đầu, đuôi, là tại thế này, cô ơi, bà chủ nhà, bà ta không ưng cho tôi thuê.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Vì lẽ gì?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Ấy cũng vì vấn đề hôn nhân... Nguyên do, một tuần lễ trước đây, tôi tới nhà này, để hỏi thuê, nhưng lúc đó, tôi chỉ gặp mặt cô con gái của bà chủ nhà thôi. Thấy tôi, cô liền hỏi thăm, hỏi đón, xem tôi đã có vợ chưa, có con chưa, có anh em, chị em không? Đến khi, tôi cứ thực tình khai ra rằng, tôi chưa hề kết hôn, thì cô tỏ ra rất hài lòng, mãn-ý. Ngay tới giá cả, cô cũng chỉ nói qua, và cô bằng lòng cho tôi thuê nhà ngay tức khắc.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ông có hiểu không? Nhà cô ta được rõ, ông là một công-trình-sư, nên cô ta muốn làm người nâng khăn, sửa túi cho ông chứ gì!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thiết thế à? Quả tình, tôi chẳng hề nghĩ tới việc đó. Ấy thế rồi, chiều hôm qua, khi tôi đến đây, bà cụ thân mẫu cô ấy mới bảo cho tôi hay, nếu tôi không có gia quyến, bà ấy nhất định không cho tôi thuê nhà! Làm gì bà ấy chẳng đã biết rằng: tôi chẳng có vợ, con, gì cả, bởi vậy, bà ấy đem cái điều kiện đó ra, để ức hiếp tôi, cô thử xem, có thiệt là ác hay không?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tại sao, không có gia quyến cũng đến ở với mình, lại không cho thuê nhà, là nghĩa làm sao?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Nào, tôi có biết tại sao, kia chứ? Bà ấy còn viện lẽ, là nhà bà ấy không có đàn ông.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Nói đùa hay sao chứ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thiết là một sự hời hợt, có phải không, thưa cô?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Đúng thế, à mà, rồi sau, ra sao, thưa ông?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Rồi sau, tôi bèn cho bà ấy một bài học đích đáng!

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thế bà ta đã nhận ra lẽ phải chưa?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Nhận ra lẽ phải như? Trời ơi, với một người đã ngoài bốn chục tuổi, dẫu óc họ đã đặc sệt những lý lẽ hủ bại, lạc hậu, thì còn làm sao có đầu óc để tiếp thụ những điều hay lẽ phải tiên tiến, kia chứ!

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thế, bây giờ ra sao?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Bây giờ ấy như, bây giờ, tôi nhất quyết cứ ở lý nơi đây, tôi chẳng đi đâu cả.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thế bà ta có phản ứng gì không?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Bà ta cho đi gọi tuần cảnh!

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Gọi tuần cảnh? Gọi tuần cảnh đến, thì làm cái "thá" gì?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Ý bà ta cho đi gọi tuần cảnh đến, là để đuổi tôi đi, mà.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thiết thế ư?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Thiết vậy đấy, tôi nói gạt cô làm gì. Nếu cô không tin, tỷ nữa, tuần cảnh đến đây, cô sẽ mục kích hẳn hoi.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thú thật, tôi không ngờ việc này lại xoay tới một chiếc kỳ quái thú vi đến thế đấy! À mà, ông này, thế gọi tuần cảnh đuổi ông đi thiệt, thì ông làm thế nào nhỉ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Ấy, giá ví thử, trước khi cô tới đây, thì tôi cũng đến chịu thúc thủ, chẳng biết tính sao cho ổn, nhưng, hiện tại, có cô ở đây, chẳng nói giãu gì cả, tôi đã có chủ ý rồi.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Chủ ý của ông ra sao, ông cho tôi biết với.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG, nửa thật, nửa đùa.

—Ồ, có khó gì đâu! Tôi chỉ việc "giã" cho bác tuần cảnh một trận nên thân, nhất định bác ta sẽ tóm cô tôi, điệu về giam tôi lại, và trước khi dẫn tôi, bác ta sẽ không quên, đem nhà này, cho cô thuê. Như thế, có phải, đêm nay, cả hai chúng ta, ai cũng có nơi tá túc không?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thế sao được, ai lại làm như thế?... (cô ta tỏ ý suy nghĩ)

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Sao lại không được? Được lắm chứ!

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi chẳng nghe, để ông làm như vậy!... À, tôi đã có một diệu kế...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Xin cô cho biết.

NGƯỜI ĐÀN BÀ, sau một lát suy tưởng.— Ông cứ nhận tôi: tôi là thái thái của ông, có được không?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Nhận cô là vợ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Việc gì mà ông phải lo sợ ra mặt như vậy, chỉ nhận "bà" như vậy thôi, chứ tôi có bắt ông phải kết hôn với tôi thật đâu, mà ông phòng ngại!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Có hiểu lầm tôi rồi!... Tôi... tôi lấy làm lạ rằng: sao tôi lại không hề nghĩ tới cái phương-pháp đó, đấy chứ.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Đấy, quả là một phương pháp vô cùng kỳ-diệu!... Vâng, nhà bà chủ nhà, cứ khẳng-khăng một dị, không chịu cho ông thuê nhà, nếu ông không có gia-quyền thì bây giờ, gia quyến của ông đây, để xem nhà bà ta nói sao?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Nhất định bà ta sẽ "tắc kỳ ngôn lộ"... Miên là có nguyên ý nhận như vậy nào.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Sao rồi lại không nguyên ý?... Nào có tồn tại gì cho tôi dẫu, thử nhất, tôi có làm thái thái thiệt của ông đâu, kia chứ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Tôi xin cảm ơn cô!

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ông chẳng cần phải cảm ơn, với cam huệ gì tôi cả, nhưng, xin ông chớ có lạm dụng cái kẻ sách của tôi, đấy nhé.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Xin cô cứ yên tâm, không khi nào tôi có thể lấy giả làm chân đâu, mà cô ngại. Chẳng qua, cô đem cái giải pháp đó ra, là cốt để giúp tôi thuê cho được cái nhà này, tôi phải ghi lòng, để dạ mà cam tạ cô.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ôi! ông cứ nhắc đi, nhắc lại mãi làm gì? Ông với huệ, gì đâu! Đầu đuôi, chỉ tại chỗ, riêng một mình ông, hoặc một mình tôi, ta đều không thể nào thuê nổi cái nhà kia, bởi vậy, ta phải đồng lòng liên hợp lại với nhau, để cố gắng cho bằng được họ. (Lặng tại nghe ngóng.)

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Đúng như vậy.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi nghe, hình như có tiếng người nói, thì phải...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Có lẽ tuần cảnh đến đây! (tò vò hồi ha) À mà, cô à, trước đây, tôi đã chột nói là không có gia quyến mất rồi, bây giờ làm thế nào, để giải thích cho xuôi, mới được chứ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Ông cứ nói bừa đi rằng, hai vợ chồng cãi nhau, ông phát cáu, bỏ nhà đi, không cho ai rõ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG, thoáng nhận thấy tuần cảnh đến nên vội gật đầu và ra hiệu bảo người đàn bà đừng nói nữa.— Suyt!...

Lúc đó, người đàn ông ngồi ở phía bàn vuông, với một bộ dạng giận dữ, tức bực. Người đàn bà ngồi ở phía bàn nhỏ. Cửa ở phía sau bỗng mở ra, một viên tuần-cảnh, tay xách một chiếc đèn báo bước

vào, theo sau, có vú già và bà chủ nhà. Hai thầy trò chủ nhà, chợt nhìn thấy người đàn bà, thì tỏ vẻ hết sức kinh nghi. Còn người đàn bà, khi thấy họ vào, liền đứng lên, cúi đầu chào, một cách rất lễ phép. Viên tuần cảnh để chiếc đèn lên mặt bàn lớn, nhìn người đàn ông, gật đầu.

TUẦN CẢNH.— Quý tính là gì à?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG, vẻ hơi khiêm nhả.

— Tôi họ Ngô.

TUẦN CẢNH, gật đầu.— Nhà ông ở đâu?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Nhà tôi ấy như?

Tôi không có nhà!

NGƯỜI ĐÀN BÀ, làm ra vẻ mặt bà vợ uất-ức.— À, thế ra anh cố tình, không nhân nhà cửa, gia đình, gì nữa, phải không, anh nói tôi nghe?

TUẦN CẢNH, lắng nghe người đàn bà vừa nói đó, rồi quay hỏi người đàn ông.

— Người đó... quý tính là gì vậy?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG, chẳng biết đáp ra sao, chỉ dương mắt nhìn người đàn bà, người này hình như đã sẵn sàng gỡ sự khó khăn cho ông ta. Biết thế, người đàn ông lại làm ra bộ mặt người chồng dương câu kính.— Tôi không biết. Ông hỏi người ta thì rõ.

TUẦN CẢNH, liền xoay về phía người đàn bà, đề hỏi.— Quý tính là gì?

NGƯỜI ĐÀN BÀ, tỏ vẻ vô cùng cao hứng. Tôi?... Tôi?... thì tôi cũng họ Ngô.

TUẦN CẢNH.— Á, cô cũng họ Ngô?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa vâng.

TUẦN CẢNH, có vẻ muốn hỏi gì thêm mà tìm không ra, sau đành lại hỏi.— Nhà cô ở đâu?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Nhà tôi ở? Nhà tôi ở Bắc kinh về phía thành tây, từ bài lâu, Thái Bình hồ đồng đối diện với Quan đế miếu, nhà số 375, điện thoại Tây cực 4.692. Có lẽ ông phải lấy sổ tay mà biên, chứ nhớ sao nổi, chỉ tỷ nữa, là quên mất ngay, còn gì.

TUẦN CẢNH, lấy sổ tay ra biên.— Bắc Kinh..

NGƯỜI ĐÀN BÀ.—... thành tây, từ bài lâu, Thái Bình hồ đồng (đối cho viên Tuần cảnh viết) đối diện với Quan đế miếu...

TUẦN CẢNH.—... nhà số gì?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.—...375... điện thoại tây cực... 4 nghìn... 6 trăm... 92.

TUẦN CẢNH, viết xong.— Cảm ơn cô. (gấp sổ, bỏ túi, rồi quay hỏi người đàn ông). À, ông lại nơi đây, để thuê nhà, phải không?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.— Không phải để thuê, mà để ở, vì, nhà này, tôi đã thuê hẳn rồi ma.

TUẦN CẢNH, tỏ vẻ khó nghĩ, đành quay hỏi người đàn bà.— Còn cô, cô lại đây, có việc gì?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Tôi! Tôi lại đây để, để tìm người nhà.

BÀ CHỦ NHÀ, không nhẫn nại nổi.— Cô đến đây để tìm ai?

NGƯỜI ĐÀN BÀ, lễ phép cúi đầu chào Bà chủ nhà.— Thưa Bà, tôi đến đây để tìm "nhà tôi".

BÀ CHỦ NHÀ.— Cô đến tìm ông ấy nhà cô vậy chứ ông chồng cô là ai vậy?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Kia, tôi tưởng Bà đã rõ rồi, thì phải? Bà đã nhận cho nhà tôi thuê nhà rồi thôi.

BÀ CHỦ NHÀ.— Thế nào? Cô nói thế nào? Ông này là chồng cô sao?

NGƯỜI ĐÀN BÀ.— Thưa, tôi cũng chẳng biết nữa. Bà thử hỏi nhà ông ta xem, ông ta có thừa nhận hay không?

VÚ GIA, cũng không thể nhẫn nại được lâu hơn nữa, nói với bà chủ nhà.— Đấy thưa Bà, nhà cháu đã chả nói với Bà rằng, cái nhà ông này, nhất định, ông ấy đã có vợ rồi, mà Bà cha cụ nghe lời nhà cháu...

(Xem tiếp trang 34)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

THỂ - LONG SPORTS

Xân xuất dụng cụ Thể Thao
Đấu cầu— Cung cấp các Nha, Sở

127 Gia-Long Saigon

Đ.T. 281 Sg.

HIỆU SÁCH

VIỆT - BẢNG

Số 78 Đại lộ Lê Lợi Saigon Điện thoại 20.192

SÁCH : Giáo Khoa — Khảo Cứu — Chuyên nghiệp
(Việt—Anh—Pháp).

ĐẦY ĐỦ : Dụng cụ văn phòng.

CÁ NƯỚC CHIM TRỜI

(Tiếp theo trang 33)

TUẦN CÀNH, chẳng còn hiểu ra sao nữa. — Thế là thế nào? Lúc này các người bảo rằng, cái nhà ông này chẳng có gia quyến gì cả, thế sao bây giờ nhà ông ấy lại có gia quyến?

VÚ GIÀ. — Thì, khốn nỗi, lúc đó, vợ nhà ông ta chưa có đến đây, thì chúng tôi làm sao mà biết được ông ấy đã có vợ rồi. Thiệt là khổ cho nhà cháu, giá nhà bà vợ ông ta đến sớm cho một tý, thì có phải, đỡ cho nhà cháu, khỏi phải dầm mưa, đi tìm thấy Tuần Cánh.

NGƯỜI ĐÀN BÀ. — Thiệt là không phải quá, nhưng, xin hiểu cho, mà đừng trách tôi. Tôi phải ngồi trên xe lửa mất năm tiếng đồng hồ, rồi, mới tới sáu giờ rưỡi, mới tới được nơi đây!

VÚ GIÀ. — Thưa cô, cô chẳng phải để tâm làm chi. Tôi cũng nói qua như vậy thôi.

TUẦN CÀNH. — Đối với cái việc này ta cần phải làm sao, cho hắc bạch phân minh, mới được! Bà chủ nhà mời tôi lại đây, để phân xử việc nhà ông này thuê ba gian buồng, mà chỉ có mỗi một mình ông ấy ở thôi, thì không tiện, nhưng hiện nay, ông ấy có cả thái thái cùng đến ở, thì thế là ổn thỏa cả rồi. Trừ phi vị thái thái của ông ấy không chịu đến ở đây, thì lại là cần phải....

VÚ GIÀ. — Thưa, chẳng còn cần phải nói năng gì nữa! Thái thái của ông đây nhất định đến đây cùng ở với ông ấy rồi. Chung quy, chỉ tại, có một việc nhỏ bất hòa gì đó, nên mới xảy ra chuyện như này. Bất đũa cũng, còn có khi "xô" nữa là! Thái thái không đến đây ở thì còn ở đâu nữa, cơ chứ? Thấy Tuần Cánh à, thế là công việc của thầy đã xong rồi, xin mời thầy trở về bóp gác, đánh bài! (miệng nói tay nhắc chiếc đèn bão, đưa cho viên tuần Cánh.) Vâng, xin mời thầy về cho....

TUẦN CÀNH. — Phải, như vậy là ổn thỏa cả, thôi, chào cả nhà, tôi về.

NGƯỜI ĐÀN BÀ. — Chào thầy. Thầy cứ yên tâm, hễ khi nào, tôi không ở đây, tôi sẽ xin báo đề thầy rõ.

TUẦN CÀNH. — Vâng, chào tất cả mấy ông, mấy bà...

Viên Tuần Cánh đi ra khỏi phòng. Vú già coi bộ rất đắc ý, vú cầm bình trà đi vào nhà trong. Bà chủ nhà, xem ra, bất đắc dĩ phải thừa nhận sự thất bại của mình. Bà ta nhìn hai người khách thuê nhà của bà, bằng một cặp mắt đầy hân học, tức bực, đoạn, bà ngoắt đi vào nhà trong.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG, sau khi đi khép cửa lại và có vẻ lăm-lè như có một điều gì cần phải hỏi đối phương của mình cho ra lẽ, nhưng không sao thốt được nên lời. Bỗng, ông ta quay lại, vội hỏi: — À nhưng, thưa cô, có họ gì đấy nhỉ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ, lưỡng lưỡng. — O...o... thưa tôi... họ...

Màn từ từ hạ.

Hoàng-mai-hiên, ngày 25

Tháng 11 năm 1961

HOA-SAN THƯ QUÁN

—Đủ loại sách báo Việt ngữ và ngoại ngữ.

—Vật dụng văn phòng và học sinh.

10 đại lộ Lê Lợi, Saigon

Đ.T. 20.705

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

ĐẶNG - VĂN - CHÀ

Giám - Đốc

Nhà Xuất-Bản NAM-CƯỜNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

185, Nguyễn-thái-Học
SAIGON

Đ.T. 23.867
SAIGON



QUAN THỜI LOẠN

CAO HOÀN



VIÊN THƯA ÚY CÀNH VŨ ở huyện Thanh Ba, còn trẻ tuổi, vốn chân võ cừ xuất thân, là một kẻ mã thượng giang hồ, nên lúc nào cũng lấy làm bất mãn về công

việc kiếm diêm lương thảo quanh năm ngồi bó cổ nơi văn phòng kiểm toán, hoặc vào các kho lăm mề kiểm tra.

Cánh thường ao ước được một phen tung hoành nơi trận mạc, để thỏa chí nam nhi. Viên tri huyện Thanh Ba có người con gái đã quá tuổi lấy chồng, ý muốn gả cho Cánh, nhưng Cánh ngạo nghễ nói bần tìn từ chối:

— Kề nam nhi nếu chưa được toại nguyện bình sinh, xông pha giữa chốn ba quân, thì sao mong lập nên công danh lừng lẫy để có vợ đẹp như nàng Tây Thi được? Ta sao cam tâm giữ chức thừa úy, để làm rề một kẻ tầm thường ư?

Tri huyện nghe nói ngông cuồng, trong lòng rất căm giận, chỉ chờ có dịp là tống khứ Cánh đi cho khuất mắt.

Bấy giờ suốt miền Sơn Nam Hạ, từ Hà Nam đến Ninh Bình, tình hình rất nhiễu nhương, trộm cướp nổi lên như ong, đốt phá làng mạc, hãm hiếp phụ nữ, gây nên cảnh rối loạn khắp xứ.

Triều đình lo sợ, vội cử viên quan võ Phạm Cao trấn nhậm toàn hạt, giữ chức Tổng đốc, thống lĩnh binh đội mấy trấn, lập thành một đạo quân tiêu phỉ hùng hậu.

Phạm xưa kia là một vũ sư danh tiếng, ngang dọc giang hồ, khí phách kiêu hùng. Tuy theo về triều đình, nhưng vẫn nuôi chí cao, không chịu cảnh luôn cúi an thân. Phạm mới chấp chương binh quyền đã hạ liên tiếp được mấy đám giặc cướp lợi hại trong vùng, nên chúng nghe danh đã sợ. Nhưng vì trong quân khổ sở lương mễ dư trữ không đủ dùng, nên Phạm phải tạm đình việc tiêu trừ, chờ các trấn đem quân lương đến góp. Cho quân kỳ bài hòa tốc đến quận, huyện thôi thúc, đòi đủ số thuế khiếm khuyết.

Viên tri huyện Thanh Ba tiếp được công văn, lập tức cho gọi Cánh-Vũ đến, cười bảo:

— Nhà ngươi thường ao ước được một phen tung hoành trong thiên hạ để lập công. Bấy giờ đã có dịp tốt tiến thân rồi đấy.

Nói xong, trao cho xem chỉ bài đòi thuế, ngồi rung đùi, thích trí. Tường Cánh quen thói khoắc lác, dám nói mà không dám làm, không ngờ Cánh hết sức mừng rỡ, tình nguyện đi ngay. Lại thỉnh cầu tri huyện để bạt cho theo viên tổng đốc Phạm Cao trong quân lữ, để dẹp giặc lập công. Tri huyện không lẽ chối từ, cho là tuổi trẻ xông bột, thiếu suy nghĩ, nên làm giấy tờ và trao đủ thuế cho Cánh Vũ đem nộp.

Đường từ huyện Thanh Ba đến thành Sơn

Nam Hạ thật đầy hiểm nguy, nhưng Cánh cũng coi thường, cứ việc ngày đi, đêm nghỉ, một đoàn người, ngựa rong ruổi, bất chấp cả giặc cướp rình rập. Cánh đang thời trai trẻ, sức mạnh có dư, bấy lâu bị gò bó trong chốn văn phòng, nay được rộng bước bay nhảy, nên trong lòng khoan khoái, không kể đến sự vất vả dọc đường.

Vừa đi ngang núi, bỗng thấy một hảo hán cưỡi ngựa, dẫn lâu la ra chặn đường. Từ xa, Cánh tuy biết là gặp cướp, nhưng lại có ý mừng, vì có dịp trở tài vũ dũng. Liên không cần đề nói, thúc ngựa, áp lại đánh ngay. Mới giao đấu vài hiệp, tướng cướp cả thua, vội tháo chạy. Cánh cười ha hả, quát mắng vang lừng: — Đê chuột bỏ không bỏ làm bần tay ta. Đi học võ nghệ thêm vài năm nữa, hãy nên ăn cướp.

Tướng cướp bên lên dẫn lâu la chạy chối chết. Cánh tự cho là thiên hạ khó có người địch nổi. Lại ngẫm nghĩ trường hợp của viên Tổng đốc Phạm-Cao lấy đông quân mà thắng, chưa chắc võ nghệ đã cao siêu như mình.

Còn đang đắc chí, ung dung ngồi trên mình ngựa, ngạo nghễ ngắm nhìn núi rừng như muốn thách đố các sự hiểm nguy, thì bỗng lại nghe tiếng người reo ngựa hí vang lừng, thoát chốc tướng cướp lúc trước đã dẫn thêm một gã hảo-hán nữa áp lại đánh. Cánh cả cười, ra sức quyết chiến. Nhưng rồi Cánh hết cười, mồ hôi tháo ra như tắm, cố đỡ gạt chạy tháo thân không nổi, đã bị đánh ngã ngựa. Lâu la ủa tới, trói ké tay chân, hất ngay vào bụi rậm bên đường, tước đoạt hết số quân lương, kéo nhau lên núi mất dạng.

Nửa đêm, Cánh gỡ được giây trói, buồn bã cất bước ra đi. Chẳng đã để mất hết thóc thuế cùng vàng bạc, nên không dám đến Sơn Nam Hạ nữa, đành bỏ trốn. Cũng không tính trở lại huyện Thanh Ba, sợ viên tri huyện sẵn có ác cảm, không dung tha. Một mình lăm lủi, đất khách quê người, một đồng một chữ không có độ thân, Cánh sinh bực trí, nhân đang lúc nhiễu loạn, liền cũng bắt chước phường lữ lâm thảo khấu, đón đường cướp bóc cho qua ngày, chờ dịp thuận tiện sau. Nhưng không muốn để lộ hình tích vì cũng còn e lúc sơ hở bị quan quân tra ra vụ để mất thuế, nên thay hình đổi dạng, ngày đêm núp chỗ vắng, chờ khách thương qua lại mà ra tay. Trong liên mấy tháng, cũng được như ý, tuy không giết hại người nào, nhưng hành vi bất chính đã đồn vang, khiến mọi người đều ghê sợ thủ đoạn cướp cạn.

Một bữa đang muốn trở nghề, lại gặp một toán đông do một hảo hán làm đầu, hùng hổ đi tới. Biết cùng bọn thảo khấu, nên không muốn dấn mặt, lững thững bỏ đi. Nhưng hảo hán đã xốc lại muốn chém. Bất đắc dĩ Cánh phải đối phó, vùng gươm đỡ gạt, vừa định giao

chiến, bỗng nhận ra viên tri huyện Thanh Ba ngày trước. Là lòng, không hiểu tại sao, nhưng biết là y không thể nhận nổi mình. Thăm nghĩ, nếu bắt được tri huyện đem nộp cho viên Tổng đốc Phạm Cao để chuộc tội đánh mất thuế thì chắc được tha, nên dùng miếng quyết liệt, trở hết tài hay, áp đảo đối thủ thật cấp bách. Bất chợt trở tay bắt sống được viên tri huyện, cặp chặt vào nách, phi ngựa đem đi. Đám lâu la thấy mất chủ tướng, cũng rùng rùng bỏ chạy hết. Đến chỗ vắng, Cảnh mới ra mặt, cười hỏi :

— Quan huyện nhận ra viên thừa-úy Cảnh-Vũ chưa ?

Tri-huyện thất kinh, vừa tức vừa sợ, chỉ mặt Cảnh nói :

— Cũng tại mi làm mất thuế bỏ trốn, khiến ta bị mất quan, nghèo khổ phải đi ăn cướp. Bây giờ mi định giết ta nữa sao ? Cảnh thờ dài, ngán ngẫm. Tưởng bắt tri huyện để gỡ tội, để đầu chính mình gây nên phong-ba làm y bị thiệt-hại, đến nỗi đang đường đường là một vị quan phụ-mẫu dân, bỗng trở nên phường đạo tặc hại dân. Lưỡng-lự đã muốn tha đi, thì tri-huyện cười, bảo :

— Người bây giờ tính đường nào cũng không xong. Chỉ bằng hợp lực với ta cùng làm Đại Vương chốn rừng xanh, rồi sẽ tính sau. Cảnh cũng cho là phải, bèn dắt nhau đi. Nghe nói viên Tổng đốc cho lũng bắt cả hai người ráo riết, nên càng sợ. Bàn nhau bất chợt đem lâu la đến cướp ngay dinh y là thượng sách. Nếu thắng thì chỉ một chuyến làm nên, còn hơn đề y bữa lưới bắt giết. Liên tụ hợp thủ hạ, nhân đêm tối trời, từ rừng kéo thẳng đến dinh Tổng đốc, nhất tề phóng hỏa, vây chặt cửa ngõ rồi ủa vào chém giết từng bưng. Tri huyện cùng Cảnh Vũ quyết tìm Phạm Cao hạ thủ, xông thẳng vào hậu dinh. Quả gặp Phạm hốt hải tử trong phòng vợ chạy ra. Cảnh Vũ thất kinh, tưởng ai chẳng hóa ra tướng cướp đã đánh bại Cảnh mà cướp hết thuế cùng vàng bạc ngày trước. Phạm thất thế không kịp giao đầu đã bị hai người bắt được. Liên hạ lệnh đốt phá dinh thự, tóm thâu hết vàng bạc châu báu, rồi dẫn Phạm Cao đi theo. Đến rừng hỏi truyện, thì Phạm thân nhiên bảo :

— Các người vì hoàn cảnh mà đang làm ông quan, bỗng trở nên thằng kẻ cướp. Còn ta, đang ở chốn giang hồ đã quen, bỗng dựng làm quan, rồi lại muốn trở về nghiệp cũ, cũng không hiểu tại sao. Có lẽ tại thời buổi loạn lạc, muốn nhân thế làm nên sự nghiệp chẳng ?

Tri huyện và Cảnh Vũ nghe nói, không biết nên xử trí thế nào. Ngẫm nghĩ lại hỏi :

— Tại sao người cũng là kẻ cướp, còn hạ lệnh nã bắt hai ta ngặt nghèo đến thế ?

Phạm cười :

— Đây là viên Tổng đốc Phạm Cao thì hành nhiệm vụ, chứ đâu phải tướng giặc Phạm Cao hạ lệnh bắt đồng bọn. Nhưng các người thì thật tình đã cướp và bắt một viên Tổng đốc của triều đình, là một hành động trái luật pháp rõ ràng, còn hỏi ta làm chi ?

Cảnh Vũ ngẫm nghĩ hoàn cảnh thật trở trêu. Chẳng xưa kia một thời tung hoành ngang dọc, đã tới chốn văn phòng an nhàn, lại cầu dân thân vào cuộc đời chông gai đao búa, mong lập nên công trạng, không ngờ trường đời xô đẩy, bỗng thành một tên cướp lợi hại. Viên tri huyện Thanh Ba vốn rút rút, mong sao yên thân làm quan, sống cuộc đời nhàn tản, cũng bị lôi kéo, bắt buộc để thành kẻ cướp. Nhưng đến như viên Tổng đốc Phạm Cao thật chí rất lạ. Đang làm kẻ lỵ lâm cường đạo, được trở nên quan cao chức trọng, công danh đã đến tột bậc lại muốn trở về bước đường giang hồ mã thượng.

Còn đang do dự, Phạm Cao đã như đọc được ý nghĩ của hai người, nên cười bảo :

— Hiện thời việc xảy ra, ai cũng biết là hai tên cướp càn bắt một viên Tổng-dốc và đốt phá dinh-thự, chứ không biết việc tên cướp Phạm-Cao đã cướp số quân lương của viên thừa-úy Cảnh-Vũ, và cách chức viên tri-huyện Thanh-Ba, vì đây là việc làm của Tổng-dốc họ Phạm. Cướp bắt được quan, có bao giờ tha không ? Các anh việc gì phải nghĩ-ngợi nữa ? Nếu Tổng-dốc bắt được hai anh, thế tất phải ghép vào trọng tội, chứ khi nào tha đi ?

Nhưng tri-huyện vùng cười xoà, nói :

— Viên Tổng đốc Phạm Cao thì ta không tha, nhưng tha cho tên cướp Phạm Cao đồng bọn với ta. Thôi, người hãy đi cho khuất mắt.

Phạm cũng cười, ung dung đáp:

— Trái tại, ta vui lòng tha bổng cho viên tri huyện Thanh Ba và viên thừa úy Cảnh Vũ, nhưng nhất định phải làm tội hai tên cướp càn đã dám bắt Tổng đốc. Các người nghĩ sao ?

Tri huyện cùng Cảnh Vũ nghe nói chỉ cười, ngồi nhìn Phạm Cao lăm lăm đi về dinh Tổng Đốc.

10-1961

MỘT TÍNH CÁCH ĐẶC BIỆT NHẤT của nền văn hoá cổ điển Đông Phương

(Tiếp theo trang 32)

Trước những điều có thể cảm mà không thể nói ra được, người hiền giả cũng như thi sĩ Đông phương rất thích tượng trưng ý tưởng mình bằng nghệ thuật, một thứ nghệ thuật kêu gọi, bao trùm về những nét đại cương mà không muốn đề ý đến những chi tiết, không muốn nói rõ ràng một khía cạnh nào cho rõ ràng dứt khoát cả. Xem ngay nghệ thuật hội họa của người Trung hoa và Nhật bản, những bức hội họa bằng thủy mặc, ta thấy ngay, có một cái gì không thể nói ra được mờ mờ ảo ảo, chỉ có thể ngụ ý mà thông cảm hiểu biết thôi.

Trong một bài đề đăng trên một nhật báo, với số trang hạn định tôi không thể trình bày được hết nhận xét của mình về tất cả mọi ngành nghệ thuật Đông phương nói chung và hội họa, thi văn và âm nhạc Đ.P. nói riêng. Hẹn sẽ nói đến ở một khi khác và nơi khác nếu có cơ hội thuận tiện. Tôi chỉ khái quát một vài nét đơn sơ để có một ý niệm chung mà thôi về tính cách đặc biệt mờ ảo của tư tưởng Đông phương. Theo ông Shuko Kuki, trong bài « L'Expression de l'Infini dans l'art japonais » (3) có viết rất đúng : « Ở Đông Phương, chính tôn giáo Ấn Độ là Phật giáo và triết học Trung hoa của học phái Lão Trang chỉ định con đường đi của văn minh Á Châu... Mà Phật Giáo và Lão giáo phải chăng đều là biểu hiện của một kinh nghiệm thuần túy tâm linh, một mặt về tôn giáo, một mặt về triết lý cái ý thức vượt thời gian và không gian (2)? Lý tưởng của Phật giáo là Niết Bàn.—Bồ đề Đạt Ma, người sáng lập giáo phái Thiền tông, đã phải tĩnh tọa 9 năm trời, mặt ngó vào vách, Người ta thuật rằng, vì ngồi mãi mà ông đã phải bị bại liệt hai chân, nhưng nhờ sự thiền tọa ấy, nhờ sự trầm tư mặc tưởng ấy mà ông đã được trạng thái Niết Bàn, nơi đó tất cả hiện hữu đều tan vào cõi Hư Vô (...)

Chân lý là hư vô, mà niết bàn tức là Phật vậy. Ngày kia Thích Ca Mâu Ni cầm nhánh hoa và im lặng. Đệ tử Nài là Ca Diếp mỉm cười : ông đã hiểu thế nào là niết bàn và hốt nhiên thành Phật. Muốn đi đến mức thông hiểu huyền vi của tạo hóa không cần phải dùng đến lời nói... đó là tất cả mặt pháp của Thiền tông.

Về Lão Trang cũng một thế : « Đạo thường, vô danh » Nó vừa là cái cực đại mà cũng là cái cực tiểu. Đạo là Có mà cũng là Không. « Đại phương vô ngưng... đại âm hi thinh » (Vương lữ không góc... Âm lớn, tiếng nhỏ) (41). Trang từ thì chiêm bao mộng thấy mình là hồ điệp, tự hỏi « hồ điệp là Trang Châu, hay Trang Châu là hồ điệp » ? Nghệ thuật của Nhật bản bành trướng phát huy dưới ảnh hưởng của cái học tâm linh Ấn độ và triết lý siêu hình của Lão Trang (...)

Người phương Tây rất ít người hiểu được nghệ thuật thuần túy của Nhật Bản, đối với phần đông phải chăng nghệ thuật Nhật bản chỉ quanh quẩn bên những bức họa đàn bà, những bức tranh rực rỡ và những bộ đồ trà bằng xứ muôn màu ? Còn về những tuyệt phẩm về nghệ thuật tôi thường không được mấy ai thưởng thức nổi. Những bức họa hay nhất là những bức họa mờ ảo nhất, hư ảo nhất, mà cũng là kêu gọi nhất bằng những cái không thể diễn ra được một cách rõ ràng bằng nét vẽ. Về thi văn cũng thế, những bài thi hay là những bài Haikai, Tanka như của thi hào Basho chẳng hạn. Ta thấy trong những bài thi ấy phần nhiều chỉ có 3 hàng hay 4 hàng và mỗi hàng chỉ có 5, 3 chữ là cùng... Không phải là những bài thơ trường giang đại hải... chất chứa lời và lời mà không có bao nhiêu là ý tưởng của ngày nay... Tất cả, trong một vài hình ảnh đơn sơ kêu gọi cho ta một cái gì « không thể miêu tả được bằng lời nói. Nó có một sức kêu gọi mãnh liệt làm rung cảm cả tâm hồn trí não của ta... Công dụng của chữ Hư-Vô trong Phật Lão, thật hiển nhiên hết sức —

đó là cái công dụng của sự gợi cảm trong thi ca, hội họa và âm nhạc của Đông phương nói chung vậy.

Trong quyển « Tâm Tình Người Đẹp » của Vũ hoàng Chương có trích đăng ít bài thi của nữ thi sĩ Simone Kuhnén de la Coeuvillerie theo điệu Haikai và Tanka của Nhật Bản. Những bài thi này có một hấp dẫn mới lạ, làm rung cảm lòng ta... và kêu gọi nơi lòng ta một cái gì vô tận... Tuy vậy, trong một vài bài nữ thi sĩ cũng chưa thoát được cái ý niệm Tây phương là kết luận cho được rõ ràng ý tưởng của mình, như trong bài:

Un rosier... trois roses.
L'une d'elle est pour l'autel,
L'autre pour la tombe,
Et celle-ci pour l'hymen
Un même rosier... trois roses.

Dịch :

Một cây hồng ba bông hồng
Một bông thì để bày trong điện thờ
Bông kia để đặt trên mồ
Còn bông này để dành cho động phòng
Ba bông cùng một cây hồng

Làm sao bài ấy sánh kịp sức kêu gọi bằng bài.

Hier une armée
Ne me faisait pas peur
Ce soir je crains mon ombre.

Dịch

Ngày qua một đạo binh
Chẳng làm tôi sợ.
Chiều nay tôi hãi bóng mình.

Dù sao, sự cố gắng đem vào thi ca một mối hứng kêu gọi theo hồn thơ Á Đông, quyển « Tâm tình người đẹp » của Vũ hoàng Chương đã thành công được một phần nào trong một số ít những bài đã in trong tác phẩm ấy.

Vì những lẽ nói trên đây, ta không thể trách vì sao tư tưởng, ngôn ngữ, cách lập luận và trước thơ lập ngôn của người Đông phương kém mạch lạc, kém sự sáng sủa của tư tưởng, ngôn ngữ, cách lập luận và trước thơ lập ngôn của người Tây phương. Mỗi bên đều có chỗ sở trường sở đoản của nó. Đạo học Đông phương cũng như Khoa học Tây phương, dụng cụ phát huy bành trướng tư tưởng của mỗi bên phải có khác.—Vị đã nhận thức sai lầm sự mạng của hai thứ văn hóa, ấy mà người T. P. cũng như người Đ.P đã vô tình xuyên tạc công kích lẫn nhau, điều mà một thức giả ngày nay nên lưu ý lánh đi.

Nhà văn Matgioi có nói một câu mà tôi cảm thấy rất giản dị và rõ ràng để tạm kết luận bài tiểu luận còn rất nhiều thiếu sót này :

« L'Ambition de l'Occidental est d'être compris, l'Ambition de l'Oriental est d'être vrai ».

(Cao vọng của người Tây phương trong khi phô bày tư tưởng là để được hiểu, còn cao vọng của người Đông phương là để được nói đúng về sự thật).

T.G NGUYỄN DUY CẦN

(3) L'affranchissement du Temps et de l'Espace

CA-PHÊ BUỔI SÁNG

Sản xuất và Tổng phát hành

ETS NET & CAFÉ

Chuyên buôn Cà-phê sống chín và đủ thứ thực-phẩm Âu-Á

Số 50, đại lộ Đồng Khánh

CHỢ-LỚN V.N.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

GIỚI HỌC LÁI XE CHỦ Ý

Muốn có bằng lái xe du lịch hạng nặng, chuyên chở chung, may dẫu, xinh lô máy, xe loi hoặc Lambretta ba bánh, chắc chắn nhanh chóng và rẻ tiền, lấy giấy sức khỏe 2 năm, thật gấp rút, kính mời quý bạn lại

Trường dạy lái xe hơi CAO - THẮNG

297 Trần Hưng Đạo

SAIGON

Cam đoan quý bạn sẽ được hài lòng. Có nơi ăn ở, có lớp ngoài giờ làm việc, có xe cho thuê giờ để tập lái hoặc đi chơi xa.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TRƯỜNG HIỀN-MẪU DẠY CẮT MAY

Âu Phục — Việt Phục và Đồ Đầm

Phương pháp của Giáo sư Nguyễn đức Minh
Tốt nghiệp ưu hạng tại Việt Nam và Ba Lê

Số 83A Phố Diệm

SAIGON

VÔ THỨC TẬP HỢP

(Tiếp theo trang 7)

chịu mà ta cố ý quên đi; và cả những quán tượng tuy có ch... định ý thức nhưng yếu ớt quá, hầu như vô thức mà vẫn lọt vào tâm hồn được.

3) Cái cảnh giới vô ý thức không riêng của một cá nhân, mà là những khả năng diễn tả chung của cả nhân loại, của tất cả sinh viên vật; và nó là cái nền tảng chung do đó được mọc lên những tâm hồn cá nhân.

Thức cấu tạo tâm hồn như thế thực là phù hợp với cơ thể. Cơ thể con người có những nét sai biệt cá nhân: mỗi người có một tâm hồn khác nhau. Ngoài cái tiêu di đó, lại có cái đại đồng chung cho cả loài người. Cơ thể loài người trong sự phát triển và cấu tạo của nó từ bào thai, vẫn chứa đựng còn sống nguyên những yếu tố liên hệ với các loài «không xương sống». với cả những loài «nguyên sinh vật». Theo lý thuyết, từ cái vô thức chung cho cả các sinh vật, có thể tách ra được cả cái tâm lý của con sâu, của từng tế bào.

Theo chỗ chúng ta có thể tìm hiểu được thì «vô thức tập hợp» dường như được cấu tạo bằng những ấn tượng thần thoại hoặc những hình ảnh cùng loại đó, cho nên những chuyện thần thoại của một dân tộc chính là những di tích vô thức chung của dân tộc ấy. Toàn thể Thần thoại chỉ là phản ánh của vô thức cá nhân loài. Bằng chứng rõ rệt nhất là trên nền trời kia, đêm đến hiện ra hàng hà sa số những điểm sáng lý ty hỗn độn, thế mà không biết từ bao giờ, (cả Đông phương lẫn Tây phương), những hình tượng thần thoại chiếu vào thành những vì tinh tú đầu ra đây, lại có cả những đặc tính uy quyền cat hung, ảnh hưởng được vào vận mệnh con người như theo «tử vi» hay «Chiêm tinh học», mà ngày nay cũng vẫn còn được coi là linh nghiệm. Những hình ảnh tương tự cũng được chiếu vào đời sống mỗi dân tộc thành những chuyện thần thoại hoặc những nhân vật lịch sử của dân tộc.

Thần thoại trong đời người cổ lỗ

Ta có thể tự hỏi tại sao với tính cách tương tượng của nó mà thần thoại đối với tâm hồn người thượng cổ lại quan hệ như thế? Nếu tự đặt được mình vào tâm hồn đó thì có thể hiểu được ngay. Họ sống trong một thế giới với một «khuyết hướng thần bí» nặng đến nỗi hầu như không phân biệt ngoại cảnh với nội giới của tâm hồn. Cái gì xảy ra ở bên ngoài thì cũng cùng ý nghĩa như ở bên trong, và cái gì xảy ra ở bên trong thì cũng cùng ý nghĩa như ở bên ngoài. C. Jung kể: Tôi được thấy một trường hợp rất rõ trong khi trú ngụ với dân Elgonys, bên Tây Phi Châu. Hàng ngày, khi mặt trời rạng Đông, người mọi nhà nước miếng vào bàn tay, giờ lên hướng về phía mặt trời, như một nghi lễ tôn giáo. Danh từ adhistia của họ vừa có nghĩa là «thần» vừa có nghĩa là «mặt trời». Một buổi trưa, khi mặt trời tới đỉnh đầu, tôi hỏi: «Mặt trời kia có phải thần không? Họ đều bật cười, như câu hỏi của tôi ngờ ngẩn không tả được. Tôi chỉ mặt trời và cái: «Mặt trời ở đây không phải là «thần» thế sao khi nó ở đằng kia (hướng Đông)

nó lại là «thần»? Một sự im lặng ngưng đọng... rồi một lúc, một vị lão tượng giải thích: «Như thế đây. Chính thực khi mặt trời ở đỉnh đầu thì không phải là thần mà khi mặt trời ở đằng kia thì là thần». Lý của tôi đúng hay lý của ông già đúng? Đó là một điều hoàn toàn không quan hệ gì đối với tâm hồn của người cổ lỗ.

Nên hiểu rằng: Trời rạng Đông với cái cảm nghĩ giải thoát khỏi bóng tối ban đêm là một hiện tượng «thần linh», cũng như đêm tối không có gì khác với những cảm tưởng bất an, lo ngại về ban đêm, của tâm hồn người cổ lỗ. Những cảm kích trong tâm hồn, đối với họ, «gần» hơn là hiện tượng vật lý bên ngoài. Đối với họ, đêm có nghĩa là rắn rết, là thú dữ, là đe dọa của quái ác trong một mù; bình minh trái lại là sự xuất hiện của thần mặt trời, hết sức tốt đẹp và yên lành.

Những điều kiện của hoàn cảnh thực tế tác dụng vào tâm lý dĩ nhiên phải để lại trong tâm hồn mỗi người những di tích giống nhau, về phương diện thần thoại. Những tình trạng nguy nan cho tính mạng hay cho tâm tình, đều gây những cảm kích bối rối, ưu tư, và bởi nó thường tái diễn nên sinh ra những ấn tượng giống nhau và đã có từ thượng cổ. Do đó C. Jung dùng danh từ «Cổ ấn tượng» (Archetypes) để chỉ chung những sắc tướng thần thoại.

Vô thức trong đời sống văn minh.

Trong đời sống văn minh ngày nay, trí thức được tôn sùng đến tột bậc, nhưng cái vô thức vẫn

uyên nhiên tự tại. Nó tự tại bởi vì nó là toàn thể những cổ ấn tượng mà nhân loại đã tích lũy từ nguồn gốc mịt mù của đời sống cho đến ngày nay. Nó lại không phải là những vật liệu đã chết, vứt bỏ đi ở một nơi hoang phế. Trái lại nó là cả một hệ thống những phản ứng và tiềm lực, vẫn chỉ phối đời sống cá nhân, theo những ngõ ngách vô hình, và chính vì thế lại càng hiệu nghiệm. (Ai mà chẳng có dịp được thấy cái tốt đẹp rõ ràng của luân thuyết, và cái không tốt đẹp ẩn hiện của thực hành, cách xa nhau thế nào?).

Là vì cái vô thức chẳng phải chỉ là những thành kiến vĩ đại mà thôi, nó lại còn là nguồn gốc những «bản năng» của con người. Những «cổ ấn tượng» chẳng phải gì khác là những thể thức mà «bản năng» đã thể hiện từ thời tối cổ. Vậy mà cũng chính từ nguồn gốc «bản năng» ta thấy tất cả những gì là sáng tác, là tạo thành. Cho nên vô thức chẳng phải chỉ là những giai đoạn trong quá trình tiến triển của nhân loại, mà nó còn là cái sức thúc đẩy nhân loại vượt qua các giai đoạn đó.

Người thượng cổ đứng trước một hoàn cảnh thực tế, lúc thuận tiện cho họ, lúc trở nghịch với họ. Có những cái trở ngại nhờ họ dùng lý trí giải quyết được, nhưng cũng có những vấn đề bản năng tức là

(Xem tiếp trang 38)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HẠNH PHÚC DỜI DÀO

KIỆN THẦN TỐ RỒNG BAY

Bảo vệ Quý Ngài quanh năm được đầy hạnh phúc

KIỆN MỸ TỐ RỒNG BAY

Đem lại quý bà quý cô khỏe mạnh vui tươi mãi mãi

KHOÁI LẠC THỦY RỒNG BAY

Luôn luôn giúp cho trẻ em ăn chơi mau lớn vui vẻ

sáng trí. Có bán khắp nơi.

Đông Y Dược Sĩ HUYNH QUANG

Số 646 đường Phan thanh Giản SAIGON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TRƯỜNG DẠY CẮT MAY

CHÍ - THÀNH

Tín nhiệm nhất Thủ-Đo Dạy Áo và Việt phục thực hành liền trên vải

88, Võ-Di-Nguy Phú Nhuận - Saigon

Đã chiếm kỷ lục thi cắt may khéo nhất năm 1958, giải 1959, giải 1960, và giải thưởng năm 1961.

Thi cắt may ÁO DÀI KHEO, ngày Lễ tại Bà Trưng, kỷ thi này là thi những người THỢ KHEO, không phải thi những học trò. Riêng trường CHÍ-THÀNH dám cho học viên đi thi, và năm nào cũng đậu. Trường còn dạy áo tây (VESTON) đủ kiểu do ông Hiệu Trưởng có bằng cấp (NAPOLITANO) tại Ba-Lê hướng dẫn theo phương pháp mới. Tự tay học viên đo cắt may ngay trên vải, may, chỉ, và vái do nhà trường cung cấp, bảo đảm 2 tháng thành nghề, nhập học ngày nào cũng được, có nội trú riêng nam và nữ không tính tiền.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Trường dạy nghề

Á-CHÂU CHUYÊN NGHIỆP

TƯ THỰC

257-259 Trần Hưng Đạo Đ.T.: 695.
(Trước tập hát Hưng Đạo)

Mỗi đầu tháng đều có khai giảng các lớp mới.

Máy xe hơi — Dầu cưa — Xe gầu máy — Vespa

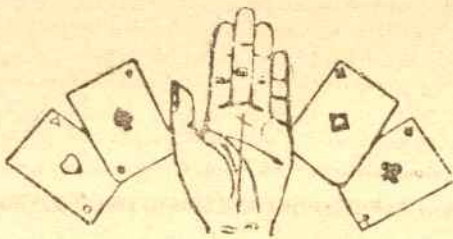
Thợ điện — Vô tuyến điện — Cắt may

Trú được viên — Y tá học viên — Vệ sinh thường thức.

Kính chúc Thân Chủ Toàn quốc và Hải ngoại sang năm
Nhâm Dần (1962) được thêm Hạnh phúc và Lộc Tài

Giáo sư NGUYỄN-VĂN-SANH

tự **SANTASINGH**



170 HIỀN VƯƠNG (MAYER cũ) SAIGON

Chuyên về Tướng Số Á-Đông

COI CHỈ TAY — BÓI BÀI

và CHỮ KÝ

Đã từng khảo cứu tại Lào
và Siam về ấn quyết Nhà Phật

Ái lận đận về Công Danh? Sự Nghiệp? Thương Trường?

Ái trắc trở về Tình Duyên? Đau khổ về Gia Đạo?

Ái muốn tránh về Tai Nạn Rủi, Do. Muốn biết rõ về Vận Mạng? Xin mạng? Xin mời lại 170

Hiền Vương hay là viết thư lại sẽ được phúc đáp rành mạch và mau chóng?

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

THANH - LỊCH

Phòng Hớt tóc Máy lạnh 15\$00

228, Võ Di Nguy — Phú Nhuận

Phòng rộng rãi, sạch sẽ, trang trí thanh nhã, âm nhạc êm dịu, máy lạnh tối tân. Đặc biệt: Gội đầu bằng máy nước nóng, chanh. Là nơi tập chung một số anh em thợ ưu tú của Thủ Đức. Nguyên xin đem hết nghệ thuật phục vụ quý vị những mái tóc tân kỳ và duyên dáng, nhàn dịp xuân về. Chuyên: Uốn, Ép, Nhuộm, Gội, Xả Công việc làm xin bảo đảm. Chúc quý vị một năm đầy Hạnh Phúc.

Cung Chúc Tân Xuân

NHÀ BÁNH BẢO - VINH

Chuyên môn làm BÁNH CỐM — BÁNH DẪO — MỨT SEN — KẸO LẠC

★ 31 THỦ KHOA HUÂN ★ CỬA BẮC CHỢ SAIGON ★

NHỮNG KẺ SUNG SƯỚNG

(Tiếp theo trang 8)

Mai lúng túng chưa biết nói sao thì Vĩnh đã nói vọng ra :

— Bà Phán, hôm qua tôi không có ý định nhờ bà mua hàng Tết dùm, nhưng hôm nay tôi đổi ý, phiền bà đấy.

— Ông Vĩnh hết mệt rồi chứ.

— Dạ, cảm ơn bà Phán, tôi khoẻ nhiều cũng nhờ bà...

— Thấy khoẻ là mừng rồi, Tết nhất mà năm này thì thật chán chết. Tôi cứ lo dùm cho ông. Thế bây giờ ông gửi mua gì nào ?

— Gà, bánh trưng, dưa hấu...

— Có Mai nhận dùm tiền đi.

— Bao nhiêu cô Mai nhỉ ?

— Tôi chắc chừng hai trăm là đủ.

Vĩnh đưa tiền cho Mai, nàng xòe tay, Vĩnh nắm chặt lấy tay nàng, đôi mắt Vĩnh sáng hẳn lên :

— Có Mai nhớ dùm nhé...!

Bà Phán quay lại cười thành tiếng :

— Có gì mà chẳng nhớ, rõ thật là...

Bà Phán cầm cái làn lớn, Mai xách theo cái làn nhỏ. Cả hai cùng thủng thỉnh đi, bà Phán nói một mình :

— Ông nhà tôi hẹn trưa này tới...

Hai người đi khá xa, Vĩnh vẫn chưa rời khỏi giường. Vĩnh còn mệt, nhưng thật ra Vĩnh muốn nằm yên nghĩ đến Mai, người con gái khác thường ấy. Nghề nghiệp nàng thật sôi nổi và mạnh dạn nhưng con người nàng không thế. Hơi lạ.

Bà chủ nhà lép kẹp từ phía dưới lên. Bà nhìn vào phòng Vĩnh, thấy quen của bà ta, thấy Vĩnh còn nằm ở giường bà cười :

— Ông Vĩnh chưa đi đâu à ?

— Chưa, tôi còn mệt lắm.

— Ông có đi đâu nhớ khóa cửa dùm nhé, tôi phải đi có chút việc, bà Phán, cô Mai cũng đi cả rồi. Đến bây giờ mà tôi nó chưa chịu trả nợ cho mình có giận không. Rồi còn phải đi chợ nữa chứ.

— Bà chủ cứ yên chí đi đi. Có lẽ hôm nay tôi cần ở nhà để dưỡng sức.

— Ông cần mua gì không ?

— Thôi cảm ơn bà, tôi đã nhờ bà Phán và cô Mai rồi.

— Vậy à.

— Hôm nay nghe nói chồng bà Phán lại đến chắc là có tiền. Sướng thật.

Cảm nghĩ của bà chủ nhà về cuộc sống khiến

Vĩnh thấy chính bà ta mới là kẻ hưởng thụ cái sướng dễ dàng nhất

Bà chủ đi rồi Vĩnh vẫn còn nghe thấy bà lầm bầm : « Sướng thật... sướng thật... » Cánh cửa ngoài khép lại, nghe đến rầm một cái. Còn lại mình Vĩnh trong cái vắng lặng của buổi sáng. Chỉ có Vĩnh là không bận rộn. Chính có lần bà chủ nhà đã khen Vĩnh là kẻ sung sướng, kẻ không bận bịu vì công việc bao giờ. Lúc nào cũng thấy Vĩnh thong thả, đi hay về cũng vậy.

Vĩnh còn nhớ khi đến trọ được vài tháng. Bà chủ nhà đã thân nhiên hỏi Vĩnh : « Ông có vợ chưa ? » Vĩnh đáp : chưa. Bà chủ nhà cười hờ hờ mà rằng : Thời buổi này mà con trai lớn như ông chưa có vợ thì cũng phải có nhân tình chứ, nhân tình thì đỡ thiệt thòi cho đàn ông hơn, có phải không ông Vĩnh.

Sau này Vĩnh mới biết, qua bà Phán, bà chủ nhà đã có tới ba đời chồng. Người cuối cùng vừa mới bỏ bà ta cũng không lâu. Bà Phán bảo rằng người chồng đó « chịu » không nổi. Vĩnh không hiểu rõ nghĩa của chữ « chịu », nhưng cũng không muốn tọc mạch để hỏi thêm. Chỉ còn Mai là Vĩnh chưa rõ tung tích nàng cho lắm. Có lẽ vì cuộc sống khác biệt giữa nàng và Vĩnh. Anh chỉ có thể gặp Mai đúng lúc anh ở xưởng trở về. Lúc đó thì Mai đã sửa soạn đi làm. Bà chủ nhà cũng ít nhắc đến đời tư Mai.

Nếu có thì chỉ khen « có bé ấy thế mà ngoan ». Cái tiếng « ấy » ám chỉ nghề nghiệp của nàng. Vĩnh đoán thế vì Vĩnh đã biết nàng là cô gái nhây. Chỉ còn Vĩnh là chưa ai biết rõ đời sống của anh. Vĩnh rất ít bạn và chỉ toàn bạn trai. Những người này không giúp thêm gì cho bà chủ nhà khi bà muốn đi sâu vào cuộc sống của Vĩnh.

Có tiếng động ở phía cửa ngoài. Vĩnh đoán họ đã đi chợ về. Nhưng không, cánh cửa mở rất dè dặt. Tiếng chân người cũng rất dè dặt tiến dần tới phía buồng. Vĩnh đứng lên rón rén bước ra khẽ lầm bầm :

— Ông Phán.

Vĩnh đứng háng. Ông Phán giật mình cúi đầu chào, Vĩnh lúng túng :

— Thưa, bà nhà vừa đi chợ, ông ngồi chơi một chút, chắc cũng sắp về.

MẸ ĐẸP CON NGOAN...

Mỹ-Nhan-Lộ Kim-Sơn : Phụ nữ kinh kỳ trời sứt mỗi khi kinh nguyệt đến thường hay đau bụng ngậm ngậm, hoặc đau trên dạ dưới hay là ra rả nhiều ít không chừng, vàng dợt, lâu ngày, hoặc khí huyết suy, gây ốm xanh xao, uống **MỸ NHAN LỘ KIM-SƠN** bổ huyết, điều kinh, thấy mau sửa đổi tính thần trở lại, da mặt hồng hào tươi đẹp.

AN NINH THỦY «KIM-SƠN»

Thuốc trị **HO** Trẻ em, ho gió, ho đàm, ho khô, khè trong cổ, ho gà, ho gặc ban chưa dứt, ho đêm, ho ngày, ho ói sữa, ngủ không yên, cho uống thuốc **AN-NINH THỦY KIM-SƠN** trẻ em sẽ dứt ho, ngủ yên. Nhà thuốc **KIM-SƠN** ở số 24 đường Hậu-Giang CHOLON.

Đông dược sỹ **LA-HƯƠNG** bào chế.

— Dạ, thôi để tôi ra ngoài đợi cũng được. Vĩnh lại trở vào, nằm xuống giường.

Một lát sau, có tiếng chân của nhiều người. Mai đi trước và về buồng nàng. Bà Phán cùng ông Phán lướt nhanh qua buồng Vĩnh. Bà Phán cười nói nhiều hơn mọi khi.

Cánh cửa buồng đóng lại hơi nặng nề. Chỉ thấy tiếng bà Phán cười rúc rích. Ông Phán thăm thì :

— Tôi đưa mình 5000đ, không kể vào tiền tháng này nghe chưa. Tiền mình tiêu hết đấy.

— Em biết mà, em cứng mình lắm.

Có tiếng hôn chút chút, rồi tiếng động như vật lộn. Vĩnh nằm im không dám động đậy. Cái vách ván mỏng tuy dán giấy hoa nhưng hãy còn hờ hênh quá. Vĩnh sợ gây tiếng động sẽ làm người trong cuộc thẹn thùng. Nằm yên thì Vĩnh không chịu nổi. Vĩnh đành rón rén bước ra khỏi phòng và tự nghĩ : họ là những kẻ đang hưởng thụ sự sung sướng, cần được sự yên lặng. Ra khỏi buồng Vĩnh lại thấy lúng túng hơn, không lẽ giờ này ra đường đứng.

— Ông Vĩnh.

— Có gọi tôi.

— Ông hết mệt rồi chứ.

— Hết rồi cô ạ. Cô đang làm gì đấy, tôi giúp cô được không ?

— Không phải việc của đàn ông các ông.

— Nhưng tôi cũng thạo bếp nước lắm.

Vĩnh bước vào phòng Mai. Nàng đang dọn dẹp đồ đạc và sắp xếp các thức ăn vào rổ.

— Có để tôi giúp cho.

Mai không đáp, vẫn ngồi xếp dưới đất. Vĩnh cúi xuống, cái vòng cong của thân hình anh chụp xuống đầu Mai. Vĩnh nắm chặt lấy tay Mai kéo về phía anh :

— Em Mai...

Đôi mắt Mai mở rộng ngạc nhiên. Rồi cánh cửa phòng khép lại. Tất cả căn nhà đều im lặng.

Cho đến lúc cánh cửa phía ngoài kêu ken két. Bà chủ nhà đã về, bà ta cười từ ngoài cửa cười vào, cười thích thú và lầm bầm :

— Ai để họ tra nọ sông phẳng quá. Cả nhà đầu rồi... đầu rồi...

Nhưng bà chủ nhà đã ngạc nhiên không thấy tiếng đáp lại. Qua phòng Mai, cửa đóng kín, qua phòng Vĩnh cửa mở nhưng vắng Vĩnh và dĩ nhiên phòng bà Phán cũng không mở.

Bà chủ nhà mỉm cười gật gù, bà hỏi bằng giọng nhưng rất khẽ :

— Ông Vĩnh đi đâu rồi nhỉ ? Quái lạ !

Trong này Mai đưa tay lên bịt miệng Vĩnh. Bà chủ lại cười hèn hèn và lặng lẽ trở về phòng riêng.

Thuốc lão ba số 888

Ông già đã bỏ thuốc lão
Thấy ba số 888 gọi vào điều lên.

Tổng
phát-
hành

VĨNH-PHÁT

Hút thuốc lão 888 quý ngài sẽ thấy êm giọng,
ngọt khời, thơm và say.

Mua thuốc bánh thật ngon thượng hạng xin mời lại :

VĨNH-PHÁT, 175 Võ-di-Ngu 175 — Phú-Nhưn

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

LỚP TOÁN LÝ HÓA :

TRƯỜNG - SƠN

129 Lê-văn-Duyệt

SAIGON



NHÀ UỐN TÓC MỸ - LẠC - CUNG

— 261B HAI BÀ TRUNG — SAIGON —

Xin trân trọng cảm tạ tất cả Quý Bà Quý Cô đã tới uốn tóc và làm đầu tại hiệu chúng tôi.
Nhân dịp Đầu Xuân chúng tôi toàn thể chủ và thợ gửi lời **Kính chúc Quý Bà và Quý Cô** một năm **đầy Hạnh Phúc và vui tươi**.

Nhân dịp này tôi xin Quý Bà và Quý Cô cũng lưu ý cho chúng tôi mấy lời dưới đây : Tôi tên là **YEN-OU-TSOI** Chủ phòng uốn tóc lấy hiệu « **Mỹ Lạc Cung** » luôn luôn ở chỗ cũ, và chỉ có một phòng uốn tóc **Mỹ Lạc Cung** tại địa chỉ trên đây mà thôi, chứ không có mở chi nhánh nơi nào khác cả.

Và chúng tôi đang nhờ **Trang Sư Truy Tố** trước pháp đình kẻ đã ngoan cố lạm dụng bốn hiệu **Mỹ Lạc Cung**.

Kính chúc — MỸ LẠC CUNG — Nhà uốn tóc danh tiếng SAIGON

VO THỨC TẬP HỢP

(Tiếp theo trang 36)

«phủ phép» của pháp sư. Tôi một trình độ văn minh cao hơn, con người phải nhờ đến tôn giáo, và những thuyết triết lý cứ lần lượt được nêu lên. Cứ mỗi khi một hệ thống tâm tư đề thích ứng với hoàn cảnh mà không còn thỏa mãn được cái vô thức thì trong lòng người tất sinh ra một sự bất an khó chịu. Lại phải cố gắng đi tìm một thể thức thích nghi mới, khả dĩ vừa đối phó được với hoàn cảnh bên ngoài, vừa thỏa mãn được vô thức bên trong.

Đến đây C. Jung tự nhận rằng tất cả những điều đó thực là xa xôi đối với tư tưởng của thời đại. Khi tôi nói đến lực lượng của hậu trường tâm hồn, của cái vô thức, và đem đối chiếu với cái thế giới hữu hình, tôi thường được thấy một nụ cười hoài nghi. Xin mạn phép hỏi, trong cái thế giới văn minh này, có còn ai tin những thuyết thần linh nữa chăng? Hay còn bao nhiêu triệu những Khoa học Cơ Đốc giáo đồ, (Christian-scientists) và tín đồ Thần bí học (spirites)? Chẳng cần thêm nữa, bấy nhiêu cũng đủ rõ là vấn đề sinh hoạt tâm hồn vẫn còn khẩn thiết chẳng kém xưa vậy.

Và B.S. tóm tắt đề kết luận: «Vô thức tập hợp là một khối tâm hồn vĩ đại di truyền trong quá trình diễn biến của Nhân loại; nó tái sinh vào cơ cấu thần kinh của mỗi cá nhân. Ý thức là một hiện tượng tạm thời, dùng để đối phó nhất thời, cho nên có thể coi nhiệm vụ của nó như đề tìm hướng đi trong không gian. Vô thức trái lại là cả một tiềm lực kích thích tâm hồn, với những kinh nghiệm di truyền gọi là cổ ấn tượng; phạm những tư tưởng, những cảm kích mãnh liệt nhất của Nhân loại đều phát nguyên từ cổ ấn tượng. Điều đó rõ rệt nhất với những ấn tượng tôn giáo. Những khái niệm chủ chốt về khoa học, về triết lý, về luân lý cũng không vượt ra ngoài lệ đó.

Tất cả những khoa học, triết lý hay tôn giáo dưới thể thức hiện tại của chúng ta chỉ là những thể hiện ý thức nguyên thủy mà lý trí đem thích ứng với hoàn cảnh hiện tại. Bởi vì cái nhiệm vụ của ý thức chẳng phải chỉ thọ lãnh từ bên ngoài vào bằng các giác quan, mà còn là thị hiện cảnh nội tâm ra ngoài bằng sáng tác.

Vài nhận xét nên chăng

Sau khi cố gắng lược dịch tư tưởng của B.S. C. Jung về vô thức tập hợp như trên, dịch giả xin mạo trình bày mấy nhận xét thô sơ sau đây:

1) Nếu đem so sánh quan điểm của C. Jung với Duy-thức học của Phật giáo chúng ta có thể nhận thấy C. Jung đã cụ thể hóa được rõ ràng mấy khái niệm rất trừu tượng của Duy-thức. Nguyên theo Duy-thức học, sinh hoạt của tam trí gồm 8 thức. Năm

thức đầu do ngũ giác quan cung cấp, nhưng phải hợp tác với «ý thức» là thức thứ 6 mới thành sự hiểu biết mà Tây phương gọi là «conscience». Bên dưới, trong những lớp vô thức có cái gọi là «Mat-na» hay thức thứ 7, mà nhiệm vụ chỉ là vớt vát cái ý thức lẫn vô thức vào phạm vi của nó, nên còn có tên là cái «ta», hay «ngã chấp».

Bên dưới nữa, lớp vô thức tập hợp, là lãnh vực của «Alaya» hay thức thứ 8, trong đó chứa đựng những kinh nghiệm của gia tộc, của giống nòi, của nhân loại, của hết thảy chúng sinh từ ngàn xưa vô thủy. Những kinh nghiệm ấy Carl Jung gọi là cổ ấn tượng; Duy-thức gọi là «chủng tử», vì khi nó được đưa lên các lớp trên thì hiện thành mộng mị trong giấc ngủ, hay thành ý nghĩ, lời nói, việc làm trong khi thức. Như thế «Vô thức tập hợp» có thể tạm coi là đồng nghĩa với «alaya» hay thức thứ 8 vậy.

2) Vì cái «vô thức cá nhân» hay «ngã chấp» mà tâm hồn của mỗi người thường vẫn sinh hoạt trong một cảnh giới biệt lập đối với tâm hồn kẻ khác. Chẳng có thể sao cùng sống trong một hoàn cảnh xã hội, cùng được chứng kiến một hiện tượng xảy ra, mà chẳng phải tâm hồn ai nấy đều cảm kích như nhau, đều ý thức cảnh tượng in như nhau, đều có những phản ứng phù hợp với nhau? Sự cảm thông được với nhau chẳng phải dễ dàng.

Tại sao vậy? Vì là những ấn tượng thọ lãnh từ ngoài vào chỉ có thể gây được những cảm kích, những ý thức, những phản ứng đồng đều ở mọi người nếu gặp được nơi nội tâm mỗi người những ấn tượng sẵn có cũng đồng đều, nhờ một dĩ vãng tương tự, về học lực, về kinh nghiệm, về khả năng, về truyền thống v.v...

Như vậy niềm cảm thông giữa người này với kẻ khác phải tìm ở nơi nội tâm, theo đường lối sinh hoạt của tiềm thức nhiều hơn là thông dợt nguyên vào ý thức. Giữa những thành phần của một xã hội, giữa những thế hệ của một dân tộc, hoàn cảnh ngoại giới sai biệt nhiều tất niềm cảm thông sâu rộng lại càng phải tìm ở nơi «vô thức tập hợp» tức là với những «Cổ ấn tượng» của giống nòi. Những cổ ấn này mà Duy-thức gọi là «chủng tử» vì sức phát triển của

chúng, chẳng những là môi trường dẫn đến cảm thông, mà còn là sinh lực tinh thần của dân tộc. Cho nên niềm cảm thông trong một dân tộc mà suy sút thì tinh thần dân tộc sẽ không đủ điều kiện mà phát triển lên được.

3) Một chính quyền thống trị có thể hướng dẫn dân tộc bị trị theo đường lối của mình bằng cách tạo ra một hoàn cảnh xã hội khả dĩ chi phối mạnh mẽ ý thức và tiềm thức của cá nhân. Trong những tầng lớp lân cận nhất, người ta có thể vì quyền lợi cá nhân mà theo quyền lợi thống trị một cách dễ dàng. Nhưng những cá nhân này phải vui xuống sâu những cổ ấn tượng của dân tộc bản lai. Cho nên đối với họ, niềm cảm thông với dân tộc mình yếu dần đi mà trong thâm tâm không tìm được cái an ninh của kẻ thống trị vì thiếu những cổ ấn tượng mà mình không sao có được.

Còn những cổ ấn tượng bị vui xuống sâu kia sẽ ra sao? Chúng sẽ do một đường lối ý thức khác mà biểu thị ra ngoại cảnh bằng những thể thức «bí mật», nhưng cũng có ngày sẽ bùng lên. Bởi thế lịch sử đầy dẫy những cuộc nổi dậy của các dân tộc đã từ hàng trăm, hàng ngàn năm bị trị cũng bùng lên phá đổ thể lực đô hộ ngoại bang.

Một nền giáo dục muốn tránh rối loạn tinh thần và mưu hạnh phúc cho dân tộc cũng như cho cá nhân cần lưu ý đến «vô thức tập hợp» của dân tộc cũng như đối với «ý thức» của cá nhân. Nhiệm vụ của ý thức là đối phó với ngoại cảnh, nhưng đồng thời nó cũng phải phát lộ được bằng sáng tác phát huy ra ngoài những gì là tiến hóa đặc thù trong cảnh giới nội tâm của dân tộc. Chỉ thiên về ý thức mà sao lãng vô thức là một lối lầm chữa đầy bất hạnh cho dân tộc cũng như cho từng cá nhân. Bởi vì như thế sẽ không có được sự hanh thông trong các tầng lớp tâm hồn của con người.

Mong sao mấy nhận xét thô sơ đó có thể góp được phần nào vào công cuộc cải tạo nền giáo dục quốc gia hiện thời.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TRẦN-NGUYỄN-CÁT

234, Trần-hưng-Đạo

SAIGON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



Quý bà, quý cô muốn có mái tóc đẹp, xin mời lại nhà Uốn Tóc New HOLLYWOOD 23, Ngã Sáu, Võ Tánh - Saigon do chính Năm - Mập phụ trách. Quý bà quý cô sẽ được hai lòng với màu tóc đen mượt và tự nhiên là do sự tận tâm hành nghề và dùng toàn thuốc sửa La Noulin. Có giá đặc - biệt của học-sinh.

NĂM MẬP kính mời,

Những đặc điểm khiến quý Vị đến Phòng Hớt tóc máy lạnh:

VIET - ANH

47, Đ. Lê-Lợi Saigon - ĐT. 21.455.

- Phòng mát mẻ, thanh lịch nhất Thủ đô, trang bị toàn dụng cụ tối tân, Âu, Mỹ chưa có ở Việt Nam.
- Sức khỏe của quý Khách được bảo đảm vì: trước khi tiếp mỗi Vị, các đồ dùng đều được khử trùng bằng thuốc Barbicide (đã được Bộ Y tế Huế ký công nhận); những máy duy nhất ở Việt Nam tự động làm thành sa bông cao cấp từ tơ phân riêng cho mỗi Vị chứ không dùng chung chạp như phương pháp cổ điển, thiếu vệ sinh vẫn dùng từ xưa đến nay...
- Thợ điều luyện, hàng trăm kiểu tóc ở Huế Kỳ và Pháp gửi về để tùy quý khách lựa chọn.
- Nhạc chọn lọc, âm thanh nổi thật sự bằng một dàn 6 loa phóng thanh.
- Giá bình dân.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Bói quẻ đầu năm

Sang năm mới, Quý ngài muốn biết rõ. Tình-Tài, Danh-Mạng ra sao? Xin mời đến

Nhà tướng số HUỲNH-LIÊN

sẽ rõ. Quẻ cầu tài 50đ.

Văn phòng tại 632 Phan thanh Giản (Vườn Bà Lớn) SAIGON

MUA SÁCH CŨ, BÁN, ĐỔI SÁCH CŨ VÀ MỚI

- ★ **Ai thừa sách**, cứ đem bán cho QUỐC-HƯƠNG được giá cao, hoặc đổi sách cũ lấy sách khác cần dùng và mới nguyên cũng được. Nếu có nhiều sách báo giá trị lưu tồn lâu năm, xin cho địa chỉ sẽ có người tới mua tận nhà với giá đặc biệt. Ở xa liên lạc bằng thư, xin kê rõ tên các sách báo muốn bán và giá tiền cả món hay từng thứ.
- ★ **Ai thiếu sách**, cứ tới QUỐC-HƯƠNG mua sách cũ được giá hạ. Dùng sách xong lại đem bán cho QUỐC-HƯƠNG được giá cao.
- ★ **Ai chơi sách**, đã từng đi rạc cẳng mòn giày khắp hè phố, đã từng lục lọi trong các tiệm sách lớn nhất đô thành vẫn không kiếm ra những sách quý, xin liên lạc với QUỐC-HƯƠNG sớm muộn sẽ được vừa lòng.
- ★ **Ai muốn lập tủ sách gia-đình**, xin giao dịch thường-xuyên với QUỐC-HƯƠNG sẽ sưu tầm và cung cấp đủ sách báo Đông Tây kim cổ giá trị để làm của gia bảo.

Có xe luých, nhà bự, vợ sang mà không có tủ sách trong nhà tức là mình so với đời mới chạy đua được về mặt vật chất, còn tinh thần thì chưa có lợi khí gì để biểu dương.

Nói đến «sách cũ» là phải nhớ đến

QUỐC-HƯƠNG

212, LÝ-THÁI-TỔ NGÃ BẢY - SAIGON

Nơi tin cậy của độc-giả trí thức xa gần

CỘP TRỪ QUỶ

BA tôi tuy không phải nhà nho khoa bảng, nhưng rất theo xưa : thưở sanh tiền, ông giữ đúng phong tục « ông bà », nhất là những tập tục ngày Tết.

Mỗi năm, khi xong lễ « tảo mộ » hăm lăm tháng chạp, thì ông lo coi sóc việc « quét nhà ». Nhà vườn kiêu xưa, ba căn hai chái, vách bồ kho; không có trần nhà, có bốn hàng cột nhà trước, nhà giữa và nhà sau, với ba bàn thờ. Trừ khi đám tiệc, đến gần Tết mới « quét nhà ». Quét nhà đây có nghĩa quét dọn toàn diện, quét với tường, sơn dầu cửa song, đánh bóng cột trong cột ngoài, ba bàn thờ cần, với « chùi lư », nhất là dùng chổi cán dài mà quét bụi và văng nhện tận dưới nóc nhà.

Đầu đó xong xuôi, nhà thấy có vẻ Tết, lối hăm tám, hăm chín, ba tôi lo rọc giấy hồng đơn mua từ hôm « đưa ông Táo » để viết liên đối ; chúng tôi bé nhỏ theo hầu mài mực và phơi liễn. Ông có đủ bộ đồ nghiên bút và mực thứ thiệt tốt ; bút lông đủ hạng, có cây to như cây « cọ », mỗi khi ông viết chữ « Thần » đại tự choán nguyên tờ giấy, với nét sỗ thẳng tắp, thì ngồi bút lông tươm nước đen huyền, linh động, như chạy nhẹ trên trang giấy thắm. Ngoài năm đôi liễn, lối chân tự gân guốc có thần, ông còn vẽ bùa « tứ tung ngũ hoành » để cúng « dựng nêu » lúc giao thừa. Ông không quên viết những tờ vuông nhỏ, một tờ một chữ, như : *đồng, thành, táy, trụ, tư, sinh, viên, mãn...* để dán trên mỗi cây trong vườn, khi cúng « tết vườn » mồng ba. Ngoài ra, ba tôi còn viết bốn chữ « Thần Thọ » « Uất Lũy » trên hai tờ giấy vuông, xếp theo chiều hình thoi. Trong bốn chữ ấy, có một chữ « rậm rì » khó nhớ làm sao ! Chúng tôi hỏi nghĩa thì ông giảng là tên hai vị thần, viết để dán hai cánh cửa ngõ dựng trừ tà ma quỷ quái. Nhà tôi có được hai cây đào-tiên cò-thụ, một cây gần cửa ngõ, mỗi năm gần Tết, bóng rưng đỏ tươi, trông rất đẹp mắt ; ba tôi thường nói là loại đào tiên em quý của hai vị thần nói trên. Để trừ tà, ông còn mua pháo tre đốt vào lễ « giao-thừa », có cây pháo to bằng cái thổ vương, mà ông gọi là « bọc trúc nhất thịnh trừ cựu tước » (pháo tre một tiếng trừ năm cũ).

Ý-nghĩa phong tục hay dở thế nào, trừ tà có linh-ứng cũng không chẳng biết, chớ anh em chúng tôi, vào tuổi lên tám, lên mười hai rất lấy làm thích thú mỗi dịp Tết đến, với cảnh nhà vui tươi, ba đồng bàn thờ đèn đỏ sáng trưng, tiền bàn liễn đối đỏ chói, pháo tre pháo tiểu nổ giòn, nhất là với cảnh gia-đình đoàn tụ hỉ hạ trong ba ngày xuân ấm áp.

Tên hai vị thần trừ quỷ, mà ba tôi đọc là « Thần Thọ » « Uất Lũy », thấy trong quyển *Việt Nam phong tục*, ông Phan Kế Bính viết là « Thần Trà » « Uất Lũy », có lẽ vì chữ « đồ » hơi giống chữ « tra » mà đọc như thế chẳng ? Trong quyển *Recherches sur les superstitions en Chine* (Nghiên cứu về tục mê tín ở Trung Hoa) ông H. DORÉ bảo phải đọc là « Thần Thù » « Uất Luật » ; có lẽ vì chữ « Thù » cũng đọc là « Thù », nên ba tôi đọc là « Thần Thù ».

Ông H. DORÉ dẫn tích về tục viết bốn chữ « Thần Thù Uất Luật » dán cửa ngõ để trừ quỷ, theo sách *Phong tục thông nghĩa* như vậy :

« Cổ tích ghi trong sách đời Hoàng đế (khoảng 2600 năm trước Công nguyên). Thưở xưa tại núi Đệ Sốc có một cây đào tiên cao lớn dị thường, cành lá phủ che một vùng rộng ba ngàn dặm. Những cành đào thấp ở phí Đông bắc hợp thành cái cửa, do cửa đó cả muôn ngàn quỷ qua lại. Có hai vị thần anh em ruột tên là Thần Thù, Uất Luật trấn tại gốc cây đào ấy và được linh cai quản đoàn quỷ vùng đó. Hễ quỷ nào không lo trọn phận sự, làm hại nhân gian, tức thì bị hai ông bắt trời lại và đem quăng cho cộp phân thây. Vì vậy, đến đời Hoàng Đế, vua nghe tích này, mới dạy vẽ hình hai vị thần trên ván bằng cây đào

LỄ NGỌC TRỤ thuật theo tài liệu xưa

và treo trước cửa nhà, để ác quỷ thấy mà không dám đến gần phá khuấy.

Vào tích quỷ sợ hai vị « Thần Thù » « Uất Luật » đã cai quản chúng, cây đào tiên là nơi hai vị thần ở, và mảnh hồ phân thây loài ác quỷ, nên dân gian có tục đến ngày Tết :

— viết tên hai vị thần dán cửa ngõ, gọi là môn thần ;

— dán hình mảnh hồ ngay giữa nhà để trấn quỷ, nếu không có cảnh đào tiên treo trước cửa ngõ.

Theo tài liệu của ông H. Doré, chiều ngày cuối năm, tại cửa các nhà sớ, ty niết, người Trung Hoa còn giữ tục « treo hình nộm bằng gỗ đào tiên, cùng với mảnh hồ để trấn quỷ trừ tà. »

Vì cộp là giống mãnh-thú hung-bạo, người và quỷ đều sợ, nên người Trung-Hoa tôn thành thần



« Trần Trạch » (giữ nhà), để trừ tà ma ác-quái. Họ dán lá bùa có vẽ hình thần-hồ với bài thi « Trần Trạch vạn hung thành » như vậy :

- Trần Trạch thần hồ ba sơn cương,
- Bảo hữu nhân-gian tại-trong.
- Trảo nha hảo ty trảm-tà-kiếm,
- Nhị mục đăm-đăm yêu-quái mang.
- Thiên yêu vạn quái giai viễn thoái.
- Nhất giả lão thiêu thọ nhĩ khương.
- Hữu nhân mai đắc thủ hồ khư,
- Tài nguyên mẫu-thanh đạt Tam-giang.

Thoát dịch : (Thần hồ xuống núi coi giữ nhà ; bảo vệ nhân gian khỏi tai họa ; Nanh vầu bén như gươm chém quỷ ; cặp mắt đăm nhìn yêu quái sợ ; ngàn yêu muôn quái thây lánh xa ; lão bé cả nhà đều vui mạnh ; ai người mua được thứ cộp này ; thanh mẫu như nguồn ba sông Lớn (Hoàng-hà, Dương-tử, Châu-giang), tài của ngày ngày dồi nở ra).

Cộp đúng mãnh, lạnh lẽ, tàn bạo, hay ăn thịt người và « phân thân quỷ », về quỷ cũng hay làm hại người, nhưng cũng có khi cộp lại sợ người và người cũng không sợ quỷ, vì người ấy có định thần.

Nên sách có nói : « Quỷ thần không sợ người đúng mãnh mà sợ người qua cảm ».

Nhưng « quỷ » là gì ? Tự điển Trung Hoa giải : « quỷ » là « qu » là « về », « ma trở về », « tinh thần sợ quỷ », bởi người chết rồi, tinh thần thể phách trở về trời đất. (Tinh thần ly hình các quỷ kỳ chân, cổ vị chi quỷ; quỷ quỷ dã, quỷ kỳ chân trạch).

Ông Kỳ Xuyên NGUYỄN THÔNG, có dự vào việc khảo duyệt bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, do cụ Phan thanh Giản làm tổng tài, trong bài *Nhưưng Quỷ thuyết*, cũng giải thích theo thuyết của tự điển Trung Hoa nói trên. Bài ấy, ông N.X. dịch và đăng trong *Đại Việt tạp chí* số 4, ngày 16-11-1942, xin lục đăng nguyên văn như sau :

Chuyện ếm Quỷ

Mùa thu năm Tân vị (1871), đêm 16 tháng tám, Trần Tử đương ngồi đọc sách. Bỗng trăng vặc vặc, đèn bạch lờ mờ. Chủ-gia xây nghe có quỷ tới rình nhà, tăng hình, ăn mật, biến hóa trăm chiều, tiếng vẫn nghe mà hình chẳng thấy. Trần kinh sợ,

xếp sách ngồi lo ; một mồi thiêu thiêu ngủ, bỗng thấy một người tự xưng là « Bồng Lai Vô Khách ». Trần tiếp khách nơi nhà trước, khách nói :

— Nghe ngài bị nạn quỷ, tôi vì đó mà tới đây. Ngài hãy mua cho giấy vàng bạc, đồ hành trang, thừa lúc đêm thanh trăng rằm, tôi lên tận thiên đình, tố với các thiên tôn nhờ người trừ quỷ.

Trần Tử trả lời : « Được như lời, tôi xin thỉnh mạng ».

Vô Khách vừa bước ra, bỗng nghe tiếng cười dài từ chái nhà phía bắc đi lại. Xem ra từ ột chỉ mặt, thấy hai đầu, bốn mắt, đầu đội mào, mắt lấp lánh hào quang, răng lộ chom chồm, mình mặc áo gai, chơn mang giày cỏ, lưng rộng mấy vùng, thân cao tượng rười, xưng hiệu là « Đà quỷ tử ».

Trần đương lo nạn quỷ, vừa nghe đến tên người, lòng mừng tỏ lời cầu khẩn. Đà quỷ tử nói : « Thương hại thay ! Vô Khách dối người. Tôi từng nghe : từ đất lên trời cách xa một ức một vạn sáu ngàn ba trăm năm mươi dặm.

« Phải cỡi cù long mà đi, lại mỗi ngày đi không được bao nhiêu đường ; huống chi đường đi phải trải qua Tích mộc, vượt sang Ngân hà, Thuộc Kiều, mệnh mang tùy theo sóng gió. May mà tôi được, còn phải trải qua chín ải, ba tòa, mới vào tới

cửa Trời. Chẳng may, trụ đất đứt, cột trời long, trời mà đổ, thần còn biết gởi vào đâu ! Cũng bước, mất tiền, muốn về cũng không còn đường lối có đâu nói được với các vị thiên tôn để nhờ người trừ quỷ ! »

Trần Tử buồn bực, ân hận việc đã qua.

— « Chớ nên lo buồn, Đà quỷ tử nói, hãy nghe kể ta đây, không tốn phí một đồng, mà sau bữa cơm mai, sẽ được tin lành.

— Phải làm thế nào ?

— Cắt giấy làm cờ, bện cỏ làm binh, phủ chú khôi lện, tướng binh rần rộ như sấm, như chớp, như khói bụi, như mưa tuôn, gió mưa u ám, trăm loài dữ thây kinh hoàng ! Nhưng tướng đối binh một, không thể tảo trừ quân giặc được. Vậy phải xoi dây mâm, rượu đầy bầu, thịt quay thật béo, ăn uống xong, đi tận chân trời, bắt loài quỷ dữ, xẻ thịt ra ăn, lột da ra năm ! Vậy nhà người hãy rần lấy. » Đà quỷ tử dứt lời biến mất.

Trần Tử mỗi một, thức giấc dậy thì trông đã trở cảnh tư.

Rạng ngày tới thuật câu chuyện cho Nam-Nông tiên sanh. Tiên sanh nói : « Anh Vô Khách nói càng, cậu Đà quỷ cũng bướng bỉnh ». Ta thường nghe : ng rớt chết hóa ra quỷ ; quỷ là « về » : tinh hồn, thể phách người chết trở về trời đất, thể rồi, do đường hô hấp, khí phách ấy thâm nhập vào cơ thể người sống. Thành thử cơ, người hiện đó là quỷ mà quỷ cũng chính là người.

« Vậy nên con người tâm chánh là thần minh hiện đó ; trái lại, những kẻ tà-tâm, chính vì quỷ-mị ám vào. Hễ quỷ ám nhập vào thì thần minh không giữ lại được nữa, rồi trăm điều kỳ quái, hỗn loạn này sanh ra trong tâm người. Nhà người cứ lo sợ con quỷ rình mò chôn gia thất, mà không lo sợ con quỷ đương ám ảnh tận cõi lòng, cứ lo sợ con quỷ vị lai mà quên đề phòng con quỷ hiện tại. Ở đời đâu có thế vậy được.

« Nhưng thời buổi này, than ôi ! Có kẻ mua diên-lệ, giỡn pháp-luật, nương theo đường quỷ, bài-bác tinh-ranh, sống làm chết, chết làm sống, mạng danh là quỷ hám hình chánh.

« Có kẻ muốn người cao thấp cũng tự lòng mình, muốn phủ - trợ, đỡ nâng người cũng tự ý mình, vàng ròng phá tan tư cách, của báu bác cả lệ (Xem tiếp trang 40)

Danh tiếng Bắc-Việt

HÀIKÝ MÌGIA

112-114, Nguyễn-trí-Phương

CHOLON

CHI NGÁNH

14, Cỏ Giang SAIGON

Cọc trừ Quỷ

(Tiếp theo trang 39)

thường, mạng danh là quý hám bộ.

* Có kẻ buồn bút-mực, bán văn-chương, nô-nức như mây tuôn, khói tỏa, tô tía nhuộm hồng, bôi mặt bôi, che mặt thánh, mạng danh là quý hám học đường.

* Có kẻ che-lấp thất-bại, nêu cao thành-công, làm ít cổ xit ra nhiều, dâng vàng cho quân giặc, kẻ chỉ hại nước, miễn được lợi nhà, mạng danh là quý hám biên thùy.

* Có kẻ trau giồi xe hư dối làm xe tốt, trau giồi áo vải, khéo dối được chút phẩm hàm, lại đem giỏ vào hàng tể tướng, mạng danh là quý hám danh.

* Có kẻ mượn gấm thêu mờ mắt người, chính là con lằng lằng làm rối loạn tai người, con điều hầu bay lượn trên vinh đồ, con khi dốt ăm mùa trụ cột quốc gia, mạng danh là quý hám quyền.

* Sáu loài quý ấy, tự tâm con người xuất hiện ra, lời mờ ảo hóa, muôn trạng ngàn hình. Vua Võ không thể tượng hình nó được, ông Kiệt không thể đặt tên nó được, con người không thể dùng trí mà tổng nó đi được, cũng không thể dùng sức mà cự dương với nó được.

* Nhà người sợ quỷ tình rập rập thất ngời, có chỉ bằng người tự chánh tâm, tự an chí người, lòng giữ đạo bạc, chí không mưu tính chi, nhiên hậu nạn quỷ tình rập rập sẽ dứt. Chớ nên nghe lời người, dùng quỷ mà trừ quỷ.

Trần Tử nghe lời Nam Nông tiên sanh. Ba tháng sau, nạn quỷ diệt.

(Bà: * Nhưng quỷ thuyết * rút trong * Kỳ Xuyên văn sao *, quyển III của Kỳ Xuyên Nguyễn Thông (1).

★

Các phong tục đầu hay đầu dờ dờ là phần ảnh hưởng của hội thời xưa. Chuyện quỷ thần ma quái, tuy là chuyện có thật, nhưng nên * kính nhi viên chi *, và tục trừ tà ếm quỷ, vốn để ngăn ngừa ác quỷ hưng thần lảng vảng bên ngoài, mà cũng để nhắc nhở người nhớ trấn an loại * lực quỷ * đang âm ảnh tàn cõi lòng mình.

Một phần ba thế kỷ qua, một thế hệ hầu tàn, biết bao cuộc thế đổi thay, lần theo kịp trào lưu tiến hóa, những dấu vết cổ tục về * thần hồ trấn trạch *, * thần linh trừ tà * thật không còn thấy nữa, loại ác quỷ tà ma bên ngoài như đã trừ được, nhưng bị * tam bành *, * lực quỷ * của mỗi người thì cơ hồ như nan trị vậy.

(1) Nguyễn Thông (1827-1894) tự Hi Phần, hiệu Kỳ Xuyên, ở xã Hậu An, người tỉnh Gia Định (Nam Việt) đỗ cử nhân năm 1849, làm quan về đời Tự Đức đến chức bộ chính. Các phẩm Hán văn: Ngoại du sao thi văn tập Kỳ Xuyên văn sao, Độn Am văn tập.

6 BÀI THƠ PHAN KHÔI

張春勉先生鑒
潘環
九六二

為王飛換喚夢
醒時危國難免
身輕乍浩為危
遠出白千峰
記要行游涉未
忘婦老倦淪
終竟負平生山雲
英解窮人空渴
詩成獨自傾

(Tiếp theo trang 10)

Vị hữu phi cơ hoán mộng tình
Thời nguy quốc nạn, giác thân khinh
Sợ tông vạn pháo oanh đao xuất
Hựu hưởng thiên phong loạn xứ hành
Du trúc (1) vị vong hiềm lão quỵên
Ăn luân chung giác phụ bình sinh
Sơn linh mạc giải cơ nhân ý
Trục tửu thi thồnh độc tự khuynh.

Nhất cửu tứ bát — Nhất-Nhị.
Trương xuân Miên Tiên Sinh Giám
PHAN-KHÔI

(1) Có người cho là * du thập * có nghĩa hơn * du trúc *. Nhưng tác giả viết rõ: phụ uen chữ bộ: (trắc) chữ không phải chấm thủy nên chữ đó: (thập).

IV

Có tiếng phi cơ bằng thức giấc,
Thời nguy, nước biển chiếc thân khinh.
Xa tâm súng giặc, xô ra thoát,
Nhắm phía non hoang lại bước nhanh.
Leo lội chưa quên, già yếu chịu,
Náu nương mà sống, nôi trời đành.
Núi thiêng không hiểu lòng cơ lữ,
Rượu cạn nên thơ, uống một mình.

2-1-1948
Gửi TRƯƠNG-XUÂN-MIÊN
Tiên Sinh
PHAN-KHÔI
Lược dịch của GIẢN-CHI (bốn bài)
11-11-61

MỘT SẢN-PHẨM MỚI XUẤT-HIỆN trên thị-trường Việt-Nam

Đó là MỸ-PHẨM CRÈME THORAKAO, một sản phẩm mới nhất vừa xuất hiện đã được đa số phụ nữ Việt-Nam hoan hoan tin nhiệm.

CRÈME THORAKAO là MỸ-PHẨM do người Việt-Nam sáng chế với nhiều phẩm chất tốt đẹp với khí hậu Đông phương để giữ sắc đẹp cho nữ giới và nam giới. Dung Crème THORAKAO sẽ thay kết quả rõ rệt, hết NÁM, MỤN, SẦN NHĂN, TÀN NHĂN. Dung Crème THORAKAO sẽ giữ da mặt không khô và tăng thêm vẻ đẹp.

CRÈME THORAKAO là một sản phẩm hiếm có trên thị trường Việt Nam, chẳng những thay thế cho hàng ngoại quốc mà còn hợp với túi tiền của mọi người trong khi chị em phụ nữ hàng ngày phải dùng đến Crème để bôi dưỡng da mặt được xinh tươi và trẻ trung mãi mãi. Crème THORAKAO còn được Viện Pasteur nhận nhận là một Mỹ-Phẩm hoàn hảo, cấp giấy phép số 421/HA ngày 31-5-1961.

Nhân dịp Xuân về, gió Xuân thấm lạnh, ánh nắng Xuân làm cho da mặt cần cỗi, vì thế

càng cần thiết hơn lúc nào hết, nhai dùng Crème THORAKAO mới chúng lại được nắng gió làm hư da mặt của ta. Xuân sắp về, mọi người đang nhộn nhịp đón Xuân, và còn chần chờ gì nữa mà không tìm một Mỹ Phẩm Crème THORAKAO để tô điểm cho da mặt được mịn màng, cho hương thơm bay tỏa muôn phương, cho gia đình thêm hạnh phúc, cho tình yêu thêm đậm đà lưu luyến.

Dùng Crème THORAKAO làm quà tặng bạn bè để kỷ niệm mùa Xuân mới, tỏ ra ta biết chọn một món quà lịch sự xứng đáng, ghi nhớ trong lòng nhau mãi mãi.

Dùng Crème THORAKAO sẽ thay lớp da mặt cũ thành lớp da non, sạch hết chất nhờn, mịn da mặt, sẽ xinh tươi như hoa Xuân mới nở.

Crème THORAKAO có bán tại các Baza MỸ-PHẨM và các nhà thuốc tây.

Tổng phát hành tại hiệu THIÊN-HUNG số 11 đường Nguyễn-thái-Học (cầu Ông Lãnh) Saigon.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NƠI
CHỮA
MẮT
TAI

Rộn niềm vui đón Xuân sang
Đông Hải xin có vài hàng nhắc ai
Đường Lê văn Duyệt nổi dài
Số nhà tám bốn mà ai chẳng tưởng
Biết sao thân chủ bốn phương
Đã từng khen ngợi về phương thuốc thân

ĐÃ
ĐƯỢC
TÍN
NHIỆM



Phòng mạch Đông Y-Sĩ

ĐÔNG-HẢI

Chuyên chữa Mắt và Tai

TẠI SỐ 34 LÊ-VĂN-DUYỆT nổi dài
(gần ngã ba Ông Tạ)

NÓI HAY ĐỪNG

TÂN NIÊN TẠP CẨM

(Tiếp theo trang 5)

Đối với các dân tộc Á Đông thì hồ là một con thú nổi tiếng nhất vì nó là chúa sơn lâm, nó có thể ăn thịt được tất cả mọi loài. Sau này lớn lên đi học tôi biết rằng còn có một loài động vật ăn thịt hồ : đó là sư tử. Tuy nhiên sư tử chỉ có ở Phi Châu và chỉ nổi tiếng ở phía trời tây. Chứ đối với người dân Việt Nam thì sư tử là một giống xa lạ, thành hoặc chỉ có một số ít người được thấy tận mắt khi qua thăm sở thú. Nhưng dù động vật ăn thịt hồ đến đâu mà đã bị nhốt vào cái thì con người cũng chỉ còn là một thứ đồ chơi hưởng hồ con vật ! Cảnh hưởng này đã được nhà thơ Thế Lữ mô tả trong một bài thơ nói về con hồ trong vườn Bách Thú, không mấy ai là không biết. Về sự tích con hồ thì trong truyền thuyết bình dân cũng như trong sử sách có nói đến nhiều lắm, nhưng Hiếu Chấn tôi chỉ nhớ nhất câu chuyện cổ tích của người Mán nói về lai lịch những vết lăn đen trên da hồ : chuyện này tôi đã được ông chủ tịch động Mán Sơn Đầu trên núi Ba Vì kể cho nghe trong một đêm đông một năm kháng chiến như sau :

— Hồi ông Trời mới sinh vạn vật thì loài người cùng mọi loài cầm thú đều sống chung với nhau ở trong rừng, đều nói chung một thứ tiếng. Một hôm con người, con hồ và con gấu gặp nhau ở một khu rừng lau, cả ba đều khoe là mình tài giỏi nhất. Dĩ nhiên là một cuộc tranh luận như thế không đưa đến đâu, cuối cùng ba đồng vật « tay lỏ » đó đồng ý một cuộc thử tài. Thoạt đầu con gấu gầm gừ, nhe nanh dơ vuốt dờ ra đủ mọi thủ đoạn khiêu khích, cáo chim muông đều phải cúi đầu. Đến lượt con hồ trở tài, gầm thét chuyện cả một khu rừng rồi vươn mình quất đuôi chồm lên như muốn nuốt sống cả vạn vật : mọi loài từ chim muông cho đến hươu nai và cả đến hai đối thủ là con người và con gấu cũng run sợ : hồ ta những tưởng mình ăn chắc cái ngôi chúa tể muôn loài. Con hồ điệu võ dương oai xong đến lượt con người : trái hẳn với gấu và hồ, hẳn không hùng hê, nhe nanh dơ vuốt gì ráo (vì dù có làm cũng chẳng ai sợ !). Hân bao với Hồ và Gấu rằng :

— Hai bác muốn xem tôi trở tài thì phải đứng nép vào rừng lau rìa vì nếu tôi đã dờ thủ đoạn ra thì hai bác phải chết khiếp. Muốn cho đỡ sợ hai bác cứ nhắm mắt lại rồi sau hãy từ từ hé ra mà xem.

Hai con vật nghe nói lấy làm lạ nhưng cũng cứ nghe theo. Khi chúng vừa đứng nép vào rừng lau và nhắm mắt lại thì Thằng Người đánh á lấy lửa đốt luôn cả khu rừng rồi bỏ chạy lên núi cao. Lửa bén vào lau sậy và cây rừng bốc cháy : các giống cầm thú phá chạy trời chết trong khi Hồ và Gấu vẫn nhắm mắt chờ chờ. Lửa cháy đến bên mình chúng mới hoảng hốt mở mắt ra thì đã thấy bốn bề lửa bốc rừng rực mà không thấy con Người đâu cả, lúc đó cả hai mới lao mình qua bể lửa tẩu thoát. Con gấu chậm chạp nên bị cháy lông đen thui cả, còn con hồ vì nhanh chân hơn nên chỉ bị cháy lông đen chấm hoặc thành vân đen. Vì thế nên con gấu mới có bộ lông đen còn con hồ mới có bộ lông vân đen vân vàng. Và, cũng do chuyện này mà từ đó về sau trông thấy thằn lằn người là hồ và gấu hoảng hốt bỏ chạy.

Câu chuyện cổ tích Mán Sơn Đầu này kể cũng lý thú : nó chứng tỏ cái óc tinh quái, mưu mẹo của Con Người. Nếu câu chuyện qua có thực thì Thằng Người trong chuyện chắc là tổ sư của các nhà chính trị !

Nghe chuyện cổ tích này, Hiếu Chấn tôi thấy nó giống như một chuyện đã học qua trong quyển tập đọc lớp Dư Bị, chuyện nói về mảnh khố của con người nói lừa con hồ để trời nó lại rồi lấy đòn gánh đánh đến chết mà bảo rằng : « trời ghen

lao ở đây ! ». Con hồ — như trên đã nói — là tượng trưng cho sự dũng mãnh, oai hùng, cho nên có lẽ vì thế mà một số các bà các cô hay thờ con hồ chăng ? Về chuyện thờ hồ, tôi lại nhớ đến một bức tranh hi họa của anh bạn Nguyễn gia Trí trên báo Phong Hóa hồi xưa, tranh vẽ một bà vợ đánh đá, dử lợn, vào loại Giang Thành trong truyện Liêu Trai (1) đang ngồi cúi rạp đầu lấy trước bức tranh con hồ ở dưới có chú thích câu : « sư tử lễ hồ ». Vì hồ là tượng trưng cho sự oai hùng cho nên trong đời có nhiều kẻ muốn mượn cái nhìn thức của con hồ để bắt nạt thiên hạ : để chỉ những kẻ đó tục ngữ có câu « cáo dơi lột hồ » ý nghĩa đại khái cũng giống như bài thơ ngụ ngôn « con lừa đòi lột sư tử » của La Fontaine vậy. Lại có kẻ, lúc đầu ra mắt thiên hạ thì uy nghi đứng thẳng rình ai nấy đều kính phục nhưng dần dà nhưng tính xấu, nhưng nhược điểm thò ra đến nỗi rút cục thiên hạ thấy đều kính ghê : những kẻ đó tục ngữ Trung Hoa gọi là « hồ đầu xà vĩ » nghĩa là đầu hồ đuôi rắn.

Người ta thường nói hồ hay ăn thịt người nhưng theo lời đồng bào miền Bắc thì người là việc bất đắc dĩ của hồ : đói quá, không bắt được con vật nào khác thì nó phải ăn đến thịt người. Phần nhiều nhưng người bị hồ ăn thịt chết vì bị nó tạt phải chỗ phạm trong trường hợp tự vệ, chứ thực ra khi thoát trong tay người thường thường bao giờ hồ cũng chạy trước, điều này, muốn biết có đúng không xin hỏi ở các vị thợ nghề săn bắn như ông Huỳnh văn Long. Cũng về nạn hồ ăn thịt người, sách Nho có chép chuyện đại khái như sau :

Một hôm ở Khổng Tử cùng học trò vào chơi núi, gặp một người đàn bà mặc áo tang đang vật vã khóc lóc trước nấm mồ mới đắp. Đức Khổng nói thì người đàn bà đáp :

— Bỏ chồng tôi trước đây chết vì bị hồ ăn; chồng tôi cũng chết vì bị hồ ăn; bây giờ đến con trai tôi cũng chết vì bị hồ ăn nên tôi khóc.

Khổng Tử hỏi : « Đã thế sao không dọn nhà đi ở nơi khác ? Người đàn bà đáp : Không dọn đi chỗ khác vì ở đây quan lại công đồng liêm khiết con ở chỗ khác thì quan lại tham nhũng, sưu cao thuế nặng.

Đức Khổng nghe thấy vậy quay lại bảo học trò ghi lấy câu chuyện và thêm câu rết : « quan lại tham nhũng con cũng sợ hơn nó ư ».

Vấn về chuyện hồ ăn thịt người tục truyền rằng người nào bị hồ ăn thịt thì hồn người đó phải luôn luôn đi theo con hồ để cho nó sai khiến, như thế gọi là « ma trành ». Ma trành phải nhập vào người khác, làm cho người đó, đưa đường dẫn lối đến cho nó ăn thịt; hồ ăn thịt được một người nữa rồi thì hồn của ma trành mới được giải phóng để đầu thai làm kiếp khác. Và lại đến lượt hồn người mới bị hồ ăn, lại lại hóa làm ma trành, cứ thế mà luân hồi. Không biết câu chuyện dị đoan này căn cứ vào đâu và có bao nhiêu ý nghĩa khuyên răn nào không, nhưng nếu thật như thế thì kẻ ra làm kiếp « ma trành » cũng khổ thật : hồn ma lương thiện mà cứ phải leo ao theo loài hồ dữ để bị nó sai khiến làm những việc ác độc, giết hại đồng loại có như thế mới được thoát ra làm kiếp khác, ở vào hoàn cảnh như thế thì rồi còn cái nhẽ nào bằng ?

Tuy nhiên nếu chịu khó suy nghĩ cho kỹ chúng ta sẽ thấy không thiếu gì loại « ma trành » trong đám người đang sống chung quanh ta : đã trở về cho linh hồn theo loài hồ dữ rồi, họ muốn thoát ra cũng không được nữa. Mặc dù biết rằng nhưng hành vi của họ là trái lương tâm, là có hại cho đồng loại nhưng họ vẫn cứ phải nhúng tay vào để mong một ngày nào đó thoát kiếp « ma trành ». Và xét rộng ra thì trong mười lăm năm qua nghĩa

là từ 1945, khi chế độ độc tài đảng trị bắt đầu xuất hiện trên đất nước, tất cả dân tộc ta đã lãnh đấng kéo dài cái kiếp « ma trành » để cho loài hồ dữ sai khiến.

Mong rằng trong năm 1962 này, con đường giải thoát sẽ mở ra cho hơn hai chục triệu người Việt được trở lại với « Tình Đồng Loại ».

HIẾU CHẤN

(1) Xin xem chuyện « Cái nghiệp sợ vợ » đăng trong tập này.

BÔNG VỚI HÌNH

(Tiếp theo trang 5)

— Con không thèm ăn lại còn muốn nuốt cái của gì nữa ? To đến thế là cùng chứ còn muốn to đến đâu. Công lao của nó, nó còn không tiếc thì công lao của anh em ta nó coi ra cái thá gì. Được ! Cứ cựa cho khỏe vào, đến lúc sa vào tay chúng ông rồi thế nào cũng được ném. Đã muốn to thì ông để giành sẵn cho một bãi thật to.

Nói của đáng tội, ngay từ hôm hân được giao công tác này, nếu không có những lời động viên ấy của anh tổ trưởng thì hẳn cũng thấy rờn rợn. Chỉ so sánh bên ngoài thì ngay đến thượng cấp của hân cũng chẳng thấm vào đâu với địa vị của thằng cha. Nghĩ cho cùng hẳn thấy lời nói của anh tổ trưởng thật : có lý. Đừng nói gì đến anh tổ trưởng quen xuất thân là tay bán dầu bạc hà trên xe lửa, nếu âm mưu của thằng cha và bè lũ không sớm bị phá vỡ thì ngay đến thượng cấp của hân cũng đi dốt. Thượng cấp của hân chính là tấm gương sáng cho cả bọn hân soi chung. Từ một chân loong toong ra cúi vào vài những ông quan lớn quan bé của đế quốc thời xưa, thượng cấp của hân đã leo lên tới địa vị ngày nay sau hơn mười năm cố gắng công tác. Nếu không có lãnh tụ, không có đoàn thể, nếu chế độ đế quốc phong kiến không bị đánh đổ thì có đời kiếp nào mọi dân co ngán ngời được lên tới ghế chủ nhiệm sở. Ngay chính hân cũng thế, nếu không nhờ có bà con để bặt cho hân vào cơ quan và chiếu cố tiêu đỡ hẳn ba tháng lương đầu tiên thì ngày hôm nay hân còn là đầu đường xó chợ. Rồi mai kia, nếu hân cứ dốt một lòng một dạ trong kiên phục vụ lãnh tụ kính mến và đoàn thể tiền tiến thì biết đâu hân chẳng theo chân được thượng cấp. Vậy thì tại sao lại có những dưng lòng lang dạ thú những làm ỉa xỉ xoa nên trại tự mới đây hứa hẹn này ?

Mong đẹp của hân dứt quãng vì tiếng chân bước nhẹ ở sau lưng. Hân nghiêng đầu nhìn qua vai. Một đứa trẻ quần áo rách rưới, vai đeo bị, tay cầm xiên sất lằng vằng cách hân chừng năm bước. Hân gườm gườm nhìn thẳng bé. Như muốn coi thường hân, thằng bé sán lại gần hân và dùng xiên xọc vào một mảnh giấy nằm trên mặt đất. Nó giờ cái xiên lên và dùng tay kia gỡ lấy mảnh giấy để nhét vào bị. Rồi nó tạt ngang nhưng không rời xa hân. Về rình mò của thằng bé khiến hân nổi giận. Có lẽ nó tưởng rằng nan ngồi xổm ở chỗ tối này để làm cái việc mất vệ sinh và nó chầu sẵn để hồng đón tiem may mắn giấy vụn nữa chắc ! Là người biết tôn trọng pháp luật nhà nước và có nhiệm vụ bảo vệ trật tự và lợi ích cộng đồng, không khi nào hân có thể làm cái việc bày bả ấy. Hân nhòm người lên, vung hai tay về phía thằng bé và xuy một tiếng thật lớn. Cũng không vừa, nó khặc như người lớn rồi mới bỏ đi. Cái xiên sất kéo lê trên mặt đất đập vào đường mòn đã phát ra những tiếng kêu leng keng.

Lại có tiếng giày bước mạnh ở phía sau. Hân ghé mắt nhìn. Thằng cha đã đứng bên cửa xe oto. Cảnh cửa mở ra rồi sập mạnh vào. Thằng cha vẫn cúi đầu có một mình. Không biết thằng cha có trao đổi am niệm gì với đứa nào trong hàng giải khát kia chăng ? Hân tẩu nhìn chú nhỏ nữa. Ăn lửa có lên trong xe oto. Thằng cha chăm thuốc lá. Nó tiêu hoang quá. Hân là nó đang có điều gì vừa ý lắm. May diện quay xanh xanh mới cho may xe nó. Rồi đến trước mặt sáng, may gầm lên và bốn bánh lăn vù vù. Thằng cha nhìn trong bóng tối đến bên chiếc xe mô to. Phải vấp đến cái trục ba may mới nó. Hân đã

(Xem tiếp trang 42)

Nhà sách

VIỆT - TRÍ

256 Hai Bà Trưng

Tôn-Định

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Tửu quán KHỐM-TRE

Giờ mở cửa : từ 16 giờ đến 24 giờ
(Ngã tư Đại lộ Ngô-đình-Khoi — Nguyễn-minh-Chiếu)
253—255 đường Nguyễn-minh-Chiếu (Phủ-Nhận)

Khởi tâm sa ! Các thức ăn bán lộ thiên. Nơi tập trung nhiều tay bếp thiện nghệ. Có đủ, Lươn — Éch — Cua — Tôm — Bò — Gà — Cá. Nhậu... đến Khóm Tre. Hóp bạn... đến Khóm Tre. Tiệc cưới... đặt tại Khóm Tre. Liều hoan... xin viếng Khóm Tre. Tiếp tục nâng húp, nơi rộng rãi khung cảnh đẹp giá bình dân.

KHỐM TRE kính mời



- ĐẠI LÝ : Đủ các loại máy : chụp ảnh — quấy film — chiếu film.
- SỬA CHỮA : Các loại máy ảnh — quấy film — chiếu film — ống nhòm.
- PHOTOCOPY : In lại tài liệu — văn bản — trong một phút xong.
- CHUYÊN MÔN : Chụp ảnh — quấy film — tráng film — rửa ảnh đen trắng và màu Kodachrome — Ektachrome.

BONG VỚI HÌNH

(Tiếp theo trang 41)

quên không mở khóa xăng ngay từ đầu. Chiếc xe hai bánh của hắn lao nhanh như tên bắn theo hút hai cái chấm dore ở cuối đường.

Thằng cha cho xe chạy vào một con đường mới mở rộng thênh thang. Hắn theo sau, mắt đảo hai bên để kiểm tra xem nhận xét của hắn có sai lầm chăng. Hắn không lầm. Đúng là con đường vào khu quân sự. Mặt đường trải đá rậm, vắng lặng và mờ tối. Những ngọn đèn báo vệ vàng vọt mắc rải rác trong những doanh trại hai bên gieo vào lòng hắn một mối lo ngại mỗi phút một tăng. Hắn phải lao tới bảy mươi cây số một giờ mới khỏi bị thằng cha bỏ rơi. Tiếng còi hiệu bắt hắn dừng lại có thể rúc lên bất cứ lúc nào. Nếu phải hãm cho xe dừng lại kịp thời, hắn rất có thể bị dĩa xe quật đập sọ, trái lại không hãm kịp hắn sẽ được nghe tiếng súng lệnh. Lá bùa hộ mệnh độc nhất của hắn lúc này tám biển ghi số hiệu cơ quan ở trước và sau xe. Chỉ mới ước lượng chừng ấy gian nguy hắn cũng thấy cảm giận thẳng cha đến cùng tột. Đó là chưa kể đến việc thằng cha có thể biết rằng có hắn đi theo mà hai người chơi một vở. Thằng cha chỉ cần tắt đèn hãm máy và dừng xe lại, hắn cũng có thể tan mây vỡ mặt. Bởi vậy hắn không lúc nào rời mắt khỏi hai ngọn đèn đỏ sau xe của thằng cha. Quả nhiên, đèn đỏ bỗng rực lên liên mấy cái. Hắn chồm hãm cả hai bánh cùng lúc theo nhịp ánh chớp đỏ ở phía trước mặt. Đèn rọi của xe thằng cha quét một đường vòng cung từ phải sang trái.

Nhớ mang máng như ngả đờ rơi vào công chính của doanh trại, hắn không dám cho xe chạy mau thêm. Lúc hắn lượn theo ngả ấy thì cây càn chắn ngang công doanh trại cũng vừa được hạ xuống. Ánh đèn xe của thằng cha đã mất hút ở phía trong. Vài đội viên trực nghiêm ngắc ngồi nhìn ánh đèn xe của hắn. Không lùi được nữa, hắn đành cho xe chạy tới. Ánh đèn bám chổi lửa rơi vào giữa mặt hắn bắt hắn phải dừng xe lại lúc còn cách cây càn ngoài năm thước. A! Anh em mà đối xử với nhau tàn tệ thật. Cũng là công xa cả mà xe bốn bánh thì không xét hỏi cũng vẫn cho vào mà xe hai bánh thì không. Hắn muốn tìm cách chinh phục đội viên trực kia về sự thiếu sót trong tinh thần cảnh giác để phòng gian phi gián điệp. Nhảy mất cho đỡ chói, hắn đọc danh hiệu đơn vị trên tấm bảng lớn đóng ngang công doanh trại. Tấm khóa mở đương lập sẵn ở đầu lối, hắn chống xe và bước tới giáp mặt đội viên trực. Hắn giơ tay chào và nói rất trêu:

— Xin phép anh em cho tôi vào gặp Thượng Tá chỉ huy trưởng.

— Có việc gì?

— Tôi là người làng, đến nhắc Thượng Tá đi họp đồng hương tuần tới, nhân tiện hỏi thăm sức khỏe Thượng Tá một thể.

— Cứ để giấy mời họp lại đây rồi chúng tôi trình

vào. Thượng Tá có lệnh không tiếp khách ban đêm.

Hắn nghĩ rằng đã đến lúc phải chinh phục cậu này.

Hắn nói:

— Thì tôi vừa thấy một xe ô tô, cũng mang số B.E. của cơ quan như xe mô tô của tôi, vượt lên và đi thẳng vào doanh trại mà không thấy anh em xét hỏi gì cả đấy thôi.

Hỏi trợn, đội viên trực nhìn hắn với một vẻ dò xét. Hắn tổ thêm:

— Xe hai bánh thì chặn lại mà bốn bánh được để cho ra vào tự nhiên, có lệnh như thế không anh?

Đội viên trực đầu dụ:

— Người anh em đừng hiểu lầm. Tối thứ năm nào mà các ông ấy chẳng đến đầu cờ tướng với Thượng Tá. Những lúc ấy thì đừng có cậu này vào báo cáo dăm dore mà đại. Nhất là tối nay lại có mấy ông cổ vấn ăn tiệc xong ở lại dự kiến.

Hắn nắm chặt tay để hãm tiếng reo vui. Đội viên trực vừa vô tình tiết lộ một điều cực kỳ quan trọng. Tim đập thình thịch theo nhịp báo động, hắn gãi thêm:

— Liệu tôi có đợi được không? Đợi mấy giờ thì mãn cuộc đấu? Chà là sáng mai tôi đã phải đi sớm không trở lại được.

— Mọi khi có vài người thì chỉ độ mười một giờ là cùng. Hôm nay có những bảy ông tất cả, loại nhau chắc lâu hơn.

Biết được bấy nhiêu cũng đã là quá đủ, nhưng hắn cho rằng rút lui ngay thì quá lộ liễu. Hắn nói vuốt đuôi:

— Sáng mai tôi gọi điện thoại đến lúc trước tám giờ có được không anh?

— Thượng Tá làm việc từ bảy giờ sáng.

Hắn chào đội viên trực và quay gót thật nhanh. Hắn chỉ khẽ đạp là máy nổ ngay. Chiếc xe cũng như chia vui với hắn! Hai đứa công nhau biến nhanh như gió.

Hắn ngửa mặt cười với ánh sao. Đố mà cậu đội viên trực có dám báo cáo với cấp trên về việc hắn đến hỏi thăm. Không đời nào chứng minh thư hay giấy giới thiệu mà miệng đã toang toác như với bạn cùng tổ, hắn cu cậu phải là lính mới tởm. Hắn muốn nói kèn để ăn mừng thắng lợi. Nhưng đang đêm, lại ở giữa khu quân sự, hắn không dám. Hắn chỉ mở đèn thật sáng để chạy cho khoái. Trong giây phút xe và hắn đã bay tới ngã ba đầu con đường mới. Hắn còn ít nhất là hai giờ nữa để đợi thằng cha lái xe về qua. Hắn biết làm gì cho qua khoảng thời gian dài đằng đẳng ấy?

Chống xe ngay dưới ngọn đèn đường, hắn rút ra một cái dĩa từ dưới đệm ngồi và hì hục lau chùi bắt đầu từ những bộ phận mạ kền. Vừa lau đồng hắn vừa xếp đặt trong óc bản báo cáo có một không hai. Có thể hắn sẽ được thưởng cấp đề bạt cho vào biên chế hướng dẫn lương và phụ cấp. Chưa biết chừng nhờ điem - đứng long mạch mà hắn còn được nhảy luôn một lúc ba bậc trên thang lương.

Tiền đồ của hắn sáng bóng như hai cái ống khói xe mô tô mạ kền xanh phản chiếu ánh đèn. Nghĩ tới số phận u ám của bọn gian phi mà chính hắn có dự phần quyết định, hắn tởm rùng rợn phức tạp bao giờ cũng phải thuộc về những người con trung thành của lãnh tụ và của đoàn thể.

Một giọt dầu đen ngòm và nóng rẫy từ dưới ống khói nổ xuống mu bàn tay hắn. Cậu vội vết đen ấy đi nhưng hắn bỗng thấy cụt hứng. Đèn nóng rất trên mu bàn tay nhắc nhở phải thận trọng hơn. Hắn đang tính toán việc gì nhỉ? A! Bản báo cáo. Nói rằng cứ mỗi tối thứ năm trong tuần thằng cha cùng phe đang lại đến hội họp bí mật với một Thượng Tá ngay trong bộ chỉ huy của một doanh trại có phải là một điều bịa đặt quá sức tưởng tượng chăng? Nhưng quả thật là thằng cha có chạy tọt và doanh trại cơ mà.

Hắn nắm vững bằng chứng trong tay. Không những thế còn có cả những cổ vấn dự kiến cuộc đấu cờ tướng. Hắn cười gằn. Đấu cờ tướng là một hình thức nguy hiểm quá ngay thơ, chỉ có thể che mắt những cậu lính mới tởm. Sự khám phá của hắn tởm lớn quá khiến hắn dấm sợ. Có lẽ hắn nên hỏi ý kiến anh tởm trưởng. Nhưng lỡ ra anh ta phồng tay trên công lao của hắn thì sao? Biết đâu đấy! Tối hơn hết là hắn cứ nộp thẳng báo cáo loại tối-cực-mật này lên thượng cấp. Nên hay không nên mở rộng diện điều tra là tùy sự xét đoán của các ông to. Nếu thể lực của phe thằng cha có quá mạnh đến độ các ông to cũng không trị nổi thì hắn cũng chẳng bị bắt lỗi mà sợ. May mà trúng thì hắn ăn to, chẳng may thì thân phận bề mọn của hắn cũng chẳng hề hấn gì. Lần này trong gió đêm mát rượi hắn nghe rõ mồn một giọng gât gông của thượng cấp nói về những bản báo cáo đầu tiên của hắn:

— Báo cáo thể này thì ai mà chẳng làm nổi, cần gì phải có nghiệp vụ quan sát. Đứng ngoài cho, nên không biết những việc xảy ra bên trong à? Ở xa cho nên không nhìn rõ, không nghe thủng à? Thì phải cố gắng hết sức mà tìm hiểu chứ! Anh đã biết khuynh hướng tư tưởng của thằng cha và bè đảng chúng nó thì anh phải lần ra đầu mối chứ! Anh tưởng tôi cho anh đi bám sát thằng cha là chỉ cốt để ghi giờ giấc và địa chỉ những chỗ đến của thằng cha hay sao! Lối làm việc ấy lạc hậu quá rồi. Tôi cần có những nhân viên thông minh, biết làm việc theo phương pháp hiện đại, biết lập báo cáo theo một phương hướng đã định. Có như thế thì thượng cấp của anh mới đủ bằng chứng để có thể tiến hành thuận lợi công cuộc nghiên cứu và đi đến một kết luận cụ thể.

Bằng một cử chỉ quả quyết, hắn gấp cái dĩa lại và nhét xuống dưới đệm xe. Rút điều thuốc đặt lên môi, hắn châm lửa và thả bước ra giữa đường. Hắn xếp đặt câu mở đầu của bản báo cáo ghê gớm. Dừng lại ở điểm chính giữa ngã ba đường, hắn lại khám phá thêm một điều mà xưa nay người ta chỉ truyền tụng chứ chưa từng ai được mắt thấy. Đứng giữa ba ngọn đèn từ ba phía chiếu lại hắn chạm trán với một thằng người ba đầu sáu tay. Chính là hắn đấy. Nhưng là hắn với sự ủy quyền của thượng cấp dưới ánh sáng của đèn trời soi xuống.

L.T.

Làm ơn mạch dùm

Một Đông y sĩ lão luyện, trải 39 năm kinh nghiệm. Chữa đủ các bệnh NAM, PHỤ, LÃO, ẤU bất luận NỘI THƯƠNG hay NGOẠI KHOA. Ngoài ra còn chuyên chữa các bệnh ĐAU MẮT đã cứu chữa hàng ngàn cặp mắt tránh khỏi nạn mù lòa. Chính phủ và các giới Y-IE trong và ngoài nước đã cấp 19 bằng Y-KHOA THỰC-NHIỆM. Hiện Bộ Y tế công nhận là Đông y sĩ Hạng A. Có đúng phương pháp CHĂM CỨU để chữa các bệnh ngặt nghèo.
459 - Trường Minh Giảng - SAIGON
Khám bệnh không lấy tiền, nặng đở bệnh nhân nghèo.
Hồi Xuân đông y sĩ NGUYỄN-MÃN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



AI dương thối mắc về công danh, gia trạch, tình duyên, phú hợp và hiểm-muộn xin mời lại:
THẦN-CỐC-TỬ
Nhà tướng số lâu năm kinh nghiệm người Quảng Đông sẽ được giải đáp tường tận. Tiếp khách trong giờ làm việc, ngày lễ và cả ngày Chủ nhật.
126 Võ Tánh (Ngã sáu) SAIGON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

VŨ DƯƠNG HÒE

CHỦ NHÂN

NHÀ THUỐC THANH-XA

26, Ngõ tùng Châu

SAIGON

MUỐN GIỎI ANH-NGŨ - MUỐN ĐẬU CÁC KỲ THI

- MUỐN THÀNH DỊCH GIẢ CÁC VĂN-PHẨM, BÁO CHÍ ANH NGŨ.

Quý bạn cần có trong tủ sách các tác phẩm dưới đây:

TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH

(loại mới, toàn bộ dày hơn 1.000 trang, loại mới có thêm nhiều chữ. Phiên âm Quốc Tế và Tiếng Hồng, bìa da, chữ mạ vàng. Bộ Tự điển đầu tiên của Việt-Nam được nhà xuất bản lớn bậc nhất Mỹ quốc: FREDERICK UNGAR PUB. Co. xuất bản và phát hành khắp thế giới.

Giá US\$ 8.50. Giá VN\$ 180.

VĂN PHẠM ANH-VĂN

toàn bộ dày gần 400 trang, có cả phần sửa 150 bài tập chia thành nhiều đề mục

Bộ Văn-phạm giảng bằng Anh-Việt ngữ công phu và rõ ràng nhất từ trước tới nay - Tái bản lần thứ 7

70đ.

SYNTAX, PARSING, ANALYSIS

(Cú pháp, Phân tích Tự loại và Mệnh đề). Cuốn sách giảng giải văn tốt và rõ ràng,

rất cần cho các bạn muốn viết văn Anh-ngữ đúng và hay.

TOÀN BỘ HỌC BÁO TRAU GIỎI ANH NGŨ

(gồm 50 số, hơn 2100 trang tài liệu - đóng thành 5 tập bìa da, chữ mạ

vàng) Bộ Học Báo công phu nhất từ trước tới nay, kết quả của 10 giáo sư kinh nghiệm biên soạn gần

3 năm trời.

Ngoài ra còn nhiều sách báo hữu ích khác. Xin biên thư liên lạc với Văn phòng Trường Anh-ngữ

ZIÊN-HỒNG - Số 6+8 Đường 44 Saigon hỏi bản Tự Học Anh Ngữ và Thư Mục ZIÊN-HỒNG (xin gửi kèm 2đ tem).

CÔNG-TY KHAI-THÁC
và XUẤT-CẢNG CÁT TRẮNG

CATRACO

*SILICA SAND EXPLOITATION &
EXPORTATION CORPORATION*

KHAI-THÁC CÁT TRẮNG THỦY-TRIỀU CAM-RANH
CUNG-CẤP CHO NỘI-ĐỊA và XUẤT-CẢNG

TRỤ SỞ T.U.

177 Hai Bà Trưng
Điện tín CATRACO SAIGON
Điện thoại 25.418

CHI NHÁNH

78 Độc lập NHA-TRANG

MỎ CÁT THỦY TRIỀU

CAM-RANH NHA-TRANG
NAM-Ồ ĐÀ-NẰNG

TÂN CÔNG-TÁC VÀ KHUẾCH-TRƯỞNG
KỸ-NGHỆ CÔNG-TY

NECIDECO

NEW CONSTRUCTION AND INDUSTRIAL
DEVELOPMENT CORPORATION

VỐN : 6.000.000\$00

TRỤ SỞ

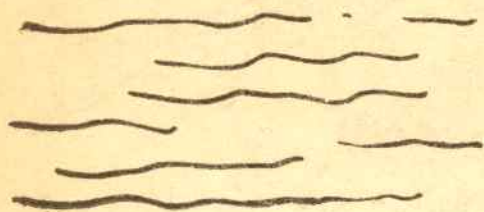
177, đường Hai Bà Trưng, SAIGON

Điện tín : TACOTA — SAIGON

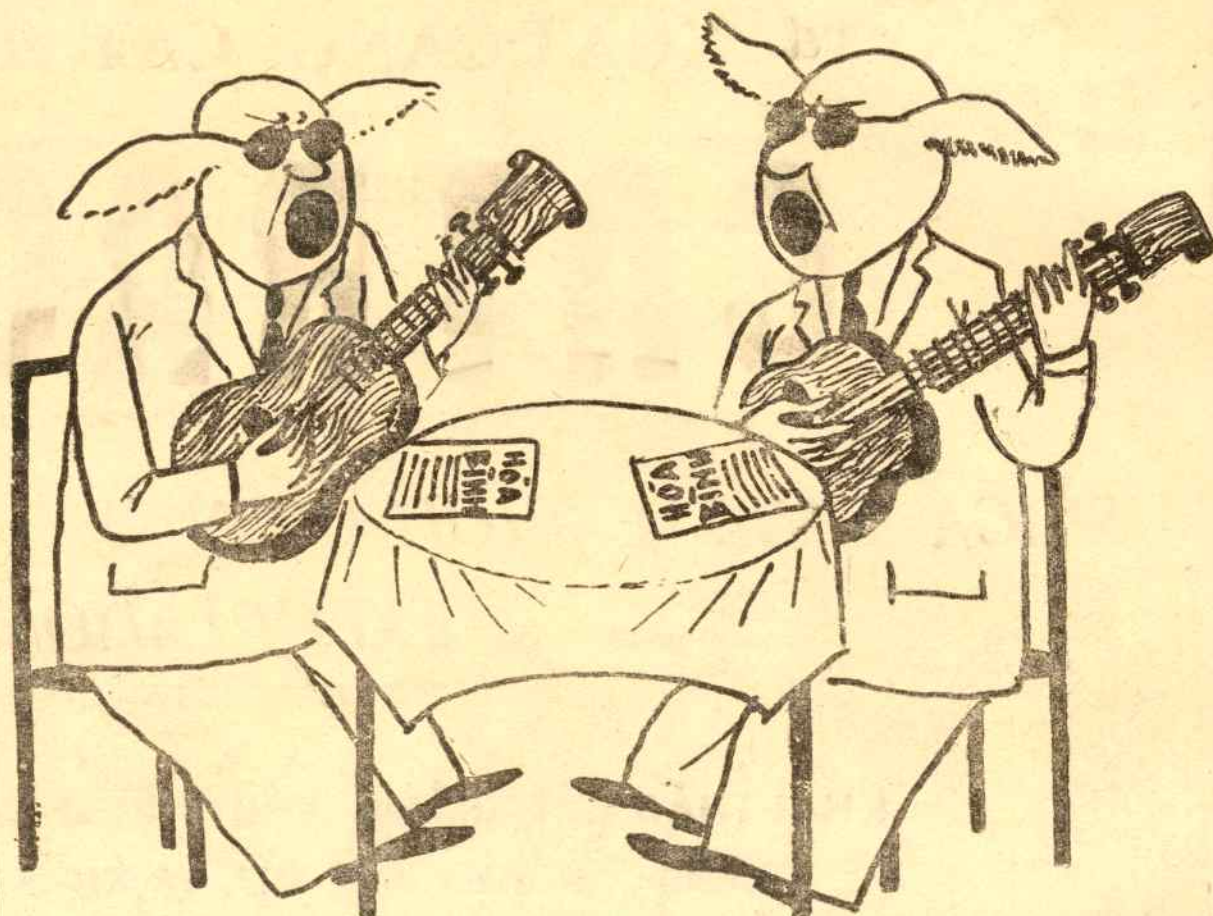
Điện thoại : 20.236 — 24.565

TỰ DO CƯỜI NĂM CŨ

TIÊN TRI HẬU



NĂM TÂN SỬU ĐÔNG-TÂY ĐÀM PHÁN

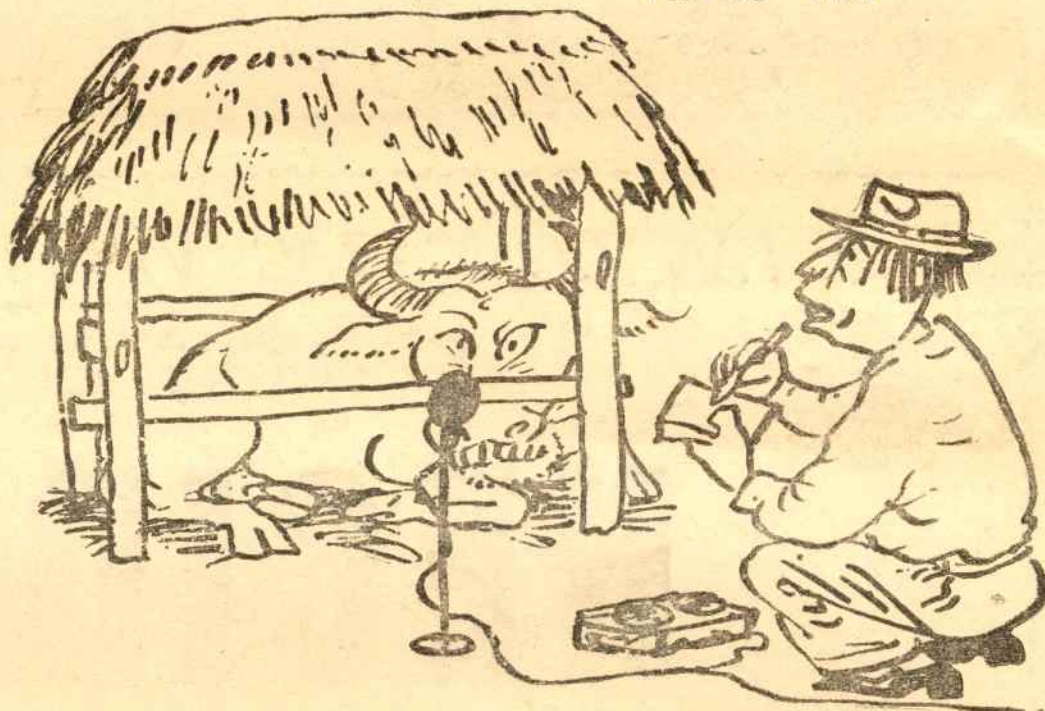


— Nói chuyện với anh như đàn cặm gầy tai trâu.

PHÔNG VẤN



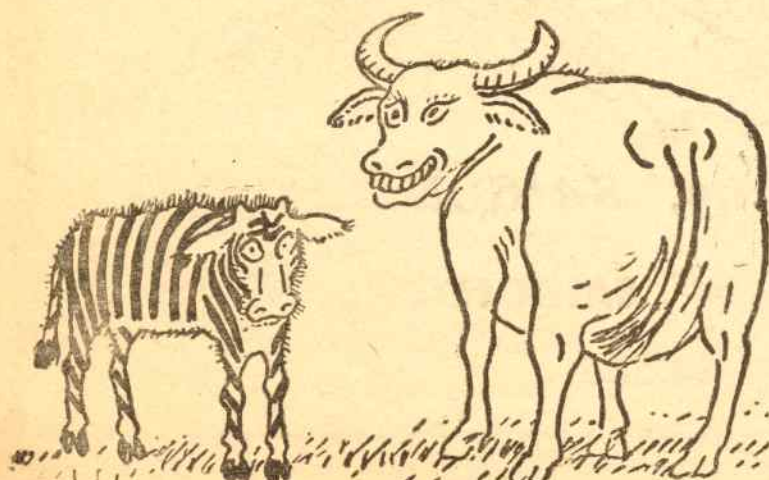
— Giá dầu năm mà nước lên to thế này thì chắc là phát tài. Phải cái lại là cuối năm thành ra đúng là lụt.



— Thì suốt năm kéo cày chứ còn chuyện chi nữa ?

NGƯỜI PHỤ NỮ HOÀN TOÀN

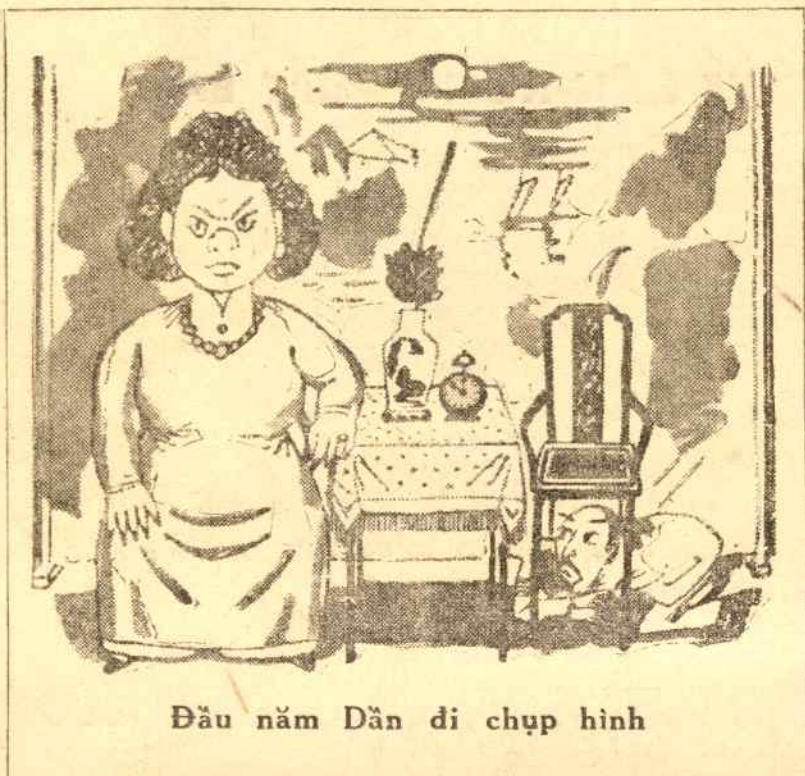
LÀNH MẠNH HÓA



— Bán nội trợ, bán quân sự...

TỰ DO CƯỚI NĂM MỚI

TRANH KHÔNG LỜI



Đầu năm Dần đi chụp hình



Chính thể nhân răn

Là Khắc An
20/1/55

Năm Nhâm Dần nhiều lãnh tụ dân tộc phải coi chừng có thể bị ở thể
CƯỚI HỖ



Hãng chế tạo Sơn DURCICO

Văn Phòng
90, Hàm Nghi SAIGON
Điện thoại 21.156

Nhà Máy
Tân-Sơn-Hòa GIA-ĐÌNH
Điện thoại SG. 178

Sản - Xuất :

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| — DUREX CELLULOSIQUE | : Sơn Xe hơi |
| — DUREX SYNTHETIQUE | : Sơn Xe hơi |
| — OLYMPIA GLYCEROPHTALIQUE | : Sơn Kỹ Nghệ và Công Nghệ |
| — SUPERLAC, Laqué | : Sơn Trang Hoàng |
| — DURCICO 58, Sơn Dầu | : Sơn Nhà cửa phổ thông |

(Và các thứ sơn đặc biệt khác)

CÁC DỊCH PHẨM GIÁ TRỊ DO BAN TU-THƯ ZIÊN-HỒNG XUẤT BẢN

- | | | |
|---------------------------------|---|-------|
| KẾ HOẠCH HÒA BÌNH | (The Strategy of Peace của T.T. John F. Kennedy) Lê-hùng-Tâm dịch | 36 đ. |
| DƯỚI BÓNG VẠN LÝ | (My Several Worlds của Nữ văn hào Pearl S. Buck) Lê Bá Kông và V.P. Minh dịch | 45 đ. |
| CÁC NHÂN VẬT QUANH T.T. KENNEDY | (The Kennedy Circle) Tài liệu giá trị cho 14 ký giả xuất sắc viết LESTER TANZER hiệu đính Lê Bá Kông dịch thuật | 44 đ. |
| BĂNG SƠN BẮC CỰC | (Surface at the Pole của Trung Tá James Calvert) Nguyễn gia Liên dịch | 18 đ. |
| ĐUỐC THIÊNG TRONG SA MẠC | (Death Comes For the Archbishop) của Nữ văn sĩ Willa Cather L.B.K. dịch | 42 đ. |
| ĐỀ VÍT CỐP-PO-PHIN | Nguyên tác của văn hào Charles Dickens — Lê Bá Kông và N. Duy Diễn dịch | 25 đ. |
| CÁC TRUYỆN HAY | gồm 20 truyện ngắn hay bằng Anh-ngữ của các văn gia ngoại quốc. Bản dịch đối chiếu của L.B.K. | 44 đ. |
| THOÁT LY HỎA NGỤC | (Deliver Us from Evil) cả ba tác phẩm này đều của cố Bác sĩ | |
| LÀO QUỐC ĐỀO HEO | (The Edge of Tomorrow) Thomas A. Dooley. | |
| LỬA RỪNG ĐÊM | (The Night They Burned the mountain) Lê Hùng Tâm và Vũ Phương Minh dịch thuật. | |



ĐẠI-HẠ PHƯỚC - LỘC - THỌ

TỬU - GIA

107 Đồng Khánh (Lầu Hai số 1)

Nhà hàng lâu năm danh tiếng nhất

ĐẶC BIỆT : BÒ CÀU ĐÚC BEURRE. CUA SÀO MUỐI TIÊU

Thức ăn tùy ý Hải-Yến Thọ-Yến

Thức ăn ngon, giá tiền phải chăng. Chỗ ngồi mát mẻ, rộng rãi thanh tịnh.
Chiều dài lễ độ, Chu Đáo. Quý ngài đặt tiệc Đãi Khách không đâu bằng.

MỖI BÀN 12 QUÝ VỊ

Hạng 790đ. :

- 1) Măng tây nấu thịt cua
- 2) Bào Ngư Bích Lộc
- 3) Gà quay hương sauce paté
- 4) Tôm sào Tam Đồng
- 5) Vịt hầm cải bắp trắng
- 6) Cá chiên sauce chua
- 7) Chung bí tiềm tứ bửu
- 8) Cơm rang Dương Châu
- 9) Tráng miệng trái cây tươi

Hạng 990đ. :

- 1) Thức nguội Bát Bửu
- 2) Vịt cá măng tây nấu thịt cua
- 3) Bào ngư um sauce đầu hào
- 4) Da gà quay hương
- 5) Vịt hầm Bá Tử
- 6) Cá chiên dồn sauce chua
- 7) Canh tiềm bò câu hoài kỷ
- 8) Cơm rang Dương Châu
- 9) Tráng miệng đậu hũ hạnh nhân

Hạng 1.090đ. :

- 1) Bốn thức khai vị Thượng hảo
- 2) Thanh yến măng tây nấu thịt cua
- 3) Bào ngư sauce nấm tây
- 4) Vịt quay « Quạt Quỳ »
- 5) Thịt trầu un nấu Đồng Cò
- 6) Gà quay sauce cay
- 7) Canh long cải tiềm ngưu bối
- 8) Tơ gà um mì
- 9) Tráng miệng đậu hũ hạnh nhân
Hoặc trái cây.

Nhà May

PHẠM HIẾU

175C, Lê-văn-Duyệt Saigon

HÀNG TỐT

GIÁ RẺ

ĐÚNG HẸN

LÀM KỸ

NHÀ IN

CHINH LÂM

NHÀ XUẤT-BẢN

IN BÁO SÁCH

VÀ CÁC LOẠI GIẤY TỜ

*Offset
Cypso*

6 ĐƯỜNG ĐẶNG-ĐỨC-SIÊU SAIGON

SÁCH HAY, IN ĐẸP, GIÁ RẺ :

hỏi Cơ sở Báo chí và Xuất bản Tự Do

ĐỂ sống một đời sống Tự do
hàng ngày các bạn
hãy đọc Nhật Báo.



TỰ DO

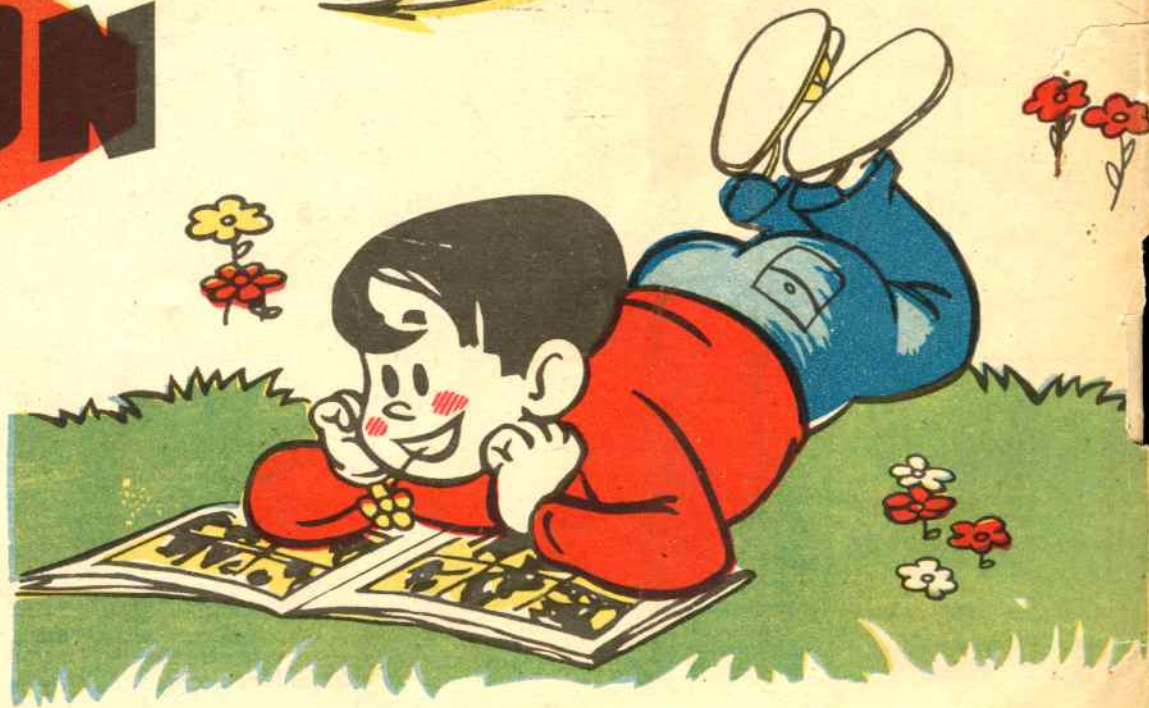
TIẾNG NÓI của Người VIỆT TỰ-DO

Các Em đọc

MANG NON

MỖI tuần ra 2 lần

Thứ Ba và Thứ Bảy



IN TẠI NHÀ IN RIÊNG CỦA TỰ DO, 25 — 27 — 29 VÕ - TÁNH SAIGON

Quản-nhiệm : KIỀU-VĂN-LÂN — Hộp thư số : 653 — Điện-thoại : 25.521

GIA 26
PHỤ BẢN KÈM THEO